

LÊ QUANG LONG

TỪ ĐIỂN TRANH VỀ CÁC CON VẬT



NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC

LÊ QUANG LONG (Chủ biên) – NGUYỄN THANH HUYỀN

TỪ ĐIỂN TRANH VỀ CÁC CON VẬT

(Tái bản lần thứ sáu)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

<http://tieulun.hopto.org>

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo Dục

06-2008/CXB/108-2007/GD

Mã số: 8T119t8 – CPH

<http://tieulun.hopto.org>

LỜI NÓI ĐẦU _____

Thế giới động vật vô cùng phong phú, đa dạng, có hàng triệu loài phân bố khắp nơi trên thế giới, từ núi cao đến biển sâu, từ nước đến cạn, rồi cả đến những vùng cực quanh năm băng tuyết... Mỗi loài lại có những đặc tính riêng về hình dạng, tập tính, về sinh sản và về thức ăn...

Cuốn "*Từ điển tranh về các con vật*" là một bộ sưu tập hấp dẫn về thế giới động vật, được trình bày và diễn đạt một cách súc tích, sinh động và dễ hiểu, có tranh ảnh đẹp minh họa, trong đó có những loài vật có thể gặp hoặc nhìn thấy hàng ngày và có những loài không thể thấy vì chúng ở rất xa và rất khó tìm. Cuốn sách sẽ giúp bạn đọc tìm hiểu, tra cứu về chúng để có thêm những kiến thức cơ bản nhất, cập nhật nhất về thế giới động vật. Cuốn sách còn là tài liệu quý phục vụ cho việc nghiên cứu về động vật ở Việt Nam và thế giới.

Là một cuốn từ điển tranh đầu tiên về loài vật, mới chỉ đề cập được hơn 500 con nên nó không thể là tài liệu chuyên khảo tổng kết về đa dạng sinh học động vật, do đó chưa thể phản ánh hết được tất cả các loài động vật. Mặt khác, do được biên soạn từ nhiều nguồn tư liệu nên một số con vật chưa được giới thiệu một cách hoàn chỉnh vì chưa có tài liệu nói đến. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần in sau cuốn sách sẽ hoàn chỉnh hơn.

Thay mặt nhóm tác giả

LÊ QUANG LONG

ÁC là trưởng thành, vai bụng có màu trắng. Các phần còn lại màu đen, một vài nơi có ánh tím và lục. Mắt nâu thẫm. Mỏ và chân màu đen nhạt.

Đầu năm, vào khoảng cuối tháng 1, chim bắt đầu làm tổ. Tổ được làm bằng các cành cây nhỏ, cỏ và bùn, bên trong lót cỏ mịn. Tổ chim ác là khá lớn, có hình cầu, đường kính từ 50-70cm, cửa vào rộng 12-15cm. Chim mái đẻ 4-5 trứng màu xanh có vệt nâu hung đỏ, kích thước trứng 2,5 - 3,5cm. Chim non rời tổ vào khoảng tháng 5, tháng 6.

Thức ăn của ác là rất đa dạng, gồm cỏ cào, châu chấu, bọ cánh cứng, nhái, giun và các hạt ngũ cốc...

ÁC là thường kiếm ăn trên mặt đất và làm tổ trên các cây cao ven rừng, vườn làng, thành phố. ÁC là còn có một tập tính kì lạ: những vật có ánh bạc, ngời sáng, từ nắp chai đến đồng xu đều có thể bị chim ác là nhặt lên và đem giấu đi, không rõ vì sao, có lẽ là để thu hút chim cái vào mùa sinh sản.

ÁC là có ở miền Bắc và Trung Việt Nam (tới thành phố Nha Trang) và có ở Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản... Số lượng chim đang bị giảm nghiêm trọng do môi trường sống và nguồn thức ăn bị ô nhiễm bởi các thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ...

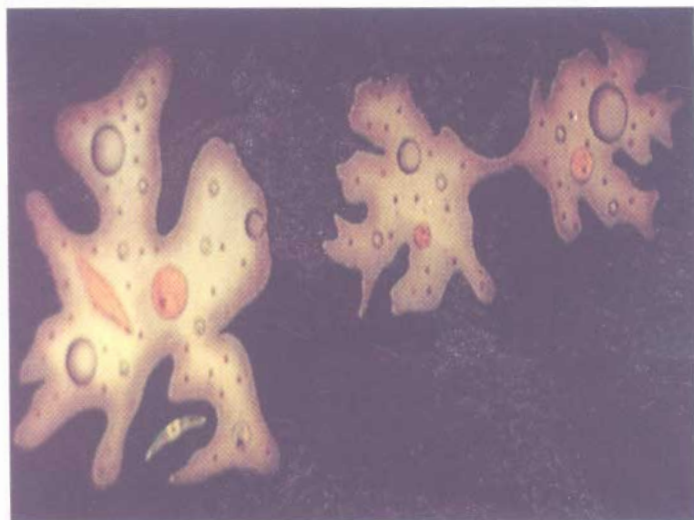
ÁC là là loài chim đang cần được bảo vệ.



A-míp là động vật đơn bào, cơ thể chỉ có một tế bào duy nhất, là một khối chất nguyên sinh chứa một nhân ở giữa, không lớn quá 0,5mm. Lớp ngoài của chất nguyên sinh quánh, lớp trong lỏng hơn. Hai lớp này có thể chuyển dịch qua lại, giúp chúng thay đổi hình dạng để di động và đảm bảo các hoạt động sống khác.

Khi a-míp di chuyển, dòng chất nguyên sinh dồn về một phía tạo thành chân giả. Thức ăn của a-míp là vi khuẩn, tảo, mảnh vụn hữu cơ. Khi gặp thức ăn, hai chân giả bao lấy mồi và tạo thành không bào tiêu hóa.

A-míp sống bò, bám trên đáy bùn ở các ao hồ. Chúng sinh sản bằng cách tự phân đôi. Thoạt đầu là nhân, sau đó là chất nguyên sinh kéo dài ra, thắt ở giữa và đứt đôi; từ một a-míp mẹ sẽ tách thành 2 a-míp con, giống hệt nhau.



Còn gọi là rùa nước ngọt, gồm các loài rùa sống ở các vực nước ngọt. Đặc điểm của ba ba là mai không có tấm sừng mà phủ da mềm. Mõm dài thành vòi thịt cử động được. Mai và yếm có nhiều lỗ hồng. Chân có màng da nối các ngón. Ba ba sống ở sông, suối, hồ, đầm, mai dài nhất tới 1m. Ba ba lặn giỏi, có thể bơi ở đáy nước hàng giờ nhờ vùng họng có nhiều mạch máu giúp trao đổi khí.

Ba ba ăn động vật thân mềm, giáp xác, cá và cả thực vật thủy sinh. Ba ba đẻ từ 20-30 trứng trên bờ và cũng canh giữ trứng. Chúng thường vùi trứng xuống cát để tránh bị kẻ thù ăn. Trứng và thịt ba ba là những thức ăn ngon, có giá trị, được coi là một thứ đặc sản.

Có nhiều loài ba ba khác nhau: ba ba trơn, ba ba gai...





Loài chim có kích thước nhỏ, mổ ngắn liên tục hoạt động. Đầu, cánh và mặt bụng có màu đen trắng, lưng màu xám xanh. Đặc biệt hai bên má có lông màu trắng. Thường cất tiếng hót vào mùa xuân: “Siu-siu-tse-tsiu-tsei-tse”.

Bạc má là loài sống định cư, phổ biến ở các rừng cây gỗ, rừng thông, vùng rừng núi và cả đồng bằng, thường gặp từng đôi hay đàn từ 3 - 5 con. Vào khoảng tháng 3, tháng 4 chúng bắt đầu làm tổ. Tổ được làm trong các hốc cây, ống tre hay các hốc ở tường nhà. Mùa sinh sản từ tháng 4 đến tháng 6. Mỗi lứa bạc má đẻ 3 - 5 trứng. Vỏ trứng màu trắng đục có đốm đỏ màu nâu nhạt. Kích thước trứng khoảng 1,5 x 1,2cm.

Bạc má là loài chim có ích cho cây trồng và rừng vì chúng ăn sâu bọ.

BẠC MÁ BỤNG VÀNG*green-backed tit*

Kích thước giống chim bạc má nhưng bề mặt bụng màu vàng, lưng màu vàng xanh. Tiếng kêu nghe như tiếng còi the thé. Là loài định cư, phổ biến ở các khu rừng thưa, nương rẫy, nơi trồng trọt thuộc vùng Đông Bắc và Nam Trung Bộ.





Gồm một số loài chim nhỏ, cỡ bằng chim sẻ có cơ thể chắc, đầu to. Mỏ khỏe hơi hẹp hai bên. Chim đực và chim cái có bộ lông giống nhau, chim non màu nhạt hơn. Bách thanh là loài sống định cư, phổ biến ở các vùng cây bụi và khu vực trồng trọt từ miền Bắc đến miền Trung nước ta.

Thức ăn chủ yếu là các loại côn trùng như dế mèn, cào cào, châu chấu, sâu, bướm... Mùa sinh sản từ tháng 4 đến tháng 7. Tổ hình chén làm trong các bụi rậm. Mỗi năm đẻ 2 lứa, mỗi lứa từ 3 - 7 trứng, thông thường 4 - 5 trứng.

Bách thanh là loài có ích cho nông nghiệp.

BÁCH THANH ĐUÔI DÀI*long-tailed shrike*

Chiều dài cơ thể khoảng 25cm. Đuôi dài màu đen. Đầu có màu lông xám, lưng màu hung nâu. Bách thanh đuôi dài là loài sống định cư, phổ biến ở miền Bắc và miền Trung nước ta.





Loài chim gần giống bách thanh đuôi dài nhưng nhỏ hơn. Ngực và bụng không trắng mà phớt hung, sườn và đuôi có màu hung nâu. Bách thanh nhỏ là loài sống định cư, phổ biến ở các vùng cây bụi và khu vực trồng trọt, làm tổ ở vùng núi nhưng mùa đông lại di cư xuống vùng thấp hơn.

Thời kì sinh sản kéo dài từ tháng 5 đến tháng 7. Bách thanh nhỏ làm tổ trên cây, ở những cành tương đối kín đáo, xa thân cây, cách mặt đất từ 3 - 5m. Vật liệu xây dựng tổ là các cành cây nhỏ và thân cỏ. Vỏ trứng màu vàng xám nhạt có đốm đỏ nâu hay xám nâu.

BẠCH TUỘC

octopus

B

Là động vật thân mềm thuộc bộ Chân đầu sống ở biển, có chân biến thành cơ quan bắt mồi dính với phần đầu. Chân còn gọi là "xúc-tu", "tua-sờ" hay "vòi" gồm 8 chiếc hình rắn, mang nhiều ống giác xếp san sát thành hàng dài suốt bề mặt phía dưới của vòi.

Bạch tuộc thường săn mồi về đêm; nó ẩn trong các hốc đá kín đáo cạnh bờ và bắt các loài cua, ốc, cá... đi qua nơi nó ẩn nấp. Bạch tuộc có 2 đôi tuyến nước bọt, một đôi nằm ngay trên thành hầu, tiết men tiêu hóa; một đôi nằm lùi về phía sau, tiết chất độc. Hệ thần kinh và giác quan của bạch tuộc rất phát triển.

Bạch tuộc loại nhỏ thường có vòi dài khoảng 1-2m. Ở Ôt-xtrây-li-a, có loài bạch tuộc tua có thể dài tới 12 m. Bạch tuộc phun nước từ trong khoang miệng ra phía dưới đầu để di chuyển. Các tua khi co lại, khi duỗi ra, tạo thành những bánh lái giúp nó bơi giật lùi về phía này hay phía khác.

Trong 8 tua của con đực có một tua được biến đổi thành cơ quan giao cấu, có nhiệm vụ chuyển tinh trùng sang cơ thể con cái. Trứng bạch tuộc để ra bám vào các mỏm đá dưới nước và phát triển ở đó. Bạch tuộc mẹ luôn săn sóc trứng. Nó hút nước vào khoang miệng rồi nhẹ nhàng phun vào ổ trứng, làm cho nước luôn lưu thông, cung cấp đủ ô-xi cho trứng phát triển. Bạch tuộc mẹ luôn ở cạnh ổ trứng cho đến khi đám trứng nở thành bạch tuộc con.





Là một loài ốc biển. Vỏ bào ngư có tầng thân phát triển, còn tầng xoắn ốc chìm trong tầng thân. Vì vậy toàn thân bào ngư trông như một khối dẹt được bọc trong lớp vỏ dẹt như cái đĩa. Song song với mép ngoài miệng vỏ có từ 7-9 gờ, đầu cuối các gờ tạo thành các lỗ, vì vậy mới có tên gọi là “ốc chín lỗ”. Mặt ngoài vỏ bào ngư có nhiều vân tím, nâu, xanh ... xen kẽ nhau. Mặt trong vỏ có lớp xà cừ óng ánh. Bào ngư ưa sống ở đáy biển có đá và tảo, nước trong và có độ mặn cao. Thức ăn của bào ngư là rong, tảo... Thịt bào ngư ngon và giàu chất bổ, vỏ dùng làm đồ mỹ nghệ.

Loài thú ăn thịt thuộc họ nhà mèo, thân mình dài khoảng 1,5m, có thể gặp ở vùng rừng nhiệt đới, đồng cỏ của châu Phi, châu Mỹ và Nam Á, săn mồi bằng cách rình, vồ. Hàm ngắn và khỏe, răng hàm có những mấu dẹt rất sắc. Các ngón chân đều có vuốt cong và sắc nhọn. Lúc bình thường các vuốt co vào các đệm thịt, không chạm vào đất, do đó không bị cùn. Do chân sau cao và khỏe hơn chân trước nên báo có thể nhảy xa và cao để vồ mồi. Khi vồ mồi, các vuốt được duỗi ra, cắm sâu vào da thịt con mồi.

Báo thường săn mồi ban đêm. Đây cũng là đặc điểm chung của họ nhà mèo. Chúng là loài thú dữ rất nhanh nhẹn, trèo cây giỏi. Báo đẻ vào tháng 2-3, mỗi lứa 1-2 con, có khi 3-4 con.

Báo có nhiều loài khác nhau, được phân biệt ở kích thước và màu sắc lông. Báo là loài động vật cần được bảo vệ vì số lượng chúng giảm đáng kể do sự săn bắt bừa bãi của con người.





Loài thú ăn thịt, thân hình to lớn, thường gặp ở Nam Cực, thích nghi với đời sống ở nước, thuộc bộ Chân màng. Cơ thể hình thoi, chi trước biến thành bơi chèo. Móng tiêu giảm; lớp mỡ dưới da rất dày để chống đỡ với cái lạnh ghê người ở vùng cực. Thị giác kém phát triển nhưng khứu giác thì rất tinh.

BÁO GẤM

jaguar

B

Báo gấm nặng khoảng 16 - 25kg, thân mình dài khoảng 1m (không kể đuôi), đuôi dài từ 54 - 86cm. Màu lông xám tro hoặc xám vàng, bụng màu sáng bạc có nhiều đốm lớn ở lưng. Báo gấm sống ở khu rừng nguyên sinh hoặc tái sinh trên núi đất hoặc núi đá, trong rừng sâu, khô ráo. Chúng sử dụng các hang hốc tự nhiên làm tổ đẻ. Mùa sinh sản là mùa hè, mỗi lứa đẻ từ 2 - 4 con. Báo gấm hoạt động ban đêm, leo trèo giỏi, ban ngày thường ngủ trên cành cây.

Ở Việt Nam, báo gấm phân bố ở các tỉnh miền núi phía Bắc và ở tỉnh Gia Lai miền Trung. Trên thế giới, báo gấm có ở Ấn Độ, Nê-pan, Trung Quốc, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a,...

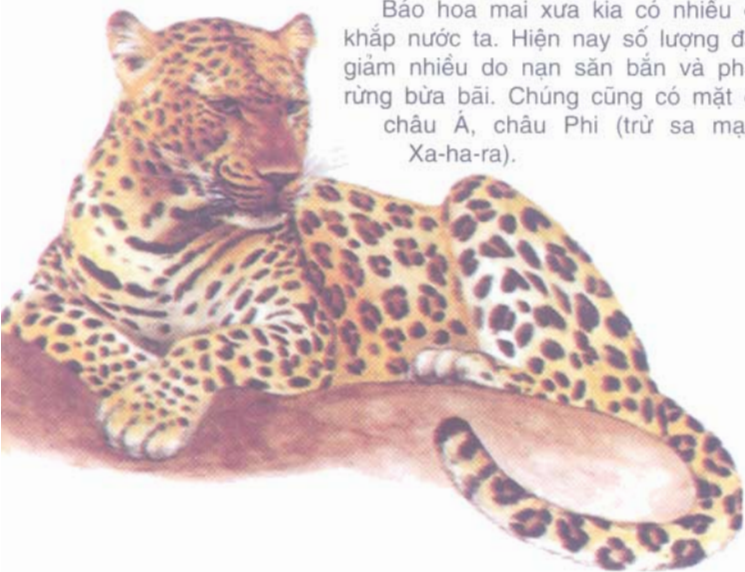
Báo gấm là loài thú quý hiếm cần được bảo vệ.



Là loài thú cỡ lớn trong họ Mèo, thân dài từ 96 - 143cm, đuôi dài 75cm. Bộ lông màu vàng nhạt. Đầu có các đốm màu đen nhỏ. Toàn thân có đốm hoa mai màu nâu đen. Chân có các đốm nhỏ hơn thân. Nửa cuối đuôi có đốm vòng ở mặt trên. Thức ăn của báo hoa mai là các loài thú như nai, hươu, hoẵng, lợn rừng, khỉ... và cả các gia súc, gia cầm. Mùa sinh sản không rõ rệt. Thời gian cò chứa 94-98 ngày. Một năm hoặc ba năm mới đẻ một lứa. Mỗi lứa đẻ 1 con.

Báo hoa mai được tìm thấy trong các khu rừng nguyên sinh, thứ sinh, rừng cây bụi. Chỗ ở không cố định, có thể hoạt động ở nơi thuộc nhiều độ cao khác nhau. Báo hoa mai leo trèo rất giỏi, có thể trèo lên được các cây lớn, cao 2 - 3m. Chúng sống đơn độc, chỉ ghép đôi trong thời kì động dục và hợp đàn tạm thời khi săn mồi.

Báo hoa mai xưa kia có nhiều ở khắp nước ta. Hiện nay số lượng đã giảm nhiều do nạn săn bắn và phá rừng bừa bãi. Chúng cũng có mặt ở châu Á, châu Phi (trừ sa mạc Xa-ha-ra).



BÁO LỬA (BEO LỬA)

puma

B



Là loài thú cỡ trung bình trong họ Mèo. Thân dài từ 84-92cm. Đuôi dài từ 45-56cm. Trên mặt có hai vệt sáng từ gáy đến đỉnh đầu. Bộ lông màu vàng da bò hoặc xám hung. Đuôi có hai màu, mặt trên tối, mặt dưới sáng bạc. Thức ăn của báo lửa là các loài thú cỡ nhỏ: thỏ, khỉ, nai, hoẵng, lợn rừng con và các loài chim. Báo lửa không có mùa sinh sản rõ rệt. Thời gian có chửa khoảng 95 ngày. Báo lửa sống trong các khu rừng già, trảng cây bụi cạnh rừng, trên núi đất hoặc núi đá. Cảnh quan ưa thích là rừng nhiều tầng, có tầng thấp phát triển, mặt đất có nhiều tảng đá nổi. Báo lửa không có chỗ ở cố định, lâu dài. Chúng thích sống đơn độc, làm tổ ở gốc cây, hốc đá.

Báo lửa phân bố rộng từ miền Bắc đến miền Nam nước ta, trên thế giới có ở khu vực Đông Dương và châu Á. Báo lửa là loài thú quý hiếm, đang rất cần được bảo vệ.

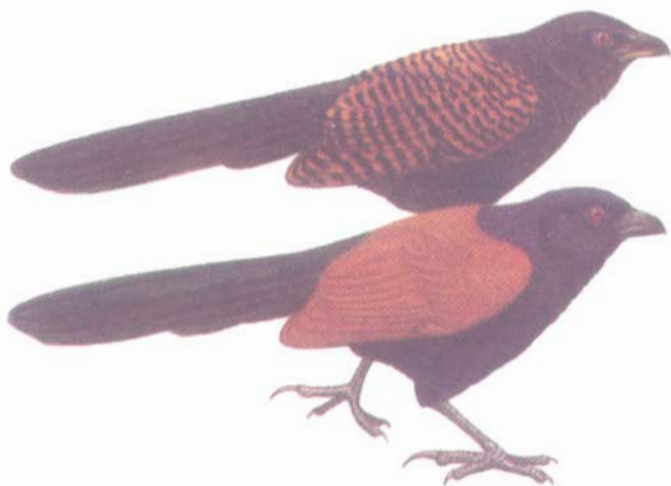
Là tên gọi dân dã của một loài chim định cư, khá phổ biến ở các loại rừng thứ sinh trong cả nước ta. Tiếng kêu của nó rất đặc biệt, nghe như câu “bắt cô trói cột”, lặp đi lặp lại, càng về sau càng cao vút lên. Tiếng chim kêu to, vang xa và dễ nhận biết. Bắt cô trói cột là loài chim hoạt động ban ngày. Thức ăn chủ yếu là các động vật nhỏ, nhất là côn trùng. Cũng như tu hú, chúng đẻ nhờ trứng vào tổ chim khác, như chim chào bèo, chim mỏ rộng... Đặc điểm sinh sản này gọi là “kí sinh tổ”. Trứng của các loài kí sinh tổ thường bé so với kích thước của chim và chỉ lớn hơn một chút so với trứng của loài chim mà nó kí sinh. Màu sắc, hình dạng của trứng cũng rất giống với trứng của chim bị kí sinh.

Bắt cô trói cột cũng là loài chim có ích cho nông nghiệp vì chúng tiêu diệt sâu bọ phá hoại mùa màng.



BÌM BỊP LỚN

great boucal



Loài chim phân bố ở Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Trung Quốc. Ở Việt Nam có thể gặp chim bìm bịp lớn ở khắp vùng đồng bằng, trung du và miền núi, ở độ cao dưới 600m. Bìm bịp lớn là loài chim định cư, không đi đâu xa, ưa thích các lùm cây, bụi rậm ven rừng. Chúng kiếm ăn trên các đồng ruộng, nương rẫy ở gần rừng. Thức ăn của chúng là các động vật nhỏ, đôi khi cả các hạt thực vật. Bìm bịp lớn làm tổ trong các bụi cây rậm rạp, nhất là các bụi tre nhưng cũng có thể làm tổ trên các cành cây thưa lá, cách mặt đất chừng 1 - 2m. Mùa sinh sản của chúng từ tháng 4 đến tháng 7. Chim mái đẻ 3 - 4 trứng mỗi lứa, vỏ trứng màu trắng.



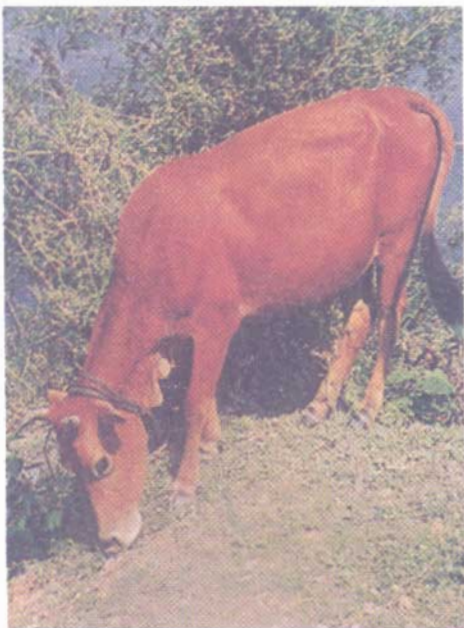
Bìm bíp nhỏ có ở Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam và Trung Quốc. Ở Việt Nam, chúng khá phổ biến ở trung du và vùng núi cao không quá 800m. Bìm bíp nhỏ là loài chim định cư. Nơi ở ưa thích là sườn đồi, chân núi có nhiều cỏ và bụi cây nhỏ. Thức ăn và mùa sinh sản giống chim bìm bíp lớn.

Bìm bíp nói chung là loài chim có ích vì chúng bắt sâu bọ phá hoại mùa màng.

Là thú móng guốc lớn thuộc bộ Guốc chẵn, có sừng, chân cao mang 4 ngón, 2 ngón giữa lớn và dài, 2 ngón bên nhỏ lên cao.

Sừng rộng và ngắn; lông thường màu vàng. Hàm trên không có răng, hàm dưới có 6 răng cửa sắc chia ra phía trước và hai răng nanh có hình dáng tựa răng cửa. Răng hàm to, mặt trên phẳng, có nhiều nếp nhăn ngoằn ngoèo. Ống tiêu hóa dài, dạ dày có 4 ngăn. Khi gặm cỏ, bò nuốt ngay chứ không nhai. Cỏ được đưa xuống *túi cỏ* rất lớn rồi chuyển sang *túi tổ ong*. Những lúc rỗi rãi, nằm nghỉ ngơi bò ợ cỏ lên miệng nhai lại thật kĩ, sau đó cỏ được nuốt xuống *túi sách*; tại đây cỏ được nhào nhuyễn rồi chuyển sang *túi khế*. Ở túi khế, cỏ được tiêu hóa một phần rồi được đưa xuống ruột tiêu hóa tiếp. Ruột cũng là nơi hấp thụ chất dinh dưỡng. Ruột bò dài tới 40m, thích nghi với sự tiêu hóa và tận dụng cỏ.

Bò là vật nuôi quan trọng, dùng để kéo cày, kéo xe, lấy thịt, sữa, da làm túi, giày, dép...



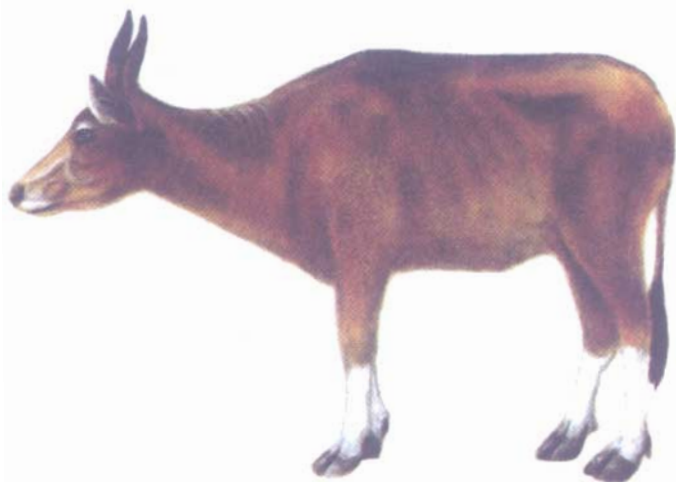


Loài thú ăn thực vật ở nước thuộc bộ Hải Ngưu. Cơ thể hình thoi. Đuôi dạng vây nằm ngang. Chi trước có hình mái chèo. Da dày, lông thưa. Môi rất dày dùng để lấy rong biển để ăn. Con đực dài trung bình 2,5 - 3,5m, có con dài tới 5,8m. Con cái nhỏ hơn con đực, dài 2,4 - 3m. Bò biển sống ở ven bờ biển, nơi có nhiều rong biển, cỏ biển. Chúng thường xuất hiện vào ban đêm kiếm thức ăn và cho con bú. Khi cho con bú thường nổi lên mặt nước, dùng chi trước để bao lấy con, cho con bú giống như người nên còn có tên gọi là "người cá".

Bò biển phân bố rộng rãi ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, đa số sống ở châu Úc. Hiện nay đã gần bị tuyệt chủng, rất cần được bảo vệ.

BÒ RỪNG*wild ox*

Loài thú thuộc bộ Guốc chẵn, hình dạng gần giống bò nhà, song lớn hơn, có yếm, không có sừng lưng nhô cao, trên vai có bướu nhỏ. Sừng uốn cong ra phía trước. Con đực có lông màu nâu đen hay nâu đỏ. Con cái có lông màu vàng nhạt hay hung sẫm. Từ đầu gối trở xuống có màu trắng. Bò rừng sống ở rừng thưa, thường đi theo đàn. Thời gian có thai khoảng 10 tháng. Mỗi năm đẻ một lứa, mỗi lứa thường chỉ đẻ 1 con. Thịt bò rừng ngon. Bò rừng phân bố ở Tây Nguyên, hiện nay số lượng bị giảm nhiều do nạn săn bắn và phá rừng.





Bò Ban-ten phân bố hẹp ở Đông Nam Á và có thể gặp cả ở Việt Nam (Tây Nguyên và miền Nam), nhưng hiện nay rất hiếm. Bò Ban-ten có kích thước không quá lớn, con đực trưởng thành nặng từ 600-800kg, thân dài 1,5 - 2,25m, đầu dài 0,65 - 0,70m, vai cao 1,55 - 1,65m. Lông lưng có màu vàng tươi nhưng càng về già càng sẫm lại thành đen, lông ở dưới bụng sáng hơn. Từ khoeo chân trở xuống lông có màu trắng. Sừng nhỏ màu da cam, chỏm sừng nhọn màu đen. Đuôi khá dài và lông rậm. Trán hơi trắng.

Bò Ban-ten sống thành từng đàn từ 2-10 con, đi kiếm ăn vào lúc sáng sớm và lúc mặt trời sắp lặn. Ban ngày trời nắng, bò tìm vào các khu rừng có nhiều cây to để nghỉ. Vào những ngày trời mưa dầm, bò có thể đi ăn suốt ngày nhưng không liên tục. Khi cả đàn nằm nghỉ, một số con lớn đứng canh gác cho đàn. Bò cái có chửa khoảng 270-280 ngày như người và thường sinh con vào mùa mưa (khoảng tháng 6). Bò mẹ cho con bú khoảng 9 tháng.

Mỗi năm chúng đẻ một lứa. Tuổi thọ của bò Ban-ten khoảng 20-25 năm. Bò Ban-ten thịt tuy ít nhưng rất ngon.

BÒ RỪNG BI-DÔNG

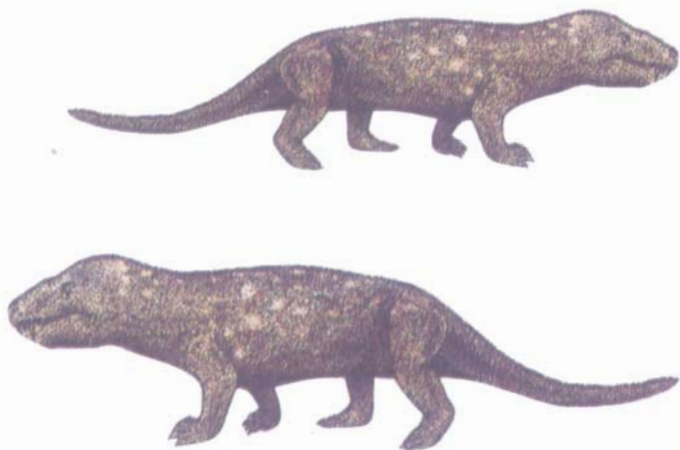
bison

Loài bò rừng cỡ lớn, sừng ngắn, sống ở thảo nguyên Bắc Mỹ. Con đực trưởng thành có thể cao tới 185cm và nặng 900kg. Chúng là động vật lớn nhất vùng này. Thức ăn của bò rừng Bi-dông là cỏ, lá cây.

Chúng sống thành đàn lớn, có thể lên tới hàng trăm con. Vào thế kỷ 19, do bị săn bắt quá nhiều nên số lượng của chúng giảm rất nhanh, tới gần tuyệt chủng. Do được bảo vệ kịp thời trong các vườn thú ở Ca-na-đa và Mỹ, số lượng bò rừng Bi-dông đã tăng đáng kể.

Đặc điểm của bò rừng Bi-dông là ức và ngực rất nở nang, cổ có một vòng lông dày và xoắn như lông cừu. Ở châu Âu cũng có loài bò rừng Bi-dông, nhưng bé hơn và hiện nay chỉ còn gặp ở các khu bảo vệ thiên nhiên.





Một số loài bò sát cổ có hình dạng và cấu tạo hàm răng giống như của thú. Di tích của bò sát răng thú đã được phát hiện trong các địa tầng thuộc Liên Xô cũ, Nam Phi, Trung Quốc... Bò sát răng thú đã bị tuyệt diệt cách đây gần 65 triệu năm. Các nhà khoa học cho rằng bò sát răng thú là tổ tiên của lớp thú vì di tích hóa thạch của chúng mang nhiều đặc điểm của lớp Thú như: răng nằm trong lỗ chân răng; bộ răng được phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm; chân không ở vị trí nằm ngang như các loài bò sát hiện nay mà nằm dưới cơ thể; đầu gối chỉ sau hướng về phía trước, sọ có hai lỗ cầu chẩm...

BÒ SỮA

milk cow

B

Giống bò cái được con người chọn lọc theo hướng cung cấp sữa cho con người. Nổi tiếng nhất là giống bò Hà Lan và giống bò Jersey. Sữa bò Hà Lan có hàm lượng mỡ thấp, chủ yếu dùng để uống. Bò Jersey có xuất xứ từ đảo Jersey ngoài khơi phía Nam nước Anh, cho sữa có hàm lượng mỡ cao, dùng để chế biến bơ, pho mát...

Thông thường bò được vắt sữa 2 lần mỗi ngày, trong suốt thời gian sản xuất sữa, quá trình là 305 ngày sau khi đẻ. Trong 5 đến 7 tháng đầu, toàn bộ sữa sẽ dành cho bê bú. Tổng sản lượng sữa của các giống bò sữa ưu việt có thể lên tới 7.000 đến 9.000 lít mỗi lứa đẻ.





Ở Việt Nam, từ đèo Hải Vân trở vào Nam, người ta hay gọi nó là "con mìn". Đồng bào miền núi ở Tây Bắc hay miền Trung còn đặt cho nó nhiều tên khác nhau.

Con đực trưởng thành nặng đến 1 tấn; con cái nhỏ hơn, nặng khoảng 700 - 800kg. Lông màu nâu thẫm phơn phớt xanh ở lưng, nâu nhạt ở dưới bụng; lông mềm và mượt vì tuyến da luôn tiết ra chất nhờn; lông ngắn nhưng rậm. Bò cái màu hung đỏ, từ khoeo chân trở xuống trắng ngà. Bò tốt không có yếm ở trước cổ như bò nhà. Đầu rất to, trán hơi lõm và có đốm trắng ở giữa. Bò tốt có cặp sừng cân đối và đẹp.

Bò tốt phân bố ở Đông Nam Á, Ấn Độ, Nê-pan. Bò có khả năng leo lên sườn núi khá dốc, trên độ cao 1500m so với mặt nước biển. Chúng sống theo đàn từ 5 đến 10 con, có khi đến 20-30 con và cũng phân chia theo độ tuổi. Trong đàn bò tốt có một con đực già đóng vai trò con đầu đàn. Chúng sống với nhau thân thiện, biết bảo vệ nhau khi có kẻ thù. Dạ dày bò tốt cũng như bò nhà, chia làm 4 túi, có sức chứa tới 200 lít, tiêu hóa cỏ rất tốt. Tập tính kiếm ăn như bò rừng Ban-ten.

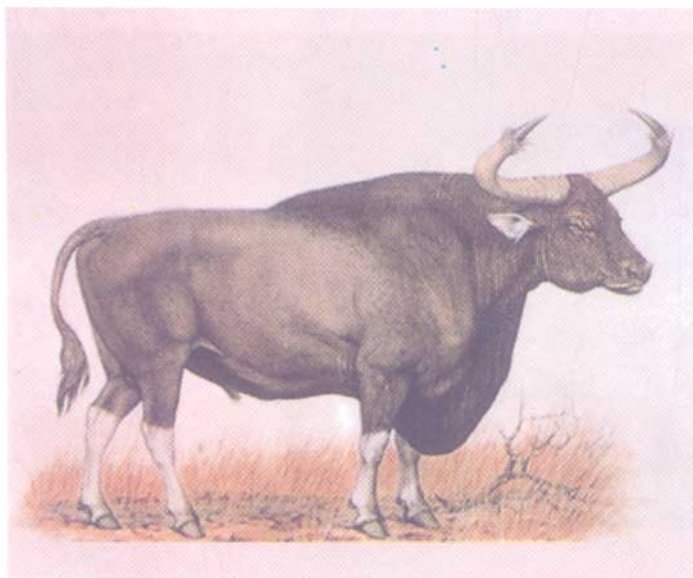
Bò tốt là thú săn của đồng bào miền núi. Hiện nay nó được xếp vào động vật quý hiếm phải bảo vệ vì số lượng của chúng đã giảm quá nhiều do nạn săn bắn và phá rừng.

BÒ XÁM

kouprey

B

Loài thú lớn thuộc họ Ngón chân, bộ Trâu bò. Thân dài tới 210-222cm. Sừng to, gốc sừng nghiêng về phía sau, mút sừng nhọn uốn cong về phía trước. Yếm cổ rộng buông thông xuống tận ngang khoeo chân. Toàn thân màu xám. Bốn chân từ khoeo trở xuống màu trắng. Bò xám kiếm ăn ở ven rừng. Thức ăn là cỏ, lá cây rừng, măng tre nứa... Thời gian có chửa 9 tháng. Mỗi năm đẻ một lứa, mỗi lứa 1 con. Bò xám sống ở các khu rừng già, rừng thưa thuộc Nam Trung Bộ. Chúng thường sống thành nhóm 3 - 4 con.



Là động vật Chân khớp, cơ thể dài từ 5 - 20cm. Phần đầu ngực có 10 chân, 2 chân trước phát triển thành càng khỏe. Bộ cặp sống ở nơi ẩm thấp, trong những khe đất đá kín đáo, sinh hoạt vào ban đêm. Khi đi, bộ cặp dùng đôi chân xúc giác lớn dạng kim để dò đường và bắt mồi; bụng thon nhỏ và chia đốt, thường gọi là "đuôi", có tuyến độc ở cuối thường uốn cong về phía trước sẵn sàng tiêm nọc độc vào con mồi. Nọc độc của bộ cặp tác động lên thần kinh, gây bại liệt từng phần cơ thể. Nọc độc này có thể làm chết người. Phần lớn bộ cặp đẻ con. Bộ cặp non sống trên lưng mẹ một thời gian trước khi tự lập.

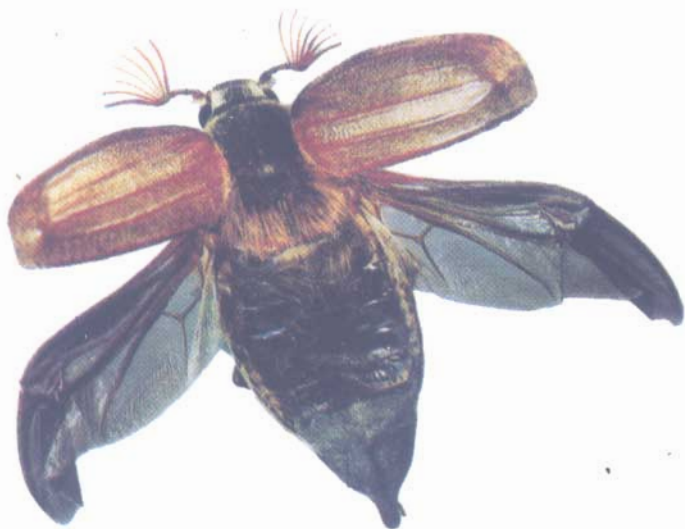
Bộ cặp thường gặp ở các vùng nhiệt đới và quanh Địa Trung Hải.





Là loài côn trùng sống kí sinh, không cánh, nhỏ bé, kích thước khoảng 0,8-6mm, có phần phụ miệng kiểu chích hút, cơ thể dẹp hai bên nên dễ luồn lách trong lông vật chủ. Chân bộ chết có cấu tạo để nhảy và bám vào vật chủ. Ấu trùng bộ chết sống bằng các cặn bã hữu cơ có trong tổ chức vật chủ. Có nhiều loài bộ chết, mỗi loài thường chỉ sống kí sinh trên mỗi vật chủ riêng như chó, mèo, gà, chuột...

Bộ chết là loài vật trung gian truyền một số bệnh. Bộ chết sống kí sinh trên chuột là loài truyền vi khuẩn Yersin của bệnh dịch hạch sang người và đã từng gây nhiều trận dịch khủng khiếp làm chết hàng nghìn hàng vạn người một lúc ở châu Âu trong các thế kỉ trước.



Bọ dừa là loài sâu bọ biến thái hoàn toàn. Con trưởng thành có thể dài tới 5cm, màu nâu. Cuối mỗi cánh có một chấm trắng. Sâu non còn gọi là con nhậy, chuyên hại mía và khoai lang. Bọ dừa thích sống ở vùng đất bồi. Con trưởng thành xuất hiện nhiều vào tháng 5, tháng 6, có thể sống được vài tháng, nhưng giai đoạn nhộng sống trong đất có thể tới vài năm.

BỘ HUNG

scarab, dorbeetle, dung beetle

B

Loài sâu bọ cánh cứng có màu đen và có mùi hôi. Con đực có sừng. Chân trước có cấu tạo để đào bới. Bộ hung thường đào hang chôn phân động vật vào trong lòng đất, có khi sâu tới 20-25cm. Đó là nguồn thức ăn của bộ hung và con cái của chúng sau này. Bộ hung được coi là những vệ sinh viên ưu tú, giữ một vai trò rất quan trọng trong việc làm sạch môi trường, làm giàu và làm xốp cho đất.





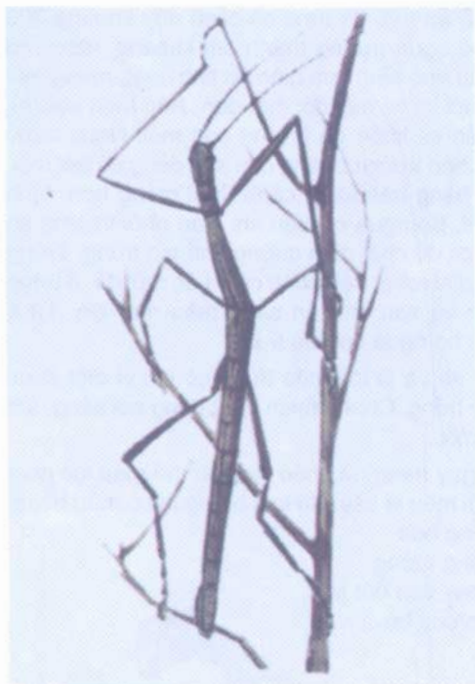
Côn trùng biến thái không hoàn toàn, có hình dạng giống lá cây, màu xanh. Thân dài khoảng 9cm. Hai cánh trên dài và rộng có màu xanh và hình cái lá, hai cánh dưới hình quạt nan có nhiều gân và trong suốt. Bộ lá để trứng, trứng nở ra ấu trùng có dạng như bộ trưởng thành, chỉ khác là cánh chưa phát triển. Bộ lá sống trong các khu rừng nhiệt đới ẩm. Bộ lá thuộc loại côn trùng hiếm về số lượng loài và ít về cá thể, đang bị đe dọa do rừng bị thu hẹp và nhiều người thích sưu tập bẫy bắt.

Là loài sâu bọ cổ ăn thịt, đã từng có cách đây khoảng 300 triệu năm. Cơ thể bộ ngựa trưởng thành dài khoảng 10cm, có màu xanh lá cây. Đầu nhỏ hình tam giác rất linh hoạt, mang một đôi mắt kép khá to, hơi lồi và một đôi mắt đơn. râu hình sợi chỉ. Miệng có kiểu nghiền và khỏe để ăn thịt con mồi. Ngực trước dài, cử động được. Chân trước có răng cưa sắc dùng để bắt mồi. Cánh trên dày, xếp bằng trên lưng, cánh dưới mỏng hơn, hình quạt. Bụng có 10 đốt. Bộ ngựa cái sau khi giao phối thường ăn thịt bộ ngựa đực để có đủ chất dinh dưỡng chế tạo trứng. Trứng được đẻ thành ổ lớn dính chặt trên cành cây. Lúc mới đẻ, ổ trứng có màu vàng chanh về sau chuyển sang màu nâu xỉn. Từ ổ trứng nở ra rất nhiều bộ ngựa con bé tí xíu.

Bộ ngựa rất háu ăn và là loài côn trùng có ích vì diệt được nhiều sâu bọ hại cây trồng. Chúng thích hoạt động nơi sáng, ẩm và ẩn mình để rình mồi.

Bộ ngựa có tài ngụy trang rất khéo léo. Cơ thể màu lục nhạt của nó dễ hòa lẫn với màu lá cây. Có loài bộ ngựa có màu hồng, trông xa như một bông hoa mới nở. Sâu bọ thường tưởng nhầm là cánh hoa, bay đến hút mật bị đôi chân sắc nhọn của bộ ngựa kẹp chặt ngay.





Loài sâu bộ có hình thức nguy trang độc đáo, cơ thể chúng giống như một cành cây khô biết di động. Bộ que có cơ thể chia đốt nhỏ màu nâu xỉn. Chúng thường bám trên các cành tre, trúc, các cây trong rừng. Nhờ cơ thể khẳng khiu và màu sắc lẫn với thân cây, các loài chim ăn sâu bộ rất khó phát hiện ra chúng.

BỘ RÙA

B

lady bird, lady bug, lady cow _____

Là loài sâu bọ cánh cứng có ích cho con người. Có rất nhiều loài. Loài phổ biến có đôi cánh cứng bọc ngoài màu đỏ, hoặc da cam, trên có nhiều chấm tròn đen. Ở các nước châu Âu, châu Mỹ, người ta đã nuôi bộ rùa để thả vào các vườn cây ăn quả. Thức ăn ưa thích của bộ rùa là loài rệp sáp hại cam, hại bông... Một con bộ rùa có thể diệt 60 con rệp cây một ngày. Vì vậy, ở đâu có bộ rùa thì rệp cây rất hiếm. Ở nước ta có loài bộ rùa 7 chấm, 8 chấm, bộ rùa vằn... đều là các “dũng sĩ” diệt rệp cây.

Bộ rùa là loài côn trùng biến thái hoàn toàn. Vòng đời có 4 giai đoạn: trứng, sâu non, nhộng, bộ rùa trưởng thành. Sâu non của bộ rùa cũng là các chiến sĩ diệt rệp cây bảo vệ cây trồng.

Bộ rùa cũng như nhiều động vật khác, có hiện tượng trú đông và “ngủ đông”. Chúng có thể bay xa hàng chục thậm chí hàng trăm ki-lô-mét để ẩn trong các vùng núi, chui xuống dưới các tảng đá, vỏ cây hay đóng lá khô để qua đông. Chỉ đến mùa xuân ấm áp, chúng mới “tỉnh giấc” để bay về nơi cũ.



Loài côn trùng thuộc bộ Cánh cứng có màu đen, hay gặp trên các ao, hồ, ruộng nước. Suốt ngày chúng “khiêu vũ” trên mặt nước như những nghệ sĩ trượt băng nghệ thuật. Chúng nổi trên mặt nước nhờ sức căng bề mặt. Bộ vẽ kiếm ăn cả trên và dưới mặt nước. Khi di chuyển trên ao, hồ, mặc dù số lượng bộ vẽ rất đông, chúng vẫn không bao giờ va chạm vào nhau hoặc khi bắt chúng vào một bình nước lớn, chúng không chạm vào thành bình. Bộ vẽ có khả năng đó không phải nhờ mắt tinh mà nhờ râu của chúng. Vì khi quay xung quanh mình, bộ vẽ luôn giữ râu ở giữa mặt phẳng ngăn cách nước với không khí.

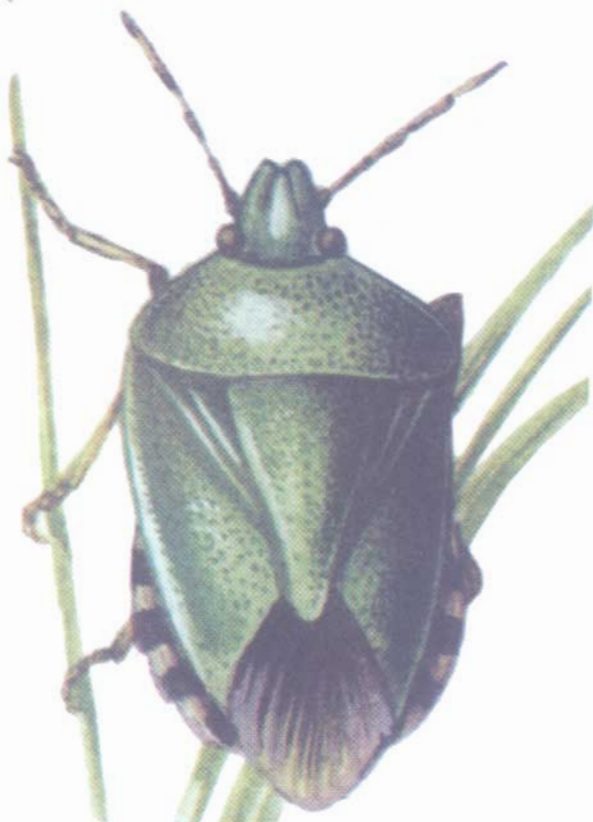




Loại côn trùng biến thái không hoàn toàn, thuộc bộ Cánh nửa với rất nhiều loài khác nhau. Chúng đều có đôi cánh trước có phần gốc cứng, phần ngọn mềm. Cánh sau dạng màng, khi đậu phần cánh màng xếp lợp lên nhau. Bọ xít nói chung có miệng kiểu chích hút để hút nhựa cây. Mùi hôi của bọ xít do tuyến hôi ở ngực tiết ra. Tuyến nước bọt của bọ xít cũng giống như muỗi tiết ra dịch a-xít do đó gây ngứa ngáy, nhức nhối ở chỗ bị đốt. Bọ xít còn có các túi co bóp gọi là tim phụ ở gốc chân.

Bọ xít là kẻ thù của nhà nông.

Thường xuất hiện từ tháng 2 đến tháng 7, phá hại nhãn, vải, làm thui quả, chột cây. Kích thước từ 20 - 25mm, màu da bò, bụng có phần trắng. Trứng đẻ thành chuỗi hay từng đám có màu xanh cốm thạch.





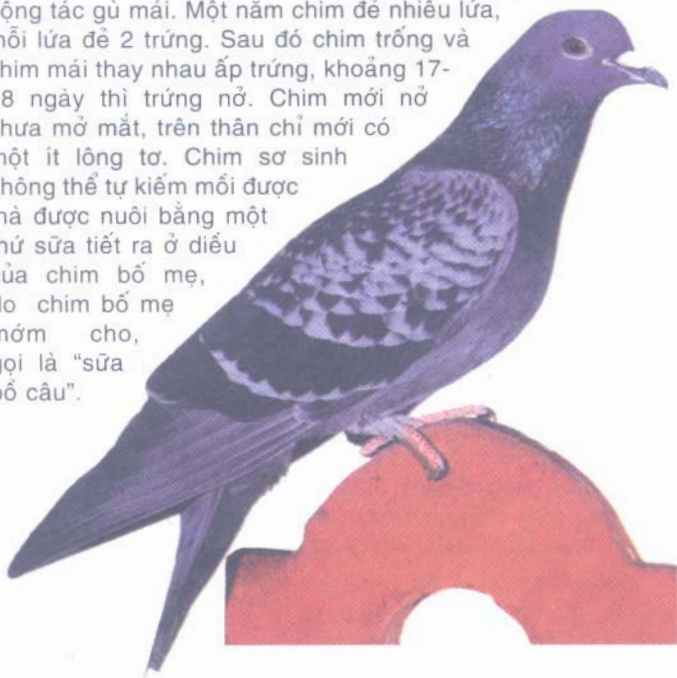
Theo như tên gọi, bói cá là loài chim ăn cá, sống ở châu Á và châu Âu. Minh dài khoảng 16cm. Bộ lông của nó màu đốm đen trắng, họng và vòng cổ màu trắng kéo dài đến gốc mỏ. Dưới nách và cánh

có màu trắng ở chim trống và hung ở chim mái. Mỏ dài màu nâu lục nhạt, chóp mỏ đen nhạt. Bói cá thường bay đi bay lại trên mặt nước sông hồ lớn, chốc chốc dừng lại để tìm cá bơi dưới nước. Có biệt tài bay đứng, như treo trên không trung. Mỗi khi bay lên từ dưới nước, bộ lông của chúng vẫn hoàn toàn khô. Chim bói cá cũng có tuyến phao câu rất phát triển, chúng thường dùng mỏ quét chất nhờn của tuyến phao câu rồi quét lên bộ lông, làm cho lông luôn óng mượt và không thấm nước.

Bói cá làm tổ ở bờ sông, bờ suối có thành cao khoảng 2 - 5m. Gia đình của bói cá là một tổ chức xã hội rất trật tự và công bằng. Bói cá đẻ từ 3 - 5 trứng. Chim non mới nở còn non yếu và được bố mẹ mớm mồi lần lượt.

Có hai loài: bói cá lớn và bói cá nhỏ.

Bồ câu nhà có tổ tiên là bồ câu núi màu lam, hiện vẫn còn sống ở nhiều vùng núi châu Âu, châu Á và Bắc Phi. Bồ câu được người đưa về nuôi đầu tiên ở Ai Cập, cách đây khoảng 5000 năm. Hiện nay, thế giới có khoảng 150 nòi bồ câu, gồm bồ câu thịt, bồ câu đưa thư và bồ câu làm cảnh. Chim bồ câu nhà tuy sống trong điều kiện nuôi dưỡng song vẫn mang những đặc điểm của bồ câu núi. Chúng thích sống theo đàn, ưa làm tổ trong hang hốc, con trống có động tác gù mái. Một năm chim đẻ nhiều lứa, mỗi lứa đẻ 2 trứng. Sau đó chim trống và chim mái thay nhau ấp trứng, khoảng 17-18 ngày thì trứng nở. Chim mới nở chưa mở mắt, trên thân chỉ mới có một ít lông tơ. Chim sơ sinh không thể tự kiếm mồi được mà được nuôi bằng một thứ sữa tiết ra ở đầu của chim bố mẹ, do chim bố mẹ mớm cho, gọi là "sữa bồ câu".



BỒ CÂU CAM

green pigeon, stock-dove



Loài chim bồ câu có bộ lông sắc sỡ màu da cam, sống khá phổ biến trên các hòn đảo nhiệt đới tại Thái Bình Dương. Thức ăn chủ yếu của chúng là các loại quả cây.



Là loài bồ câu bay giỏi, có thể đạt tốc độ 100 km/h và bay lâu hàng trăm ki-lô-mét không nghỉ. Khi ở dưới đất chim đi lại chậm chạp và vụng về. Nếu được tập luyện, chúng có thể nhớ đường về khi cách xa chỗ ở tới 1300km.

Lịch sử bồ câu đưa thư có từ rất lâu. Từ thời Cổ đại, người Ai Cập, La Mã, Hi Lạp đã biết dùng bồ câu để thông tin liên lạc. Ngày nay, mặc dầu các phương tiện thông tin rất phát triển và hiện đại, nhưng hàng triệu chim bồ câu vẫn được dùng làm "nhân viên bưu điện" ở nhiều nơi, thậm chí ngay ở cả các nước phát triển như Anh, Mĩ. Bồ câu đưa thư là phương tiện nhanh nhất, tiện lợi nhất khi cần chuyển tin nhắn giữa các thành phố trong một nước, trong trường hợp các phương tiện chuyên chở trên mặt đất bị ách tắc, trì trệ, hoặc trong hoàn cảnh bị bao vây trong chiến tranh.



BỒ CÂU LỮ HÀNH

passenger pigeon, homer

B

Bồ câu lữ hành đã từng là loài chim di cư phổ biến nhất trên trái đất. Hàng ngàn triệu chim bồ câu lữ hành hợp thành đàn khổng lồ, bay đen kịt cả bầu trời Bắc Mỹ. Nhưng con người đã tàn sát chúng. Người ta ước tính mỗi năm có khoảng 1.200.000 con bị tiêu diệt.

Trong những năm 70 của thế kỉ 19, có hàng nghìn, hàng nghìn con người suốt ngày chỉ chăm chú làm một việc độc nhất là nạp đạn, bắn vào lũ bồ câu, rồi lại nạp đạn, bắn tiếp, thậm chí, họ còn dùng cả đại bác để tiêu diệt bồ câu.

Những con bồ câu lữ hành cuối cùng mà nhân loại biết là hai con trống và một con mái tên là Mác-ta sống trong vườn thú Xin-xin-na-ti ở bang Ô-hai-ô (Mỹ). Mặc dù được sống trong sự chăm sóc, yêu thương nhưng hai con trống vẫn chết trước, Mác-ta sống gượng thêm được 4 năm nữa, cuối cùng cũng ra đi vào ngày mồng 1 tháng 9 năm 1914. Mác-ta chết thì loài bồ câu lữ hành cũng hoàn toàn bị xóa sổ trên trái đất.





Loài chim cỡ trung bình, dài khoảng 40cm. Đỉnh đầu và gáy màu trắng nhạt; da trần quanh mắt màu đỏ tím; bộ lông màu nâu tối. Phần trên lưng và hai bên cổ phớt xanh lá cây. Đuôi màu đen nhạt. Bồ câu nâu là loài định cư, số lượng không nhiều, sống ở các khu rừng nguyên sinh và thứ sinh thuộc các tỉnh Quảng Ninh, Quảng Trị, Huế, Di Linh, Lâm Đồng... Mùa sinh sản từ tháng 6-7, mỗi con chỉ đẻ 1 trứng.



Bồ nông là một loài chim to, khỏe, dáng điệu hơi thô kệch và nặng nề, sải cánh của bồ nông có thể dài tới 3m, nhưng đôi chân thì lại quá ngắn so với thân hình đồ sộ; có màng da rộng nối liền cả bốn ngón chân với nhau làm thành “mái chèo” khuấy nước. Cái mỏ trông thật kì dị, rất to và dài, phía dưới có một cái túi da có thể giãn nở để dự trữ thức ăn thừa, hoặc thức ăn để dành nuôi con non.

Tuy thân hình nặng nề nhưng vẫn bay lượn, bơi lội nhẹ nhàng do có hệ thống túi khí phát triển và bộ xương rất xốp. Cái mỏ to dùng để “đơm cá” rất hiệu quả. Bắt được cá chúng không nuốt ngay mà để ở túi da dưới mỏ, khi nằm yên mới nuốt một cách ngon lành.

Mỗi lứa bồ nông thường đẻ 3 trứng. Chim non thường rúc đầu vào họng bố mẹ để ăn thức ăn đã được tiêu hóa dở dang trong điều.

Ở nước ta có hai loài:
bồ nông chân hồng và
bồ nông chân xám.



Bông chanh là loài chim nhỏ, trông hình dạng rất giống chim bói cá. Chúng cũng có mỏ dài, ăn cá, làm tổ trong hang đất. Tuy nhiên, bộ lông của chúng rất sặc sỡ, có màu xanh lam óng ánh. Bông chanh thường hay đậu trên các cành cây con bên bờ hồ, đầm, mắt nhìn chăm chăm xuống nước, hề thấy con cá nào bơi ngang qua là lao xuống, khi bay lên đã có một con cá bị kẹp chặt trong mỏ.

Bông chanh làm tổ trong các hốc đất do chim tự đào lấy. Mỗi đôi chiếm một vùng làm tổ thuận lợi. Hang được đào ở các bờ sông, ao, hồ, mương nước... chỗ đất sét mềm. Miệng hang rộng 5 - 6cm và thường cách mặt nước từ 50 - 150cm. Hang hơi dốc và sâu từ 40 đến 120cm tùy nơi đất cứng, mềm. Cuối hang có một buồng khá rộng là chỗ chim đẻ trứng. Cả chim đực và cái đều thay nhau đào hang. Mùa sinh sản kéo dài từ tháng 3 đến tháng 8. Mỗi năm bông chanh đẻ 2 - 3 lứa.

Mỗi lứa từ 4 đến 5 trứng màu trắng hình hơi tròn.



BỒNG CHANH RỪNG

blyth's kingfisher



Loài chim có bộ lông tương tự bồ beng chanh nhưng phía lưng có màu nâu đen với nhiều chấm nhỏ màu xanh da trời trên lưng và trên đầu. Ngực và bụng màu hung nâu. Mỏ đen, gốc mỏ dưới hơi đỏ ở chim cái. Chân màu đỏ tươi. Bồ beng chanh rừng sống dọc theo các sông, suối trong rừng thuộc vùng Tây Bắc và Trung Trung Bộ. Thức ăn là các loài cá nhỏ. Làm tổ trong hốc đất. Mùa sinh sản từ tháng 2 - 5, mỗi lứa đẻ 4 - 6 trứng.

Là sâu bọ trưởng thành, rất đa dạng với nhiều loài khác nhau thuộc bộ Cánh phấn. Đặc điểm chung của bướm là có hai đôi cánh màng rộng, ít có gân ngang, cơ thể bao phủ bởi lớp phấn vảy. Hàm trên tiêu giảm, hàm dưới biến thành vòi hút, bình thường cuộn lại. Sâu non có phần phụ miệng kiểu nghiền, có 3 đôi chân ngực và thường có thêm 5 đôi chân giả ở bụng. Sâu non lớn lên qua nhiều lần lột xác. Sau lần lột xác cuối cùng thì sâu non hóa thành nhộng. Nhộng không ăn, không cử động, thường nằm im trong kén. Bướm trưởng thành hút mật hoa có vai trò thụ phấn cho hoa. Thời gian sống của bướm ngắn, sau khi giao phối, đẻ trứng thì chết. Giai đoạn sâu non thường là có hại vì chúng ăn lá cây, trừ một số loài có ích như tầm tơ.

Số loài bướm được mô tả cho đến nay lên tới trên 20 vạn. Các loài hoạt động ban ngày có màu sắc sặc sỡ, râu hình chùy, còn các loài hoạt động lúc hoàng hôn hoặc về đêm râu hình lông chim và màu sắc xỉn, tối.



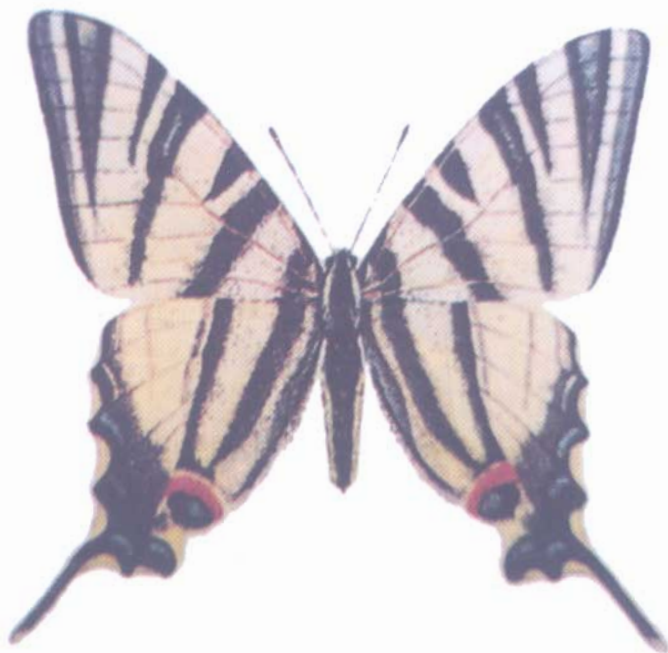
BƯỚM KA-LI-MA

kalima butterfly

B



Loài bướm có hình thức ngụy trang hết sức độc đáo. Khi bay, mặt trên của cánh lộ ra với nhiều màu sắc rực rỡ, đẹp mắt. Khi đậu, cánh khép lại để lộ mặt dưới cánh màu nâu xỉn, trên có những đường gân khiến cho chúng giống hệt một chiếc lá trên cành. Các loài chim sâu rất khó phát hiện ra chúng.



Gồm nhiều loài khác nhau thuộc họ Bướm phượng. Cánh trước lớn hơn cánh sau. Cánh sau có gốc cánh kéo dài thành một cái đuôi dài. Bướm phượng thường sống trong các khu rừng, thường gặp nhiều ở ven rừng, ven suối. Khi trời nắng đẹp thường bay rập rờn trên các bụi hoa. Vào buổi trưa, chúng thường tìm nơi râm mát để đậu. Bướm phượng là những loài bướm đẹp được nhiều nhà sưu tầm ưa thích.

CÀ CUỐNG

belostoma

C

Là loài côn trùng sống trong các ao hồ, ruộng nước sâu, xuất hiện vào mùa hè và thường bay tới chỗ đèn sáng. Cà cuống thở bằng khí quản là những ống nhỏ thông với bên ngoài bằng lỗ thở. Các lỗ thở thông ra ngoài gần hậu môn có tác dụng dẫn không khí vào cơ thể nên cà cuống có thể ngâm mình dưới nước, chĩa ống thở lên mặt nước là được.

Trong bụng có 2 tuyến hình hạt tiêu tiết chất thơm cay để tự vệ. Khi bị con vật nào đuổi bắt, nó liền phun chất thơm cay làm cho kẻ thù "tối tăm mặt mũi", hòng chạy trốn. Chất thơm này giữ được lâu và được coi là một thứ gia vị ngon, đặc biệt khi thêm vào nước chấm bánh cuốn.

Cà cuống là loài sâu bọ ăn thịt, hút dịch và máu của nhiều động vật dưới nước, nhất là cá con. Ngày nay do môi trường ô nhiễm bởi các loại thuốc trừ sâu nên số lượng cà cuống giảm rất nhiều. Cần phải bảo vệ chúng.





Là loài cá nhỏ có vây bụng biến thành giác bám, chủ yếu sống bám vào đá ở đáy biển và phần lớn ở vùng nhiệt đới. Một số loài cá bống có giá trị kinh tế vì thịt rất thơm ngon. Cá bống đẻ trứng chìm dưới đáy, trong hang hốc. Cá bống được “được phân công” canh giữ trứng.

Cá bống chịu được sự thay đổi nhiều của nồng độ muối trong nước, có khả năng thay đổi màu sắc để phù hợp với môi trường xung quanh.

Có khoảng 600 loài cá bống ở các vùng biển nóng nhiệt đới và ôn đới. Cá bống nước lợ là đối tượng đánh bắt quan trọng và một số loài là hàng xuất khẩu. Cá bống cũng thuộc loại “cá dữ”, chuyên bắt ấu trùng của động vật ở tầng đáy và cá nhỏ làm thức ăn.

Cá “bống lùn” ở Phi-lip-pin chỉ dài 11 mm và được xem là loài cá bé nhất trong lớp cá.

Sống ở đáy biển, có thân dẹp mỏng, cả 2 mắt nằm ở mặt lưng, có vây đuôi và vây hông rất nhỏ. Chúng có tập tính nằm nghiêng, bơi chậm bằng cách uốn mình theo chiều ngang. Cá bơn con có 2 mắt nằm ở hai bên và bơi thẳng như những loài cá khác, sau đó chúng chìm xuống đáy và phát triển theo kiểu nằm, một mắt dần chuyển sang cùng bên với mắt kia.

Cá bơn đẻ trứng nổi, sau đó trứng phát triển ở tầng nước giữa.

Ở nước ta có cá bơn chó, bơn cát ba sọc, bơn lá mít là loại cá tầng đáy có giá trị kinh tế.



Thường sống trong các vực nước như ao, hồ, đầm, ruộng, sông, suối ở châu Âu và châu Á. Ưa sống ở nơi nước tĩnh lặng, kiếm ăn ở tầng nước giữa và tầng đáy. Là loài ăn tạp, thường ăn: giun, ốc, ấu trùng, côn trùng và rong rêu. Trong ao nuôi, cá chép còn ăn cả phân xanh, cám, bã đậu, thóc lép, bèo...

Cơ thể hình thoi thon dài, đầu tương đối nhỏ, có hai mắt lớn, 2 đôi lỗ mũi và 2 đôi râu bên dưới mép. Vẩy sắp xếp theo kiểu ngói lợp, da tiết chất nhầy, vây có cấu tạo như bơi chèo...

Cá chép có hai mùa đẻ trứng: khoảng từ tháng 2 đến tháng 3 và từ tháng 8 đến tháng 10. Gần đến vụ đẻ, tinh hoàn và buồng trứng phát triển nhanh chiếm gần hết khoang bụng. Lúc này ở cá xuất hiện bản năng sinh sản: cá cái bơi trước đẻ trứng vào các cây thủy sinh, cá đực bơi sau tưới tinh dịch có tinh trùng vào trứng để thụ tinh cho trứng. Cá chép dài 60-80 cm, mỗi lần đẻ từ 15 - 20 vạn trứng, song chỉ có một số rất ít phát triển được thành cá con vì một số lớn trứng không được thụ tinh (do kiểu thụ tinh ngoài) hoặc bị các loài cá và động vật khác ăn mất.

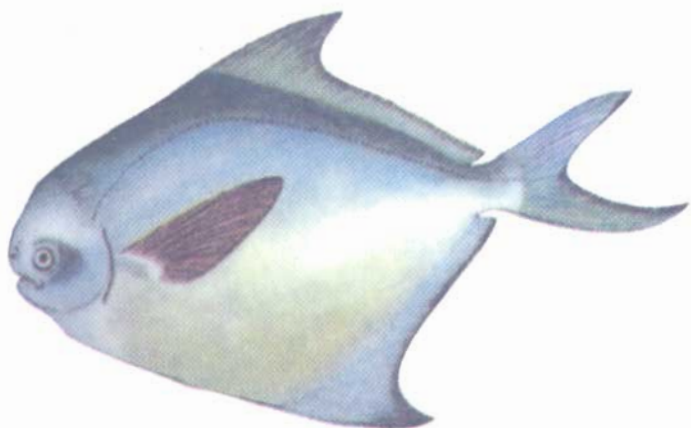
Cá chép là loài cá nuôi phổ biến ở các ao hồ nước ta, rất có giá trị kinh tế, thịt cá chép thơm ngon.



CÁ CHIM

pomfret, butter fish

C



Cá chim sống ở tầng nước mặt vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, là loài cá cỡ trung bình, chiều dài khoảng 30cm, nặng trên 0,5 kg. Từ tháng 4 đến tháng 5 là mùa đẻ của cá chim. Vào thời gian này, cá chim từ ngoài khơi kết thành đàn bơi vào bờ để đẻ trứng. Thịt cá chim rất thơm ngon và có giá trị kinh tế lớn. Cá chim là một trong 4 loài cá biển thịt ngon nhất ("chim, thu, nụ, đế").



Gồm nhiều loài khác nhau, cơ thể hình rắn với lớp da không phủ vẩy nhưng lại có nhiều tuyến tiết chất nhờn. Cá chình không có vây bụng. Vây lưng nối liền với vây đuôi và vây hậu môn. Trên thế giới có khoảng 600 loài cá chình khác nhau. Cá chình có tập tính di cư. Vào mùa sinh sản, chúng di cư từ sông ra biển và tìm đến giữa Đại Tây Dương để đẻ trứng. Trứng nở ra ấu trùng có dạng lá liêu, nhờ sóng biển và các dòng hải lưu, trứng trôi dạt vào ven biển gần các cửa sông châu Âu. Sau khi trở thành cá chình con, chúng bơi ngược lên thượng nguồn của đúng dòng sông "quê cha đất tổ" để sinh sống cho tới tuổi sinh đẻ.

CÁ CHÌNH ĐIỆN

electric eel

C

Sống ở vùng sông A-ma-dôn (Nam Mỹ), tại những nơi ít có khí ô-xi. Ở hai bên sống lưng của cá chình điện, có 2 “nhà máy điện”, mỗi “nhà máy” gồm 70 “cột điện” đứng song song, mỗi “cột” là một chồng gồm 6.000 tế bào phát điện hình đĩa đứng nối tiếp.

Lúc gặp mồi hoặc kẻ thù, cá chình điện có thể phóng một loạt từ 10 đến 30 “củ điện” với điện thế lên tới 900 vôn, để quật ngã và làm tê liệt đối thủ.

Ngoài ra, cá chình điện còn có thể phát liên tục những xung động điện với điện thế thấp để định hướng và thăm dò môi trường trong những vùng nước đục hoặc tối tăm.



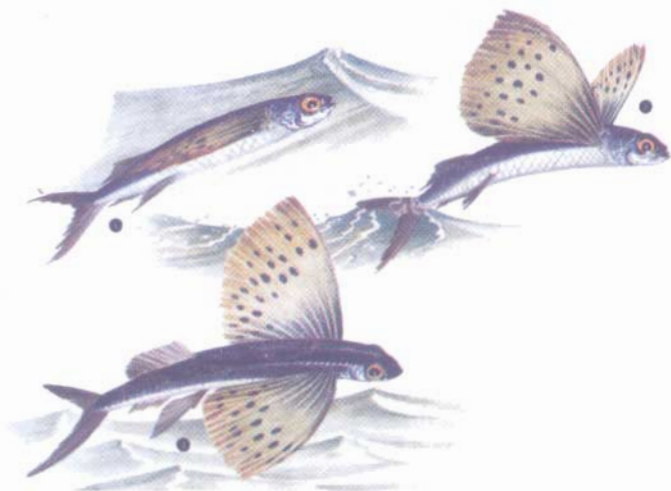
Loài cá cảnh có thân thon dài và dẹp hai bên. Nhiều loài cá chọi có vây lưng, vây đuôi rất phát triển, mang dáng vẻ tha thướt. Màu nền da cá là màu nâu đỏ xen lẫn vân ngũ sắc màu lục lam, có nhiều chấm đỏ hay chấm lục. Cá chọi rất hung hăng. Chỉ cần có 2 con trong bể nuôi nhỏ, chúng đã “chọi” nhau, nhiều khi “trầy vẩy” và rách đứt hết cả vây.



CÁ CHUỒN

flying fish

C



Là loài cá biển phổ biến ở miền Trung và miền Nam nước ta. Được gọi là cá chuồn vì nó có vây ngực dài, có thể xòe rộng như cánh chuồn chuồn và bay được trên không. Trước khi rời khỏi mặt nước, cá chuồn có thể bơi với tốc độ 18 m/s, quẫy mạnh đuôi ở bề mặt nước để lấy đà. Tiếp đó, cá đập vây ngực và có thể bay trong 18 giây với tốc độ 7 - 20m/s và xa tới 200m.

Trong những trường hợp đặc biệt, cá chuồn có thể bay liên một phút xa tới 400 m nếu thuận chiều gió, cách mặt nước 5 - 7m. Đó là cách cá chuồn chạy trốn khỏi các loài cá dữ. Song, những lúc bay trên không, cá chuồn lại dễ bị làm mồi cho các loài chim ăn cá.

Cá cóc Tam Đảo còn có tên là “cá sấu cảnh”. Có thân hình gần giống thằn lằn với 4 chân khỏe, đuôi dài to bản, dẹp hai bên, mút đuôi tròn. Vào mùa sinh sản, cá cóc đực có một dải xanh sáng chạy suốt hai bên mặt đuôi. Dài thân của cá cóc từ 15 đến 18cm, đặc biệt có con dài tới 20cm, trọng lượng trung bình 32 gam. Con cái thường lớn hơn con đực. Da cá cóc sần, trơn nhầy, lưng màu xám đen với hai gờ nổi chạy dọc hai bên lưng và một gờ ở giữa sống lưng. Bụng đỏ da cam với những đường xám đen nổi với nhau như hình lưới.



Cá con sống tại các suối ở Tam Đảo, ưa sống ở các vũng suối không quá sâu, nước chảy chậm, đáy có bùn, rong rêu, lá mục, có hang hốc tự nhiên để trú ẩn. Thức ăn của chúng gồm các loại ấu trùng, côn trùng, nhện, giun, trứng ếch, nòng nọc, tảo, cá con...

CÁ DIẾC

crucial carp

C

Cá nước ngọt cỡ nhỏ, thuộc bộ Cá chép. Cá diếc sống trong các ao, hồ, ruộng trũng, ăn động vật đáy và bã thực vật. Cá diếc có khả năng chịu đựng được một hàm lượng khí ô-xi khá thấp (0,1 - 0,2 ml/l) nên có thể sống trên cạn một thời gian ngắn vì chúng có khả năng hô hấp qua da. Cá diếc chịu được nhiệt độ cao tới 40°C, trưởng thành sinh dục sớm. Cá diếc một năm tuổi bắt đầu đẻ trứng. Mùa sinh sản từ tháng 3 đến tháng 8. Thịt cá diếc ngon, nuôi ít tốn kém.



Cá đuối có bộ xương hoàn toàn là chất sụn. Mình cá dẹt theo hướng lưng bụng có thể dài tới 1m; vây ngực rất phát triển, xòe ra hai bên thân, viền trước nối liền với mõm; khe mang nằm ở mặt bụng.

Thường sống ở chỗ nước không sâu, vùi mình xuống cát, chỉ để hở mắt với một phần lưng và đuôi. Hàm

răng cá đuối rất chắc, có thể nghiền nát

các con sò, ốc là thức ăn được ưa

chuộng. Vũ khí tự vệ là

hai cái gai dài bằng sụn cứng ở cuối đuôi với những răng cưa sắc

có máu và hai rãnh chứa nọc độc.

Cá đuối bơi theo kiểu uốn lượn thân như lượn sóng.

Cá đuối có nhiều loài khác nhau. Ở nước ta có cá đuối bông, cá đuối nhám,...



CÁ ĐUỐI ĐIỆN

electric ray, torpedo

C

Cũng giống như các loài cá đuối khác, nhưng trên cơ thể có những bộ phận phát điện công suất cao. Loài cá đuối điện Đại Tây Dương dài tới 1,5m. Chúng thường nằm nép sát dưới đáy biển, khi đói mới bắt đầu

uốn lượn mình, bơi đi kiếm mồi. Gặp con mồi là những loài cá nhỏ và các động vật khác, chúng trườn cặp vây khổng lồ lên nạn nhân. Từ hai khối cơ đặc biệt ở trên và ở hai bên đầu, nó phóng ra những dòng điện mạnh tới 200 vôn giết chết con mồi.





Là động vật có vú sống thành đàn ở biển. Thân cá hình thoi, không có lông, cổ không phân biệt với thân, bơi bằng cách uốn mình theo chiều dọc. Cá heo có thể dài khoảng 1,5 - 8m; hàm có nhiều răng giống nhau, lưng có vây, phát siêu âm để bắt mồi và dùng âm thanh làm tín hiệu thông báo cho nhau khi thấy mồi hoặc khi gặp tai nạn cần sự hỗ trợ. Cá heo có bộ não rất phát triển. Chính vì vậy cá heo rất dễ huấn luyện để giúp ích cho con người như dẫn dắt tàu thuyền ra vào cảng, đi theo luồng lạch, cứu người bị nạn, làm xiếc và cả trong mục đích quân sự như chống người nhái, săn tìm tàu đối phương, đặt thủy lôi...

Cá hồi sống ở các vùng biển Bắc Âu và Bắc Mỹ, có tập tính di cư nên được mệnh danh là những “nhà du hành vạn dặm”. Cá hồi được sinh ra ở đầu nguồn các con sông, sống ở đây khoảng 2 năm, rồi ra biển ở 3-5 năm. Vào mùa thu, cá hồi trưởng thành lại từ biển bơi trở về các con sông rồi ngược lên đầu nguồn tìm đến các con suối quê hương. Chúng dùng đuôi quẫy mạnh làm bật những hòn sỏi lên, đào một lỗ hình lòng máng, sâu khoảng 20 - 30cm, dài khoảng 2m, để trứng vào đây, rồi dùng sỏi vụn và cát vùi lấp trứng. Cá hồi đẻ trứng từ tháng 9 đến tháng 11. Khoảng 10 ngày, sau khi trứng nở, cá đực yếu dần vì nhịn ăn sau khi rời biển nên kiệt sức và chết. Cá cái sống dai hơn, trong quãng đời 6-7 năm, đẻ vài ba lần. Cá con sau khi sinh liền bơi ra biển sinh sống, khi trưởng thành lại quay về sông, suối để đẻ trứng, ở đúng nơi xưa cá bố mẹ đã sinh ra mình.

Cá hồi cho thịt màu hồng – da cam rất ngon. Trứng cá hồi là một món ăn nổi tiếng, có giá trị kinh tế cao.





Loài cá biển quý hiếm, cơ thể màu hồng, sống ở Vịnh Bắc Bộ. Cá cỡ trung bình, dài 40 - 45 cm, nặng hơn 1 kg. Cá sống ở tầng đáy, ăn các động vật không xương sống (mực, ốc...).

Mùa sinh sản từ tháng 3 - 7. Thịt cá hồng ngon, ăn tươi hoặc đóng đồ hộp xuất khẩu.



CÁ KIẾM

swordfish, xiphophorus

C



Loài cá nước ngọt dễ con thuộc bộ Cá chép, có nguồn gốc ở Mê-hi-cô. Thân cá màu đỏ, bụng màu nhạt hơn. Khi cá trưởng thành thùy dưới vây đuôi biến thành một ống dài mềm, hình kiếm. Cá cái già cũng có thể có "kiếm" ngắn. Được 5 - 6 tháng tuổi, cá trưởng thành sinh dục. Thời gian chứa 4 - 6 tuần. Trong suốt thời gian đó cá cái có thể đẻ liên tục, từ 3 tuần rưỡi đến 4 tuần, có thể đẻ 1 lần từ 2 - 24 con.

Còn gọi là cá rồng vằn. Cơ thể có màu đỏ, nâu, trắng tạo thành các vằn sọc khá đẹp mắt. Vây lưng và vây ngực kéo dài thành những tia vây dài khác thường, trong số đó có một vài tia vây có tuyến độc. Chúng sống ở biển nhiệt đới, quanh các rạn san hô và thực vật biển, uốn lượn rất duyên dáng và đẹp mắt.



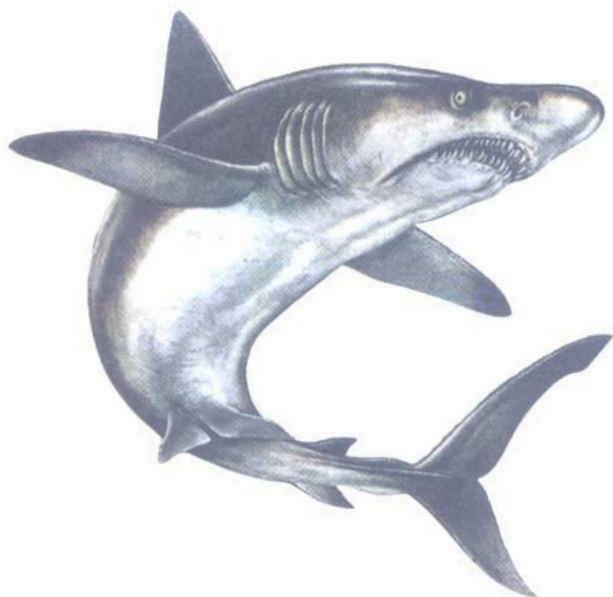
CÁ MẬP TRẮNG

bull shark, great white shark

C

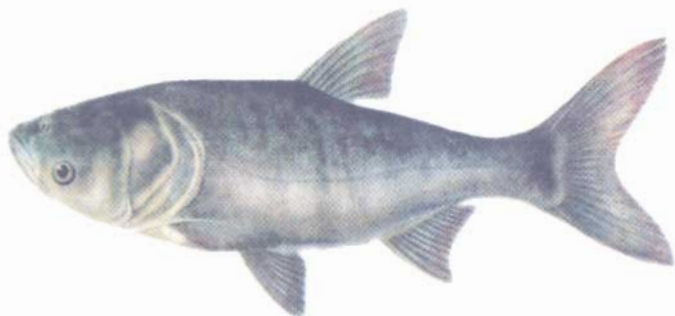
Loài cá mập có bộ “xương” toàn bằng sụn, thân hình thoi, bụng trắng, hai bên thân xám, nâu xỉn hoặc đen nhạt. Có từ 5 đến 7 khe mang để thở. Bộ răng lớn, rộng bản, dài tới 5 cm, rất khỏe, có thể cắn chặt hoặc xé nát những con mồi lớn. Mũi rất thính, chỉ một giọt máu loãng trong nước biển và rất loãng, cách xa 3 - 4 km, cá vẫn có thể đánh hơi được và xông đến. Cá mập trắng thích sống đơn độc giữa đại dương hoặc lảng vảng ở gần bờ. Chúng thường kiếm ăn ở tầng nước mặt, nhưng cũng có khi ở sâu tới 1000m. Người ta thường gặp cá mập trắng ở các vùng biển Nhật Bản và Thái Bình Dương. Loài này cũng có ở biển Đông nước ta. Có nhiều loài cá mập. Một số loài rất hung dữ, có thể ăn thịt người như cá mập xanh, cá mập trắng, cá mập hổ, cá mập hình chuột chũi,... Ngược lại, có những loài cá mập lớn như cá mập voi rất hiền lành và chỉ ăn sinh vật phù du. Các loài cá mập nhỏ thường có thịt ngon; vậy là món ăn đặc sản được người Á Đông xem là rất bổ và quý. Một số loài cá mập di cư sống ở bắc Đại Tây Dương và Địa Trung Hải, có thể dài tới 14 m, nặng 8 tấn, nhưng cũng chỉ ăn sinh vật phù du và cá nhỏ.





Loài cá mập có lưng xám, mõm nhọn, cơ thể dài từ 3-4m, nặng khoảng 450 kg. Cá mập xám nhỏ hơn cá mập trắng nhưng bơi vào loại giỏi nhất. Chúng có thể nhảy lên khỏi mặt nước để rượt đuổi con mồi. Thức ăn của chúng là các loài động vật biển, chủ yếu là cá. Cá mập xám còn tấn công cả người.

Là loài cá cùng họ với cá chép. Sống ở tầng trên gần mặt nước, ăn thực vật như rong rêu, bèo trong ao. Toàn cơ thể được bao phủ bằng một lớp vảy nhỏ màu trắng bạc. Trong cơ thể có nhiều tuyến đặc biệt tiết ra chất có mùi tanh. Không đẻ trứng trong ao hồ nước tĩnh mà chỉ đẻ trong những con sông có dòng nước chảy xiết. Hàng năm, đến mùa lũ khoảng tháng 6, tháng 7, cá mè di cư ngược dòng đến các ngã ba sông để đẻ trứng. Trứng đẻ ra trôi xuôi theo dòng nước tới hạ lưu nở ra cá bột. Muốn cho cá đẻ trong ao hồ phải dùng bơm tạo ra những dòng nước chảy và phải tiêm hoóc môn tuyến não thủy cho cá bố mẹ. Cá mè rất mau lớn và là loài cá nuôi chủ yếu của nước ta.



Loài cá biển sống thành đàn lớn ở tầng mặt vùng biển nhiệt đới. Thân cá ngừ thon, dài, gần giống cá thu, kích thước khá lớn, trung bình dài khoảng 40 cm, nặng 3 - 4kg. Lưng màu xanh lục, có nhiều vằn đen. Mùa sinh sản từ tháng 5-7. Cá ngừ ăn các loại cá nhỏ. Thịt cá ngừ thơm và ngon; là loài cá kinh tế của ngư dân, ở nhiều nơi được đánh bắt theo lối công nghiệp.



CÁ NGỰA

hippocampus, sea-horse

C

Còn có tên là "ngựa biển", có nhiều loài khác nhau. Đầu thẳng góc với thân, phần trước thân rất giống hình đầu và cổ của ngựa, phần đuôi nhọn và uốn cong quấn vào đám rong rêu nên rất khó bị phát hiện vì cơ thể hòa lẫn với môi trường. Lúc bơi, cá ngựa giữ mình thẳng đứng. Cá ngựa sống phổ biến ở dọc bờ biển Ôt-xtrây-li-a, Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... trong đám cây thủy sinh. Thân mình cá có thể dài tới 15cm.

Vào thời kì sinh sản, cá ngựa đực và cái dùng đuôi dài xoắn lấy nhau. Sau đó, con cái đẻ trứng vào cái "túi ấp trứng" trước bụng con đực. Cá đực ấp trứng cho đến khi trứng nở, rồi uốn cong người để đỡ đỡ cá con chui ra. Cá con mới nở còn yếu ớt, chưa đi xa, thường tụ tập quanh bố và quấn đuôi vào bố.

Cá ngựa là một loại dược liệu quý hiếm chữa được nhiều bệnh như hen, suyễn, liệt dương... Người ta nuôi cá ngựa để làm thuốc.



Toàn thân được cấu tạo bởi các đốt xương vòng. Đỉnh đầu có chùm gai to, cao, các góc của đốt thân có gai dài và nhọn. Mõm hình ống, không có vây bụng và vây đuôi. Vây lưng và vây ngực nhỏ. Toàn thân màu nâu nhạt. Cá ngựa gai có khả năng phát ra âm thanh "cóc-kẹt". Có lúc từng cá thể phát ra âm thanh, cũng có khi 2-3 con cùng phát ra một lúc. Trong mùa sinh sản,

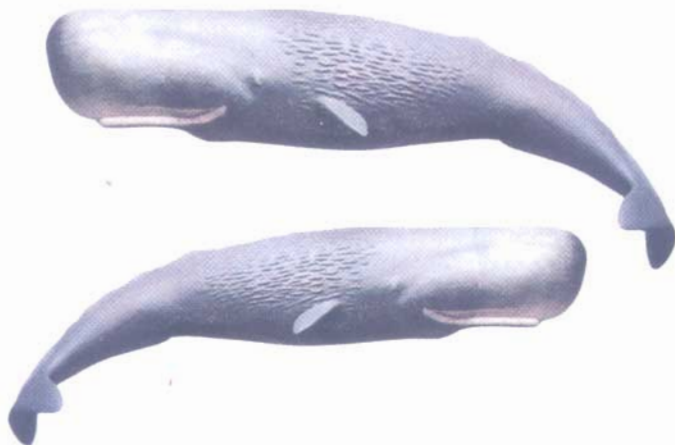


sự phát âm thường tăng lên để quyến rũ "bạn đời". Cá ngựa gai thường sống ở các vùng nước gần bờ, nơi nước trong, độ muối cao và có thảm thực vật thủy sinh. Chúng dùng đuôi cuốn chặt vào các nhánh cây để giữ cho thân thẳng đứng. Cá ngựa gai phân bố ở Vịnh Bắc Bộ, ven biển miền Nam nước ta.

CÁ NHÀ TÁNG

cachalot, sperm-whale

C



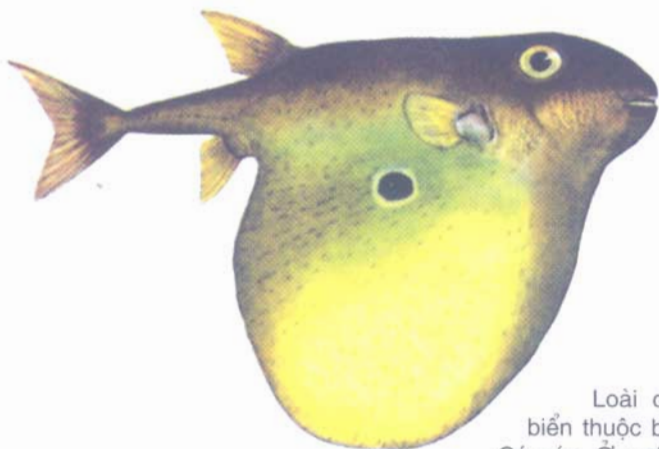
Loài thú lớn sống ở biển thuộc bộ Cá voi, cơ thể dài tới 18m; có nhiều răng nhọn dính ở mặt trên của hàm dưới. Cá nhà táng có đầu rất lớn, chiếm tới 1/3 chiều dài thân. Thức ăn của chúng là các loài mực, tôm, cá ở biển. Một con cá đực có thể ăn hết một tấn mực trong 1 ngày. Cá nhà táng có khả năng lặn sâu tới 1.000m để ăn mực. Cũng như cá voi, cá nhà táng đẻ con và nuôi con bằng sữa.

Cái đầu khổng lồ của cá nhà táng chứa "tinh dịch màu trắng của cá voi" còn dạ dày thì chứa "mã não xám". Cả 2 chất trên đều là nguyên liệu quý, dùng để chế tạo mĩ phẩm.

Loài cá nóc trên mình có nhiều gai nhọn. Mỗi khi gặp kẻ thù, chúng nuốt không khí và nước làm cho cơ thể phình to, tròn như quả bóng với các gai tua tủa giương ra, khiến cho kẻ thù phải bỏ chạy.



puffer, globefish, swellfish _____



Loài cá
biển thuộc bộ
Cá nóc. Ở nước

ta phổ biến có cá nóc
thân ngắn, da trần, cá nóc có gai và cá nóc có tấm
xương bì bao phủ... Miệng nhỏ, xương hàm trên gắn
liền với nhau làm thành “mỏ” cứng giúp cá có thể cắn
giập vỡ được vỏ trai, ốc...

Vây lưng mềm ở gần vây đuôi, vây bụng thiếu
hoặc biến thành gai nhọn. Gan và ruột, buồng trứng
có chất độc, nếu ăn phải sẽ bị ngộ độc có thể chết
người. Vào mùa sinh sản lượng chất độc tăng gấp
bội. Cá nóc có khả năng hút không khí hoặc nước
biển vào ruột làm cơ thể phồng lên như quả bóng, trôi
nổi trên mặt biển, để hù dọa kẻ thù.

_____ *scad, horse-mackerel, anchovy*

Loài cá phổ biến ở vùng biển nước ta. Cá nục thuộc loại cá nhỏ, cơ thể dài khoảng 12-13cm. Cá nục ăn nổi, thức ăn của chúng là các động vật phù du. Mùa sinh sản vào tháng 3 - 4. Cá nục là loài cá có giá trị kinh tế đối với ngư dân, chúng được đánh bắt nhiều bằng lưới vây.



CÁ PHỔI

lungfish, dipnoan, mudfish _____

C

Cá sống trong các ao hồ có thể cạn nước theo mùa, hoặc các sông ngòi. Có ở châu Đại Dương (châu Úc), vùng phía tây châu Phi và vùng A-ma-zôn ở Nam Mỹ. Sống trong nước, mang và bóng hơi đều có tác dụng hô hấp. Đến mùa khô hạn, mang không còn tác dụng thì cá thở bằng bóng hơi và chui vào bùn để giữ cho nước trong thân thể khỏi bị bốc hơi quá nhanh. Bóng hơi lúc này có vai trò như phổi của động vật ở cạn. Cá phổi châu Phi làm một cái kén bằng bùn trộn với dịch nhờn do chúng tiết ra. Kén có một lỗ nhỏ thông ra bên ngoài. Cá phổi nằm trong kén và thở bằng bóng hơi qua cái lỗ nhỏ ấy trong suốt mùa khô. Bóng hơi trở thành bộ máy hô hấp vì mặt trong bóng hơi có nhiều mạch máu nhỏ có khả năng trao đổi khí. Nếu lấy sợi chỉ thắt ống thông giữa bóng hơi với thực quản của cá phổi, cá phổi sẽ chết ngạt, cho dù môi trường sống của chúng có giàu khí ô-xi.



CÁ QUẢ (CÁ TRÀU, CÁ CHUỐI)

snake-head, mullet



Là loài cá dữ điển hình, sống phổ biến trong các ao hồ và các khúc sông tĩnh lặng. Chuyên ăn động vật như ếch nhái, sâu bọ, nòng nọc, cá nhỏ, bã hữu cơ... nên ruột rất ngắn. Ao ương cá con không được thả cá quả vì nó sẽ ăn hết cá con. Song thường thì nó lại dọn sạch các sinh vật gây hại trong ao.

Khi cá dài khoảng 25 cm, nặng trung bình 0,3 kg thì đẻ trứng, mỗi lần đẻ 7000-8000 trứng. Mùa đẻ từ tháng 5 đến tháng 10. Trước khi đẻ, cá làm một cái tổ bằng cây thủy sinh, rồi đẻ vào bên trong. Trứng nổi thành đám. Cá mẹ nằm ở dưới để canh chừng cá khác khỏi ăn mất trứng. Cá con nở ra, sống thành đàn ở mặt nước gọi là "tổ rỗng rỗng". Tổ rỗng rỗng ở đâu là có cá mẹ ở đó. Cá mẹ hay bị câu bắt là vì thế. Đó cũng là xuất xứ của câu: "Cá chuối đăm đuối vì con".

Cá quả có thể chịu được nồng độ ô-xi hòa tan rất thấp trong nước nên để cá trong chum vại rất lâu với một ít nước mà cá vẫn sống. Vì thế người ta có thể xuất khẩu cá quả sống sang các nước ở rất xa.

CÁ RÔ

anabas

C

Là loài cá rất phổ biến ở ao hồ nước ta. Cá thường dài từ 10-15 cm. Thân dẹp hai bên, đầu tròn múp, nắp mang khỏe có hình răng cưa. Vây lưng có nhiều gai cứng. Cá rô là loài cá rất khỏe, có thể bò rạch lên cạn và sống trên cạn khá lâu vì cá có cơ quan hô hấp phụ là những nếp màng nhầy có nhiều mạch máu nhỏ ở phía trên khoang mang, có thể trao đổi không khí.

Ở một số nước, cá rô còn được gọi là cá leo cây vì vào mùa khô cá chui rúc trong bùn nhưng nếu hạn hán kéo dài thì cá phải chui lên mặt đất, thậm chí leo cả lên cây, hi vọng tìm được nguồn nước mới. Cá trườn bò trên đất khô rắn và leo được cây nhờ vây ngực khỏe, gai nắp mang rất cứng và thở bằng cơ quan hô hấp phụ.

Trong các ao hồ, cá rô sống ở tầng nước giữa, ăn tạp nhưng chủ yếu ăn động vật nhỏ nên ruột ngắn. Cá lớn chậm, nhưng chỉ sau một năm là có thể có trứng. Cá đẻ vào mùa mưa, khoảng từ tháng 4 đến tháng 7. Vào những ngày trời mưa to, ở các rãnh nước chảy vào ao hồ, cá rô thường bơi ngược dòng nước ("rạch ngược") để đẻ trứng. Trứng cá nổi lên mặt nước, hình bầu dục, trôi vào các ao hồ và nở ra cá con. Thịt cá rô rất thơm ngon.



Hình dáng giống cá rô, nhưng vốn gốc ở vùng Mô-dăm-bic (châu Phi), được du nhập vào nước ta từ năm 1951. Chịu lạnh rất kém, cá sẽ chết nếu ở lâu dưới 15°C . Miền Nam có thể nuôi được quanh năm, còn ở miền Bắc chỉ nên nuôi vào mùa hè, thu, về mùa đông cần phải thu hoạch sạch hoặc chống rét cho cá.

Là loại cá cỡ nhỏ, con to nhất ở nước ta chỉ nặng khoảng 1 kg, nhưng ở quê hương chúng có thể nặng tới 3 kg. Cá rô phi đẻ lớn nhanh hơn cá cái, nên thường được nuôi để lấy thịt.

Từ 3 đến 4 tháng tuổi, cá rô phi bắt đầu sinh sản. Cá đẻ quanh năm, mỗi năm 5 - 6 lứa. Mỗi lứa hàng nghìn trứng. Khi đẻ cá làm tổ hình lòng chảo ở đáy ao hồ, đường kính dài 30-40cm, sâu 5 - 6cm. Trứng sau khi thụ tinh được cá bố ngâm trong mồm. Đây là một hình thức ấp trứng để tránh kẻ thù. Thời gian ấp trứng trong miệng cá bố khoảng 15 - 20 ngày nên cá bố gầy đi rất nhanh vì phải nhịn đói. Cá con càng lớn cá bố càng phải phồng to miệng hơn. Khi các con đã khá cứng cáp, cá bố thả chúng ra ngoài để cá con sống tự lập.

Thịt cá rô phi không ngon lắm, nhưng là nguồn thức ăn động vật rẻ tiền của các nước nghèo. Có thể nuôi ở cả nước ngọt và nước lợ, sản lượng nhiều nơi có thể tới 20 tấn/ha.





Loài bò sát to lớn nhất hiện nay, có cấu tạo tiến hóa hơn các nhóm bò sát khác, thích nghi với đời sống ở nước trong các ao, hồ, đầm, vùng xích đạo và nhiệt đới. Cá sấu có hình dạng gần như thằn lằn nhưng to lớn hơn. Cơ thể tùy loài có thể dài từ 1,5 - 6m, chân có màng bơi giữa các ngón, mõm dài và rất khỏe, khi bơi chỉ để lộ 2 lỗ mũi ở đầu mõm và 2 mắt lên khỏi mặt nước. Có khoảng 21 loài cá sấu khác nhau.



Còn có tên là cá sấu nước lợ, cá sấu lửa, cá sấu bông; là loài cá sấu lớn có thể dài tới 7m. Các tấm sừng trên lưng có màu vàng, đen xen kẽ, nối với nhau bởi màng da. Cá sấu hoa cà chỉ có ở phía Nam nước ta, vùng duyên hải, ven các đảo, các cửa sông lớn hay vùng rừng ngập mặn, các đầm lầy nước lợ. Thức ăn chủ yếu là động vật như cá, rắn, rùa, chim, thú nhỏ... Cá sấu con thường ăn động vật nhỏ hơn như tôm, cua, cá...

CÁ SẤU NƯỚC NGỌT

siamese crocodile

C

Còn gọi là cá sấu Xiêm, khá phổ biến ở miền Nam nước ta. Cá sấu nước ngọt nhỏ hơn cá sấu hoa cà, dài hơn 2m. Mồm thuần dài. Đuôi cao, to. Chân có màng bơi nổi giữa các ngón, sống chủ yếu ở các sông, hồ lớn, đầm lầy nước ngọt, nơi có dòng chảy chậm. Chúng chủ yếu sống ở dưới nước, chỉ nhô 2 lỗ mũi và 2 con mắt lên mặt nước. Những ngày nắng chúng hay bò lên cạn để "sưởi ấm". Cá sấu nước ngọt được con người nuôi khá nhiều. Thức ăn của chúng rất đa dạng như cá, ếch, nhái, chim, chuột, lòng trâu bò gà lợn, thậm chí cả mối chết có mùi. Cá sấu nước ngọt giao phối dưới nước vào khoảng từ tháng 12-3, sau đó lên cạn đẻ trứng từ tháng 4-10.



Loài cá nhỏ, sống ở các vùng nước lợ, có hai mắt lồi giống như mắt ếch, có thể nhìn được tứ phía. Vây ngực có hệ cơ khỏe nên cá thoi loi có thể chuyển động được dễ dàng trên cạn, thậm chí leo được lên cây. Cá thoi loi thường bò lên bờ thành từng đàn đông để kiếm mồi. Khi gặp người, chúng lẩn trốn dưới rễ cây hay khe đá và có thể sống lâu trên cạn (ngoài nước). Cá thoi loi có tập tính con lớn nuốt con bé.



CÁ THU

mackerel, cero

C



Loài cá biển sống ở tầng nước mặt, vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, hay gặp ở Đại Tây Dương, Địa Trung Hải và Thái Bình Dương. Vây đuôi khỏe hình lưỡi liềm, gốc đuôi hẹp. Vảy tròn, nhỏ, ẩn dưới da nên nhìn bên ngoài thấy da cá "mịn". Miệng lớn có nhiều răng. Kích thước trung bình, dài 40 - 70 cm, nặng khoảng 1kg. Vào tháng 2 - 6, cá tập trung thành đàn rất lớn di cư vào gần bờ để đẻ trứng. Thịt cá thu rất ngon. Dầu cá được chế biến từ gan cá thu dùng làm thuốc chữa bệnh còi xương, quáng gà...

Sống ở tầng nước giữa, chỉ ăn thực vật, rau cỏ, rong rêu nên có tên là "cá trắm cỏ". Bề ngoài giống với cá trắm đen nhưng màu sắc vẩy nhạt hơn nên còn có tên là "cá trắm trắng". Vì ăn thực vật nên ruột cá trắm cỏ dài hơn cá trắm đen để tận dụng hết chất dinh dưỡng. Cá trắm cỏ cũng là loài cá lớn, có thể nặng tới 30 - 35 kg. Thông thường khi đạt 2 tuổi cá nặng 3kg. Cá trắm cỏ có tập tính di cư khi đẻ nên phải tiêm thuốc kích thích cho cá đẻ trứng trong ao.



CÁ TRẮM ĐEN

black amur, black carp



Là loài cá nuôi cỡ lớn. Con lớn nhất có thể nặng tới 40kg. Nhưng để đạt tới trọng lượng đó phải tốn rất nhiều thức ăn cho cá, vì thế người nuôi cá thường thu hoạch khi cá đạt 3 - 5kg là có lãi nhất. Cá trắm đen có cơ thể dài và tròn lẳn, sống ở tầng đáy giống cá chép. Vẩy trên lưng màu đen, vẩy bụng màu sáng hơn. Cá ăn cả thực vật, nhưng chủ yếu là ăn động vật nhỏ như ếch, nhái, sâu bọ, ốc... Cá lớn nhanh, sau 2 năm đã nặng tới 3kg và có thể lớn nhanh hơn nữa nếu được ăn nhiều hơn vì cá trắm đen là loại rất háu ăn.

Trong tự nhiên, cá trắm đen sống trong các ao hồ gần hạ lưu sông. Cá 5-6 tuổi mới bắt đầu đẻ trứng. Đến mùa sinh sản, cá cái bơi ngược dòng từ hạ lưu lên trung lưu và đẻ trứng ở đó. Trứng theo dòng nước lại trôi xuôi về hạ lưu và nở thành cá con. Cá con theo nước lũ lụt di cư vào các ao hồ ven sông.

Ngày nay do bị đánh bắt quá nhiều nên rất hiếm khi gặp cá trắm đen trong tự nhiên có trứng. Cá trắm đen được nuôi ở ao hồ phải tiêm thuốc kích thích mới chịu đẻ trứng.



Là loài cá không có vảy, chỉ có lớp da trần trơn nhẵn, đầu cá bẹt và có râu; thường sống nơi nước tĩnh ở đáy ao hồ, nơi có nhiều bùn. Thức ăn là các loại động vật đáy. Vì ăn thịt nên ruột cá ngắn. Cá đẻ quanh năm, nơi nước chảy, số trứng nhiều, có thể lên tới hàng vạn trứng. Thịt cá trê cũng thơm ngon như cá rô.

Khi trời mưa to hay khi nước tràn bờ, cá trê có thể theo dòng nước chảy mà rạch ngược lên bờ ruộng. Ở trên cạn cá có thể sống một thời gian khá dài vì chúng có cơ quan hô hấp phụ ở phía trên khoang mang gọi là "hoa khế", nơi có nhiều mạch máu nhỏ có thể trao đổi khí.

CÁ TRÍCH

herring

C



Loài cá biển cỡ nhỏ, dài 9 - 18cm, trọng lượng 10 - 80g. Thân hình bầu dục dài, hai bên dẹp, miệng nhỏ, hàm dưới nhô ra so với hàm trên. Cá trích ăn giáp xác, thích ánh sáng và nhiệt độ 18 - 23°C. Vào tháng 3 - 6, cá trích tập trung thành đàn lớn, di cư vào gần bờ để đẻ trứng. Tới tháng 9 - 10, cá con đã trở thành đối tượng đánh bắt của ngư dân.





Sống ở tầng nước giữa trong ao hồ, là loài cá ăn thực vật. Cá trôi là loài cá phàm ăn, nên lớn rất nhanh. Vì ăn nhiều thức ăn thực vật nên ruột rất dài. Người ta hay ví "lôi thôi như cá trôi xổ ruột".

Ở nước ta cá trôi nặng tối đa tới 3 - 4kg. Trong tự nhiên, cá trôi sống trong các sông, ngòi và có tốc độ lớn khá nhanh. Cá trôi có tập tính sinh đẻ như cá mè, không đẻ trong ao hồ mà chỉ đẻ ở nơi nước chảy thuộc các sông lớn.

CÁ VÀNG

goldfish

C

Có nguồn gốc từ cá diếc, được con người tạo ra nhiều nòi khác nhau để nuôi làm cảnh. Từ cá vàng đã phân hóa thành nhiều loài cá cảnh quý, có hình dạng đặc biệt như cá thần tiên, cá bướm, cá kiếm...

Thức ăn để nuôi cá vàng là bọ gậy, giun đỏ và vụn bông gạo.





Loài cá có từ kỉ Phấn Trắng và xem như đã tuyệt chủng, nhưng tới năm 1938 lại tình cờ đánh bắt được con đầu tiên ở vùng biển Nam Phi. Cá vây tay sống dưới biển sâu, kích thước có thể dài tới 1,5m, vảy cứng, vây thùy dài và khỏe, khung xương nâng đỡ dùng để bơi bùn ở đáy biển tìm thức ăn.

Cá vây tay có bóng hơi, song các hóa thạch còn có cả phổi. Hiện nay nó được coi là một hóa thạch sống.

Là động vật có vú, đẻ con và nuôi con bằng sữa, thở bằng phổi không thở bằng mang như các loài cá khác. Thân dài, hình thoi như cá, da không có tuyến tiết chất nhầy, lông thưa, không có tuyến mồ hôi hay tuyến nước bọt, dạ dày chia thành nhiều ngăn, không có túi mật. Chi sau thoái hóa, chỉ còn di tích của xương đai hông, chi trước biến thành vây. Xương cánh tay và cẳng tay ngắn, xương ngón tay dài chia nhiều đốt.

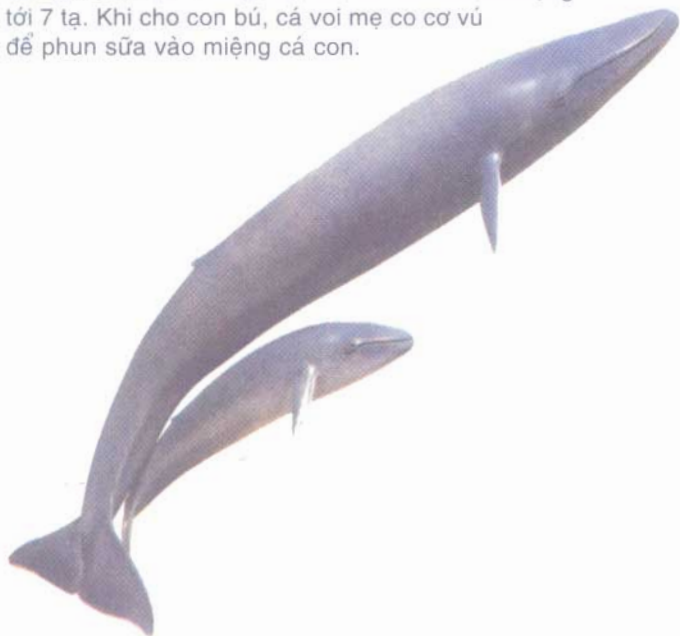
Cá voi có phổi lớn, chứa được nhiều ô-xi nên có thể lặn lâu hàng giờ. Mỗi khi ngoi lên mặt nước để thở thì 90% không khí trong phổi được đổi mới (ở người chỉ có 15% mỗi khi thở ra hít vào).

Cá voi đẻ 1-2 con, cũng có rau thai như động vật có vú khác. Có hai loại: cá voi có răng giống như cá nhà táng và cá voi không răng. Khi ăn cá voi thường há miệng và bơi thật nhanh, nước biển tràn vào mang theo tôm cá, lúc đó, cá voi ngậm miệng lại. Hàm răng như cái lược giữ thức ăn lại và nuốt xuống bụng, còn nước theo các khe răng lược ra ngoài.

Cá voi có giá trị kinh tế rất lớn: dầu gan cá voi là một nguồn vi-ta-min A phong phú ; thịt, da làm nệm ; các dạng thạch trong dạ dày gọi là "long diên hương" dùng để chế nước hoa; răng cá voi dùng làm phím đàn pi-a-nô, hoặc các con cờ...



Là loài thú lớn nhất trên thế giới. Cá voi xanh có thể dài tới 33m, nặng 150 tấn (bằng khoảng 30 con voi châu Phi cộng lại). Cơ thể giống cá, sống ở nước nhưng cá voi xanh cũng là một loài thú thở bằng phổi, đẻ con và nuôi con bằng sữa. Vì dung tích phổi rất lớn nên cá voi xanh có thể lặn rất lâu dưới nước. Khi ngoi lên mặt nước để thở, chúng thở ra rất mạnh, hơi nước thở ra gặp không khí lạnh ngưng tụ thành những hạt nước nhỏ li ti tạo thành nhiều tia nước nhỏ. Thức ăn của cá voi xanh là các động vật biển như tôm, cá,... Cá voi xanh đẻ 1 con, cá voi con mới đẻ đã nặng tới 7 tạ. Khi cho con bú, cá voi mẹ co cơ vú để phun sữa vào miệng cá con.



CÁI GHẺ

acarus, itch mite

C



Là động vật bé nhỏ, chỉ bằng đầu kim, thuộc lớp Nhện, chuyên sống kí sinh trên người hoặc các loài thú. Sau khi giao phối, cái ghẻ đào hang trên da người để đẻ trứng. Mỗi khi đào hang, cái ghẻ gây ngứa ngáy khó chịu. Ghẻ non mới nở chui từ đáy hang lên bề mặt da để phát triển. Lúc này là lúc ghẻ dễ lan truyền từ người này sang người khác. Muốn tránh lây ghẻ không nên dùng chung giường chiếu, quần áo, chăn màn với người bị ghẻ. Muốn chữa ghẻ cần chăm tắm rửa bằng xà phòng đặc chủng, bôi thuốc ngoài da và luộc kĩ quần áo, chăn màn để tiêu diệt các mầm ghẻ trên đó.



Loài côn trùng thuộc bộ Cánh cứng. Hai cánh ngoài cứng, màu xanh lục óng ánh, hai cánh trong mỏng gọi là cánh màng. Khi bay, cánh cam xòe đôi cánh cứng lên và chỉ đập đôi cánh màng bên dưới. Thức ăn của cánh cam là các bông hoa, đặc biệt là những cây thuộc họ hoa hồng. Cánh cam là loài sâu bọ có hại đối với cây trồng.

CÀO CÀO

green grasshopper

C

Là loài côn trùng cùng họ hàng với châu chấu. Toàn thân có màu xanh lục, đầu nhọn, hai đôi cánh khỏe. Đôi cánh trước dài, hẹp và thẳng gọi là cánh da. Đôi cánh sau là cánh màng rất mỏng, rộng, có màu hồng hoặc vàng nhạt. Râu dài, phần phụ miệng kiểu nghiền. Con cái có vòi đẻ trứng ở cuối bụng. Đôi chân sau to khỏe là chân nhảy còn gọi là cẳng.

Cào cào sống trên cây, ăn hại lá cây và sinh sản giống như châu chấu. (xem: châu chấu)



Còn gọi là chồn, sống thành đàn vài chục con, chuyên săn bắt chim, thú nhỏ. Cáo mẹ mang thai 49-50 ngày, đẻ từ 4 đến 12 con mỗi lứa. Cáo con sau 2 tuần mới mở mắt và mọc răng, bú mẹ khoảng 1 tháng rưỡi. Tuổi thọ của cáo: khoảng 20-25 năm.

Họ hàng nhà cáo có nhiều loài khác nhau:

- + Cáo Bắc Cực và Nam Cực có bộ lông màu nâu sẫm và xám đen vào mùa hè, trắng vào mùa đông.
- + Cáo Nam Mỹ giống như chó rừng...
- + Cáo bắt cua có ở Vê-nê-đuy-ê-la và Nam Bra-xin chuyên ăn cua cây.





Còn gọi là chim ưng hay diều hâu, có nhiều loài to nhỏ khác nhau. Là loài chim ăn thịt nên có mỏ quặp nhọn để xé mồi, chân to khỏe có móng vuốt cong, sắc để quắp mồi; bay giỏi; có đôi mắt tinh tường để phát hiện ra mồi từ xa. Thức ăn của chim cắt là chuột, chim, gà, vịt... nên là loài vừa có lợi, vừa có hại. Chim mẹ thường đẻ 2-3 trứng một lứa, chim non yếu, có lông tơ trắng.

Là động vật không xương sống, lớp Cầu gai, ngành Da gai sống ở biển. Cơ thể hình trứng, trên có nhiều gai dài. Càng gần vòng chu vi rộng nhất của cơ thể gai càng dài và to. Phía gốc gai có hình tròn và nhọn dần đến ngọn. Gai là cơ quan vận chuyển của cơ thể đồng thời là cơ quan tự vệ. Cầu gai ăn thực vật, bã hữu cơ và động vật nhỏ. Cầu gai đẻ trứng, trứng thụ tinh và phát triển ngoài cơ thể. Người ta đánh bắt cầu gai để làm mắm, hoặc lấy gai làm thuốc.



CÂY GẤM

spotted civet, genet



Loài thú nhỏ, bộ lông có màu vàng đất xen nhiều đốm đen hình bầu dục lớn nhỏ xen nhau. Đuôi rất dài và có 9 khoang đen xen 9 khoang vàng nhạt. Trọng lượng từ 4 - 5kg. Cây gấm leo trèo rất giỏi, thường sống trong các rừng cây từ miền Bắc đến miền Trung. Thức ăn của cây gấm là các loài côn trùng, chim, ếch, nhái... Mùa sinh sản từ tháng 2 đến tháng 8.



Loài thú khá lớn trong họ Cây sống ở vùng Đông Nam Á ; trọng lượng cơ thể từ 9-12 kg. Cây giông có bộ lông màu xám mốc, đậm ở phần lưng, nhạt ở phần bụng. Dọc theo cột sống có một dải lông đen cứng khi gặp nguy hiểm thì dựng lên để đe dọa kẻ thù. Cổ có các vằn trắng đen xen kẽ nhau. Đuôi dài có 5 vòng đen xen 5 vòng trắng. Bốn chân đen tuyền. Con đực và con cái đều có tuyến xạ nằm gần cơ quan sinh dục. Gặp kẻ thù cây giông tỏa mùi xạ để đánh lạc hướng. Cây giông sống đơn độc trong các hang hốc ở rừng, nương rẫy, ven suối hoặc các thung lũng. Thức ăn của chúng là các động vật nhỏ và quả mềm. Mùa sinh sản kéo dài từ tháng 2 đến tháng 7.

Thịt cây giông ngon. Mật được dùng để chữa bệnh phụ nữ khi sinh đẻ. Da, lông là những mặt hàng có giá trị kinh tế. Tuyến xạ được dùng trong công nghệ sản xuất nước hoa.



CÂY HƯƠNG

musk - cat

C

Thân hình nhỏ, gốc hai tai ở gần nhau. Màu lông gần giống với cây giông. Sống ở các vùng đồi, núi đất, các thung lũng, bụi cây, quanh các nương rẫy, trên đồng ruộng và cả trong các bản làng.



Ở đồng bằng, đôi khi gặp cây hương ở các bãi sông, bờ bụi bao quanh làng. Thức ăn cũng là động vật nhỏ và quả mềm.

Cây hương sống đơn độc, chỉ ghép đôi trong mùa sinh sản. Tuyến xạ của cây hương chỉ có ở con đực, mùi thơm giống như mùi cơm nếp để hấp dẫn con cái. Cây hương mẹ làm tổ trong các hốc cây, khe đá hoặc bụi rậm, lót tổ bằng cỏ và lá khô. Mỗi lứa cây hương thường đẻ 3 con.

Cây hương là loài động vật có ích vì chúng tiêu diệt nhiều chuột và côn trùng phá hại cây. Thịt cây hương thơm ngon. Da, lông là mặt hàng xuất khẩu có giá trị. Người ta thường săn bắn cây hương để lấy thịt, da, lấy tuyến xạ ở con đực để sản xuất nước hoa, làm thuốc chữa bệnh động kinh, hen suyễn...

Cơ thể thon dài, bộ lông màu vàng đất, mỏng và tứ chi phớt nâu xám. Đầu, gáy, đuôi và bàn chân màu đen nâu. Bụng màu vàng nhạt, cổ, cằm và ngực màu vàng tươi. Trọng lượng cơ thể từ 3-5kg. Cây mác sống đơn độc trong các rừng cây gỗ, ngủ trong các hốc cây, hốc đá và hang đất. Cây mác leo trèo giỏi, di chuyển nhanh nhẹn trên cây và bơi giỏi. Thức ăn của cây mác gồm nhiều động vật như chim, sóc, chuột, rắn và một số động vật nhỏ khác. Mùa sinh sản từ tháng 3 đến tháng 6.



CÂY MỰC

binturong, black cat

C



Loài thú lớn nhất trong họ Cây, trọng lượng lên tới 12 - 20kg, còn có tên là chồn mực hay cây gấu. Cây mực có bộ lông dày, quăn, màu đen, mủi lông có thể phớt trắng, tai to, trên vành tai có túm lông dài, mép vành tai trắng. Đuôi rất dài, gốc đuôi to, mủi đuôi nhỏ đẹp, có thể quấn được vào cành cây. Cả con đực và con cái đều có tuyến xạ. Cây mực chủ yếu sống trong các rừng già, nơi hoang vắng. Chúng thường đi kiếm ăn một mình, leo trèo và bơi lội đều giỏi. Cây mực là loài ăn tạp. Thức ăn chủ yếu là các loại củ, quả cây, côn trùng, thằn lằn, chim và các loài gặm nhấm. Cây mực sinh sản vào mùa thu.

Loài thú nhỏ, trọng lượng cơ thể từ 2-5 kg. Bộ lông màu trắng đục với 7, 8 vệt đen lớn hình tam giác vắt ngang lưng. Hai bên cổ, vai, mặt ngoài các chi có nhiều đốm đen. Bụng có lông màu sáng hơn. Mồm dài, thon nhỏ. Cây vằn sống trong các khu rừng thuộc miền Bắc và miền Trung nước ta. Chúng ưa những nơi ẩm ướt như ven suối, dọc các thung lũng. Thức ăn của cây vằn là các động vật nhỏ như giun đất, côn trùng, rắn, chim, ếch nhái và quả mề. Mùa sinh sản từ tháng 3 đến tháng 5.



CÂY VÒI MỐC

palm civet, gray civet

C



Loài thú cỡ trung bình thuộc họ Cầy, trọng lượng 6 - 9 kg, thân dài từ 65 – 75 cm; lông màu vàng xám hoặc xám, màu lông cầy vòi mốc có sự thay đổi tùy theo từng vùng. Bụng có màu xám trắng. Có một sọc trắng chạy từ mũi lên đỉnh đầu. Má màu trắng nhạt có đốm trắng ở góc tai và dưới mí mắt. Cả con đực và con cái đều có tuyến xạ. Cầy vòi mốc sống chủ yếu trong các khu rừng có nhiều cây gỗ lớn. Thức ăn chủ yếu là các loại quả: vả, sung, đu đủ, chuối... Ngoài ra, còn ăn cả côn trùng, nhái, chuột, rắn... Sinh sản từ tháng 3 đến tháng 7.

Loài cá rất phổ biến ở đồng ruộng Việt Nam. Vì thích nghi với cuộc sống chui rúc trong bùn nên cơ thể chạch có nhiều biến đổi. Thân tròn dài, vây lưng và vây hông tiêu biến. Ngoài khả năng thở bằng mang, chạch còn thở bằng da và đặc biệt là bằng ruột. Phần giữa và phần sau ruột có mạng mạch máu rất dày, có thể hấp thụ được một phần khí ô-xi khi không khí được nuốt qua ruột rồi thoát qua hậu môn. Thả vào chậu không có nước, chạch luôn há to miệng để hút không khí. Nếu cho bùn vào chậu, chạch sẽ chui ngay vào bùn, nhờ có cách thở bằng da nên nó có thể sống trên cạn được hơn 10 ngày.

Chạch là loài cá ăn tạp. Thức ăn là tảo, giáp xác và côn trùng ở đáy. Cá lớn nhanh vào mùa hè và lớn chậm về mùa đông do thức ăn giảm sút. Cá cái sau 1 năm thì đẻ, thường đẻ từ tháng 4 đến tháng 7, mỗi lần đẻ tới hàng nghìn trứng trên các ruộng lúa hoặc nương, rãnh gần ao.



CHÀO MÀO

red-whiskered bulbul

C



Loài chim phân bố rộng rãi, từ miền núi đến đồng bằng nước ta, sống định cư. Chào mào thường ở những vườn cây, bụi cây, các lùm cây ven rừng... Là loài chim ăn quả nhưng vào mùa sinh sản, chào mào thường bắt nhiều sâu bọ về mớm cho chim non mới nở.

Chào mào thường làm tổ trong bụi rậm hay trên cành cây rậm rạp, cách mặt đất từ 0,5 - 12m. Tổ có hình chén làm bằng vỏ cây mềm, lá khô, bông cỏ và mạng nhện. Chào mào đẻ 3 - 4 trứng mỗi lứa. Mỗi năm 2 - 3 lứa. Mùa sinh đẻ từ tháng 4 đến tháng 8. Cả chim bố và chim mẹ đều tham gia ấp trứng và nuôi con.



Loài sâu bọ thuộc bộ Cánh thẳng. Cơ thể gồm 3 phần: đầu, ngực, bụng. Râu hình sợi, đôi mắt kép lớn. Miệng kiểu nghiền. Ngực có 3 đốt với 3 đôi chân và 2 đôi cánh ở 2 đốt trước. Bụng có 10 đốt, đốt cuối cùng của châu chấu cái kéo dài thành máng đẻ trứng. Đến mùa sinh sản, châu

chấu cái dùng máng đẻ trứng xuyên xuống đất và đẻ trứng thành ổ trong đất. Trứng nở ra châu chấu non đội đất chui lên. Châu chấu là loài phá hại rau màu, lúa và cây xanh nói chung.

Ở các nước xích đới và nhiệt đới như châu Á, châu Phi, châu chấu di cư thường kết thành từng đàn khổng lồ, có khi tới hàng chục triệu con, bay rợp trời và xa hàng chục kilômét, rồi đổ xuống rào rào như những trận mưa khủng khiếp ăn hết hoa màu và mầm xanh trong những vùng rộng lớn, chỉ để lại cây cối trơ trụi lá và đất đá khô cằn. Người ta gọi là "nạn châu chấu".



CHẤU CHUỘC

bull-frog

C



Còn gọi là chằng chuộc, là loài ếch nhái có kích thước trung bình. Con đực lớn nhất dài 9cm, nặng 55g, con cái lớn nhất dài 8cm, nặng 84g. Lưng màu xám nhạt hay nâu, đôi khi đỏ nhạt. Vào mùa đông, từ tháng 12 năm trước đến tháng 1 năm sau, chấu chuộc sống trong các hang hốc kín đáo ở bờ ruộng, bụi cây... Cuối tháng 2 đầu tháng 3, gặp những trận mưa lớn, chấu chuộc ra khỏi hang, tới gần các vực nước và “gọi nhau” inh ỏi, ì ộp để chuẩn bị đẻ trứng. Thời gian đẻ trứng từ tháng 3 - 7. Trứng đẻ ra nổi lên mặt nước thành những đám bọt hình tròn, bầu dục, chứa đầy trứng tròn và trong suốt, gọi là “bọc trứng”.

Chấu chuộc là loài có ích vì tiêu diệt côn trùng phá hại mùa màng.



Loài sâu bọ kí sinh trên tóc người, sống bằng cách hút máu người. Do đời sống kí sinh nên không có cánh, mắt cũng tiêu giảm, đầu nhỏ, râu ngắn dùng để đánh hơi, chân ngắn và cong có móc bám vào tóc. Mình dẹp và cong, mỗi khi hút máu xong thì đồ hồng lên. Miệng biến thành vòi chích hút.

Chấy cũng có con đực, con cái. Sau khi giao phối xong, con cái đẻ trứng ngay ở tóc. Trứng có chất dính bám vào tóc. Chất này không tan trong nước nên khi gội đầu, trứng không bị trôi đi.

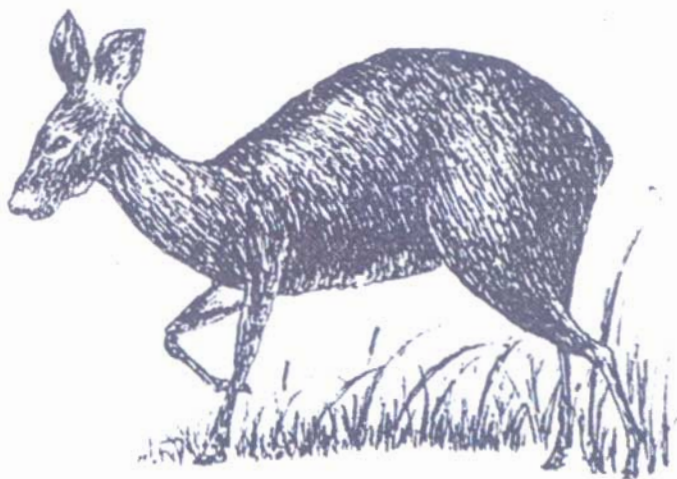
Chấy cắn da đầu để hút máu nên gây ngứa ngáy khó chịu, ngoài ra còn gây bệnh sốt hồi quy, có thể làm chết người.

CHEO CHEO

mouse-deer

C

Loài thú nhỏ trong bộ Ngón chân, trọng lượng cơ thể khoảng 3-6 kg. Bộ lông màu nâu xám, con đực và con cái đều không có sừng. Thức ăn chủ yếu là quả, lá cây, cỏ. Cheo cheo thường sống trong các khu rừng già, rừng thưa, địa hình tương đối bằng phẳng. Chúng sống đơn độc và lẳng lẽ, làm tổ trong các hốc cây to, bụi mây... Vào mùa sinh sản từ tháng 1 - 5, chúng sống ghép đôi với nhau, đẻ mỗi năm 1 lứa, mỗi lứa 1 con. Ở nước ta, số lượng cheo cheo đã giảm nhiều do con người săn bắt thường xuyên và do rừng bị phá hủy.





Loài chim ăn côn trùng, thường bắt mồi trong khi bay và là loài chim có ích trong nông nghiệp vì tiêu diệt nhiều sâu hại. Chèo bèo phân bố rộng rãi ở Đông Nam Á.

Vào thời kì chim làm tổ, thường gặp ở các tỉnh Nam Định, Thái Bình và ngược lên phía Bắc. Sau thời kì sinh sản, từ phương

Bắc di cư về nước ta trú đông. Vì thế vào

tháng 8, số lượng chèo bèo tăng nhanh, có thể gặp ở khắp các tỉnh. Chèo bèo có tập tính bảo vệ khu vực cư trú của

mình, nên thỉnh thoảng ta có thể gặp cảnh “chèo bèo đánh quạ” do quạ đến chiếm vùng làm tổ.

Chèo bèo ưa làm tổ ở vùng trung du, ven rừng hoặc xung quanh làng mạc ở đồng bằng. Tổ thường làm trên các cây cao hoặc cành tre cách mặt đất từ 3 - 15 m. Tổ hình chén, làm bằng rễ cây, bông cỏ mịn và mạng nhện trông gọn và đẹp, dính trên một cành cây nằm ngang hay treo giữa một cái chạc cách xa thân cây.

Chèo bèo đẻ 3-5 trứng mỗi lứa, mỗi năm khoảng 2 lứa. Mùa đẻ từ tháng 3 đến tháng 6 ở miền Bắc nước ta.

CHÈO BÈO BỜM

spanged drongo

C

Loài chim cỡ trung bình, chiều dài cơ thể khoảng 32cm. Màu lông xanh ánh thép, có mào lông ở trán và đỉnh đầu. Đuôi dài vênh cao. Là loài chim định cư khá phổ biến khắp các vùng trong cả nước ta. Nơi ở là các vùng rừng và cây bụi thứ sinh. Thức ăn là các loại côn trùng như cào cào, châu chấu, bọ cánh cứng...

Chèo bẻo bờm làm tổ ở bụi tre hay trên cây, cách mặt đất từ 5 - 15m. Tổ được làm bằng các cành cây nhỏ, rễ cây, lá khô, rêu. Mỗi lứa đẻ 4 - 5 trứng. Vỏ trứng màu hồng nhạt có đốm đỏ nhạt và xám vàng nhạt xen kẽ nhau. Mùa sinh sản kéo dài từ tháng 4 đến tháng 6. Chim non rời tổ vào đầu tháng 6 đến đầu tháng 7.

Chèo bẻo bờm là loài chim có ích cho nông nghiệp vì chúng tiêu diệt nhiều côn trùng phá hại cây cối.



Loài chim làm tổ và trú đông rất phổ biến ở nước ta. Thường kiếm ăn theo đàn khoảng 20-30 con ở các ruộng xâm xấp nước ven bờ sông, bãi cát. Về chiều, chim tập trung thành đàn lớn ở ruộng mía hay các lùm cây rậm rạp để qua đêm. Vào mùa đông, chìa vôi từ phương Bắc bay về phương Nam tránh rét nên số lượng tăng nhanh, có thể gặp ở nhiều nước Đông Nam Á.

Tổ chìa vôi ở chỗ trống như bờ sông, bờ suối khu đất trống thuộc vùng núi. Tổ được làm bằng cỏ khô. Mùa sinh sản của chim vào khoảng tháng 4, đẻ khoảng 2 lứa, mỗi lứa 4 - 5 trứng.

Chìa vôi là loài chim ăn sâu bọ nên có ích cho nông nghiệp.



CHÍCH BÔNG BỤNG VÀNG

mountain tailorbird

C



Loài chim nhỏ thuộc họ Chim chích. Chim trưởng thành có bộ lông màu xanh lục, lông ở bụng và dưới đuôi màu vàng, trán hung vàng, lông mày trắng, mỏ dài. Chích bông bụng vàng là loài định cư, phổ biến khắp nước ta. Nơi sống là các khu rừng thường xanh, rừng tre nứa, thảm cây bụi. Thức ăn là các loài sâu bọ.

Chích bông bụng vàng thường làm tổ trong các bụi cây, bằng các lá cây to cuộn lại.

Loài chim nhỏ sống định cư, phổ biến khắp cả nước ta. Chúng thường đậu trong các bụi rậm, tre nứa, vườn làng. Tiếng kêu "chích-chích" lặp đi lặp lại. Chim đực có lông đuôi dài hơn chim cái.

Chích bông đuôi dài thường làm tổ dưới những tán lá rộng, nhất là lá ngái. Chúng chọn 2 cái lá to, bền chắc kéo 2 mép lá lại gần nhau. Sau đó dùng mỏ "may" hai mép lá lại với nhau bằng sợi mạng nhện hay sợi kén sâu bướm. Phía trong tổ, chim lót bằng bông cỏ mịn và bông. Mỗi lứa chim cái đẻ 3 - 4 trứng. Vỏ trứng màu xanh nhạt, rải rác có đốm nâu. Thời gian ấp trứng 9 - 10 ngày. Sau khi nở 10 - 12 ngày, chim non rời tổ.

Chích bông đuôi dài là loài chim có ích vì chúng tiêu diệt sâu bọ.



CHÍCH CHÒE

bluetthroat, may pie-robin

C



Phân bố rộng rãi và phổ biến ở nước ta. Chích chòe là loài chim định cư, thường sống ở vườn làng, thành phố, ven rừng...

Chim làm tổ trong hốc cây, dưới mái nhà, trong ống tre hay trong hang đất. Tổ được làm bằng lá tre, cỏ khô, vỏ cây. Tổ thường ở cách mặt đất 1,5 - 7m. Chích chòe đẻ 2 - 3 lứa mỗi năm, mỗi lứa 3 - 5 trứng. Ở nước ta, mùa sinh sản của chích chòe là vào tháng 4 đến tháng 7. Trong thời kì nuôi con, chích chòe bắt rất nhiều sâu bọ để mớm cho con. Trung bình một ngày chim bố mẹ mớm cho 4 chim non khoảng 100 con sâu bọ, nên chúng là loài chim có ích cho nông nghiệp.



Loài chim đẹp thuộc họ Chích chòe. Đầu, họng, ngực trên và phần trên cơ thể màu đen, hông màu trắng. Lông đuôi và lông phần dưới cơ thể màu nâu vàng. Chích chòe lửa là loài chim định cư, phổ biến ở miền Bắc nước ta. Nơi sống là các khu rừng nguyên sinh, thứ sinh, ven rừng, vườn làng, nơi có cây bụi rậm rạp... Thức ăn là các loài sâu bọ, giun, ốc...

Chích chòe lửa làm tổ trong hốc cây hay ống tre cách mặt đất 2 - 4m. Mỗi lứa đẻ 3 - 4 trứng.

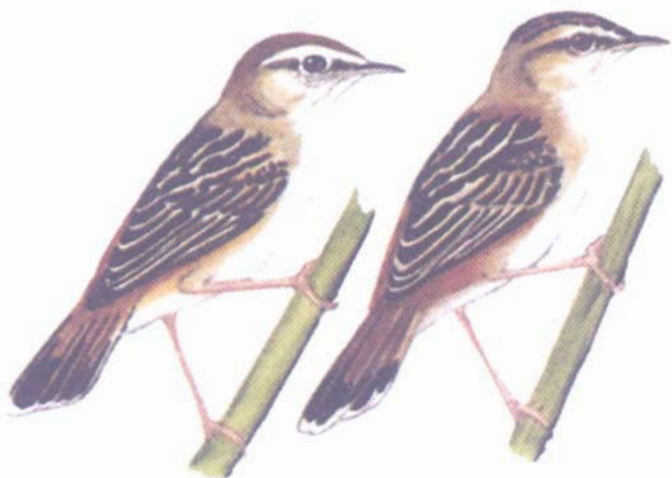
CHIẾN CHIẾN ĐỒNG HUNG

brown field skylark

C

Loài chim nhỏ, dài khoảng 11 cm. Bộ lông có sọc nâu, đuôi ngắn với dải đen ở gần cuối đuôi, mút các lông đuôi trắng. Vào mùa đông, mào lông trên đầu có nâu sọc, đến mùa hè mào chuyển thành màu nâu phớt đỏ. Chiến chiến đồng hung là loài chim định cư, phân bố khắp các vùng trong cả nước, thường kiếm ăn ở các bụi cỏ. Chúng thường sống chui lủi, di chuyển từ bụi cỏ này sang bụi cỏ khác. Khi bay, phát ra tiếng kêu "chíp, chíp" liên hồi. Thức ăn chủ yếu là các côn trùng nhỏ.

Chiến chiến đồng hung làm tổ bằng thân cỏ, bông cỏ mịn, sợi thực vật và bông. Tổ thường đặt trong bụi cỏ rậm hay bụi cây cách mặt đất 0,5 - 1,5m. Mỗi lứa đẻ 3 - 4 trứng. Vỏ trứng màu trắng, trắng hồng nhạt hay xám nhạt, có đốm nâu.





Loài chim nhỏ, dài khoảng 12 cm, đuôi dài, mút lông đuôi màu hung nâu sẫm. Lông đỉnh đầu luôn dựng thẳng tạo thành mào. Là loài chim định cư, phổ biến ở phía Nam đèo Hải Vân đến hết Nam Trung Bộ. Chúng thường kiếm ăn ở các bãi cỏ có địa hình khác nhau.

CHIM BẢO MẬT

honey spy bird

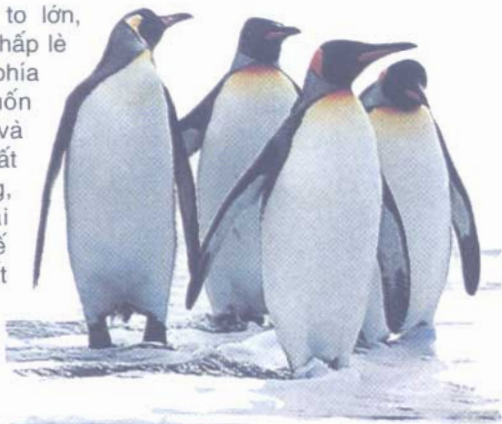
C

Sống trong các rừng ở châu Phi, chuyên ăn ong non và mật ong. Thường chỉ kiếm được mỗi khi tổ ong đã bị phá vỡ vì cơ thể nhỏ không đủ sức phá tổ ong. Vì vậy, khi phát hiện được tổ ong, chúng thường kêu chí chóc. Nghe tiếng kêu dân địa phương tìm đến lấy mật, do đó chúng cũng được thừa hưởng phần mật và ong non còn sót lại. Gấu cũng rất thính tai với tiếng kêu này và thường đi theo chim để kiếm chút mật.



Loài chim thích nghi với bơi lặn và không biết bay. Chim cánh cụt sống thành đàn, có khi đông tới hàng ngàn, hàng vạn con, sống chung với nhau trên bờ biển Nam Cực và các đảo gần đó. Chúng có bộ lông mịn, dày, ấm cách nhiệt và không thấm nước nên có thể sống được ở nhiệt độ -40°C .

Cơ thể khá to lớn, đôi chân ngắn, thấp lè tè và lúi xa về phía sau nên muốn đứng vững và thăng trên mặt đất hay trên băng, phải tì lên cái đuôi, vì thế chúng đi lại rất khó khăn, chậm chạp. Nhưng ở dưới nước, chúng rất nhanh nhẹn, sống



động. Chim cánh cụt bắt cá, động vật thân mềm để ăn. Do bàn chân có màng da nối liền các ngón và đôi cánh biến thành mái chèo nên chúng bơi lội rất giỏi, có thể bơi trong đại dương từ 600 - 1000km. Chúng làm tổ trên các bờ biển Nam Cực. Đẻ 1-2 trứng. Chim bố mẹ thay nhau ấp trứng bằng cách đặt quả trứng lên hai bàn chân rồi áp phần da bụng lên. Sau 38 - 50 ngày, chim non ra đời. Chim bố mẹ phải ấp ủ và nuôi chim non trong 4 tuần. Sau 8 tuần bộ lông tơ của chim non được thay bằng bộ lông của chim trưởng thành. Chúng bắt đầu theo bố mẹ xuống biển kiếm ăn. Hai ba năm sau mới to bằng bố mẹ.

CHIM DI ĐÁ

scaly-breasted munia

C

Kích thước nhỏ, chiều dài khoảng 11cm. Ngực và phần dưới cơ thể hình vẩy. Là loài chim định cư, phổ biến khắp các vùng. Chúng kiếm ăn theo đàn đông, liên tục phát ra tiếng "píp, píp" để gọi đàn. Nơi sống là các vùng đồng cỏ, cây bụi, đồng lúa.

Thức ăn chính của di đá là lúa và hạt cỏ dại, nhưng vào mùa có lúa chín thì di đá chỉ ăn toàn lúa.

Di đá làm tổ trong các bụi rậm hay trên cây cao cách mặt đất 1,5 - 15m. Tổ hình cầu hơi dài, trên có mái và cửa ra vào ở một bên. Lớp ngoài tổ làm bằng bông cỏ và lá tre, lớp trong làm bằng các sợi mềm, bông... Mỗi năm di đá đẻ 2 lứa, mỗi lứa đẻ 3 - 6 trứng. Cả chim bố và mẹ đều tham gia ấp trứng. Sau khi rời tổ chim non họp thành đàn và thường đến tối lại trở về tổ cũ. Lông bụng chim non có màu trắng, đầu và lưng màu nhạt hơn chim trưởng thành.





Kích thước nhỏ như di đà. Chim trưởng thành có đầu đen, mình hung nâu, bụng đen. Chim non toàn thân màu hung nhạt. Là loài chim định cư, phổ biến khắp nơi trên thế giới. Thức ăn và tập tính làm tổ, nuôi con giống di đà.

CHIM DI ĐẦU TRẮNG

white-headed munia

C

Loài chim nhỏ, kích thước giống chim di đá và di đầu đen. Đầu trắng rất dễ phân biệt, phần còn lại màu hung nâu, mỏ màu xanh lơ. Chim non có màu sắc nhạt hơn chim trưởng thành. Là loài chim định cư, thường sống ở vùng trống trọt, ruộng lúa, bãi cỏ và cây bụi thuộc Nam Trung Bộ và Nam Bộ.





Được phát hiện vào năm 1507 trên hòn đảo Mauritius ở Ấn Độ Dương, cạnh hòn đảo lớn Ma-đa-ga-xca. Loài đô-đô rất béo, nặng tới 18 - 20 kg, cơ thể gần như trần trụi, cánh rất yếu. Chúng chỉ đi được chậm chạp và không biết bay vì ở trên đảo không có loài thú ăn thịt nào cả. Mỗi khi tàu thuyền qua lại, các thủy thủ lại ghé lên đảo, bắt đô-đô làm thức ăn dự trữ. Cũng do sự tàn sát của con người nên đến năm 1680 không còn sót lại một con nào trên đảo.

CHIM KI-VI

kiwi

C

Loài chim chạy nhỏ nhất, to bằng con gà, nặng 2-3kg, cổ ngắn, mỏ rất dài và mảnh, có 2 lỗ mũi ở đầu cùng của mỏ. Sống trên đảo Tân Tây Lan. Cánh chim ki-vi rất nhỏ, ẩn trong bộ lông, lông đuôi thiếu, chân có 4 ngón. Chim ki-vi là loài chim ăn đêm nhưng mắt của nó lại rất nhỏ và rất tối. Thức ăn thường là giun, kiếm được nhờ khứu giác, vì thế mũi chim ki-vi mở ra ngay ở nút của chiếc mỏ dài rất tiện cho việc phát hiện mùi. Lúc kiếm ăn, nó đưa nút mỏ sát mặt đất để dò tìm, chỉ hơi thoáng có làn gió nhẹ là ki-vi đã có thể hướng ngay về phía có giun mà không hề để ý đến hướng khác.

Thiên nhiên thật tài tình trong việc đền bù cho đôi mắt tối của chim ki-vi bằng cái mũi tinh vô cùng tinh nhạy.



Là một loài chim ăn hạt cây. Hầu hết các loài chim ăn hạt đều có mỏ khỏe hình chóp nón, vành mỏ cứng để nghiền hạt. Nhờ đó chim mai hoa có thể phá vỡ hạt, tách được vỏ trấu để ăn phần lõi bên trong.



Chim mai hoa trưởng thành ăn hạt cây nhưng vào thời kì nuôi con, chim bố mẹ lại nuôi con non của chúng bằng các loài sâu bọ. Chim mai hoa con còn biết cách bẻ cành cây chọc vào dưới vỏ cây để tìm bắt côn trùng nấp sâu ở bên trong mà nó không với tới được. Chúng có kích thước tương đối nhỏ và đôi khi sống theo bầy. Có nhiều loại chim mai hoa sinh sống ở quần đảo Ga-la-pagot, ngoài khơi bờ biển Nam Mĩ. Do ăn nhiều loại thức ăn khác nhau nên chúng tránh được việc tranh giành thức ăn với nhau.

CHIM RUỒI (CHIM HÚT MẬT)

humming-bird

C

Là tên chung chỉ nhiều loài chim giống chim sẻ có kích thước rất nhỏ, chỉ dài khoảng 5-6 cm và chăm hoạt động. Chim ruồi có mỏ dài và cong thích hợp với việc hút mật hoa làm thức ăn ngay trong lúc bay đứng yên một chỗ. Chúng thường đi đơn lẻ hoặc thành đôi.

Chim ruồi sống trong vùng nhiệt đới và thường có bộ lông rất sặc sỡ, bóng lộn.



Giống chim ruồi lớn nhất thế giới, sống ở Chilê, Nam Mĩ. Thời tiết ở đó ấm về ban ngày nhưng rất lạnh về ban đêm. Chim ruồi khổng lồ trở nên chậm chạp lúc chạng vạng tối, ngủ lịm cho mãi đến khi được sức nóng của mặt trời sưởi ấm, nó mới hồi sinh vào sáng hôm sau.



CHIM SÂU

worm-eating warbler, flower pecker _____

C



Gồm các loài chim nhỏ ăn sâu bọ nói chung, phổ biến ở Đông Nam Á và cũng phổ biến ở nước ta. Chim sâu thường sống thành từng đôi hay đàn nhỏ 5 - 7 con ở miền Bắc.

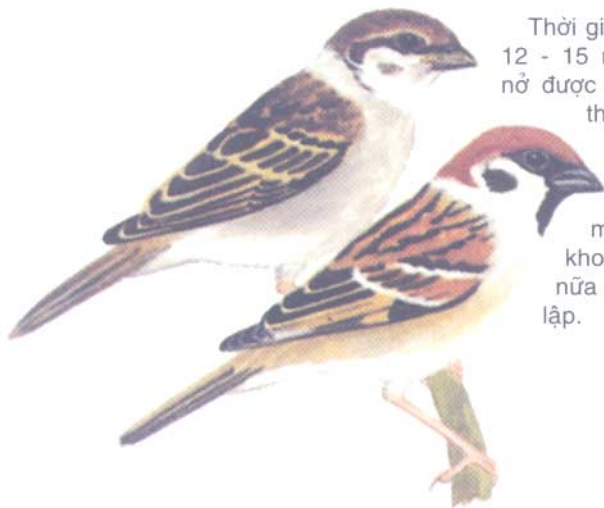
Tổ chim ở cách mặt đất 12 - 13m, kết bằng cỏ, lá, mạng nhện. Mùa sinh sản của chim sâu vào mùa hè. Chim đẻ chừng 2 - 3 trứng mỗi lứa. Chim sâu là loài chim có ích cho nông nghiệp.

Chim sẻ nằm trong bộ Sẻ, là bộ chim đông nhất, gồm hơn nửa số chim hiện nay và phân bố trên toàn thế giới nhiều nhất ở châu Âu và châu Á.

Chân chim sẻ có 4 ngón (3 ngón phía trước và một ngón cái phía sau), móng ngón cái lớn hơn móng các ngón khác. Chim sẻ thường nhảy hai chân cùng một lúc. Thức ăn của chim sẻ là sâu bọ và các loại hạt như hạt thóc, hạt cỏ. Chim non yếu. Trong bộ Sẻ có nhiều loài chim như nhạn, chích chòe, khướu, họa mĩ, chào mào, chìa vôi, vàng anh, sáo, yểng, quạ... đều mang nhiều đặc điểm giống chim sẻ.

Chim sẻ thường làm tổ dưới mái nhà, khe tường, trong các ống tre ở mái nhà, hốc cây, trên cây cau, dừa... Tổ cách mặt đất 2 - 25 m, thông thường từ 3 - 5 m. Vật liệu làm tổ là cỏ, rơm, lá khô, giấy vụn... Mỗi năm sẻ đẻ 3 lứa, mỗi lứa 3 - 5 trứng.

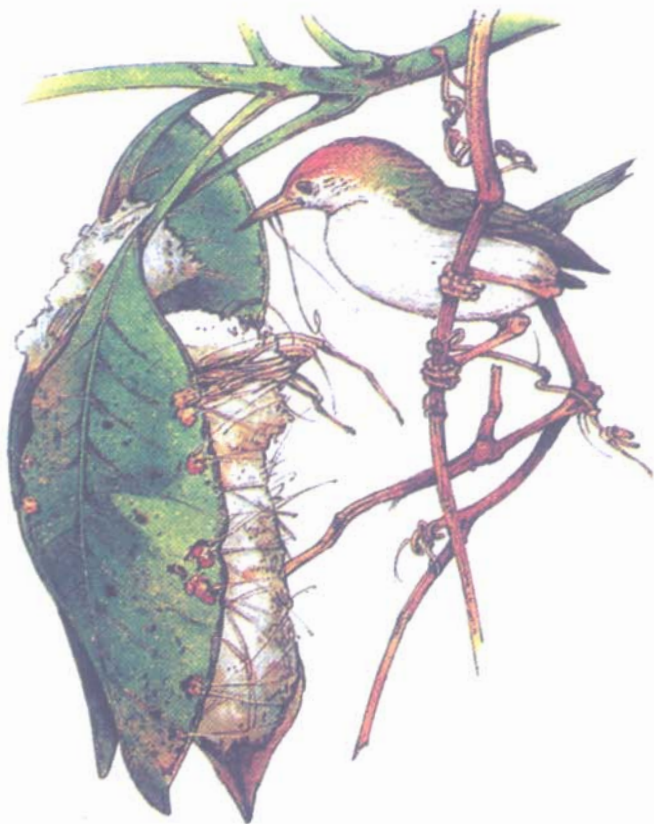
Thời gian ấp trứng là 12 - 15 ngày. Sau khi nở được 13 - 14 ngày thì chim non rời tổ nhưng vẫn được chim bố mẹ mớm mồi thêm cho khoảng một tuần nữa mới sống tự lập.



CHIM THỢ MAY

tailorbird

Loài chim nhỏ thuộc họ Sẻ, hay hót, làm tổ trên các cây có lá to ở châu Phi và đảo Ma-đa-ga-xca. Chúng chọn 2-3 cái lá to, chắc chắn, kéo lại với nhau để làm tổ. Chim dùng mỏ đục mép lá cây rồi dùng tơ nhện hoặc sợi dây tước từ các cây, làm chỉ khâu các lá lại với nhau. Sau đó chim lót tổ bằng các sợi bông, tạo thành một chiếc tổ xinh xắn, có "vòi" làm đường ra vào.





Gồm nhiều loài chim ăn thịt, cơ thể có cấu tạo thích nghi với việc bắt mồi như móng vuốt sắc, chân khỏe, mỏ cong và sắc để xé thịt. Thị giác rất tinh. Khi bay, chúng thường lợi dụng những luồng khí nóng để bay lên và lượn lờ trên không trung. Chim cái và chim đực có hình dạng giống nhau nhưng chim cái có kích thước lớn hơn. Chim non yếu, thường phải trải qua một số lần thay lông trước khi trưởng thành. Một số nước đã huấn luyện chim ưng để săn mồi.

Chó nhà có nguồn gốc từ chó rừng và hiện có khoảng 350 nòi. Mặc dù đã gần bó với con người, nhưng chúng vẫn duy trì nhiều bản năng nguyên thủy. Chó thường chạy vòng quanh trước khi nằm vì tổ tiên chúng thường làm như vậy để bảo đảm một chỗ ngả lưng an toàn không có rắn rết. Khứu giác và thính giác rất thính, có thể ngửi được mùi có nồng độ loãng và nghe được những tiếng động ngoài tầm nghe của người. Vì thế, chó được huấn luyện để giữ nhà, săn bắt thú và tội phạm, phát hiện ma túy, cứu hộ người lạc trên núi tuyết, làm cảnh... Chó thường đẻ 2 lứa trong một năm, mỗi lứa khoảng 4 - 6 con.





Giống chó thuần chủng của Đức, có thân hình to lớn, chân cao, bụng thon, tai to và dựng đứng. Nhìn chung bề ngoài gần giống chó sói. Chó Béc-giê đặc biệt thông minh, thính giác và khứu giác rất phát triển. Người ta huấn luyện chó Béc-giê để tìm dấu vết tội phạm, phát hiện ma túy...

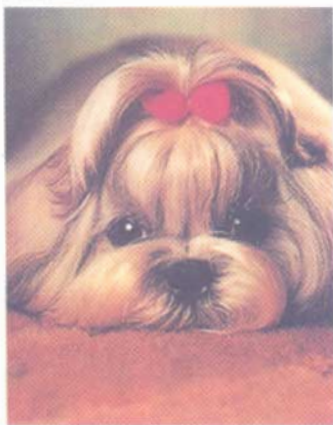
CHÓ CẢNH

fancy dog, puppy

C



Là chó nhà, gồm nhiều giống khác nhau, được con người chọn lọc theo hướng nuôi làm cảnh. Cùng với nền văn minh khoa học kỹ thuật hiện đại cùng tính đa dạng của nhiều loài chó trong tự nhiên, người ta đã lai giống giữa chó bố mẹ có những đặc điểm mà mình mong muốn và giữ làm giống những chó con nào phù hợp. Có nhiều giống chó cảnh phổ biến như chó xù Nhật, chó Nhật mi-ni, chó Bắc Kinh, chó Phốc (Fox)...



Gồm nhiều loài chó sống hoang dã thuộc bộ Thú ăn thịt, phân bố khắp thế giới. Chó sói thảo nguyên sống ở các đồng cỏ Bắc Mỹ, cơ thể dài 1m (tính cả đuôi). Chúng thường săn mồi theo bầy nhưng không nguy hiểm cho người và các động vật lớn. Chó dingo có cơ thể màu nâu vàng nhạt sống ở Ôt-xtrây-li-a. Chó thảo nguyên sống ở sa-van Nam Sa-ha-ra, Đông Phi. Cơ thể dài 1,1m, đuôi dài 40 cm. Đôi tai tròn, lớn. Bộ lông có các đốm không đều màu đen, trắng và vàng nâu. Chúng chuyên ăn thịt, thường săn mồi theo bầy nên có thể giết được cả động vật lớn.



CHOI CHOI

dotterel, plover

C



Loài chim thuộc loại chim chích, ưa nhảy nhót nên mới có câu “nhảy như chơi chơi”. Có hai loài đã được tìm hiểu :

Loài thứ nhất, phân bố ở Đông Bắc Xi-bia, Ấn Độ, Đông Dương, Nam Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Ôt-xtrây-li-a. Ở Việt Nam, chơi chơi xuất hiện ở miền Bắc nước ta vào đầu tháng 8. Từ cuối tháng 8 đến tháng 3 thường gặp từng đàn 50-70 con, sau đó không thấy nữa. Chim ưa các cánh đồng ẩm ướt hay xâm xấp nước hoặc bờ sông.

Loài thứ hai phân bố ở Đông Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Cam-pu-chia và cả Việt Nam. Ở miền Bắc nước ta hay gặp ở dọc bờ biển và các sông lớn. Loài này sống định cư và có thể gặp hầu như suốt năm. Số lượng chim không nhiều, mùa hè sống từng đôi riêng lẻ, mùa đông hợp thành đàn nhỏ 5-10 con.



Loài thú thuộc bộ Cánh da. Cơ thể lớn cỡ con mèo, sống trong rừng, ăn thực vật. Chồn dơi có màng da rộng ở hai bên mình nối liền với cổ, thân và đuôi có tác dụng như chiếc dù để chúng bay từ cành cây nọ sang cành cây kia. Chồn dơi sống ở các khu rừng nhiệt đới ở Đông Nam Á, trên các đảo của In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin...

Chồn dơi mang thai khoảng 8 tuần. Để mỗi lứa 1 con. Con sơ sinh non yếu được nuôi trong túi màng da do màng da ở phần đuôi tạo thành. Túi da mềm và ẩm, con non sống trong túi đến khi tự lập.

CHỒN HÔI

polecat, fitchet

C

Loài thú thuộc bộ Ăn thịt. Chồn hôi khi gặp nguy hiểm thường dọa kẻ thù bằng cách dậm chân sau, dướn cao đuôi tiến lên vài mét và phóng dịch hôi vào mặt kẻ thù. Dịch hôi đó được tiết ra từ một tuyến đặc biệt gần hậu môn có mùi rất khó chịu, hòng xua đuổi kẻ thù.



Loài côn trùng có hai đôi cánh màng giống hệt nhau, hệ gân cánh chằng chịt. Trên cánh có điểm mắt, đó là một điểm lỗi bằng kitin nằm ở viền trước của hai cánh. Nếu loại bỏ điểm này thì chuồn chuồn vẫn bay được nhưng cánh bị rung khó điều khiển khiến nó bay chập choạng. Chuồn chuồn có phần phụ miệng kiểu nghiền, khỏe. Mắt kép rất lớn, thường có 3 mắt đơn. Chuồn chuồn khi bay hoặc đậu một chỗ đôi cánh thường xòe ra, riêng chuồn chuồn kim khi đậu hai cánh cụp lại.



Người ta thường nói “chuồn chuồn đập nước”, đó là lúc chuồn chuồn đẻ trứng. Chuồn chuồn đẻ trứng dưới nước. Trứng nở ra ấu trùng còn gọi là *con xin com* hay “bà mụ”. Môi dưới của ấu trùng biến thành mặt nạ có gai khỏe để bắt mồi (cá nhỏ, tôm tép nhỏ, sâu bọ khác). Chuồn chuồn trưởng thành có thể sống được khoảng 2 tháng, nhưng giai đoạn ấu trùng ở nước có thể kéo dài tới 3 năm.

CHUỘT

mouse, rat

C



Là loài thú phân bố rộng, có mặt ở khắp nơi trên thế giới; ở đâu có người thì ở đó có chuột. Chuột là loài gặm nhấm rất có hại. Chuột sinh sản rất nhanh. Mỗi năm chuột có thể đẻ từ 2 đến 4 lứa, mỗi lứa từ 2 đến 15 con. Mỗi chuột con sau khi ra đời từ 1 đến 3 tháng lại có thể sinh sản ngay. Một cặp “vợ chồng” chuột sau một năm có thể tạo ra

khoảng 800 cháu chắt. Số cháu chắt này trung bình một năm có thể ăn hết gần 2 tấn lương thực. Tuy nhiên tuổi thọ của chuột ngắn, khi số lượng chuột tăng quá mức, thường bị bệnh dịch mà chết. Chuột mang trên mình nhiều vật kí sinh nguy hiểm như bọ chét - vật trung gian truyền bệnh dịch hạch.

Chuột có nguồn gốc từ châu Á; “chuột đen” lan truyền sang châu Âu và gây những trận đại dịch hạch khủng khiếp vào thế kỉ XIII; đến thế kỉ XVIII thì bị “chuột cống” giành ưu thế.



Chuột có bộ lông trắng toát, trông rất đẹp, được con người nuôi làm cảnh và dùng trong phòng thí nghiệm. Chuột bạch có nguồn gốc từ chuột cống hay chuột Na-uy bị bệnh bạch tạng (một bệnh di truyền trong đó gen quy định sắc tố đen của da bị đột biến, không tổng hợp được sắc tố nữa nên lông có màu trắng), mắt có màu của máu nên đỏ.



Chuột bạch là đối tượng thí nghiệm rất quan trọng trong các phòng thí nghiệm trên thế giới để nghiên cứu về sinh lí và nhất là về công nghệ truyền gen. Chẳng hạn có loại gen quy định sức lớn của chuột là to hay nhỏ. Con chuột chấp nhận loại gen này lớn nhanh thành chuột “khổng lồ” hoặc ngược lại sẽ trở thành “tí hon”. Các kết quả thí nghiệm trên mình chuột có thể ứng dụng cho con người để chữa bệnh lùn hoặc cao quá.

Loài thú thuộc bộ gặm nhấm nhưng ăn sâu bọ. Chuột chủ có mõm kéo dài thành vòi nên dễ nhận biết. Chuột chủ có mùi hôi rất đặc trưng. Tuy nhiên, đối với họ hàng nhà chuột chủ, thì đó là "hương thơm", để chúng dễ nhận ra nhau.

Chuột chủ là động vật có ích vì chuyên ăn sâu bọ phá hại hoa màu, lương thực.





Là loài thú nằm trong bộ ăn sâu bọ. Chúng sống trong hang đất, thân thon, tròn, đầu hình nón, bộ lông dày mượt, tai và mắt nhỏ ẩn dưới bộ lông. Chi trước ngắn, xẻ rãnh, có móng to, khỏe để đào đất. Chuột chũi đào hang giỏi, làm thành những đường hầm chằng chịt trong đất, làm nơi ăn ở và sinh sản.

CHUỘT CỐNG

brown rat

Loài chuột khá lớn, thân và đuôi mập mập, đuôi bao giờ cũng ngắn hơn thân, mõm tù và khá rộng, bàn chân sau lớn, lưng màu nâu hay xám nâu.

Chuột cống là loài ăn hại khó tiêu diệt, sống gần người, chỉ gặp ở các thành phố. Chúng sống trong nhà, cống rãnh, bãi rác, quanh các bến cảng... Hang chuột cống có hai loại: loại đơn giản đào dọc theo các chân tường nền xi măng, loại này chỉ có một cửa ra vào, không có lối thoát. Loại phức tạp rất dài, nhiều góc ngách, nhiều phòng, có nhiều cửa thoát để chạy trốn khi cần thiết. Chuột cống là loài ăn tạp. Chúng ăn thực phẩm của người, gia súc, các thức ăn thừa ở bãi rác, côn trùng, thực vật... Chúng chủ yếu hoạt động vào ban đêm. Chuột cống đẻ quanh năm, con mới đẻ còn yếu và chưa mở mắt, được mẹ chăm sóc cẩn thận.



Có họ với chuột nhà; bụng trắng, vàng, lông màu nâu. Có hai loài:

Chuột đồng lớn: giống chuột cống nhưng bụng trắng hơn, đuôi dài hơn và đồng màu. Chuột đồng lớn sống ở đồng ruộng, đào hang ở bờ ruộng, bờ đê, đôi khi ở giữa ruộng. Hang chuột rất đơn giản, thường chỉ có một cửa ra vào. Chuột đồng ăn tạp, đẻ nhiều, mỗi năm đẻ 3 lứa, mỗi lứa khoảng 10 con. Chuột hoạt động ban đêm, nhanh nhẹn, biết leo trèo, đào đất nhanh và bơi lội được. Chuột đồng lớn có hại cho nông nghiệp vì chúng phá hoại hoa màu, lương thực.



Chuột đồng bé: rất giống chuột cống nhưng nhỏ hơn, sống ở đồng ruộng, gần các bờ nước, thường đào hang dưới gốc cây, bờ ruộng, dựa vào các tảng đá làm vách ngăn. Hang có thể có nhiều cửa, có cả những cửa bí mật để lẩn trốn khi cần thiết. Chuột đồng bé ăn tạp, đẻ không nhiều như chuột đồng lớn. Chúng hoạt động về đêm, bơi lội giỏi và thường sống chung với các chuột khác, ít gây hại cho nông nghiệp.

CHUỘT LANG

guinea - pig

C



Thú thuộc bộ Gặm nhấm có nguồn gốc ở Nam Mĩ. Gọi là chuột lang bởi vì lông chuột thường có màu trắng xen lẫn với màu nâu, màu đen. Chuột lang trông rất giống chuột bạch nhưng to hơn. Cũng như chuột bạch, chuột lang được nuôi để sử dụng trong các phòng thí nghiệm.





Còn gọi là chuột đàn, chuột nhắt hay chuột leo. Thân chuột thon nhỏ hơn chuột cống. Mồm hẹp, nhọn, vành tai lớn, mỏng không có lông bao phủ, lưng màu nâu hung, bụng nâu vàng, đuôi dài hơn thân.

Chuột đào hang dưới đất ở chân tường, có 2-3 ngách để thoát thân khi cần. Chúng hoạt động cả ban ngày và ban đêm, bò trên trần nhà, mái nhà, leo trèo trên dây phơi... Chuột nhà sinh sản quanh năm. Một chuột cái trong một năm có thể cho ra đời 40 chuột con hoặc nhiều hơn nữa. Chuột nhà rất tinh khôn, biết đề phòng cạm bẫy. Cách tiêu diệt chúng tốt nhất là nuôi mèo trong nhà.

CHUỘT NHẮT

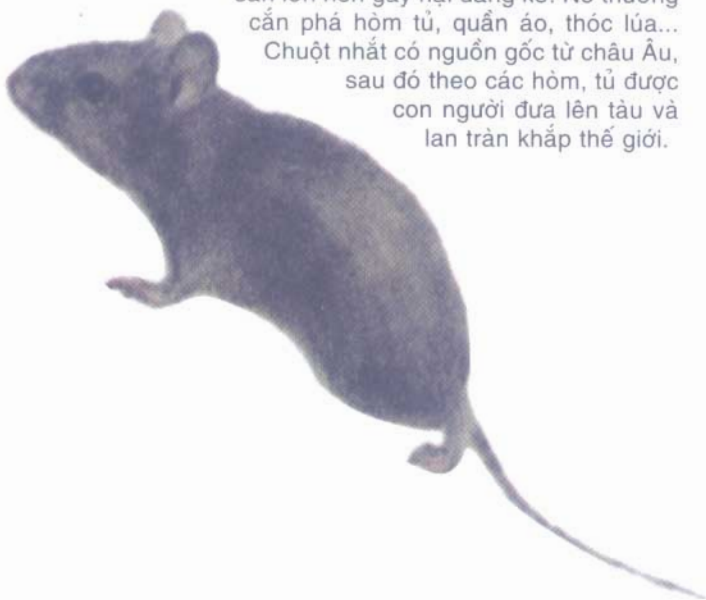
small mouse

C

Loại chuột bé sống trong nhà và ngoài đồng. Trong nhà chuột nhắt thường ẩn nấp trong các khe tường, kẽ vách, khe tủ. Chuột nhắt ăn tạp nhưng chủ yếu ăn thực vật, thường hoạt động về đêm và cả ban ngày nếu vắng người.

Chuột nhắt đẻ quanh năm, mỗi năm 6-8 lứa, mỗi lứa 4-8 con. Chuột nhắt tuy bé nhưng sức sinh sản lớn nên gây hại đáng kể. Nó thường cắn phá hòm tủ, quần áo, thóc lúa...

Chuột nhắt có nguồn gốc từ châu Âu, sau đó theo các hòm, tủ được con người đưa lên tàu và lan tràn khắp thế giới.





Loài chim định cư, phổ biến khắp vùng đồng bằng, trung du, vùng núi nước ta.

Cò bợ thường kiếm ăn quanh quần ở bờ ruộng lúa, hay các bờ nước nông, ao hồ cạn. Nó có thể đứng rình hàng giờ hoặc dò dẫm dọc theo bờ nước để tìm bắt tôm tép, cá con. Khi cò

bợ đứng “cù rù” bên bờ ruộng thì đầu và cổ màu vàng đỏ, lưng nâu. Khi cò bay lên

hoặc bay là là trên mặt ruộng thì cánh và đuôi có màu trắng nên

trông như cò màu trắng. Suốt năm cò bợ chỉ quanh quần kiếm ăn ở chỗ làm tổ,

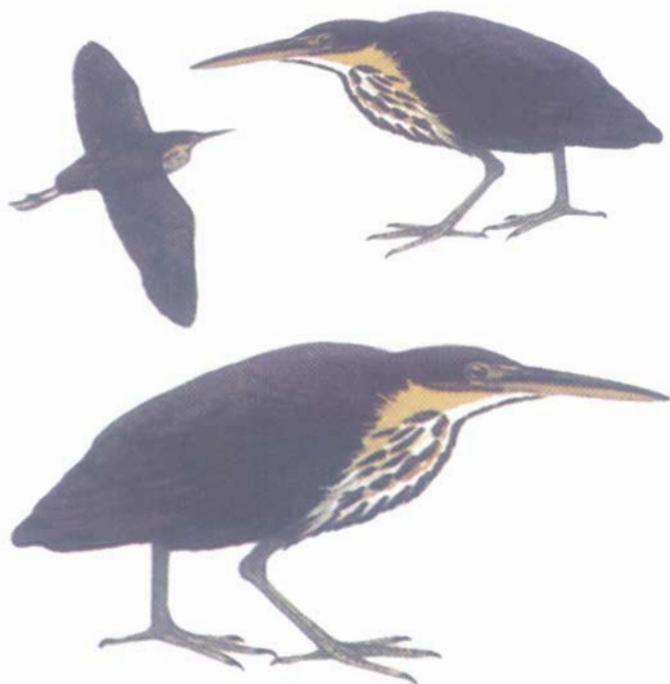
không bay đi xa. Ở vùng đồng bằng, cò bợ

thường làm tổ trên các bụi tre rậm rạp gần các ao hồ, đầm lầy, ruộng lúa. Ở vùng trung du và miền núi, chúng thường làm tổ trên những cây rậm rạp ven rừng và không xa các vực nước. Cò bợ thường làm tổ tập đoàn. Tổ cò bợ rất sơ sài, được làm bằng các cành cây và cỏ khô. Mùa sinh sản kéo dài từ tháng 4 đến tháng 8. Mỗi lứa đẻ từ 3 đến 5 trứng.

CÒ ĐEN

black bittern

C



Loài định cư, phổ biến ở các bãi sậy, đầm lầy, rừng ngập mặn, cánh đồng lúa, suối trong rừng thuộc Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Bộ lông màu đen, mỏ hình con dao găm. Cò đen hoạt động kín đáo và chủ yếu đi ăn đêm. Thức ăn là các loại cá, ếch nhái, côn trùng...

Loài chim lớn thuộc họ Hạc. Chim trưởng thành có lông cánh sơ cấp, thứ cấp, đuôi màu đen, lông cánh tam cấp màu phớt hồng, phần còn lại màu trắng. Mắt vàng, da trần ở mặt và quanh mắt màu vàng cam nhạt. Chân nâu hồng nhạt. Cỏ lạo Ấn Độ

thường kiếm ăn ở đầm lầy, ruộng lúa.

Trong mùa sinh sản kiếm ăn và làm tổ ở rừng tràm, ngoài mùa sinh sản còn gặp ở nơi khác. Chúng sinh sản

vào mùa khô ở rừng tràm

U Minh. Mỗi lứa đẻ 3-4

trứng. Thức ăn

chính là cá.

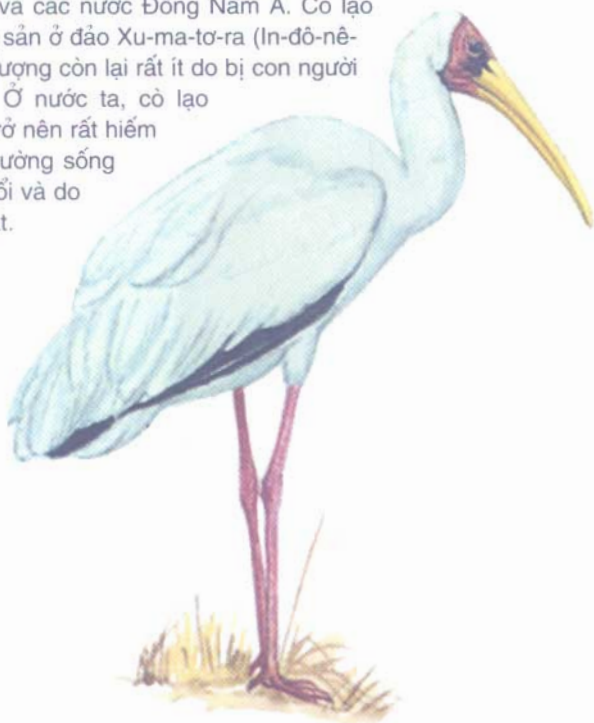


CÒ LẠO XÁM

milky stork

C

Loài chim nước cỡ lớn, thuộc họ Hạc. Bộ lông màu trắng hơi xám ở mặt lưng, mép cánh lông màu đen. Mỏ màu vàng, nhọn, hơi cong, chóp mỏ trắng. Chân màu xám. Vào mùa sinh sản da mặt đỏ, chân xám hồng. Cò lạo xám sinh sống ở các hồ nước, vùng sinh lầy, ven biển và vùng ngập mặn thuộc Nam Bộ và các nước Đông Nam Á. Cò lạo xám sinh sản ở đảo Xu-ma-tơ-ra (In-đô-nê-xi-a), số lượng còn lại rất ít do bị con người săn bắt. Ở nước ta, cò lạo xám đã trở nên rất hiếm do môi trường sống bị biến đổi và do bị săn bắt.



Loài cò có bộ lông màu hung đỏ. Cũng như cò bợ, cò xanh, cò lửa có chân ngắn nên thường kiếm ăn ở mép nước. Chúng thường ẩn nấp trong các bụi cây gần ao hồ, đầm lầy, ruộng lúa, ven suối ở miền trung du và miền núi. Thức ăn chủ yếu là các loài cá.



CỎ NHẠN

asian openbill

C

Loài chim thuộc họ Hạc, cao khoảng 70 cm. Mỏ cỏ nhận có một khe hở. Bộ lông màu trắng bần. Lông vai, lông đuôi và lông cánh có màu đen. Cỏ nhận sinh sống ở vùng rừng tràm Nam Bộ. Mùa sinh sản kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 4 năm sau, mỗi lứa đẻ từ 2 - 5 trứng.



Cò nôm có cách bắt cá rất độc đáo, đúng như tên gọi của nó. Khi kiếm mồi ở ruộng nước, nếu thấy bóng dáng của cá, nó liền dùng hai cánh chụp xuống như ta chụp nôm để vây kín con cá vào trong, rồi cúi đầu xuống mò.



Thường đậu trên lưng trâu bò, cùng với những con sáo để bắt sâu bọ cho trâu bò. Cũng có khi bước chậm chạp theo đàn trâu, bò. Chúng rình bắt những con sâu bọ bay lên từ đám cỏ, bụi cây khi trâu bò đi qua và còn bắt cả ruồi, nhặng ve trên mình trâu, bò nữa. Có lẽ vì đặc tính này mà người ta gọi chúng là cò ruồi.

Cò ruồi có bộ lông thay đổi theo mùa. Về mùa hè các lông đầu, cổ, vai, ngực dài, thưa, màu hung vàng cam. Các lông vai kéo dài phủ kín lưng. Phần còn lại màu trắng. Về mùa đông bộ lông hoàn toàn màu trắng.





Loài chim nước thuộc họ Cò quăm, cao 76 cm. Da mặt đen, đỉnh đầu có mào, lông ngắn, màu trắng. Trong thời kì sinh sản mào lông và ngực chuyển sang màu vàng. Mỏ dẹt, mút mỏ to bè hình cái thìa. Chim non có đầu mút lông cánh đen. Mỏ màu nâu hồng nhạt, da mặt đen nhạt. Cò thìa sống ở các bãi bồi ven biển và cửa sông thuộc đồng bằng sông Hồng như các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng và tỉnh Đồng Tháp (Nam Bộ). Cò thìa là loài chim trú đông, hiện nay rất hiếm, cần bảo vệ.

Ở Nam Mĩ còn có loài cò thìa rất đẹp có bộ lông màu hồng, được coi là một trong số những loài chim nước đẹp nhất thế giới.

CÒ TRẮNG

white egret

C

Ở nước ta có thể gặp cò trắng ở khắp nơi và quanh năm. Đặc biệt vào mùa đông, số lượng cò trắng tăng lên rất nhiều do có nhiều đàn cò đông đúc từ phương Bắc về trú đông đến tháng ba lại bay đi.

Cò trắng thường làm tổ trên các bụi tre hay những bụi cây lớn rậm rạp và cao, gần các ao hồ, ruộng lúa. Tổ cò được làm bằng các cành cây nhỏ xếp lại với nhau rất sơ sài và cầu thả. Cò trắng kiếm ăn ở các ruộng lúa, các vực nước cạn, đầm lầy. Để thích nghi với điều kiện sống, chân cò cao và khăng khiu, mỏ cũng dài để khi bay tạo được sự cân bằng. Thức ăn chính của cò là cá, tôm nhỏ. Mỗi năm cò đẻ 2 lứa, mỗi lứa từ 3-5 trứng. Chim non yếu, nằm trong tổ, chim bố mẹ kiếm mồi về đặt trên thành tổ cho đàn con tự phân chia lấy.

Từ tháng 3 đến tháng 9 hàng năm, cò trắng có bộ "áo cưới" kì lạ. Khi đó bộ lông trắng toát của cò có thêm những lông dài ở đầu, đuôi, ngực và vai. Những lông đó có sợi bông nhỏ, thưa, không móc vào nhau. Khi đậu, các sợi lông này rủ xuống như tấm màn thưa, khi bay các lông đó phấp phới như những dải lụa trắng. Còn con đực khi khoe mẽ với con cái thường xòe lông ở đuôi thành một vòng tròn rất đẹp.





Loài chim nhỏ thuộc họ Diệc, màu lông sẫm. Khi bay, phía trên màu xám lục, phía dưới màu xanh nhạt hơn, lòng chân màu da cam. Cỏ xanh thường đi riêng lẻ, hay hoạt động vào lúc hoàng hôn. Thức ăn là các loài cá, ếch nhái và côn trùng. Chim non có màu xám nâu nhạt với nhiều vết đốm trắng trên cánh và phía dưới có viền sọc lớn. Nơi sống của chúng là các sông, suối, rừng tràm, rừng ngập mặn, bãi lầy...

Ở nước ta, cóc nhà rất phổ biến. Da cóc xù xì, có tuyến tiết nhựa độc. Khi ăn thịt cóc có dính nhựa này, con người có thể bị ngộ độc. Cóc không có răng hàm và không có giác mút ở ngón chân.

Cóc đẻ trứng trong nước. Trứng nở ra nòng nọc. Nòng nọc biến thái dần thành cóc nhảy lên cạn. Cóc là động vật có ích cho nông nghiệp vì chúng ăn sâu bọ, ruồi, muỗi.. Thịt cóc dùng làm thuốc chữa suy dinh dưỡng cho trẻ em. Cóc là động vật khá nhạy cảm với sự thay đổi thời tiết, mỗi khi trời sắp mưa, cóc thường nghiêng răng kèn kẹt, vì thế mà trong dân gian có câu "con cóc là cậu ông Trời".





Loài cóc sống ở Tây Âu dài khoảng 3 - 5cm, có khả năng chăm sóc trứng một cách độc đáo. Sau khi trứng đẻ ra và được thụ tinh, cóc đực giữ lấy trứng của cóc cái, bằng cách buộc chắc trứng quanh chân. Mỗi cóc đực mang một chùm khoảng 35 - 50 trứng. Sau khoảng 3 tuần, nó mang trứng xuống nước để trứng nở thành nòng nọc, phát triển dưới nước cho đến khi biến thành cóc con nhảy lên bờ.

CÓC RỪNG

forest toad

C

Loài cóc sống chủ yếu trong rừng tre nứa, trên thảm lá cây mục nát, ẩm ướt. Mồm có một mào xương lớn kéo dài ra phía sau lên trên ổ mắt, có một gờ ổ mắt – màng nhĩ. Các mụn cóc chạy dọc hai bên sườn tạo thành những hàng gai. Cóc rừng kiếm ăn vào ban ngày, chúng chỉ ăn kiến chứ không ăn những loài động vật khác.





Hình dạng gần giống cóc nhà nhưng có nhiều điểm khác biệt. Lưỡi hình tròn có gốc gắn với thềm miệng. Mắt hình tam giác. Mặt lưng xù xì bao gồm nhiều tuyến tiết nhựa. Mặt bụng, bàn tay, bàn chân có màu đỏ tía, đỏ vàng hay cá vàng sặc sỡ xen lẫn các vết đen. Khi gặp nguy hiểm, cóc tía không bỏ chạy mà ngồi ì ra, lật ngửa cơ thể, để lộ phần bụng, bàn chân, bàn tay có màu sặc sỡ hòng dọa kẻ thù. Sống ở nơi có độ cao tới 2000m như dãy Hoàng Liên Sơn. Chúng thường ở ven bờ nước hay ao hồ nhỏ có nhiều cây cỏ. Thức ăn của chúng là các loài sâu bọ.



Loài chim biển thường hay bay lượn trên không trung. Đôi cánh dài, đuôi xẻ sâu. Chúng bay vút lên cao rồi lao xuống bắt cá dưới nước. Chim đực và chim cái giống nhau, chim non có bộ lông đa dạng, phải 6 năm sau mới có bộ lông của chim trưởng thành. Chim đực trong mùa sinh sản có bộ lông màu đen sẫm với màu đỏ sáng ở họng. Các đàn cốc biển thường sống ở các quần đảo ngoài khơi. Ở nước ta có 2 loài: cốc biển đen và cốc biển bé.



Ở nước ta có hai loài cốc thuộc họ Cốc là cốc đen và cốc đế. Cốc kiếm ăn ở đầm, hồ, ruộng nước, bờ sông, bờ biển. Cũng là loài chim ăn cá nhưng cốc bắt cá khác với bồ nông. Cốc là loài chim bơi lặn rất giỏi. Nó lặn sâu xuống nước đuổi bắt cá trong khi bồ nông chỉ bắt được các con bơi trên tầng nước mặt. Là loài chim nước nhưng khác với ngỗng, vịt, ở cốc, tuyến phao câu hình như phát triển rất kém nên không tiết ra một loại chất nhờn để bôi lên lông cho mượt. Vì thế bộ lông của cốc tuy dày nhưng vẫn thấm nước khiến cho sau khi lặn cốc không thể bay được. Sau những lần bơi lặn, cốc thường tập trung thành đàn ngồi phơi nắng giữa trưa bên bờ sông hay đậu trên các cồn cát để hong khô bộ lông.

Trước đây, ở phố Lò Đúc (Hà Nội) hay cạnh cầu Tràng Tiền (Huế) thường có cốc đen làm tổ trên cây cao. Chúng thường sống thành đàn nhỏ từ 3 - 5 con. Cốc đen đẻ mỗi năm 2 lứa, mỗi lứa 3 - 4 trứng.

CỐC ĐẾ

great cormorant



Cốc đế lớn hơn cốc đen, phân bố rộng hơn, từ châu Âu sang châu Á. Chúng chỉ bay về miền Bắc nước ta vào mùa đông để trú đông, nên không thấy cốc đế làm tổ ở miền Bắc nước ta. Tuy nhiên, người ta thấy cốc đế làm tổ khá nhiều trên các rừng sú vẹt ở các bờ sông lớn và rừng ngập mặn ở miền Nam.

Thức ăn chính của cốc đế là cá; chúng có thể bắt được những con cá dài 30-35 cm, nặng 700-800g. Lợi dụng khả năng bắt cá của cốc đế, người ta đã nuôi cốc đế để bắt cá cho người. Người ta huấn luyện cốc đế, đeo cho nó một cái vòng cổ. Hằng ngày, người ta thả cốc xuống nước bắt cá. Khi bắt được cá to, cốc không thể nuốt cá qua vòng cổ được. Cốc lên bờ, người ta lôi cá ra khỏi miệng cốc. Ở Lạng Sơn, trong khoảng 4-5 giờ, một con cốc nuôi có thể bắt được 10-15 kg cá cho chủ. Ở Trung Quốc, việc người ta nuôi cốc đế để đánh cá tương đối phổ biến. Có lẽ vì thế mà có câu "cốc mò, cò xơi", "cò" ở đây còn có thể hiểu là "người chủ".



Loài chim cỡ lớn thuộc họ Trĩ, có bộ lông rất đẹp. Đỉnh đầu có mào lông nhỏ màu tím than. Đầu, mặt, cổ màu lục óng ánh. Đặc biệt có nhiều lông đuôi dài tới 1,5m màu lục ánh đồng, mỗi lông có sao ở mút. Tuy nhiên ở con cái màu lông xỉn hơn và không có lông trang hoàng trên đuôi.

Công thường sống thành đàn 3 - 7 con trong các khu rừng, kiếm ăn ở những bãi trống trong rừng. Thức ăn của chúng là các loại hạt, quả cây, hạt cỏ dại, côn trùng các loại và giun đất. Mùa sinh sản từ tháng 3 đến tháng 8. Công đực thường xò rộng đuôi và nhảy múa để thu hút con cái. Công đực nuôi và sinh sản tốt ở vườn thú Hà Nội.





Gồm nhiều loài chim thuộc họ Cu cu. Thân chim mảnh hơi giống chim ưng, đuôi dài, mỏ hơi khoằm. Chim cu cu thường bay nhanh, hầu hết sống đơn độc và nhút nhát, thường đậu trên ngọn cây cao. Tiếng kêu ồm ồm, lặp đi lặp lại một cách đơn điệu, thường nghe thấy vào mùa xuân và đầu hè. Hầu hết các loài chim cu cu đều đẻ nhờ trứng vào tổ của các loài chim khác. Trứng thường có màu trắng có đốm tím đỏ sẫm. Cu cu là loài chim có ích cho cây rừng vì chúng ăn sâu bọ.

Loài chim thuộc họ Bồ câu, có vòng cổ đen với những đốm trắng trông như hạt cườm. Lông đuôi bên ngoài màu trắng ở mút, khi bay đuôi xòe ra, nhìn thấy khá rõ. Cu gáy thường kiếm ăn trên mặt đất, đi riêng lẻ hoặc theo đàn. Cu gáy là loài định cư phổ biến ở khắp nước ta từ đồng bằng, trung du đến miền núi. Chúng thường ở không xa những nơi cây cối, đồng ruộng. Thức ăn chủ yếu của cu gáy là các loại hạt thực vật như lúa, ngô, hạt cỏ dại, ngoài ra chúng còn ăn cả sâu bọ, ốc nhỏ... Vào mùa lúa chín, cu gáy chỉ ăn lúa. Mùa sinh sản bắt đầu từ tháng 2. Cu gáy thường làm tổ trên cây ở các cành rậm lá, bụi tre, cách mặt đất từ 2 - 10m. Tổ được làm bằng các cành khô. Mỗi lứa cu gáy đẻ 2 trứng màu trắng. Cả con đực và con cái cùng tham gia ấp trứng. Chim non được nuôi bằng chất dịch gọi là "sữa" được tiết ra từ diều chim mẹ.



CU LI LỚN

great loris

C

Loài thú cỡ nhỏ còn gọi là con “khỉ gió” hoặc con “xấu hổ”; trọng lượng từ 400 - 500g. Đầu và thân dài khoảng 34 - 37cm, đuôi dài 1,6 - 3cm. Bộ lông mềm, mịn màu vàng đỏ, vàng nhạt, vàng xám. Đầu tròn, trên đỉnh đầu có mảng lông màu nâu sẫm kéo dài xuống sống lưng. Mắt to rất to, lông quanh mắt màu nâu đỏ. Khi ngủ, chúng thường hay giấu mặt vào hốc cây, thân cây, hai tay ôm đầu, che mặt nên có tên gọi là con xấu hổ. Cu li lớn sống trong rừng già, rừng thưa, rừng hỗn giao ở miền Bắc và miền Trung. Thức ăn chủ yếu là quả, lá cây, côn trùng, trứng, chim non. Từ tháng 10 - 12 là mùa cu li lớn đẻ con.



Trông giống cu li lớn nhưng nhỏ hơn, trọng lượng từ 340 - 450g. Đầu và thân dài 23 - 24cm, đuôi dài từ 1 - 1,4cm. Bộ lông mềm mại màu hung nâu xen kẽ ít lông trắng bạc. Bụng trắng vàng ánh bạc. Cu li nhỏ phân bố từ Bắc vào Nam, rộng hơn cu li lớn. Chúng thường sống trong các lùm cây rậm rạp trong rừng thưa. Thức ăn và sinh sản giống cu li lớn.





Loài định cư, phổ biến nhưng số lượng không nhiều. Thức ăn là hạt, trái cây. Nơi sống là các khu rừng, thảm rừng thứ sinh. Tiếng kêu "cu-u-u" nghe buồn buồn và vang xa. Mùa sinh sản từ tháng 4 - 11. Chúng làm tổ trên các bụi tre, đôi khi làm tổ trên cây cọ. Mỗi lứa đẻ 2 trứng màu hung vàng nhạt.

Loài chim thuộc họ Bồ câu, kích thước nhỏ hơn cu gáy. Vòng đen ở sau cổ nổi bật. Chúng thường đậu thành đàn ở các vùng quê, miền trung du có nhiều cây bụi và miền núi, đặc biệt có nhiều đàn lớn sống trong rừng tràm ở đồng bằng sông Cửu Long. Thức ăn là các loại hạt, trái cây.

Mùa sinh sản bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 7. Mỗi năm đẻ 2 lứa, mỗi lứa 2 - 3 trứng. Tổ cu ngói được làm trên các cành cây rậm lá bằng các cành cây khô rất đơn giản.



CU SEN

oriental turtle dove, rufous turtle dove _____

C



Loài chim thuộc họ Bồ câu, lớn hơn cu gáy một chút, có màu lông lốm đốm. Cổ màu xám nhạt có 5 vằn đen. Cu sen khá phổ biến ở nước ta, có thể gặp ở đồng bằng, trung du và miền núi. Nơi sống là các khu rừng thưa, rừng cây bụi và các khu đất trống trải. Mùa sinh sản từ tháng 2 - 4, mỗi lứa đẻ 2 trứng. Chim non mới nở lông màu xám xỉn hơn chim trưởng thành.



Loài chim sống định cư, dài khoảng 34cm, thuộc họ Cú lợn. Đĩa mặt hình tim. Lông phía bụng trắng hoặc nâu sẫm. Lưng màu xám, có các vạch màu hung nâu đỏ với các vân ngang màu nâu. Mỏ phủ lông chỉ để lộ phần chóp mỏ. Đùi và ống chân phủ kín lông. Cú lợn tương đối phổ biến khắp các vùng trong cả nước, thường làm tổ trên các cây to, trong các vách tường mái nhà, chùa chiền... Tiếng kêu giống tiếng lợn. đẻ mỗi lứa 4 - 7 trứng. Thức ăn chủ yếu là chuột và các động vật nhỏ khác.

CÚ MÈO

wood-owl, tawny owl, hooting owl _____

C

Là loài chim săn mồi ban đêm, mắt rất to, mỏ quặp và móng vuốt khỏe. Trong lúc bay rất yên lặng, cánh bầu, rộng. Cú mèo ngủ vào ban ngày ở những chỗ rậm rạp. Tiếng kêu dễ nhận biết. Có nhiều loài khác nhau. Ở nước ta có 2 loài:

Cú mèo khoang cổ

collared scops owl

Là loài định cư, phổ biến, không sợ người, thường sống trong rừng, rừng thứ sinh, bản làng... Tiếng kêu "hu-o" nghe dịu dàng, được nhắc đi nhắc lại. Thức ăn bao gồm chuột, chim nhỏ, côn trùng... Sinh sản từ tháng 2-8. Cú mèo khoang cổ làm tổ trong các hốc cây, mỗi lứa đẻ 2 - 5 trứng màu hung vàng nhạt.

Cú mèo nhỏ

oriental scops owl

Cú mèo nhỏ là loài rất hiếm gặp, thường sống ở các khu rừng, rừng trồng, rừng ngập mặn. Làm tổ ở hốc cây, bờ tường, đẻ từ 2 - 5 trứng vào tháng 2 đến tháng 6.



Loài chim định cư, ưa các chỗ trống rải rác có cây. Cú làm tổ ngay trên mặt đất, ở ven rừng, trong các bụi cây. Cú muỗi đẻ 2 trứng mỗi lứa. Trứng màu vàng đất có đốm hung hơi phớt xanh. Thức ăn chính của cú muỗi là côn trùng nhỏ, trong đó có muỗi, vì thế chúng là loài chim có ích cho nông, lâm nghiệp.



CÚ VỌ

cuckoo-owl

C

Loài cú mèo không có tai, mặt tròn. Kích thước lớn hơn cú vọ mặt trắng, tiếng kêu "oọc, oọc". Săn mồi vào ban ngày. Cú vọ phổ biến khắp nước ta, thường sống trong các khu rừng, rừng thứ sinh, thảm cây bụi. Sinh sản từ tháng 3 - 6, làm tổ trong các hốc cây, đẻ 2 - 5 trứng.

Cú vọ là loài chim có ích vì chúng tiêu diệt nhiều chuột và sâu bọ phá hại cây rừng.



Loài cú vọ nhỏ bé, săn mồi cả ban ngày và ban đêm. Tiếng kêu "hu - hu - hu - hu" lặp đi lặp lại. Loài này có mặt từ Bắc tới Nam nước ta và khá phổ biến. Sinh sản từ tháng 3 - 7, đẻ 2 - 5 trứng.

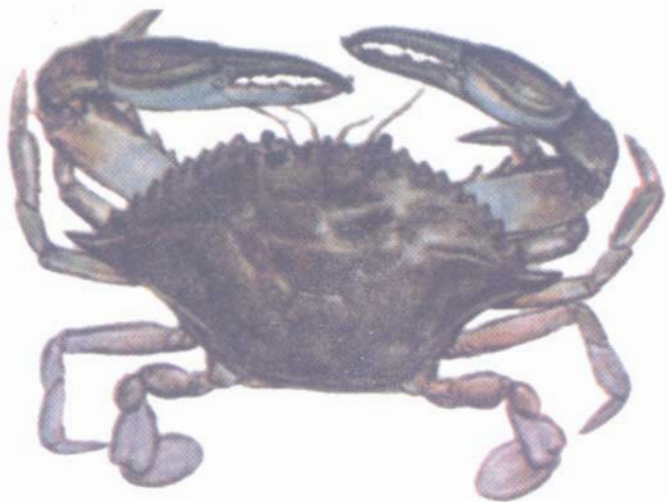


CUA BIỂN

sea-crab

C

Loài cua sống ở biển, hình dạng giống cua đồng nhưng to hơn. Cua biển bơi giỏi, sống ở vùng triều và vùng rừng ngập mặn nước ta. Thịt cua ngon, vị đậm, được coi là đặc sản có giá trị xuất khẩu cao.





Là động vật chân khớp, lớp Giáp xác, là loài cua nước ngọt phổ biến ở nước ta. Cua đào hang ven bờ các thủy vực. Hang cua dễ nhận biết bằng các dấu ngón chân để lại ven miệng hang. Mai cua có gần tượng hình trông hao hao giống mặt người. Cua đực khác cua cái ở hình dạng của "yếm". Cua cái mang trứng dưới yếm cho đến khi trứng nở thành cua con.

CUN CÚT

buttonquail

C

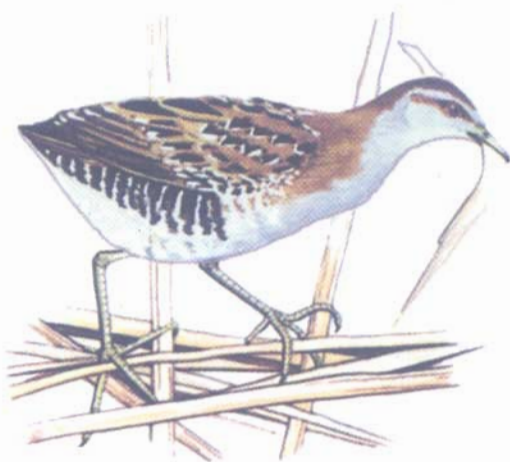
Loài chim có kích thước nhỏ, mình tròn, đuôi ngắn. Bộ lông màu nâu hung nhạt có nhiều chấm. Chim cái có màu sáng hơn chim đực. Chúng thường sống chui lủn trong các bụi rậm. Thức ăn chủ yếu là các loại hạt, ngoài ra còn ăn cả sâu bọ. Chúng thường làm tổ trong các đám cỏ ở nơi khô ráo.

Mỗi năm đẻ một lứa, mỗi lứa 4 trứng màu trắng có nhiều chỉ nhỏ màu xám nâu nhạt, ngoài ra còn có nhiều chấm lớn và bé. Cun cút là loài chim "đa phu", có nghĩa là một con cái có thể sống với nhiều con đực. Chim đực ấp trứng và nuôi con thay cho chim cái.



Là loài chim trong họ Gà nước, sống ở nơi có nhiều cây bụi thấp gần bờ nước, cạnh ao hồ. Cuốc chạy giỏi nhưng bay kém nên ta thường nói là “lủi như cuốc”. Vào khoảng tháng 4, tiếng cuốc kêu thình thoảng mới cất lên. Đó là tiếng gọi chim mái của con trống, báo hiệu mùa sinh sản sắp bắt đầu. Thường thì cuốc trống và mái sống riêng rẽ. Vào mùa sinh sản mới gặp cuốc đi từng đôi. Cuốc làm tổ trong các bụi cây lau sậy, hay trong các bụi rậm bên bờ nước cách mặt đất không cao lắm. Tổ cuốc được làm bằng lá tre, cỏ và các cành cây nhỏ. Trứng cuốc có màu đặc biệt, giống vỏ chuối tiêu chín. Mỗi lứa, cuốc đẻ từ 3 - 3 quả.

Sang thu, cuối tháng 8, đầu tháng 9 bỗng nhiên im hẳn tiếng cuốc kêu, lúc này mùa sinh sản của cuốc đã qua. Mỗi con cuốc lại bỏ đi sống ở một khu vực riêng, đợi mùa hè sau chúng mới lại gọi nhau “cuốc, cuốc”.



CUỐN CHIẾU

rolling centipede

C

Động vật thuộc ngành Chân khớp, lớp Nhiều chân, cơ thể có nhiều đốt, mỗi đốt có 2 đôi chân. Có loài có mắt và loài không mắt. Hàm trên khỏe.

Nhiều loài có những tuyến thơm hăng, kể từ

đốt thứ 5, mỗi đốt có hai tuyến thơm. Chất thơm là một loại chất độc dễ bay hơi.

Cuốn chiếu ưa sống nơi ẩm ướt, nơi có các đồng rơm, rạ mục nát, khe tường ẩm... Mỗi khi gặp nguy hiểm chúng thường cuộn tròn cơ thể lại và nằm im.



Loài thú thuộc bộ Guốc chẵn, ăn thực vật, phân bố rộng rãi khắp nơi trên thế giới trừ Bắc Cực và Nam Cực. Con trưởng thành dài 1,5 m (không kể đuôi), nặng 150kg. Tuổi thọ của cừu khoảng 10 năm. Cừu con mới đẻ chân rất cao, có tập tính húc đầu vào vú mẹ để kích thích cho sữa chảy ra.

Người ta nuôi cừu để lấy thịt và lông. Lông cừu là mặt hàng rất có giá trị dùng để làm len. Cừu ở xứ lạnh có bộ lông dày và rậm hơn nhiều so với cừu ở xứ nóng. Cừu được nuôi nhiều ở Ôt-xtrây-li-a. Ở đây, vào đầu mùa hè, người ta cắt lông cừu, đến mùa đông bộ lông cừu đã dài và rậm đủ để chống rét.



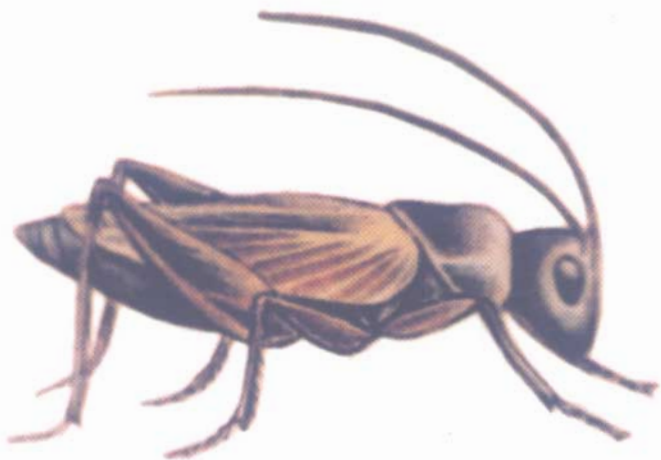
Loài thú thuộc bộ Guốc chẵn, ưa thích tự do, ham leo trèo phá phách, đẻ nhiều và phàm ăn. Dê đực có mùi đặc biệt do mồ hôi trộn lẫn nước tiểu tạo thành để hấp dẫn dê cái. Dê cái rất mắn đẻ, đẻ sớm, khi được 15 tháng tuổi.

Thịt dê ngon và bổ, thuộc loại đặc sản. Sữa dê cũng bổ và dễ tiêu. Người ta có thể làm pho mát từ sữa dê. Tuy nhiên việc chăn nuôi dê thả trong rừng, sườn đồi phải có kế hoạch hạn chế việc tăng “dân số” quá nhanh vì dê rất háu ăn có thể khiến cho rừng hay sườn đồi bị phá hoại
n g h i ê m
trọng.



Loài côn trùng sống chui rúc trong đất, chân trước to khỏe hình cái xẻng, có răng cưa, cánh trước ngắn, cánh sau dài hơn. Chúng dùng hàm trên và đôi chân đặc biệt trên để đào hang dưới đất. Dế chũi hay đào gốc cây nên có hại cho các vườn rau. Dế chũi cũng đẻ trứng trong đất, giống như dế mèn.





Loài côn trùng cánh thẳng, đôi chân sau rất to khỏe gọi là cang. Dế mèn sống và đẻ trứng trong đất. Trứng nở ra dế mèn con, trông gần giống dế mèn trưởng thành nên được xếp vào loại biến thái không hoàn toàn. Dế mèn đực có thể phát ra nhiều dạng âm thanh khác nhau để báo hiệu cho dế đực khác biết "giang sơn" của mình. Nếu dế đực khác xâm phạm nó sẽ nhảy ra đánh đuổi. Đến mùa sinh sản, dế mèn đực lại phát ra những tiếng kêu êm ái hơn, để hấp dẫn dế cái.

Loài chim khá lớn, bộ lông phổ biến có màu hung nhạt. Cổ nhỏ và cong hình chữ S. Diệc lửa thường đi kiếm ăn một mình ở các đầm lầy, hồ, rừng ngập mặn. Diệc lửa phân bố rộng, ở Đông Bắc, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Bộ. Chim non có bộ lông màu nâu sẫm, không có mào lông trên đầu.



DIỆC XÁM

gray heron

D



Diệc xám là loài chim trú đông, bay đến nước ta vào giữa tháng 7, lúc đầu ít nhưng càng về sau càng nhiều, nhất là vào tháng 12. Chúng tập trung ở các đầm lầy gần cửa sông, đôi khi chúng còn bay tới đậu ở các ruộng lúa, hồ nước cạn vào ban đêm và lúc sáng sớm. Ban ngày chúng tập trung ở bờ sông và cồn cát thành từng đàn nhỏ 10 – 12 con. Thức ăn của chúng là các loại tôm, cá nhỏ.

Từ tháng 3 đến tháng 5, diệc xám bay về phương Bắc, ta không còn thấy chúng nữa.

Loài điều hâu sống ở châu Phi. Chúng có đôi chân rất dài có móng sắc. Chúng thường săn mồi dưới đất và bắt rắn độc để ăn. Rắn bị ghim xuống bằng một trong hai bàn chân của chim. Chân chúng đặt ngay sau đầu rắn và quật con mồi cho đến chết bằng đôi cánh của mình.



DIỀU CÁ

osprey, fish-hawk

D

Loài chim thuộc họ Chim Ưng chuyên ăn cá. Đầu và cổ lông màu trắng. Phần dưới cơ thể màu tối. Chúng bay lượn trên mặt nước và lao đầu xuống nước rồi bơi lặn để đuổi bắt cá. Diều cá thường đậu trên những vật nổi lên ở chỗ nông hoặc cây ven bờ thuộc vùng bờ biển, sông hồ, mương mả...





Loài chim lớn thuộc họ Chim Ưng. Bộ lông màu nâu vàng sẫm. Đuôi hơi xẻ. Sải cánh dài có góc cạnh. Diều hâu là loài chim di cư, phổ biến ở miền Bắc vào mùa đông trên các đồng ruộng, làng mạc, ven sông... Chúng thường bay nhẹ nhàng, lơ lửng giữa không trung lợi dụng luồng không khí nóng để lướt và bay vút lên cao thành vòng. Chúng bay như vậy để tìm kiếm mồi, nếu thấy chuột hay gà con dưới mặt đất chúng sẽ xuống quắp luôn. Diều hâu đẻ trứng vào mùa hè, mỗi lứa 2 - 3 trứng, thậm chí 5 trứng. Chim mẹ ấp trứng đôi khi có sự tham gia của chim bố. Con non có màu nâu nhạt với nhiều sọc trắng, bay được vào khoảng 42 - 45 ngày tuổi.

DIỀU HOA

crested serpent eagle

D

Là loài định cư, sống trong rừng, làm tổ trên các cây cao. Chúng thường rình mồi trên những cây thấp ở sườn núi. Thức ăn gồm ếch nhái, côn trùng, ngoài ra còn ăn rắn và các loài bò sát khác. Diều hoa làm tổ trên các cây cao trong rừng. Mỗi lứa chúng chỉ đẻ 1 trứng.





Loài chim lớn thuộc họ Chim Ưng. Chim trưởng thành có bộ lông màu hung đỏ, lông đầu và cổ trắng. Diều lửa là loài chim định cư, thường sống ở các vùng rừng trồng dọc theo sông và kênh mương gần bờ biển, các vùng ngập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Diều lửa có thể gặp khá nhiều ở tỉnh Cà Mau, nơi có nhiều rừng ngập mặn. Có thị giác tốt, ăn thịt động vật nhỏ. Chim non mới nở có màu nâu xám; khi lớn bộ lông đổi dần sang màu hung đỏ.

DIỀU MƯỚP

pieb harrier

D

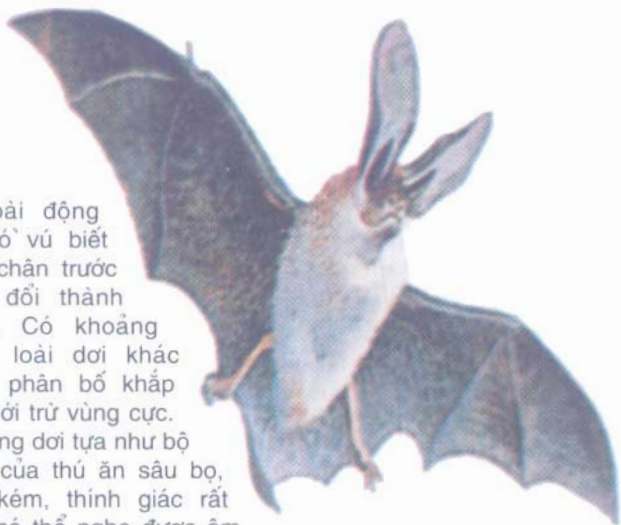
Loài chim ăn thịt nhỏ giống chim đại bàng và chim cắt. Diều mướp có bộ móng rất cứng để bắt mồi và một cái mỏ khoằm rất sắc để xé mồi. Diều mướp bay giỏi, chúng có thể bay lộn nhào nhiều kiểu khéo léo, đột ngột đâm bổ xuống. Trong khi bay, con đực còn thả mồi để con cái bắt lấy. Thức ăn của chúng là các loài gặm nhấm nhỏ như chuột đồng, ếch, chim nhỏ. Khi phát hiện ra mồi, diều mướp lao xuống rất nhanh để chớp lấy.

Diều mướp là loài chim di trú. Về mùa đông, diều mướp có khá nhiều ở miền Bắc Việt Nam. Chúng thường sống ở vùng đồng bằng, gần các ao, hồ. Người ta có thể nhìn thấy chúng bay lượn vòng tròn trên mặt ao, hồ.

Diều mướp con mới nở trông giống như một nắm lông tròn. Chúng rất háu ăn và cần được cho ăn hai giờ một lần. Vì vậy hàng ngày chim bố và chim mẹ phải liên tục đi kiếm mồi. Diều mướp là loài chim có ích vì chúng tiêu diệt rất nhiều chuột.



Loài động vật có vú biết bay, chân trước biến đổi thành cánh. Có khoảng 1000 loài dơi khác nhau phân bố khắp thế giới trừ vùng cực. Bộ răng dơi tựa như bộ răng của thú ăn sâu bọ, mắt kém, thính giác rất tinh, có thể nghe được âm



có tần số 18 - 98.000 dao động/giây; dơi có thể phát ra siêu âm với tần số 30.000 - 70.000 dao động/giây, nhờ đó dơi có thể nghe hồi âm để ước lượng khoảng xa của chướng ngại vật hay con mồi. Người ta đã làm thí nghiệm chọc mù mắt dơi và thả vào một căn phòng chằng nhiều dây, mỗi dây có buộc một chiếc chuông nhỏ, chỉ cần chạm nhẹ vào dây là chuông kêu. Người ta cố tình xua đuổi cho bay dơi mù bay loạn lên, thế nhưng trong 3 ngày người ta không nghe thấy một tiếng chuông nào, có nghĩa là không một con dơi nào chạm vào dây cả.

Dơi vùng ôn đới và hàn đới có hiện tượng ngủ đông. Dơi hàng năm có thể di cư với khoảng cách xa hoặc gần.

Ở Việt Nam có dơi chó sống ở miền núi và trung du cả nước, dơi muỗi nhỏ phổ biến ở thành phố, thị trấn, ăn sâu bọ. Dơi là động vật có ích vì diệt sâu hại. Ngoài ra, dơi còn cung cấp một lượng phân lớn giàu ka-li, rất tốt cho cây trồng và để chế biến thuốc súng.

DƠI CHÓ

dog-bat

D

Loài dơi có bộ mặt rất giống mặt chó. Màu lông thay đổi từ xám nhạt tới nâu thẫm hay nâu tươi. Dơi đực già thường sống cô độc còn các dơi khác sống thành đàn nhỏ trong hang đá, hốc cây. Thức ăn chủ yếu là quả, phấn hoa và côn trùng. Dơi sinh sản quanh năm nhưng tập trung từ tháng 3 - 6, vào mùa quả chín. Mỗi lứa đẻ 1 con. Dơi chó sống trong các khu rừng già thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.





Là loài cú mèo lớn, lông tai màu nâu đỏ, có nhiều vết đen ở phía lưng. Dù dì thường hoạt động ban đêm nhưng cũng có khi hoạt động ban ngày vào những lúc trời nhiều mây. Dù dì thường sống thành đôi, bay chậm, vừa bay vừa kêu. Khi bay hai chân lúc lắc. Dù dì là loài định cư không phổ biến. Nơi sống là các khu rừng thưa, gần nguồn nước suối, đầm lầy. Mùa sinh sản kéo dài từ tháng 12 năm trước đến tháng 3 năm sau. Tổ làm ở kẽ đá, hốc cây, mỗi lứa đẻ 1 - 2 trứng.

Loài thú nhỏ thuộc bộ Gặm nhấm, có đôi răng cửa lớn, thích nghi với hoạt động gặm nhấm. Dúi có mõm và chân trước khỏe, dùng để đào hang đất. Thức ăn của chúng là các loại rễ cây và củ.





Loài đà điều sống ở các trảng cỏ ở Ac-hen-ti-na, Bra-xin và Bô-li-vi-a. Đà điều châu Mỹ nhỏ hơn đà điều châu Phi nhưng lớn hơn đà điều châu Úc. Thức ăn chủ yếu là thực vật và các loài sâu bọ. Đà điều châu Mỹ làm tổ ngay trên mặt đất. Đà điều đực có nhiệm vụ làm tổ, ấp trứng và chăm sóc con non. Đà điều con có bộ lông vằn sọc, dần dần được thay bằng bộ lông màu xám nâu đồng đều giống bố mẹ.

ĐÀ ĐIỀU CHÂU PHI

ostrich

D

Loài chim khổng lồ sống ở các thảo nguyên - sa mạc châu Phi nóng bỏng. Một con đà điểu trưởng thành có thể cao tới 2,5m và nặng 70kg, là loài chim to nhất thế giới hiện nay. Cánh không phát triển nên không giúp đà điểu bay được. Nhưng đôi chân to khỏe giúp đà điểu chạy rất nhanh. Mỗi khi chạy trốn kẻ thù, tốc độ của chúng có thể đạt 60 - 70km/h. Thế nhưng gặp lúc nguy ngập nhất, chúng bỗng dừng lại, rúc đầu vào cát.

Đà điểu sống thành đàn, đẻ trứng và ấp trứng. Đà điểu mái đào những hố cát rộng và đẻ trứng vào đó, mỗi lứa khoảng 6 - 7 quả. Trứng đà điểu rất to, nặng từ 1,5 - 2kg. Ban ngày con mái ấp trứng, con trống ấp vào ban đêm.

Trong thời gian này, đà điểu bố mẹ trở nên dữ tợn hơn. Nó sẵn sàng đá tung kẻ nào đến rình mò tổ của nó. Trứng đà điểu

có vỏ rất dày và cứng. Một con đà điểu bố hoặc mẹ nặng tới 70kg giẫm lên trứng bước vào ổ ấp. Quả trứng vẫn nguyên vẹn. Loài

đại bàng châu Phi chuyên ăn trứng đà điểu, mặc dù có cái mỏ khỏe và sắc như cái rìu, vẫn không mổ vỡ được vỏ trứng đà điểu. Nó phải ngậm hòn đá để đập, trứng mới vỡ. Sau 40 - 42 ngày ấp, trứng nở ra đà điểu con. Đà điểu con ngay sau khi sinh ra đã theo bố mẹ đi kiếm ăn được ngay.



Trên thảo nguyên châu Úc có loài đà điểu Ê-mu lông xám đồng màu. Trọng lượng trung bình khoảng 40 - 50kg, đầu và cổ có lông, chân có 3 ngón. Đà điểu Ê-mu khỏe hơn đà điểu châu Mỹ, khi chạy có thể đạt tới tốc độ của một con ngựa đang phi nước đại. Nó có thể chạy vượt qua các cánh đồng và rừng khô ở miền Đông châu Úc và Tats-ma-ni-a. Thức ăn chủ yếu của chúng là thực vật và động vật nhỏ.

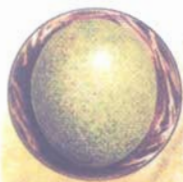


ĐÀ ĐIỀU ÚC ĐỘI MŨ

cassowary

Đ

Loài chim thuộc nhóm đà điểu Úc. Cơ thể cao khoảng 1,2m. Cũng như các loài đà điểu khác, đà điểu Úc đội mũ có cánh ngắn, không giúp chim bay được nhưng có vai trò làm nhẹ cơ thể trong khi chạy bằng cách gơ 2 cánh lên và vẫy vẫy. Chúng thường bước đi những bước ngắn, nhảy và bơi rất cừ. Cổ trụi lông, có những rìa thịt màu đỏ và lam. Trên đầu có mào khá lớn màu sặc sỡ trông như một chiếc mũ đội trên đầu. Đà điểu Úc đội mũ sống ở Bắc Úc, trong những khu rừng ở Tân Ghi-nê và các đảo lân cận.





Gồm nhiều loài khác nhau thuộc họ Chim Ưng. Chúng đều là các loài chim ăn thịt, săn mỗi ban ngày. Mỏ quặp, chân khỏe và móng vuốt sắc, đặc biệt đôi mắt rất tinh, có thể nhìn thấy con mồi từ xa, từ trên cao. Đại bàng là loài chim lớn, khỏe, tượng trưng cho sức mạnh, có thể bay trong bão táp. Chúng thường lợi dụng các luồng khí nóng để bay lên. Đại bàng làm tổ cheo leo trên các vách núi và thường đẻ 2 trứng. Chim non thường có bộ lông nhạt hơn bố mẹ và cũng rất dữ tợn. Ở nước ta có đại bàng đầu nâu, đại bàng hung, đại bàng đen... Hầu hết đang trong tình trạng nguy cấp vì số lượng giảm nhiều, rất cần được bảo vệ.

ĐẠI BÀNG ĐẦU TRỌC*Bald-headed vulture*

Loài chim lớn thuộc họ Chim Ưng. Toàn thân màu nâu sẫm, trông gần giống màu đen. Sải cánh rất dài, rộng. Đuôi ngắn. Chân màu xám bạc. Khi bay chúng lượn với đôi cánh uốn xuống ở khớp mút cánh, ít khi vỗ cánh. Đại bàng đầu trọc là loài di cư rất hiếm gặp, đang có nguy cơ tuyệt chủng trên thế giới. Chúng thường kiếm ăn ở những vùng trống trải ở đồng bằng và trung du nước ta.





Loài chim sống định cư có ở khắp các vùng trong cả nước. Bộ lông màu hồng nhạt, có nhiều vân trắng và đen trên cánh. Trên đầu có mào lông dài, thường được xếp phẳng và dẹt. Nơi sống là các thảm cây bụi, cây gỗ thưa, nơi quang đãng, khô ráo. Chúng ưa sống ở các bãi cỏ và đồng trống vùng đồi núi. Có thể gặp đến độ cao khoảng 1500m. Mùa sinh sản vào tháng 2-5, làm tổ ở hốc cây, đẻ 5 - 7 trứng.

Động vật không xương sống thuộc ngành Giun đốt, có đai và sinh sản bằng kén như giun đất, nhưng có hai giác bám ở 2 đầu, sống nhờ hút máu động vật. Trong khoang miệng điạ có ba hàm. Trên hàm có nhiều răng nhỏ để cửa da vật chủ khi hút máu. Trong khi hút máu điạ tiết ra một chất chống đông máu làm cho máu chảy nhiều và không đông được. Vì vậy, vết thương do điạ cắn phải rửa thật sạch cho hết chất này máu mới đông để bịt kín vết thương.

Có nhiều loài điạ: điạ trâu (sống ở nước ngọt), điạ cá (nước mặn) và vắt (sống trên cạn).





Đồi mồi thuộc họ Rùa biển, là một trong 5 loài rùa có chân hình mái chèo. Lưng đồi mồi có từ 13 đến 17 tấm vảy sừng lớn, màu sắc vàng nâu óng ả rất đẹp, nhiều vân, xếp chồng lên nhau như mái ngói. Thường sống ở ven bờ các

đảo, vịnh, đáy cát, cát bùn, nơi có nước trong và sạch. Đồi mồi có ở khắp vùng biển Đông Nam Á.

Đồi mồi có thể nặng tới 80 kg, mai dài 90 cm, rộng 70 cm, có sức chịu đựng, dễ nuôi, có thể nhịn ăn một tháng. Đẻ tới 200 trứng vào những đêm tối trời lúc nước triều lên. Chúng bơi từ biển vào các bãi cát vắng, sạch, đào hố và đẻ từ 3 - 5 lớp trứng. Đẻ xong, đồi mồi mẹ dùng cát lấp trứng. Sau 50 ngày, đồi mồi con ra đời, đội cát chui lên và bò ra biển. Đồi mồi ăn các động vật thân mềm, giáp xác, rong rêu, san hô. Vẩy đồi mồi là mặt hàng rất có giá trị dùng sản xuất hàng mỹ nghệ và đồ trang sức.

Ngày nay du lịch phát triển, không còn các bãi cát cho đồi mồi đẻ trứng hoặc trứng đồi mồi bị con người lấy mất khiến cho số lượng đồi mồi giảm nhiều nên rất cần được bảo vệ.





Loài thú tiến hóa cao, có họ hàng gần gũi với người. Đười ươi cao tới 1,5 m, nặng 70 kg, tay dài, vành tai nhỏ. Bộ lông đười ươi dài và thưa, màu nâu đỏ. Khi nó ngồi lom khom trông chẳng khác gì một cụ già. Đười ươi sống đơn độc trong các khu rừng thuộc đảo Su-ma-tra và Ka-li-man-tan (In-đô-nê-xi-a), làm tổ và đẻ con trên cây, ít khi xuống đất. Thức ăn của chúng là các loại hoa quả, thực vật.

Đười ươi là động vật quý hiếm cần được bảo vệ. Hiện nay ở vườn thú Hà Nội có nuôi một con đười ươi. Trong tương lai người ta muốn nhân giống đười ươi tại vườn thú.

Còn gọi là chim nhạn. Én bụng trắng có ở châu Á, châu Âu, châu Phi và cả châu Úc. Én bụng trắng cũng phổ biến ở Việt Nam và là loài chim di cư vào mùa đông. Số lượng én bụng trắng tăng từ mùa xuân đến mùa thu và bắt đầu giảm từ cuối thu đến hết mùa đông.

Én bụng trắng sống ở khắp nơi, nhất là các đồng lúa, khoảng trống ven rừng và vùng trung du, ăn côn trùng phá hoại cây cối nên là loài chim có ích cho nông nghiệp.



ÉN BỤNG XÁM

red-rumped swallow

E



Loài én nhỏ, khác với én bụng trắng bởi vùng cổ và hông có màu nâu đỏ. Phần dưới thân có màu sắc khác nhau. Én bụng xám là loài sống định cư, phổ biến ở khắp các vùng trong cả nước. Tuy nhiên có một số quần thể di cư. Nơi sống là các vùng trống trải, như đồng ruộng, làng mạc...

Loài động vật thuộc lớp Lưỡng cư, vừa sống ở nước, vừa sống ở cạn. Thân ếch ngắn, đầu dẹp, nhọn, không có đuôi. Chi sau to và dài hơn chi trước, bàn chân có 5 ngón có màng bơi. Khi ngồi, chi sau gấp theo hình chữ Z, lúc nhảy chi sau bật thẳng làm ếch tung mình về phía trước. Khi bơi, chi sau đẩy nước, chi trước lằm bánh lái. Da ếch trần có tuyến nhầy nên luôn ẩm ướt. Ếch hô hấp qua da và phổi nhưng chủ yếu là qua da. Mắt ếch lồi có 2 mí. Chúng có thể quan sát được tầm nhìn tới 360° , song chỉ trông thấy các vật và mỗi cử động, không trông thấy các môi tĩnh. Thức ăn của ếch là các loài sâu bọ, tôm, cua, ốc...

Cuối mùa xuân, đầu mùa hè là mùa sinh sản của ếch. Ếch đực ôm lưng ếch cái. Ếch cái đẻ trứng vào nước, ếch đực tưới



tinh dịch vào đám trứng ếch cái vừa đẻ ra. Sau khoảng 2 tuần trứng nở thành nòng nọc. Nòng nọc trông giống cá, thở bằng mang, đuôi dài và không có chân. Dần dần đuôi ngắn lại, mang teo đi, hai chi trước xuất hiện rồi đến hai chi sau. Nòng nọc đã biến thành ếch, nhảy lên bờ.

Mặc dù sống trên cạn nhưng ếch vẫn ưa những nơi ẩm ướt, bên bờ các vực nước. Về mùa đông chúng ẩn mình trong hang hay trong bùn để tránh rét.

ẾCH BỐN MẮT*four-eyed frog*

Loài ếch sống ở Chi-lê, có một cặp vết đốm mắt có tuyến ở hai bên hông, thường được đúi phủ lên khi nó không hoạt động. Nhưng khi bị đe dọa, nó sẽ bất ngờ phô ra các đốm mắt, làm cho kẻ thù phải hoảng sợ. Hai tuyến này còn tiết ra một mùi hôi khó chịu.



ẾCH CÂY (CHÂU CHÀNG)

flying frog



Kích thước trung bình, cá thể cái dài khoảng 8 cm, cá thể đực nhỏ hơn, dài khoảng 5 cm. Đầu to, mõm ngắn, thân đẹp, lưng màu xám nhạt, đỏ nâu hay vàng. Chân mảnh và dài. Đầu ngón chân, ngón tay có giác bám lớn giúp ếch cây bám được và di chuyển dễ dàng trên thân cây và cành lá. Ếch cây có thể nhảy từ cành nọ sang cành kia cách nhau vài mét. Ếch cây có mặt ở khắp các vùng trong cả nước. Chúng thích sống trong các bụi cây nhỏ, lũy tre bụi cỏ bên cạnh các vực nước như ao, hồ... Mùa lạnh chúng ưa sống trên cây, trú đông trong các khe, kẽ như trong khe lá chuối khô. Mùa đẻ trứng kéo dài từ tháng 3-8. Trứng nằm trong các đám bọt lớn bám trên cành lá. Trứng phát triển thành nòng nọc. Tổ rơi xuống nước, nòng nọc bơi lội trong nước, ăn xác bã động thực vật phát triển thành ếch cây trưởng thành.

Ếch cây là loài có ích vì chúng ăn sâu bọ như gián, kiến, mối, cào cào...

ẾCH TRƠN

slippy frog

Loài ếch nhái phổ biến ở vùng rừng núi, cỡ trung bình. Con đực lớn nhất có thân dài 7,5 cm, con cái nhỏ hơn, dài khoảng 6,7 cm. Gọi là ếch trơn vì da chúng nhẵn. Lưng ếch màu nâu hay nâu xám, đôi khi có màu vàng nâu. Ếch trơn thường sống trong các khe, kẽ đá, ở suối nước chảy trong rừng sâu, đặc biệt ở những nơi có nhiều đá to. Mùa sinh sản vào tháng 3 đến tháng 6. Vào mùa đông, từ tháng 12 đến tháng 2 chúng trú trong các hang hốc như hốc đá, hốc cây mục, ít ra hoạt động. Thức ăn của chúng là các loài sâu bọ như côn trùng, bọ cánh cứng, châu chấu, sâu non.... nên là loài có ích cho nông nghiệp.



Là loài ếch nhái thuộc bộ Ếch nhái không chân, có hình dạng giống giun. Ếch trun sống ở các bờ ao, hồ, thụt trong, đẻ ít trứng. Mỗi lần đẻ khoảng 12 - 20 quả. Ếch mẹ có tập tính cuộn lấy ổ trứng cho đến khi nở để bảo vệ và giữ độ ẩm thích hợp cho trứng. Thức ăn của ếch trun là giun đất. Ở nước ta, ếch trun ít gặp nên chúng được xếp vào những loài động vật hiếm cần bảo vệ.





Loài ếch nhái cỡ trung bình, có chiều dài thân khoảng 8cm. Mặt lưng có màu nâu, ngang giữa hai mắt có vạch vàng. Mỗi bên thân lại có một vạch vàng chạy theo chiều dọc cơ thể. Ếnh ương phổ biến ở đồng bằng, trung du và miền núi. Tiếng kêu rất lớn vì ngoài túi kêu ở cổ, toàn cơ thể ếch ương cũng căng phồng lên. Khi gặp kẻ thù, ếch ương nuốt khí làm cơ thể phồng to, hình thù rất kì dị, chiều rộng gần bằng chiều dài thân.

Ếnh ương cũng là loài có ích vì diệt côn trùng gây hại.

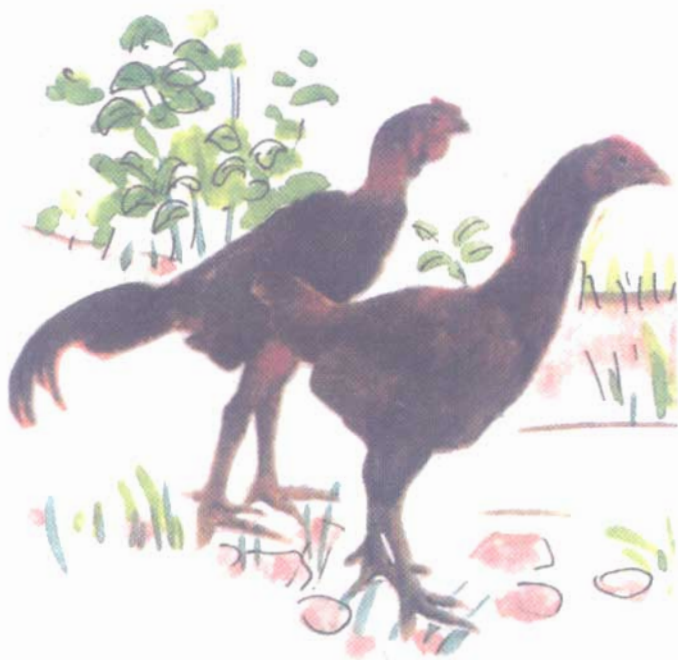
Gà gồm nhiều loài khác nhau sống trong tự nhiên hoặc là vật nuôi quan trọng của con người. Gà có đặc điểm chung là cánh tròn, ngắn, bay kém. Chân gà khá to, móng cùn và cứng, mỏ ngắn, khỏe, thích nghi với cuộc sống bới đất tìm mồi. Gà mái có bộ lông không sặc sỡ như gà trống. Gà trống có dáng bệ vệ, chân có cựa sắc, bộ lông óng mượt. Gà mái đẻ mỗi lứa khoảng 10 - 20 trứng và ấp trứng. Gà con mới nở có thể theo mẹ đi kiếm mồi ngay.



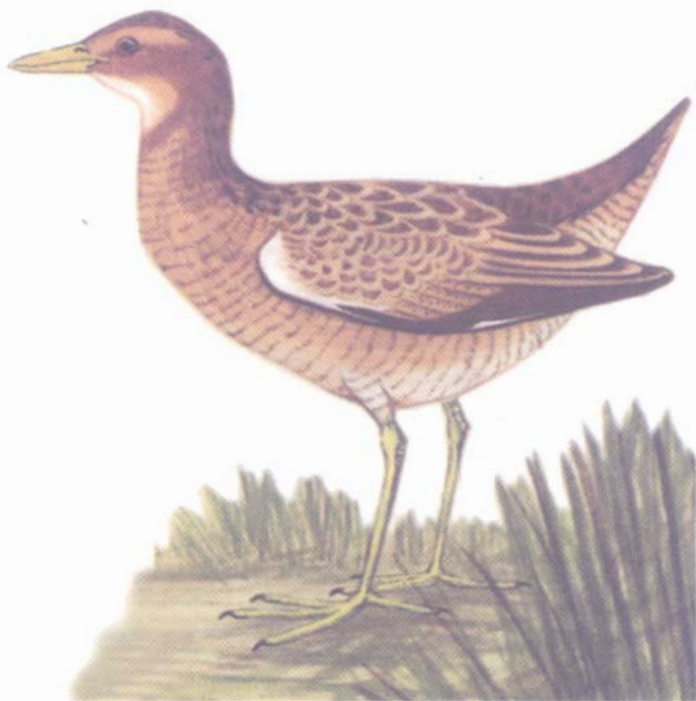
GÀ CHƠI

game cock

G



Giống gà lông màu đen hoặc đen pha đỏ. Cổ to và dài, cơ ngực và cơ đùi phát triển mạnh. Chân dài, xương to và khỏe. Cựa to và dài. Gà con mọc lông chậm, gà mái nuôi con vụng. Gà trống rất hung hăng, thích chọi nhau. Gà chọi có nguồn gốc từ Đông Nam Á, được chọn lọc và tạo ra theo tập quán chọi gà của những người dân vùng này.



Loài chim thuộc họ Gà nước. Là loài chim nhút nhát thường thấy ở vùng đầm lầy, vùng đất ngập nước ven hồ, suối. Trong mùa sinh sản chim đực có bộ lông đen nhạt với mỏ màu vàng, da gốc mỏ màu đỏ, chân màu đỏ. Ngoài mùa sinh sản, chim cái và chim đực có màu nâu, chân màu vàng, mỏ vàng. Khi bay có thể thấy nền trắng cánh màu trắng. Gà đồng là loại định cư khá phổ biến. Nơi sống là các đầm lầy, cánh đồng lúa. Tổ làm ở vùng cỏ cây gần bờ nước. Sinh sản từ tháng 5 - 9, đẻ 3 - 10 trứng.



Loài chim sống định cư, còn gọi là chim đa đa. Gà gô thích sống ở các sườn đồi núi thấp dưới 500 m, có nhiều cỏ và cây bụi. Gà gô gáy quanh năm, nhiều nhất là mùa hè, phần lớn vào buổi sáng sớm và vào khoảng 4-5 giờ chiều. Thức ăn là thực vật như các hạt cỏ dại và sâu bọ.

Mùa sinh sản của chúng từ tháng 4 đến tháng 6, làm tổ trên mặt đất. Thịt gà gô ngon nên bị săn bắn nhiều. Ngày nay gà gô rất cần được bảo vệ.

Con đực trưởng thành có mào lông màu đen lam ánh thép trên đỉnh đầu. Lưng, ngực, cánh có các vân mảnh màu đen, trắng xen nhau làm cho bộ lông có màu xám tro óng mượt. Con cái có bộ lông xấu hơn, có màu nâu, đen, hung, vàng nhạt xen nhau. Đuôi màu đen có vằn ngang, bụng màu nâu. Gà lôi hồng tía ưa sống trong các khu rừng ẩm, rậm lên tới độ cao 800 m. Thức ăn là các loại hạt, quả cây mềm, côn trùng và giun đất. Chúng được nuôi trong các vườn thú, sinh sản từ tháng 4 đến tháng 7.



GÀ LÔI LAM MÀO ĐEN

imperial pheasant

G

Loài chim khá đẹp phân bố ở miền Trung nước ta. Con đực trưởng thành có bộ lông màu lam thẫm. Mào lông ở gáy nhọn và có màu lam đen. Cánh, lưng và đuôi màu đen thẫm với phần lộ ra ngoài màu lam ánh kim loại. Lông đuôi giữa dài, nhọn và hơi cong xuống. Con cái mào lông không rõ rệt, bộ lông màu nâu hơi đỏ, lông đuôi giữa màu hạt dẻ, các lông đuôi khác màu đen. Cả con đực và cái đều có mắt màu da cam đỏ, mỏ vàng, gốc mỏ hơi đen, chân đỏ tím. Gà lôi lam mào đen thường sống trong các khu rừng xanh có độ cao dưới 200 m.

Thức ăn và sinh sản giống như gà lôi lam hồng tía.





Có hình dạng gần giống gà lôi lam mào đen, chỉ khác mào lông trên đỉnh đầu con đực có màu trắng. Con cái mào lông không rõ, bộ lông màu nâu xỉn, da quanh mặt và chân có màu giống con đực.

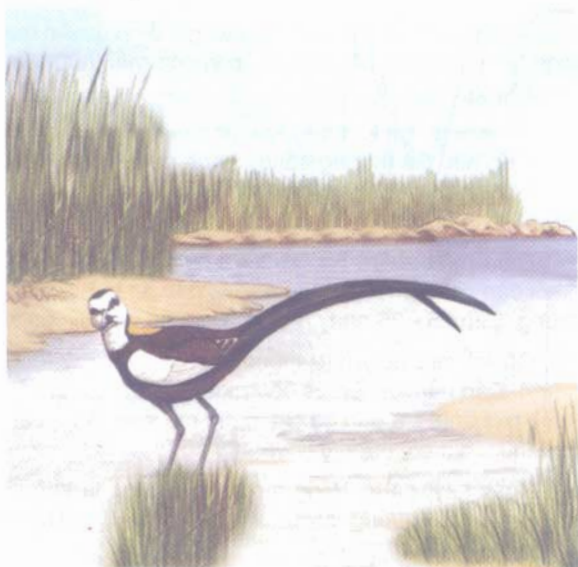
Giống như gà lôi lam mào đen, gà lôi lam mào trắng phân bố ở vùng rừng núi có độ cao dưới 200 m. Thức ăn và sự sinh sản cũng giống như gà lôi lam mào đen.

GÀ LÔI NƯỚC

water pheasant, jacana

G

Loài chim định cư sống ở các vùng đất ngập nước, các đầm lầy cỏ dại và đầm sen. Chân và các ngón chân dài để có thể đi trên cỏ dại. Gà lôi nước phân bố ở vùng Đông Bắc, vùng đất ngập nước châu thổ sông Hồng, Trung Trung Bộ và Nam Bộ. Chúng thường tập trung thành đàn khoảng 20 - 30 con, kiếm ăn trong các đầm lầy có nhiều cây thủy sinh như bèo, sen, súng... Thức ăn chủ yếu của gà lôi nước là các loại ốc và hạt cây thủy sinh. Tổ gà lôi nước được làm bằng cỏ đặt trên mặt đất hoặc trên các lá lớn nổi trên mặt nước. Mỗi lứa đẻ 4 trứng màu vàng hung nhạt.



Gà lôi trắng không trắng hoàn toàn. Bộ lông của chúng có màu trắng đục đốm đen nhưng ngực, cổ và bụng có màu đen bóng, đôi giò đỏ, mào đỏ tươi viền đen. Là một loài chim cảnh đẹp và quý hiếm, trong



các vườn bách thú và cả trong các gia đình quyền quý. Song chỉ con trống có màu sắc sặc sỡ, còn con mái thường có màu nâu xỉn xấu xí.

Ở nước ta, gà lôi trắng khá phổ biến trong rừng núi trung du và miền núi. Gà thường sống quanh quần nơi làm tổ. Vào sáng sớm và chiều tà gà lôi trắng thường ra kiếm ăn ở những bãi trống trong rừng hoặc trên các con đường nhỏ.

Giữa mùa xuân, vào khoảng cuối tháng 4, gà lôi mái tách khỏi đàn đi tìm một chỗ kín đáo làm tổ đẻ trứng. Mỗi lứa từ 4 - 6 trứng. Sau 25 - 26 ngày được gà mẹ ấp, gà lôi con ra đời.

Gà lôi mới nở trông giống hệt gà nhà, bộ lông vàng óng mượt. Dần dần lớn lên gà con mới thay đổi giống bố hay mẹ tùy theo giới tính. Cả đàn gà con cùng mẹ kiếm ăn ở bãi trống, nhặt hạt thóc, hạt cỏ, mầm cây và sâu bọ.

Ngày nay, gà lôi trắng ở rừng núi nước ta không còn nhiều do bị săn bắt thường xuyên, vì thế rất cần được bảo vệ.

GÀ RỪNG

wild fowl, grouse

G

Sống ở hầu khắp núi rừng vùng trung du và miền núi, ở ven rừng gần các nương rẫy, sông suối, rừng tre nứa, kiếm ăn trong khu vực làm tổ nhỏ hẹp của mình. Gà rừng trông rất giống với gà nhà. Gà trống có bộ lông đỏ óng mượt, đuôi dài như đuôi gà trống thiên với cái mào thịt đỏ chót trên đầu. Gà mái có bộ lông màu nâu xỉn. Gà rừng thường sống thành đàn nhỏ, mỗi đàn thường có một con trống, vài ba con mái. Khi gà mái đang nuôi con, thường tách khỏi đàn dẫn đàn con đi kiếm ăn riêng. Vào buổi sáng sớm và buổi chiều, hàng đàn gà rừng kéo tới các nương rẫy, ruộng lúa ven rừng, trên các bãi cỏ để kiếm ăn. Đến khi mặt trời sắp xuống núi mới về ngủ trên các cành cây cao để tránh kẻ thù là các bầy cáo ăn đêm. Gà rừng được con người mang về nuôi và thuần hóa thành gà nhà ngày nay.

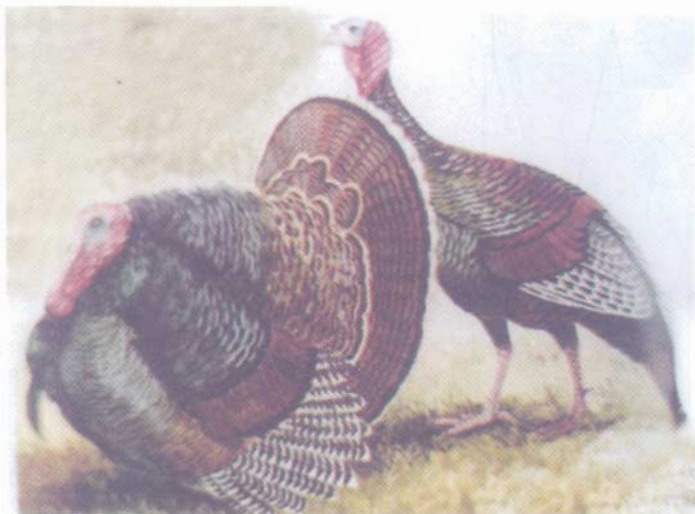
Số lượng gà rừng đã bị giảm rất nhiều do sự săn bắn bừa bãi của con người.





Loài chim cỡ trung bình trong họ Trĩ. Bộ lông màu hung nâu. Hai dải trên mắt màu trắng kéo dài xuống cổ. Ngực màu nâu ô liu. Lưng màu đen nhạt, vai màu đậm hơn, sườn xám có nhiều vệt đen trắng xen kẽ. Mỏ đen. Chân màu hồng nhạt. Gà so cổ hung là loài đặc trưng ở vườn Quốc gia Cát Tiên tỉnh Đồng Nai. Nơi sống là các khu rừng tre, nứa, rừng thường xanh.

Loài chim có nguồn gốc ở Mê-hi-cô. Đến thế kỉ XV, gà tây mới được nhập sang châu Âu và từ đó chu du khắp thế giới. Bộ lông gà tây có màu đồng ánh xanh, mỗi chiếc lông có viền màu nhung đen, lông cánh có những vết trắng, đầu xanh, chân đỏ. Gà tây sinh sản vào mùa xuân. Đẻ từ 10 - 15 trứng. Thịt gà tây ngon.



Bộ lông có màu nâu thẫm, da trần quanh mắt màu đỏ. Con cái nhỏ hơn con đực, các sao ở lông hình 3 cạnh, màu không nổi. Gà tiền mặt đỏ tập trung nhiều ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Chúng sống thành từng đôi hay 3 con trong các khu rừng tre nứa, cây lá rộng, có độ cao 1.400 m. Thức ăn là các loại quả mềm, hạt quả và côn trùng các loại.



GÀ TIỀN MẶT VÀNG

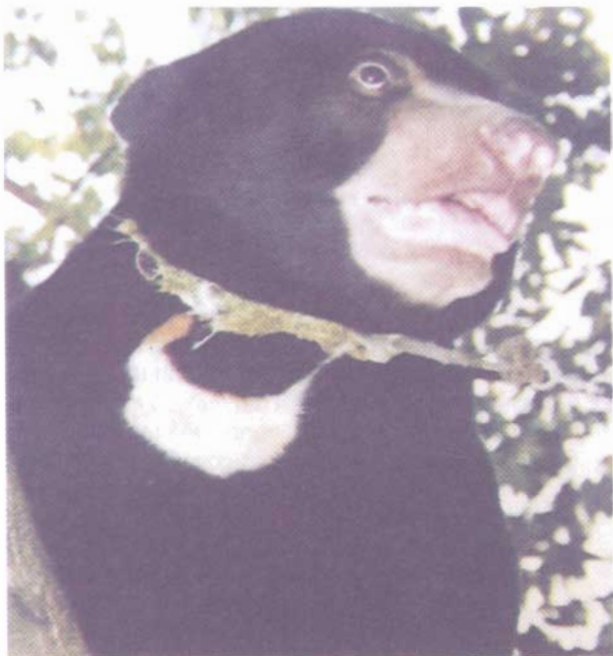
grey peacock pheasant

G



Con đực trưởng thành có da quanh mặt màu vàng nhạt, phần lông xù ở đầu hơi trắng. Lông màu xám tro hơi nâu có những chấm tròn màu xanh lam óng ánh trông như những đồng tiền. Trên đuôi có những chấm hình bầu dục màu lục biếc, ngoài viền màu hung đỏ. Con cái có bộ lông màu giống con đực nhưng kém óng ánh hơn, các chấm nhỏ và đen thẫm hơn, cơ thể nhỏ hơn một chút. Gà tiền mặt vàng ưa sống trong các khu rừng xanh độ cao chừng 1800 m từ miền Bắc vào đến hết miền Trung. Thức ăn chủ yếu là các loại quả, hạt quả, côn trùng, giun đất... Để trứng vào tháng 3 - 7.

Loài gấu nhỏ khá phổ biến ở nước ta trước kia. Trọng lượng từ 40 - 70 kg. Mặt giống mặt chó nên có tên là gấu chó. Toàn thân màu đen, không có bờm cổ, yếm ngực màu ngà vàng có hình chữ U. Phân bố ở các khu rừng đầu nguồn, ăn mật ong, hạt dẻ, hạt sồi, quả sung, vắ, chuối, củ mài, măng tre, rau, lạc, ngô... và một số loài chim. Sinh sản quanh năm nhưng chủ yếu tập trung vào mùa đông. Là đối tượng săn bắt của con người nên rất cần được bảo vệ.





Loài thú rất đặc trưng, chỉ sống ở Ôt-xtrây-li-a. Cơ thể tròn trịa, bộ lông mềm màu xám, dưới bụng có một túi ấp để nuôi con non. Khi con non còn nhỏ, chúng nằm trong túi ấp để bú sữa mẹ. Khi đã lớn hơn, chúng thường bám trên lưng mẹ một cách chắc chắn. Thức ăn chủ yếu của gấu có túi là các loại lá, búp cây. Chúng chủ yếu sống trên cây, rất ít khi xuống đất.

Mùa khô, gấu chuyển sang ăn lá bạch đàn có chứa nhiều nước. Nó nhai rất kĩ đến khi thức ăn thành những viên tròn nhỏ mới đưa xuống dạ dày và ruột non rồi nằm ở manh tràng. Tại đây tám ngày sau thức ăn mới được tiêu hóa hết. Lá bạch đàn chứa nhiều độc tố nên gan gấu phải hoạt động nhiều để loại bớt độc tố trong lá cây.

Loài gấu lớn khá phổ biến ở nước ta trước kia. Trọng lượng cơ thể từ 80 – 100 kg. Màu lông đen tuyền, đặc biệt có một yếm ngực màu ngà vàng hình chữ V nên rất dễ nhận biết, có bờm lông ở hai bên cổ. Gấu ngựa phân bố và ăn thức ăn như gấu chó. Gấu ngựa là đối tượng bị con người săn bắt ráo riết để lấy da, lông, xương, bàn chân và đặc biệt là mật gấu. Gấu ngựa rất cần được bảo vệ.



GẤU TRẮNG

white bear, polar bear

G

Còn gọi là gấu Bắc Cực, là loài gấu lớn sống ở Bắc Cực, hoạt động vào mùa hè, mùa đông ngủ trong hang. Gấu trắng có bộ lông màu trắng ngà rất dễ lẫn với màu của tuyết. Gấu trắng bơi giỏi, bắt cá, hải cẩu làm thức ăn.

Gấu trắng đẻ con vào mùa xuân, mỗi lứa 2 - 3 con ; nhưng về sau thường chỉ sống sót 1 - 2 con.



Loài gấu quý hiếm có ở cao nguyên Tây Tạng (Trung Quốc). Thức ăn là tre, trúc nên có tên gọi là gấu trúc, ngoài ra còn gọi là gấu mèo vì hình dáng hơi giống con mèo.

Gấu con mới đẻ chỉ nặng khoảng 100g, sau một tháng nặng 2kg. Gấu con bú sữa mẹ trong 8 tháng đầu. Sầu khi cho con bú gấu mẹ mới đi kiếm ăn. Gấu mẹ thường ngoạm con leo lên dốc dù gấu con đã đi đứng được một mình.

Thường sống cô độc, chỉ sống chung vào mùa sinh sản sau đó lại sống riêng. Trong các vườn thú chúng sinh sản rất kém.

Gấu trúc bị thiếu thức ăn do tre, trúc bị con người chặt phá, ngoài ra còn bị săn bắn nên số lượng giảm. Gấu trúc rất cần được bảo vệ khỏi họa tuyệt chủng.



GẤU XÁM

gray bear, grizzly

G

Gấu xám còn gọi là gấu Mĩ, sống ở các rừng núi miền Tây Bắc Mĩ. Gấu xám sống thành đàn, thức ăn là các loại củ và quả rụng vào mùa xuân và mùa hè. Về mùa thu, chúng sẵn bắt thỏ núi, sóc, chuột và một số con vật khác. Gấu xám qua đông trong hang trên các sườn núi cao, gấu mẹ sinh con tại đây vào giữa mùa đông. Gấu con mới đẻ rất yếu và chưa mở mắt. Cả gấu mẹ và gấu con gần như không hoạt động trong những tháng rét dài. Mùa xuân đến mới thức giấc để kiếm ăn. Trước khi bắt đầu cuộc sống tự lập, gấu con còn qua đông với mẹ một lần nữa.





Loài chim thuộc họ Hạc, hình dạng rất giống già đầy lớn nhưng kích thước nhỏ hơn, không có búi cổ lớn. Là loài chim sống định cư ở các vùng đầm lầy, đồng cỏ ngập nước, ven rừng. Trong mùa sinh sản kiếm ăn và làm tổ ở rừng tràm, sau đó di chuyển đến các vùng ngập nước khác như Tam Nông, Đồng Tháp. Làm tổ trên các cây tràm lớn. Tổ rất to và thường cách mặt đất từ 8 - 10 m. Mùa sinh sản từ tháng 11 - 4. Mỗi năm đẻ 2 lứa, mỗi lứa 2 - 4 trứng màu trắng. Thức ăn chính là cá, đôi khi cả rắn nước. Già đầy Ja-va số lượng không còn nhiều. Có khoảng 100 đôi sinh sản trong rừng U Minh. Nguyên nhân làm suy giảm số lượng là do rừng tràm bị cháy, bị chặt phá, ngoài ra chúng còn là đối tượng săn bắt của nhân dân.

GIÀ ĐẦY LỚN

greater adjutant

G



Loài chim lớn thuộc họ Hạc, mỏ to và dài có màu vàng hay lục nhạt. Vào mùa sinh sản gốc mỏ hơi đỏ. Da trần ở đầu màu nâu nhạt chuyển thành đỏ gạch ở trên cổ và đen nhạt ở phía dưới đầu, cổ vàng nhạt. Chân xám nhạt hay nâu. Mặt lưng, cánh và trên đuôi đen có ánh lục. Ngực, sườn, bụng và dưới đuôi trắng. Ở chim non, da trần ở đầu và cổ ít nhiều có phủ lông, lông cánh màu nâu thẫm. Già đầy lớn sống ở các vùng đầm lầy, hồ, cánh đồng lúa ở vùng rừng núi và đồng bằng. Đôi khi người ta còn gặp chúng ở các nơi khô hạn. Già đầy lớn phân bố ở khắp các vùng trong cả nước.

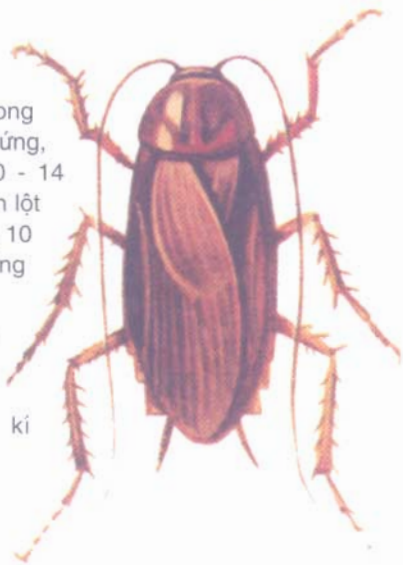
Loài côn trùng thuộc bộ Gián có ở khắp nơi trên thế giới. Gián sống chui rúc trong hốc đá, khe tường ẩm, xó bếp, chạn bát. Có tới 2000 loài gián khác nhau. Hai loài thường gặp là gián đỏ và gián đen. Cả hai đều có thân hình trứng dẹt theo hướng lưng bụng, có 3 đôi chân dài, đầu nhỏ hình tam giác. Gián đen ngắn hơn, khoảng 19 - 26mm, cánh ngắn, không phủ kín lưng, gián đỏ dài hơn, khoảng 26 - 32mm, cánh dài phủ kín lưng.

Gián hoạt động về đêm, ăn đủ mọi thứ. Minh gián luôn tiết ra một chất dính có mùi hôi để tự vệ.

Đôi râu dài và mảnh đóng vai trò xúc giác, luôn ngó ngoáy mọi hướng để dò đường, tìm thức ăn. Mắt râu gián có thể chết.

Thời kì sinh sản của gián là mùa hè, mùa thu, vào buổi tối. Lúc này gián bay tứ tung trong nhà, bếp. Gián cái đẻ trứng, mỗi ổ trứng nở thành 10 - 14 gián con. Gián con lớn lên lột xác vài lần trong vòng 9 - 10 tháng trở thành gián trưởng thành.

Gián là vật trung gian truyền một số bệnh nguy hiểm như kiết lị, thương hàn, tả, giun kí sinh...



GIÈ CÙI

red-billed blue magpie

G



Loài chim đẹp thuộc họ Quạ. Phía lưng màu xanh lơ, đầu đen, mỏ và chân đỏ. Mặt bụng trắng. Đuôi rất dài, mút lông có màu trắng. Chúng thường kiếm ăn theo đàn nhỏ. Là loài định cư khá phổ biến ở các khu rừng trong cả nước.

Cơ thể dài gồm nhiều đốt. Trên mỗi đốt có một vành tơ. Là động vật lưỡng tính, có cấu tạo thích nghi với cuộc sống di chuyển trong đất. Da có tế bào tiết chất nhầy làm cho da luôn trơn ẩm, giúp cho giun di chuyển dễ dàng và hô hấp qua da. Giun đất có khả năng tái sinh phần cơ thể khi bị mất.



Giun đất mặc dù là động vật lưỡng tính nhưng vẫn cần có sự thụ tinh chéo do các cơ quan sinh sản đực và cái trong một cơ thể chín không đồng bộ. Hai giun đất ghép đôi để trao đổi tinh dịch sau đó tạo kén. Kén là thành đai bong ra, tuột về phía trước, nhận trứng non và tinh dịch trên đường đi. Trứng trong kén nở thành giun con.

Giun đất là động vật có ích cho nhà nông vì chúng làm cho đất tơi xốp, làm đất tăng lượng mùn, nước, các loại muối cung cấp cho cây.



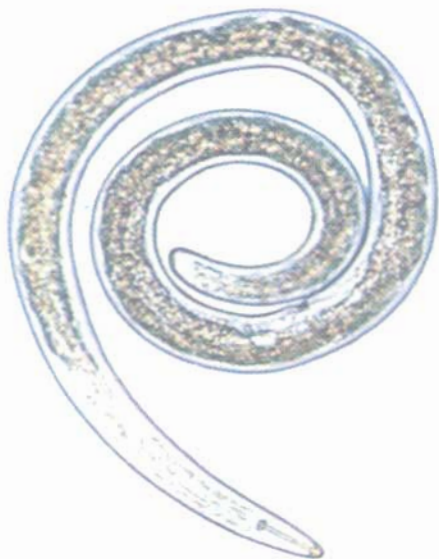
GIUN ĐỎ

blood worm, red worm

G

Giun đỏ thuộc ngành Giun đốt. Chúng sống thành búi trong cống rãnh, đầu cắm xuống bùn, đuôi thò ra ngoài, hoạt động uốn sóng để thở. Giun đỏ được dùng làm thức ăn nuôi cá cảnh.





Giun kim màu trắng nhỏ như cái kim, dài từ 5 - 10mm, sống ở đoạn cuối ruột non và ruột già. Ban đêm giun cái bò ra để trứng ở gần vùng hậu môn gây ngứa ngáy khó chịu. Khi người bệnh gãi, trứng giun dính vào kẽ móng tay. Trứng giun có thể lọt vào miệng, xuống ruột và nở thành giun.

Bệnh giun kim gây mất ngủ, có khi gây rối loạn thần kinh, viêm ruột thừa.

GỖ KIẾN

woodpecker

G

Có nhiều loài khác nhau. Thức ăn chính là kiến, ngoài ra còn ăn ấu trùng của nhiều loài sâu bọ khác. Thường nhảy dọc thân cây, dùng đuôi có lông cứng và mút lông ráp làm điểm tựa vững chắc rồi nhảy giật lùi, đầu vẫn hướng lên trên và đuôi hơi nâng lên, trước lúc bắt đầu nhảy. Dùng cơ cổ khỏe bổ đầu mỏ đẹp, sắc vào vỏ cây như những nhát rìu để bới côn trùng trong đó. Gõ kiến có lưỡi dài, tròn, đầu lưỡi nhọn và cứng, có chất nhầy dính nên dễ bắt kiến và các côn trùng nhỏ. Chúng có thể lùa lưỡi vào các lỗ nhỏ ở gỗ mục để kéo các con sâu trong đó ra. Lưỡi gõ kiến dài đến mức khi thụt vào, phần gốc lưỡi phải vòng lên đầu, ôm lấy sọ và thậm chí còn phải xuyên qua hốc mũi vào cả mỏ trên.



Gỗ kiến thường khoét các hốc cây gỗ mềm, gỗ mục làm tổ và đẻ trứng. Chim non rất yếu nên được bố mẹ chăm sóc cẩn thận. Chúng sống định cư ở Việt Nam nhưng số lượng ít, thường sống riêng lẻ hay từng đôi ở các khu rừng có nhiều cây bụi.

Là loài chim có ích trong lâm nghiệp nên rất cần được bảo vệ.

Là loài chim định cư, không phổ biến; thuộc họ Gõ kiến. Bộ lông trên lưng đen, có nhiều vằn trắng, bụng màu nâu đỏ, đậm hơn ở phần đuôi. Chim đực có đỉnh đầu màu đỏ sẫm. Chim cái có màu đen, đốm trắng. Gõ kiến bụng hung phân bố ở Bắc Bộ và Nam Trung Bộ. Chúng thường sống trong các khu rừng thưa và rừng thông. Mùa sinh sản từ tháng 3 - 5, mỗi lứa đẻ 4 - 5 trứng.



GỖ KIẾN ĐẦU ĐỎ

great spotted woodpecker

G



Loài gỗ kiến có bộ lông màu xanh lá cây thẫm, gáy và vòng cổ đỏ. Chim trống trưởng thành ở trán và đỉnh đầu có màu đỏ còn chim mái lại có màu xanh lục nhạt. Chân xám xanh nhạt. Mắt nâu đỏ. Mỏ đen, gốc mỏ dưới vàng. Chim gỗ kiến xanh đầu đỏ sống ở miền Bắc và miền Trung nước ta. Chúng còn có ở phía Tây nam Trung Quốc và Đông Dương.

Còn gọi là khỉ đột, sống trong các khu rừng nhiệt đới ở châu Phi, có kích thước to lớn nhất và khỏe nhất trong các loài khỉ, khỏe hơn nhiều lần so với người. Gô-ri-la có thể cao tới 2m, nặng tới 200kg. Chân tương đối ngắn, tay rất giống tay người về tỉ lệ, kích thước. So với các loài khỉ khác, bàn tay khỉ đột tương đối ngắn và rộng, hoàn toàn như bàn tay người, có đầu nặng, bộ não tương đối lớn. Thức ăn chủ yếu là thực vật, các loại củ, quả như chuối, cà rốt, hạt dẻ... đôi khi cũng ăn thịt.

Gô-ri-la thường sống dưới đất, đi bằng 4 chân, nhưng khi tấn công kẻ thù có thể đứng trên 2 chân sau. Tổ được làm trên những cây thấp dùng để ngủ vào ban đêm.



Loài thú thuộc bộ Guốc chẵn, cơ thể dài tới 3,5m, cao 1,5m, nặng từ 2,5 đến 4 tấn, chân to và ngắn. Đầu to, mõm rộng. Hà mã sống thành từng đàn ở các sông hồ châu Phi, đôi khi lặn chìm cả cơ thể dưới nước chỉ nhô hai lỗ mũi lên để thở. Ban ngày ăn cây cỏ thủy sinh nhưng ban đêm có thể lên cạn phá hoại cây trồng.





Kích thước nhỏ, bộ lông đen bóng, cổ trắng, mỏ tối màu, chân đỏ. Hạc cổ trắng là loài định cư, hiện nay hiếm gặp. Chúng thường sống ở các vùng đầm lầy, ven rừng, ở nơi trống trải thuộc các tỉnh miền Nam Trung Bộ, Nam Bộ. Thức ăn chủ yếu là cá. Mùa sinh sản từ tháng 10 - 11, ở rừng tràm U Minh, thường làm tổ trên các cây tràm cụt ngọn. Tổ rất lớn, mỗi lứa thường đẻ 4 trứng. Chim non giống chim trưởng thành nhưng màu đen có ánh nâu thẫm, lông ở cổ hơi dài. Mỏ đen phớt đỏ ở mót và mép. Chân đỏ thẫm.

HẠC ĐEN

black stork

H



Loài hạc lớn có phần thân trên đen bóng, phần bụng dưới màu trắng, chân và mỏ màu đỏ. Khi bay chân và cổ duỗi thẳng cùng với cánh dang rộng tạo thành hình chữ thập. Hạc đen là loài chim di cư, hiếm gặp, thường kiếm ăn ở các sông, hồ và đầm lầy.



Kích cỡ giống hạc đen nhưng bộ lông màu trắng. Khi bay, viền rộng mép sau cánh và mút cánh có màu đen. Mỏ dài và nhọn. Chân cao màu đỏ, đuôi trắng, thường kiếm ăn ở các cánh đồng, vùng đầm lầy. Đây là loài hạc quý, rất hiếm gặp.

HẢI ÂU

albatross, gull, sea-mew, petrel _____

H

Loài chim sống ở biển, bơi lội giỏi, bay liệng rất giỏi khi gặp giông bão. Hải âu là loài chim lớn, sải cánh của nó dài tới 4 - 4,5m. Cánh dài nhưng hẹp và phẳng như tấm ván. Hải âu bay giỏi do biết lợi dụng sự thay đổi của luồng không khí. Có thể bay suốt ngày không vỗ cánh, cũng không mệt mỏi.

Vào mùa sinh sản hải âu vào bờ để trứng và nuôi con. Ngoài mùa sinh sản hải âu suốt ngày đêm ở ngoài khơi kể cả khi biển động và gió bão. Đôi khi chúng nghỉ ngơi bằng cách đậu xuống nước, bồng bênh trên mặt biển. Chân hải âu có màng da như chân vịt giúp chúng bơi lặn dưới nước giỏi như khi bay trên trời.





Hải cầu có nghĩa là chó biển, thuộc bộ Chân màng, chủ yếu sống ở Bắc Cực và Nam Cực. Cơ thể hình thoi, dài 1,2 - 6m, chân biến thành bơi chèo, chân sau duỗi thẳng không cử động được. Lông hải cầu thưa, cổ ngắn.

Hải cầu mẹ để con rải rác dọc bờ biển, thường ẩn ở một nơi nào đó, khi con đói kêu ầm ĩ mới đến cho con bú.

Hải cầu trưởng thành có chân sau duỗi thẳng không cử động được nhưng khi mới sinh, hải cầu con bò bằng cả bốn chân. Dần dần hai chân sau chỉ còn là điểm tựa cho sự chuyển vận của hai chân trước và để bụng dướn lên mỗi khi lên cạn.

Hải cầu bơi lội trong nước để bắt cá. Chúng có thể lặn sâu tới 75m và lâu tới 15 phút.

Loài thú thuộc bộ Gặm nhấm, cơ thể dài khoảng 1m, nặng độ 30 kg. Hải li bơi lội giỏi do có màng bơi giữa các ngón chân sau. Đuôi hải li rộng và dẹp dùng làm bánh lái khi bơi, bộ lông rậm và mịn.

Hải li có khả năng xây tổ đặc biệt. Tổ gần như túp lều có mái được làm bằng cành cây có trát bùn trên một mô đất gần chỗ có nước. Thức ăn là vỏ cây được dự trữ trong hầm. Hầm ở dưới "lều" có đường dẫn đến phòng ở chính. Cửa hầm ở dưới nước. Khi nước rút, cửa hầm có thể lộ ra. Vì vậy hải li thường dùng cành cây và bùn đắp những con đê dài để giữ nước khiến cho mực nước luôn cao che kín miệng tổ.





Hải quỳ thuộc lớp San hô nhưng sống đơn độc và không có bộ xương đá vôi. Thân hải quỳ hình trụ. Xung quanh miệng có hàng chục tua miệng tỏa ra như một bông hoa. Các tua có tác dụng bắt mồi đồng thời là vũ khí tự vệ do các tế bào gai trên các tua miệng có khả năng phóng ra các chất độc khiến kẻ thù phải bỏ chạy. Hải quỳ có khả năng thay đổi chỗ bám. Chúng thường sống cộng sinh trên vỏ của tôm kí cư. Tôm kí cư dựa vào hải quỳ để tự vệ còn hải quỳ dựa vào tôm để di chuyển.

HẢI SÂM

sea-cucumber, sea slug

H

Hải sâm thuộc ngành Da gai, có hình thù như quả dưa chuột, vì vậy nó còn có tên là dưa chuột biển. Hải sâm có nhiều loài, cơ thể dài từ 20 - 40cm, thường rúc mình trong bùn cát để tìm bới thức ăn. Đụng phải vật gì, nó đứng yên như cục đá đen ở dưới nước. Khi bị săn đuổi, hải sâm tự xổ ruột của mình, rồi tiết ra một chất độc gọi là độc tố hải sâm để tự vệ. 2 - 3 tuần sau, nội tạng lại được tái sinh.

Hải sâm rất có giá trị kinh tế. Độc tố hải sâm được dùng làm thuốc mê, thuốc trợ tim và thuốc chữa ung thư. Thịt là một món ăn hải sản cao cấp, có thể ăn tươi hay sấy khô, là một vị thuốc đông y chữa bệnh vô sinh ở nam giới. Hải sâm là một mặt hàng xuất khẩu rất có giá trị.



Động vật thân mềm thuộc lớp Hai mảnh vỏ, gần với trai nhưng nhỏ hơn. Vỏ có hình bầu dục hoặc tam giác. Hến sống ở đáy sông, suối, hồ, ruộng...

Là thực phẩm khá quen thuộc đối với nhân dân ta, song cũng có loài hến chứa ấu trùng sán lá là vật gây bệnh.





Là loài chim định cư khá phổ biến ở miền Bắc tới Đà Nẵng. Họa mi ưa sống ở các bãi cỏ, khu trồng hoa màu, những nơi có cây bụi nhỏ. Họa mi làm tổ trong các lùm cây nhỏ hay lùm cỏ, mỗi lứa đẻ 3 - 4 trứng. Trong thời kì sinh sản, chim trống vừa bay vừa hót riu rít, chim bay càng cao tiếng hót càng hay. Họa mi là loài chim có ích vì ăn các côn trùng nhỏ có hại cho nông nghiệp.

Họa mi là loài chim rất hiếu chiến. Trong thiên nhiên, mỗi con đực có một "lãnh thổ" riêng. Nếu một con đực khác xâm phạm vào lãnh thổ của mình chúng sẽ xông ra đánh đuổi cho đến khi kẻ địch phải bỏ chạy. Vì thế người ta thường nuôi họa mi để cho chúng "chọi" nhau.

Ở nước ta có 3 loài: họa mi nhỏ, họa mi đất ngực luốc, họa mi đất ngực đốm.

Còn gọi là con mang, thuộc họ Hươu nai, bộ Ngón chẵn. Cơ thể thon mảnh, trọng lượng không quá 30 kg. Lưng màu vàng sẫm, bụng trắng. Chân có lông màu vàng, giữa hai móng guốc có vết trắng rõ rệt. Đuôi ngắn. Hoẵng thường sống ở các cánh rừng thưa, rừng quạnh vắng rầy, đồi cây. Nơi ở quang đãng, thoáng mát, khô ráo, ven rừng. Thức ăn chủ yếu là lá cây, quả cây, cỏ... Hoạt động ban đêm, từ chập tối đến gần sáng. Mùa sinh sản vào tháng 1 đến tháng 3 và từ tháng 6 đến tháng 8. Chỉ ghép đôi trong mùa sinh sản, ngoài mùa sinh sản sống đơn độc. Mỗi năm đẻ 1 lứa, mỗi lứa 1 con, rất hiếm trường hợp 2 con. Hoẵng Nam Bộ là loài đặc hữu của Đông Dương, rất dễ nuôi, có thể thuần dưỡng nuôi trong các vườn thú, vườn quốc gia.





Loài thú lớn thuộc họ Mèo. Bộ lông có màu vàng xen các vệt vằn đen. Hổ có sức khỏe phi thường và rất hung dữ.

Một con hổ trưởng thành nặng tới 200 - 270 kg. Vũ khí lợi hại của hổ là răng nanh có màu sắc khỏe

có thể cắn giập xương con mồi. Chân có vuốt sắc để bắt và vồ mồi. Đuôi hổ cứng như roi sắt cũng là vũ khí tấn công và tự vệ.

Hổ thường sống ở rừng sâu, bụi rậm, rừng xen lẫn với đồi cỏ tranh. Nơi sống khá ổn định. Ban ngày ngủ trong hang đá hay bụi rậm,

ban đêm đi săn mồi. Thức ăn là tất cả các loài muông thú, trừ voi và trâu rừng. Trung bình mỗi ngày hổ ăn 8 kg thịt, có khi tới 20 kg.

Hổ sinh sản quanh năm, hổ cái có mùi đặc biệt và "tiếng nói" riêng để hấp dẫn hổ đực nhưng khi chữa thì nó đuổi hổ đực đi. Hổ đẻ từ 1 - 5 con. Hổ con sau 4 tháng có thể theo mẹ đi kiếm mồi, 2 - 3 tuổi thì rời mẹ sống độc lập và sau 4 tuổi nó có thể sinh đẻ được.

Hiện nay trên thế giới có hai nòi hổ: hổ A-mua sống ở các vùng rừng núi thuộc lưu vực sông A-mua và Xi-bia (Nga), có tầm vóc lớn. Hổ Ben-gan sống ở Ấn Độ và các nước Đông Nam Á có tầm vóc nhỏ hơn.

Hổ là loài thú quý hiếm rất cần được bảo vệ.

Loài chim rất đặc biệt có đôi chân và cổ rất dài, thuộc bộ Ngỗng. Kích thước cơ thể cao tới 1,3m. Bộ lông màu hồng rất đẹp. Mỏ có dạng đặc biệt giúp hồng hạc sục bùn, nước và lọc lấy các động vật nhỏ làm thức ăn. Hồng hạc thường sống thành đàn đông đúc ở các hồ nước ngọt, nước lợ và nước mặn yên tĩnh, không sâu. Tổ được làm bằng bùn cao tới 50 cm và được xây dựng trên bãi. Mỗi lứa chỉ đẻ 1 trứng. Hồng hạc non mới nở có bộ lông màu xám nâu, về sau bộ lông dần dần thay đổi chuyển sang màu hồng. Hồng hạc phân bố ở vùng quanh Địa Trung Hải thuộc châu Âu, ở Trung Á, Bắc và Trung Phi.



HỒNG HOÀNG*great hornbil*

Còn gọi là phượng hoàng đất. Đây là loài lớn nhất trong họ Hồng hoàng ở nước ta. Đầu đen, cổ và bụng trắng. Đặc biệt hồng hoàng có chiếc mỏ to cong kênh, do được cấu tạo từ xương xốp nên rất nhẹ, giúp chúng vật quả cây dễ dàng. Hồng hoàng bay kém, khi bay đập cánh phát ra tiếng ồn. Làm tổ trong hốc cây, chim mái ấp trứng còn chim đực mớm mồi cho cả chim mái và chim non từ lúc ấp trứng cho tới khi chim non rời tổ.

Loài thú cao nhất thế giới, thuộc nhóm Nhai lại, chỉ sống ở châu Phi. Chân cao khoảng 2,2m, đuôi dài 1m có một túm lông ở cuối đuôi. Nhờ cái cổ dài tới 5 - 6m mà nó có thể quan sát được cả một vùng rộng lớn, do đó dễ tránh được kẻ thù từ xa. Bộ lông hương cao cổ màu vàng nâu sáng với nhiều đốm lớn. Khác với các loài khác trong họ Hương, hương cao cổ không rụng sừng hàng năm. Chúng sống thành bầy đàn nhỏ trong các sa-van hay đồng cỏ có nhiều cây bụi. Thức ăn là các cành và lá cây. Hương cao cổ vật bỏ cành bằng cái lưỡi dài và dẻo. Khi gặp kẻ thù chúng tự vệ bằng móng guốc và đôi chân trước đá vào kẻ thù.

Hương cao cổ mẹ đẻ mỗi lứa một con, cách 2 năm đẻ một lứa.



HƯƠNG SAO

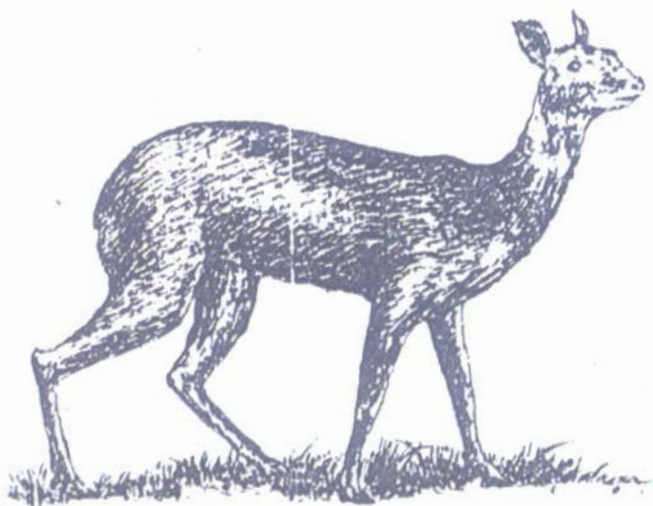
japanese dapple deer

H

Loài hương có lông màu vàng nhạt lốm đốm những chấm trắng như những ngôi sao. Hương đực có sừng 4 nhánh. Hương cái không có sừng. Mỗi ngày hương sao ăn từ 10 - 15kg cỏ và lá, uống từ 6 - 10 lít nước. Hương sao đẻ một con, con non khỏe, sau khi đẻ 30 phút đã đi lại được nhưng bú mẹ từ 4 - 5 tháng.

Nhưng hương sao là một dược liệu quý, tốt nhất trong các loại nhung hương, có tác dụng bồi dưỡng sức khỏe, nâng cao thể lực và điều trị một số bệnh. Hiện nay hương sao đã được con người thuần hóa làm thú nuôi để khai thác nhung và làm cảnh.





Loài hươu cỡ vừa, nhỏ hơn hươu sao, nặng khoảng 15 - 17 kg. Mồm tròn, đầu dài và không có sừng, tai to, đuôi rất ngắn. Chân cao, chân sau cao hơn chân trước. Lông màu tro hoặc hung. Hươu đực có túi xạ bên cạnh bộ phận sinh dục. Chất xạ sánh như sữa đặc, màu hơi sẫm, có mùi thơm đặc biệt để hấp dẫn hươu cái trong mùa sinh sản. Thức ăn của hươu xạ là thực vật. Chúng thường sống đơn độc trong các rừng núi đá. Hươu cái đẻ từ 1 - 3 con.

Xạ hương là nguyên liệu quý trong công nghiệp chế nước hoa. Vì thế con người thường săn bắn hươu đực để lấy túi xạ. Ngày nay hươu xạ gần như không còn ở nước ta, chúng có nguy cơ bị tuyệt chủng.

KĂNG-GU-RU

kangaroo

K

Loài thú có túi sống ở Ôt-xtrây-li-a. Có loài kăng-gu-ru xám, kăng-gu-ru đỏ. Chiều dài cơ thể có thể đạt tới 3 m, kể cả đuôi. Hai chân trước ngắn, hai chân sau dài và khỏe. Dưới bụng có một túi da dùng để ấp ủ con non. Chúng di chuyển rất nhanh bằng hai chân sau, mỗi bước nhảy có thể tới 2 - 3m. Thức ăn của chúng là thực vật. Mặc dù cơ thể kăng-gu-ru mẹ rất to lớn nhưng kăng-gu-ru con mới đẻ rất bé nhỏ, yếu ớt và chưa phát triển đầy đủ. Chúng được mẹ cho bú sữa ở trong túi và sau vài tháng chúng mới rời túi mẹ ra ngoài.



Có nhiều loài kền kền khác nhau. Chúng thường ăn các xác động vật và mồi thừa của hổ báo để lại. Để thích nghi với việc ăn xác thối nên toàn bộ phần đầu và cổ kền kền bị trụi lông, khi ăn thịt không dính vào lông đầu và cổ. Kền kền Nam Mỹ là loài kền kền lớn nhất, sải cánh rộng gần 3 m, có thể lượn ở độ cao giữa 2500 và 5000m. Chúng làm tổ ở vách đá và thường chỉ đẻ 1 trứng. Kền kền xám sống ở Nam châu Âu, Bắc Phi, Tiểu Á và Trung Á. Sải cánh dài tới 2,7 m và có bộ lông nâu. Kền kền là loài chim khỏe, góp phần bảo vệ môi trường xanh sạch, nhưng hiện nay chúng còn lại rất ít do môi trường ô nhiễm.





Loài thú cao cấp gần với người, tay chân dài có cấu tạo phù hợp để cầm nắm và leo trèo. Đôi mắt tròn không hướng sang hai bên mà hướng về phía trước. Khỉ ăn lá, quả cây, phân bố rộng rãi ở các khu rừng nhiệt đới và cận nhiệt đới châu Phi, châu Á, châu Mĩ. Thường sống thành đàn gồm nhiều gia đình và nhiều thế hệ. Mỗi bầy có một khỉ đực đầu đàn, chỉ huy chung mọi sinh hoạt, các con khác phục tùng sự phân công của khỉ đầu đàn như canh gác, bảo vệ, kiếm ăn. Mỗi khỉ đi kiếm ăn về, các gia đình khỉ đều chia cho khỉ đầu đàn một phần. Khỉ đầu đàn lấy rất nhiều vợ. Khi nó già yếu và chết đi, một con khỉ đực to khỏe nhất trong số khỉ đực còn lại sẽ lên thay thế. Mỗi bầy có một lãnh thổ riêng, ít khi xâm phạm đến lãnh thổ của nhau.

Khỉ rất thông minh, được nuôi để làm trò trong các rạp xiếc. Khỉ còn là đối tượng nghiên cứu trong các phòng thí nghiệm để ứng dụng lên người.

Loài khỉ lớn sống trên các thảo nguyên và vách núi cheo leo ở Ê-ti-ô-pi-a và Ả-rập Xê-út. Chúng có răng nanh to khỏe đôi khi dùng để đe dọa kẻ thù hoặc làm vũ khí để đánh nhau. Con đực có bờm lông bạc rất dày và dài, bao xung quanh mặt. Khỉ đầu chó ăn tạp, chúng ăn tất cả các loại lá cây, hoa quả và côn trùng mà nó bắt gặp.



KHỈ ĐUÔI DÀI

long-tailed ape

K

Loài khỉ nhỏ, trọng lượng từ 3-8 kg, bộ lông màu xám hoặc nâu đỏ. Da mặt màu hồng nhạt. Con đực khi về già thường có 2 chòm lông trắng dày rậm hai bên mép trông như bộ ria. Đặc biệt đuôi rất dài, dài hơn 3/4 chiều dài thân, khoảng gần 50 cm. Khỉ đuôi dài tập trung chủ yếu ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Chúng sống trong các khu rừng, kể cả rừng ngập mặn ven biển. Thức ăn là các loại quả, hạt, lá, búp cây, tôm cua, ếch nhái, côn trùng... Khỉ đuôi dài sinh sản quanh năm.



Loài khỉ cỡ khá lớn, trọng lượng từ 5-14kg. Bộ lông thường là màu xám hoặc hung sẫm. Trên đỉnh đầu có lông dài, rậm tạo thành xoáy tỏa ra xung quanh trông giống như cái mũ. Hai bên má lông rất dài, rậm tạo thành "đĩa mặt". Sống trong các khu rừng, trên núi đá và núi đất. Thức ăn chủ yếu là thực vật, ngoài ra còn ăn sâu bọ. đẻ con vào tháng 4 - 10.



KHI MẶT CHÓ

mandrill

K



Loài khỉ sống trong rừng nhiệt đới Tây Phi. Cơ thể chúng có màu sắc sặc sỡ, nhất là bộ mặt để dễ nhận biết nhau. Màu xanh lơ và đỏ tươi trên mặt và móng con đực sẽ tái đi khi cơ thể nó không được khỏe.



Loài khỉ cỡ vừa, nặng từ 7 - 11 kg. Bộ lông màu nâu sẫm, bụng nâu nhạt. Da mặt màu đỏ. Đuôi rất ngắn. Chai mông tròn không có lông. Khỉ mặt đỏ ưa sống trong các khu rừng già, rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh cây lá rộng. Thức ăn chủ yếu là thực vật, như quả, hạt, lá non và một số côn trùng, chim non, trứng chim. Mùa sinh sản từ tháng 2 - 10.



KHỈ MỐC

assam macaque, gray monkey _____

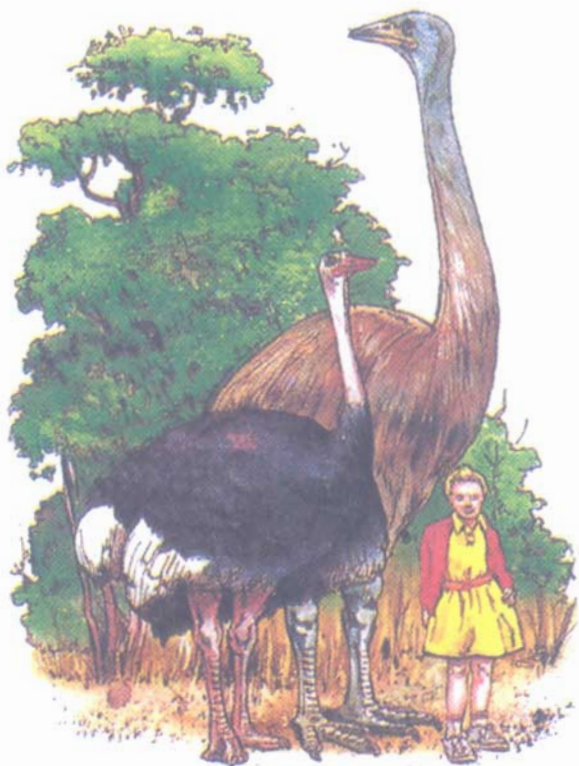
K

Loài khỉ cỡ khá lớn, trọng lượng từ 5 - 15 kg. Bộ lông màu vàng xám tới nâu sẫm. Lông trên đầu rẽ sang hai bên tạo thành "đường ngôi" và xoắn ở gốc tai. Hai bên má có diềm lông màu xám thẫm hướng về phía sau kéo dài đến tai. Khỉ mốc sống trong các khu rừng trên núi đá và núi đất. Thức ăn và sinh sản giống khỉ đuôi lợn.



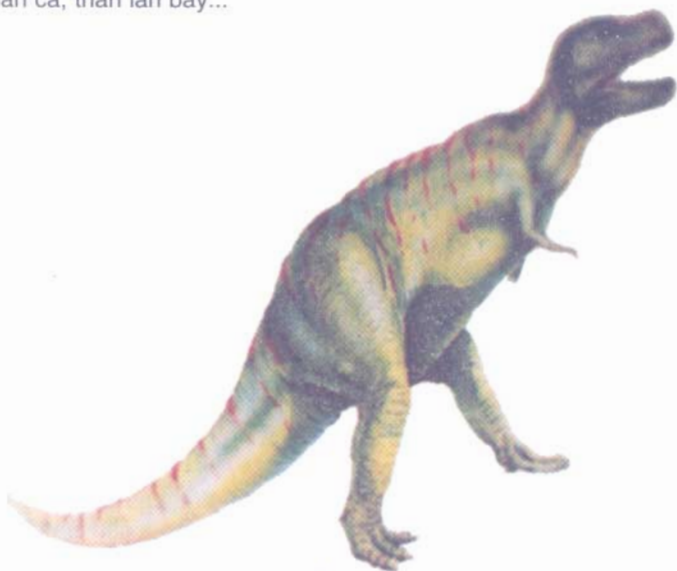


Có nhiều tên gọi: khỉ đỏ đít, khỉ đàn, bủ dủ. Là loài khỉ cỡ nhỏ, nặng từ 5 - 10kg. Bộ lông có màu vàng nâu, mặt màu đỏ nhạt. Vùng da quanh chai mông tròn, không có lông. Khỉ vàng sống trong các khu rừng trên núi đá, núi đất. Thức ăn chủ yếu là thực vật: quả, lá, hạt, búp cây, ngoài ra còn ăn tôm, cua, ếch nhái ven suối. Khỉ vàng sinh sản quanh năm, mỗi lứa đẻ 1 con; thường đẻ tập trung vào mùa hè.



Loài chim cao nhất trên trái đất: cao đến 4 mét.
Chúng sống ở Niu Di-lân, bị dân Mao-ri săn lùng, đã
bị tuyệt chủng vào thế kỉ 19.

Tên chung chỉ nhiều loài bò sát sống ở kỉ Tam điệp, kỉ Giu-ra, kỉ Phấn trắng thuộc đại Trung sinh, đã bị tuyệt diệt đột ngột từ 65 triệu năm nay. Từ những hóa thạch để lại trong các lớp đất đá như xương, răng, trứng... các nhà khoa học đã dựng lại mô hình của nhiều loài khủng long khác nhau như : khủng long bạo chúa, khủng long ăn cỏ, tam giác long, thần lằn cá, thần lằn bay...



KHƯỚI ĐẦU ĐEN

black-hooded laughing thrush

K



Chim trưởng thành đầu, họng và phần trên ngực màu đen, mào lông ngắn, mỏ đen. Hai bên cổ và sau cổ có dải màu trắng. Khướu đầu đen sống trong các khu rừng xanh, rừng hỗn giao, rừng tre nứa, tập trung trong các khu vực núi cao Tây Nguyên, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Đồng... Và chỉ có ở Việt Nam.



Loài chim nhỏ, cánh và đuôi màu đỏ sẫm rất đẹp, đỉnh đầu nâu đỏ, má màu trắng. Là loài sống định cư trong các vùng cây bụi và thảm cỏ. Chim mới được tìm thấy trên các vùng núi cao như Tam Đảo, Sa Pa.



KHƯỚU MỎ DÀI

short-tailed scimitar babbler

K

Chim trưởng thành có mỏ cong, dài, màu xám lẫn xanh, vàng. Cổ, ngực trên và bụng trắng. Mỏ xám. Chân màu nâu hồng. Là loài đặc hữu của nước ta. Nơi sống là các khu rừng xanh nguyên sinh và thứ sinh, nơi có nhiều tre nứa, đặc biệt là nơi có nhiều cây bụi, phân bố ở miền Bắc và miền Trung. Thức ăn chủ yếu là các loại côn trùng và các loại quả mềm.



Mùa sinh sản của khướu mỏ dài bắt đầu từ tháng 4 đến giữa tháng 7. Trong thời gian này chim đực có tiếng kêu đặc biệt. Khướu mỏ dài làm tổ bằng các cành cây nhỏ, vỏ cây và thân dây leo trong các bụi tre nứa. Mỗi lứa đẻ 3 trứng.

Có bộ lông đen tuyền, mỏ màu xanh nhạt, cằm trắng nhạt, thường sống dưới tán rừng xanh trên núi đá vôi vùng trung du và vùng núi thuộc Trung Bộ.

Nơi ở thích hợp là ven rừng, nơi có nhiều bụi cây rậm rạp. Thức ăn chủ yếu là các loại côn trùng, đôi khi ăn cả quả mềm và hạt cỏ. Mùa sinh sản vào tháng 4 - 6, mỗi lứa đẻ 3 trứng.



KHƯỞU VẦN ĐẦU ĐEN

black-crowned barwing

K



Loài chim cỡ trung bình thuộc họ Khướu. Chim trưởng thành có bộ lông màu xám nâu. Vành mắt trắng, trên đỉnh đầu có mào lông đen, lông gáy chuyển sang màu xám tro. Lông trên vai, lưng, hông màu nâu vàng. Cánh và đuôi có nhiều vằn sọc màu đen xen lẫn vàng nâu. Mặt dưới cơ thể màu hung nâu. Mỏ màu đen, chân xám. Khướu vằn đầu đen phân bố ở tỉnh Kon Tum, miền Nam Trung Bộ. Chúng thường sống ở các khu rừng thường xanh và rừng thứ sinh...

Kì đà có nhiều loài, hình dạng giống thằn lằn nhưng to hơn, dài hơn. Lưỡi dài, mảnh, đầu lưỡi xẻ đôi và hoạt động như lưỡi rắn. Đầu cũng như thân có vảy nhỏ xếp kề nhau. Lưng màu xám đen, ở con non có những chấm vàng xếp thành hàng ngang trên thân. Đuôi có những vòng vàng nhạt xen lẫn vòng đen. Kì đà có

thể dài tới 2,5 m. Thường gặp có kì đà nước còn gọi là kì đà hoa, ăn cua, cá, ếch, nhái, chim, chuột. Chúng sống ở bờ sông, suối vùng trung du và miền núi, đẻ 15 - 20 trứng mỗi lứa vào mùa hè, ở các hốc cây gần nước, thường lấy cát phủ lên.

Kì đà nước bơi lặn giỏi, có thể lặn lâu tới 30 phút. Mật kì đà ngâm rượu làm thuốc chữa các bệnh kinh giật ở trẻ em. Thịt ngon, da thuộc rất có giá trị.

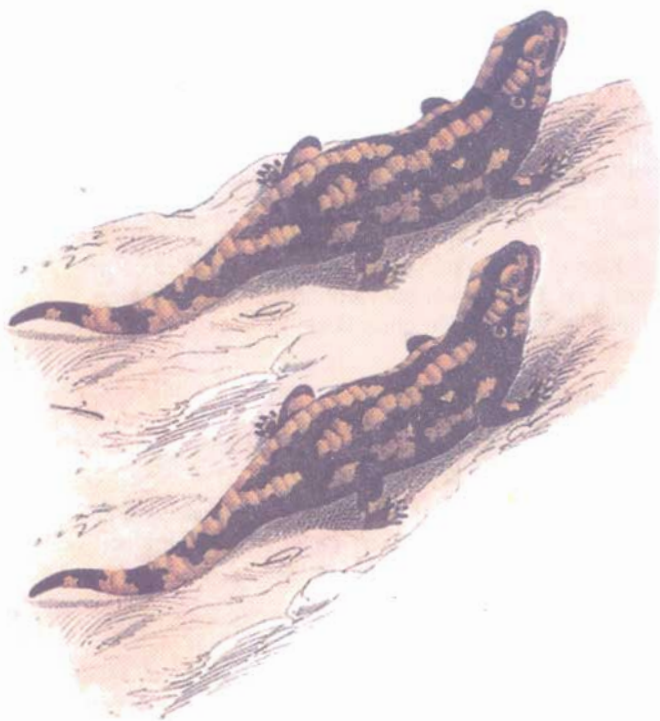


Hình dáng, kích thước giống kì đà hoa. Tuy nhiên, kì đà vân có màu vàng xám hay xám nhạt, trên có nhiều đốm vàng nhỏ, lỗ mũi ở gần mắt hơn đầu mõm. Kì đà vân sống ở vùng rừng núi, nơi gần các khe nước. Thức ăn của chúng là các loài sâu bọ, ếch nhái, thằn lằn, chim và trứng chim. Kì đà vân kiếm ăn cả trên mặt đất và trên cây, sinh sản vào mùa hè.



Loài thú thuộc bộ Cá voi, có cơ thể gần giống cá voi, thích nghi với điều kiện sống ở nước. Kì lân biển còn có tên là cá voi một sừng. Con đực có một chiếc răng kì lạ, rất dài và nhọn chìa ra phía trước gọi là răng kiếm. Kì lân biển sống ở vùng nước đóng băng ở Bắc Cực nên rất khó nghiên cứu. Kì lân biển di cư theo mùa, dời bỏ miền Bắc băng giá vào mùa hè và miền Nam vào mùa đông. Con cái cứ 3 năm đẻ một lần, mỗi lần 1 con. Kì lân con được sinh ra vào mùa hè và sống bằng sữa mẹ hơn một năm. Kì lân biển cũng bị con người săn bắt nhiều. Những thợ săn chờ đợi bên những lỗ thở (do kì lân biển đục trên các tảng băng), phóng lao có móc hoặc dùng súng bắn khi chúng nhô lên mặt nước. Họ ăn da, thịt và bán những chiếc răng kiếm của chúng.





Loài lưỡng thê có đuôi trông rất giống rắn lùn. Chúng có lớp da trơn và ẩm ướt như da ếch nhái nên rất cần môi trường ẩm ướt để có thể hô hấp qua da. Kì nhông đẻ trứng trong nước. Trứng nở ra ấu trùng có mang ngoài, phát triển hoàn toàn trong môi trường nước. Khi bộ mang ngoài biến mất, chúng có thể sống trên cạn.

Loài côn trùng cánh màng sống thành “xã hội”, được “phân công” công việc cụ thể :

Kiến đực: Là những con kiến có cơ quan sinh dục phát triển, phần ngực nở nang và có cánh. Chúng có nhiệm vụ sinh sản và lao động. Khi đã trở thành những “ông bố” thì kiến đực không phải lao động, chỉ quanh quẩn trong tổ và đợi thức ăn đem đến tận miệng.

Kiến chúa: Là kiến cái có ngực nở nang và cánh phát triển. Sau khi kết đôi và phân đàn, cánh bị rụng đi. Nhiệm vụ của kiến chúa là sinh sản. Trong tổ có 9 - 10 kiến chúa.

Kiến thợ: Là kiến cái có cơ quan sinh sản không phát triển, chiếm đa số trong tổ kiến. Nhiệm vụ của kiến thợ là lao động nên chân khỏe, nhanh nhẹn, cơ quan cảm giác rất tinh.

Kiến lính: Phân hóa từ kiến thợ. Đầu kiến lính to khỏe, không cân đối với mình. Nhiệm vụ là xẻ thịt con mồi thành mảnh nhỏ cho kiến thợ tha về tổ.



KIM TƯỚC LÔNG VÀNG

yellow canary

K



Loài chim thuộc họ chim Mai hoa. Bộ lông có nhiều màu sắc đẹp, chủ yếu là màu da cam, màu vàng, trắng... Loài chim này có nguồn gốc từ giống chim mai hoa xanh lá đậm, sống ở quần đảo Ca-nary, ngoài khơi bờ biển châu Phi ở Đại Tây Dương. Chúng có giọng hát hay. Thức ăn chủ yếu là các loại hạt cây, tuy nhiên vào mùa sinh sản chúng vẫn bắt sâu bọ để nuôi con non.

Là con lai của lừa đực và ngựa cái. La không có khả năng sinh sản vì là con lai giữa hai loài khác nhau. La được con người dùng để chở hàng, kéo xe.



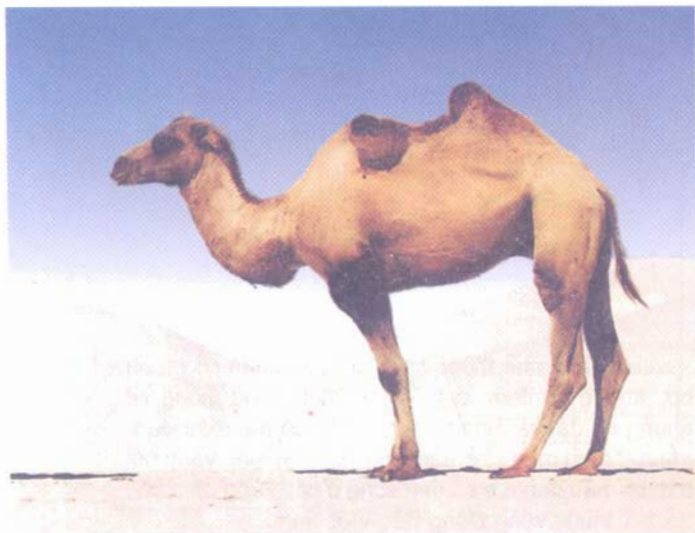
LẠC ĐÀ

camel

L

Loài thú thuộc bộ Guốc chẵn phân bố ở châu Á và châu Phi. Có 2 loài: lạc đà một bướu và lạc đà hai bướu. Lạc đà chạy nhanh và dai sức, có thể vượt qua quãng đường 380 km trong 24 giờ, qua sa mạc dưới ánh nắng gay gắt. Lạc đà có thể nhịn khát 2 tuần. Sau đó, nó có thể uống hết một thùng nước. Sau 3 ngày nhịn khát, một con lạc đà uống liền một hơi được 40 lít nước và sau một tuần nhịn khát có thể uống 100 lít nước.

Lạc đà nhịn khát giỏi là do cơ thể rất ít hao hụt nước, ở 40°C cũng không bị toát mồ hôi. Lớp lông dày ngăn cản sự tỏa nhiệt và sự thoát nước của cơ thể. Nó không há miệng thở cũng để giảm sự thoát nước. Trong trường hợp cần thiết, mỡ dự trữ trong bướu lạc đà có thể tự thiêu hủy để tạo ra nước.



—— *black-necked grebe, black collarod peerit*



Loài chim nhỏ thuộc họ Chim lặn, chân có màng bơi, không có đuôi và biết lặn. Hình dáng giống vịt nhưng cổ dài và thon hơn, bộ lông có hai màu đen-trắng. Trong mùa sinh sản lông vùng tai màu vàng nổi bật, cổ màu đen. Le cổ đen sống ở các vùng đầm lầy, ao, hồ, thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam.

LE HÔI

little grebe

L

Loài chim nhỏ nhất trong họ Chim lặn, bơi giỏi như vịt. Khi bay thấy cánh đen có viền màu trắng. Le hôi khá phổ biến từ Bắc vào Nam nước ta.

Tuy nhiên số lượng nhiều hay ít tùy thuộc vào môi trường sống. Le hôi sống trong các đầm, hồ nước ngọt và nước lợ có nhiều cây thủy sinh như cói, sậy. Thức ăn chủ yếu là các loài cá nhỏ, côn trùng ở nước, thực vật thủy sinh. Đôi khi chúng còn ăn cả cua, ốc...

Mùa sinh sản kéo dài từ tháng giêng đến tháng 8.

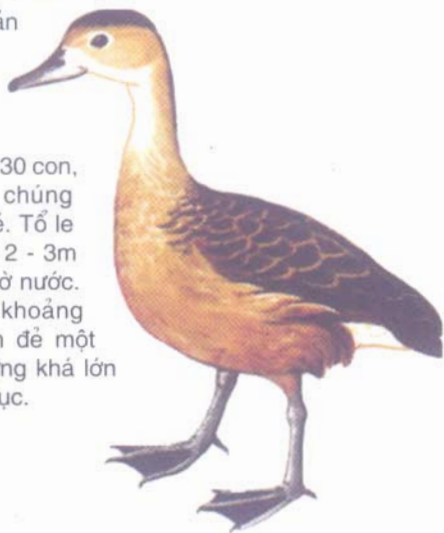
Le hôi làm tổ ở ao, hồ có nhiều cây thủy sinh. Tổ thường được làm trên các cành sậy do chim bẻ cong lại cho sát đến mặt nước.

Bên trong tổ lót cỏ, rong rêu. Mỗi lứa le hôi đẻ 3 - 5 trứng màu trắng, sau vài ngày ấp vỏ chuyển màu nâu nhạt. Trước khi rời tổ, le hôi không quên che trứng bằng một nhúm cỏ. Vì vậy nhìn từ xa, tổ le hôi trông giống như một đám rác nổi trên mặt nước. Thời gian ấp trứng từ 18 - 24 ngày, phôi phát triển nhờ lượng nhiệt tỏa ra do rong cỏ thối rữa.



Loài vịt nhỏ, chân dài trông giống ngỗng. Phần dưới cơ thể màu hung đỏ, đầu và gáy màu nâu sẫm, bay kém. Le nâu là loài định cư khá phổ biến, thường gặp ở các đầm lầy, hồ, kênh rạch có nhiều cây thủy sinh hoặc cánh đồng lúa. Thức ăn chủ yếu là thực vật, đôi khi chúng ăn cả cua, ốc.

Ngoài mùa sinh sản le nâu sống lang thang khắp đồng bằng để kiếm ăn. Mùa đông chúng hợp thành đàn lớn 20 - 30 con, đến mùa sinh sản chúng sống thành đôi riêng lẻ. Tổ le nâu làm cách mặt đất 2 - 3m trên các bụi cây gần bờ nước. Mùa sinh sản vào khoảng tháng 6 - 7. Mỗi năm đẻ một lứa, mỗi lứa 8 - 10 trứng khá lớn màu trắng hay trắng đục.



LIẾU ĐIỀU

masked-laughing thrush, gurrulax _____

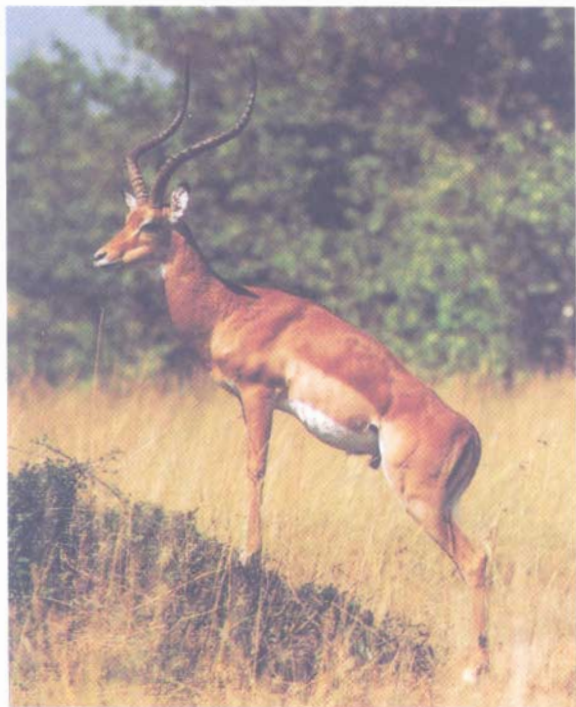
L



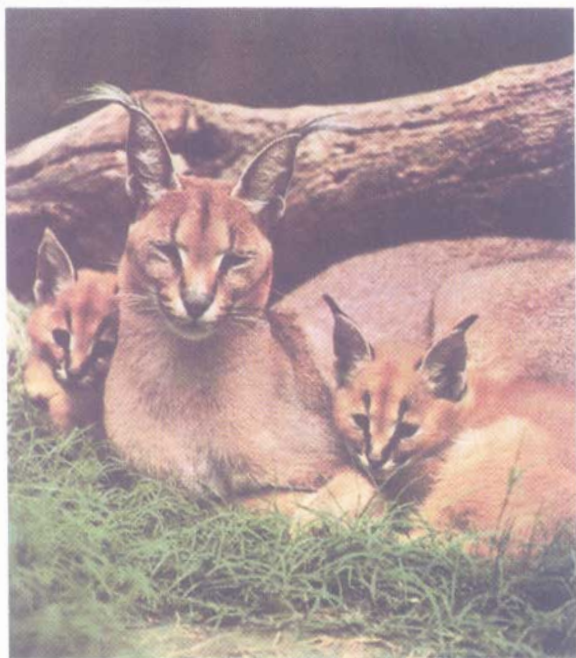
Còn gọi là bồ chao, là loài chim định cư có mặt từ Bắc Bộ đến Trung Bộ, còn có ở Trung Quốc, Lào. Chúng thường sống theo đàn 5 - 10 con, kiếm ăn ở các lùm cây, ven rừng có nhiều cây bụi, vườn làng. Thức ăn là các loại côn trùng và hạt cây. Tổ liếu điều hình chén, thường thấy trong các bụi rậm, nhất là các bụi tre cách mặt đất 1-3m. Mỗi lứa đẻ 3-4 trứng từ tháng 4 đến tháng 7.

Linh cầu có quan hệ họ hàng với họ Cầy và họ Mèo, tuy nhiên bề ngoài linh cầu trông giống chó. Chiều dài cơ thể khoảng 80 cm với đuôi dài 30 cm. Màu lông vàng nhạt có những vằn đen hai bên mình. Trên lưng có bờm lông dài. Tai tương đối lớn. Tất cả linh cầu đều có chân sau ngắn hơn chân trước nên trông chúng lúc nào cũng có vẻ đang ngồi xổm. Linh cầu có bộ răng khỏe, thường dũi đất để săn chuột vào ban đêm. Linh cầu phân bố ở các vùng không có rừng ở Bắc Phi, Đông Phi và Nam Phi.





Gồm nhiều loài thú được xếp trong họ phụ Linh dương - Ngựa. Hình dạng giống với dê núi nhưng có đôi sừng rất dài. Cơ thể dài khoảng 2 m, cao 1,3 m, đuôi dài 40 cm, sừng nhọn có thể dài tới 1 m, là vũ khí bảo vệ rất tốt, đôi khi cả với sư tử. Chúng thường sống ở các thảo nguyên ở Tây Nam Phi, Nam Sa-ha-ra, Ê-ni-a... Thức ăn chủ yếu là các loại lá cây.



Còn gọi là mèo linh, thuộc họ Mèo, phân bố ở Bắc Mĩ, Bắc Âu, Cáp-ca và tới tận Trung Quốc. Cơ thể dài tới 1 m, đuôi ngắn chỉ dài khoảng 20 cm. Chót vành tai có một túm lông điển hình mà không loài thú nào trong họ Mèo có. Linh miêu có đôi mắt rất tinh tường và săn mỗi ban đêm. Nó có thể ăn các loài động vật khác nhau to tới cỡ con hoẵng, nhưng chủ yếu ăn các động vật nhỏ như chuột.

LỢN

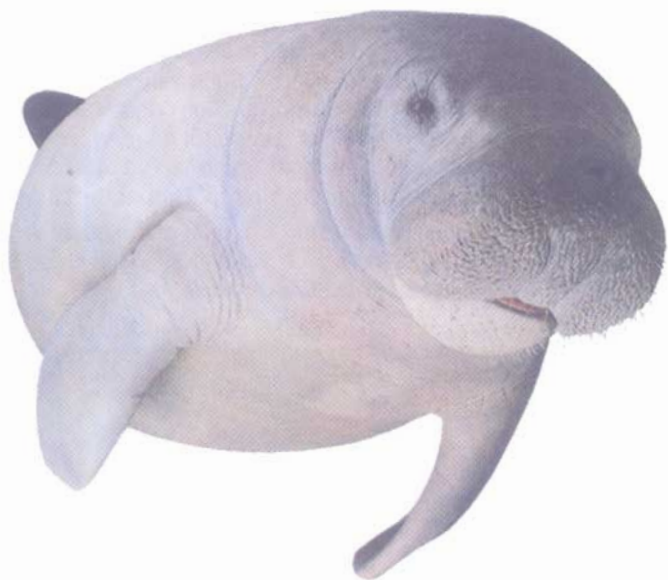
swine, pig, hog

L

Loài thú thuộc bộ Guốc chẵn nhưng không nhai lại, còn được gọi là heo. Lợn nhà bắt nguồn từ lợn rừng, phân bố khắp thế giới (trừ vùng cực), được con người thuần hóa từ 4000 - 5000 năm trước Công nguyên. Đặc điểm chung của lợn là mắt kém, tai thính, mũi tinh, mõm hơi dài, có tới 44 răng, chân có 4 ngón. Lông thưa và thô. Lợn ăn tạp và mắn đẻ, đẻ hơn 2 lứa một năm, trung bình mỗi lứa từ 8 - 12 con.

Thịt lợn là nguồn cung cấp thực phẩm quan trọng và chủ yếu của con người. Từ thịt lợn có thể chế biến thành nhiều loại thức ăn khác nhau.





Còn có tên là hải trư. Chúng là những loài thú to lớn, ăn thực vật dưới nước, trong các con sông và biển. Trọng lượng của hải trư có thể tới 1,6 tấn. Khi chúng ăn trên mặt nước, răng chúng nhai rào rào, môi chúng đập vào nhau choàm choạp thành tiếng vang xa. Hải trư được ví như những máy xén cỏ dưới nước, làm sạch đường tàu bè đi lại và các đập khỏi bị tắc nghẽn bởi bèo tây. Ngoài khơi, chúng ăn các loại rong cỏ biển.

LỢN RỪNG

wild boar

L

Lợn rừng còn gọi là lợn lòi. Da rất dày, như một tấm áo giáp vững chắc. Về mùa đông bộ lông mọc dài và dày hơn để giữ ấm cơ thể. Đầu lợn lòi dài, mõm rất cứng để đào đất. Hai răng nanh hàm dưới rất dài, chìa ra khỏi mõm, cong lên phía mắt. Đây là thứ vũ khí nguy hiểm của lợn lòi để chống lại kẻ thù. Vào mùa hè chúng thường đắm mình trong các vũng bùn để tạo ra cảm giác mát mẻ và rũ sạch các kí sinh trùng trên da. Thức ăn của lợn lòi là hoa quả, rễ cây, khoai tây, giun đất hoặc động vật có vú nhỏ. Lợn lòi rất hay phá hoại mùa màng.

Lợn lòi con có nhiều đường kẻ sọc dài trên lưng. Mỗi lứa lợn lòi có thể đẻ khoảng 10 con. Lợn lòi thường sống thành bầy.





Loài thú lớn và cổ nhất trong bộ Guốc lẻ. Hình dáng gần giống lợn rừng nhưng kích thước lớn hơn. Trọng lượng khoảng 300 kg. Mũi và môi trên kéo dài thành vòi ngắn. Lông ngắn, dày. Đầu, cổ, ngực, bốn chân, đuôi và nửa thân phía trước lông màu đen. Phần còn lại màu trắng bạc. Bàn chân trước có 4 ngón, bàn chân sau 3 ngón. Thức ăn chủ yếu của lợn vòi là rễ, cành lá nhỏ, quả rụng. Lợn vòi sinh sản vào tháng 4, 5. Con mới sinh nặng 6 - 7kg, toàn thân điểm các vết lông trắng. Nơi sống của lợn vòi là các khu rừng rậm rạp, thích sống đơn độc. Ở nước ta có lợn vòi ở miền Trung nhưng rất hiếm gặp.

Loài thú thuộc bộ Guốc lẻ, họ Ngựa. Hình dạng bề ngoài gần giống ngựa nhưng nhỏ hơn, tai dài, có túm lông ở cuối đuôi. Chính vì có họ hàng gần gũi với ngựa nên người ta thường cho lai lừa với ngựa để có các con lai khỏe mạnh. Nếu lai lừa đực và ngựa cái được con lai là con la trông giống ngựa nhiều hơn, nếu lai lừa cái với ngựa đực được con lai là con boóc-đô trông giống lừa nhiều hơn.

Lừa có đôi chân khỏe và vững chắc, có thể đi một thời gian dài trong điều kiện thời tiết nóng bức mà chỉ cần ăn và uống ở mức ít nhất, được con người dùng để cưỡi và chở hàng.



Loài thú thuộc bộ Ăn thịt. Lửng có mõm trắng và hai vệt màu đen kéo dài từ mắt đến tai. Lưng màu ghi bạc bụng màu đen, bốn chân ngắn cũng màu đen. Chúng có thể leo được lên cây. Lửng kiếm mồi vào buổi tối, thường săn chuột đồng, chuột chũi và cả rắn. Lửng cũng ăn cả mật ong, lúa, hoa màu, đôi khi phá hoại cây cối vì nó hay nhổ cả rễ. Hang lửng có nhiều ngách thông lên mặt đất. Nó không bao giờ để rác rưởi trong hang và luôn trang trí hang bằng cỏ khô và rơm khô. Mùa đông lửng ngủ trong hang, sử dụng lượng mỡ dự trữ để sống, vì thế vào mùa xuân lửng rất gầy.





Loài thú thiếu răng, cỡ lớn, sống trên cành cây, ẩn trong lá cây và chuyên ăn lá. Chân dài có móng cong, nhọn, giúp cho chúng trèo được trên thân cây và treo mình trên cành cây. Một tháng mới xuống đất một lần để thải chất cặn bã, ít hoạt động nên có tên là lười. Lười chỉ sống trong các khu rừng ở Nam Mỹ.

Là loài cá xương có thân trần, hình ống, không có vây ngực và vây bụng. Vây lưng, vây đuôi và vây hậu môn nối liền với nhau. Mồm ngắn, miệng bé, mắt ti hí và mang thoái hóa. Thân lươn phía lưng màu vàng hoặc nâu sẫm, bụng trắng nhạt. Lươn nặng trung bình 40 - 80g, dài 30 - 40cm. Da rất trơn vì có dịch nhầy, thường sống chui rúc trong bùn. Lươn có thể sống thiếu nước một thời gian, thở bằng ruột, vì thế khi để lươn trong chậu, chúng thường há miệng hóp hóp không khí. Thức ăn của lươn là giun, cua, ốc, tôm, tép, cá con... Lươn cái đẻ khoảng 100 trứng và trứng nở sau 8 - 10 ngày. Đặc biệt, lươn có hiện tượng chuyển giới tính, chưa rõ lí do. Lươn nhỏ (dài dưới 28cm) là lươn cái, lớn hơn chút nữa (28 - 45cm) là lươn lưỡng tính, còn trên 46cm là lươn đực.



LƯƠN ĐIỆN

electric eel

L

Lươn có cơ quan phát điện nằm ở mặt dưới đuôi. Chúng sử dụng cơ quan này để tự vệ và tấn công các con mồi là những cá nhỏ. Lươn điện bơi nhờ vào cử động uốn sóng của vây hậu môn.

Cơ quan phát điện do các cơ phân hóa thành, cấu tạo giống ắc-quy. Những lúc cần thiết, điện thế phóng ra tới 300 vôn.



Mèo nhà có nguồn gốc từ mèo rừng. Mèo được nuôi ở Ai Cập rồi du nhập vào châu Âu và các khu vực khác trên thế giới. Ở nước ta, mèo được



thuần hóa cách đây hơn 2000 năm. Mèo nhà nhỏ hơn mèo rừng, nặng không quá 4 kg. Do nhu cầu thị hiếu, con người đã tạo ra nhiều giống mèo khác nhau: mèo tam thể, mèo vàng, mèo lông xù, mèo đen, mèo mướp, mèo Xiêm...

Mèo có 30 răng, răng nanh rất sắc nhọn, có thể cắn đứt cổ chuột. Vuốt sắc của mèo có tác dụng vồ và giữ mồi. Tai mèo rất thính, khứu giác rất tinh, có thể phát hiện tiếng động và hơi chuột từ xa. Mắt mèo có cấu tạo đặc biệt, đồng tử có thể giãn nở. Ban ngày đồng tử thu nhỏ, vào ban đêm đồng tử nở to nên mắt mèo nhìn rõ mọi vật trong đêm tối.

Mèo con từ 1 tháng tuổi trở lên đã được mèo mẹ dạy các động tác săn bắt mồi như chạy, nhảy, leo trèo, rình và vồ mồi. Mèo 4 tháng tuổi có thể bắt được chuột, gián, thạch sùng... Do được nuôi dưỡng nên mèo nhà cũng thích nghi với chế độ ăn tạp. Mèo thường sống đơn độc. Đến thời kì sinh sản mèo cái thường đi tìm mèo đực. Trong thời gian này mèo cái có bộ lông mới, bóng mượt, có mùi và tiếng kêu đặc biệt để hấp dẫn mèo đực. Sau khi kết đôi, mèo cái lại sống và nuôi con một mình. Mèo nhà từ 10 - 12 tháng tuổi bắt đầu sinh đẻ, mỗi lứa đẻ từ 2 - 6 con.

MÈO GẤM*spotted cat*

Loài mèo có trọng lượng từ 2 - 5kg, trông giống một con báo gấm nhỏ, có bộ lông màu xám vàng đậm hơn báo gấm. Thân có vân kiểu báo gấm nhưng vân mờ, không đối xứng và có đốm đen. Mèo gấm ưa sống trong các khu rừng trên núi đất và núi đá, hoạt động sâu trong rừng, ít khi ra bìa rừng. Thức ăn của mèo gấm là các loài thú nhỏ như sóc, chuột, chim, ếch nhái, rắn... Thậm chí mèo gấm còn bắt cả khỉ và cu li để ăn.





Mèo rừng lớn hơn mèo nhà, lông màu vàng có điểm nhiều vết đen nâu, thường sống trong các khu rừng ở trung du và miền núi. Cũng sống đơn độc trừ thời kì sinh sản. Mèo rừng cũng kiếm ăn vào ban đêm. Thức ăn của mèo rừng là chuột, ếch nhái, cào cào, châu chấu... Mèo rừng đẻ quanh năm, mỗi lứa khoảng 3 con. Mèo con 2 tháng tuổi đã tập vỗ mỗi, từ 4 tháng trở đi sống độc lập.

Mèo rừng có ích cho con người vì chúng tiêu diệt chuột. Thịt mèo rừng ngon, da lông quý. Dạ dày, xương và thịt của chúng có thể dùng làm thuốc chữa các bệnh suy nhược.

MÒNG BIỂN

sea-mew, sea-gull, gull _____

M

Còn gọi là chim biển, có nhiều loài khác nhau từ cỡ trung bình đến cỡ lớn. Chim đực và cái giống nhau, phần lớn có màu trắng, mặt trên cánh và lưng màu xám. Cánh dài và rộng, đuôi không xẻ. Mòng biển thường đậu thành đàn lớn trên bờ biển. Thức ăn chủ yếu là các loài cá. Chúng thường kiếm ăn trên mặt nước, bay giỏi.

Ở nước ta có các loài: mòng biển đuôi đen, mòng biển Viễn đông, mòng biển chân vàng...





Loài chim trú đông có ở nhiều nơi trên thế giới. Ở nước ta mòng kết xuất hiện nhiều ở các tỉnh phía Bắc vào khoảng cuối tháng 9, tháng 10 - 12 với những đàn lớn có thể tới 5000 - 7000 con. Ban ngày mòng kết thường tập trung ở các cửa sông và thủy vực lớn. Chúng kiếm ăn ở ruộng lúa, đầm lầy, bãi bùn và sù vẹt ven biển. Mòng kết không ăn thân cây lúa nhưng khi kiếm ăn chúng sục bùn làm nổi cây lúa mới cấy. Thức ăn của chúng là các hạt lúa, tằm, cua, ốc, tép... Người ta thường hay săn bắn chúng để lấy thịt ăn.

MÒNG KẾT MÀY TRẮNG

garganey anas

M

Loài vịt khá lớn, dài khoảng 37 cm, thuộc họ Ngỗng - Vịt. Chim đực có vạch rộng màu trắng trên đầu chạy qua mắt. Chim cái, chim non và chim đực ngoài mùa sinh sản có bộ lông xám, có vạch qua mắt màu sẫm, cổ họng trắng và có một đốm xanh nổi bật ở gốc mỏ. Mòng kết mày trắng là loài chim di cư bay về nước ta vào tháng 9 và ở đây cho đến hết tháng 3. Chúng thường tập hợp thành đàn nhỏ 30 - 50 con và sống chung với nhiều loài vịt và mòng kết khác. Cũng giống các loài vịt khác, chúng thường kiếm ăn ở đầm lầy, ao hồ có nhiều cây thủy sinh. Ban ngày, chúng tập trung ở cửa sông, các cồn cát... để đến chập tối phân tán, bay đi kiếm ăn ở các vùng lân cận.



water centipede, wood-louse



Nhóm Giáp xác ở cạn, cỡ nhỏ, kích thước khoảng từ 1 - 10mm, thường gặp dưới đồng rơm, rạ hay thảm mục đang hóa mùn. Do chuyển lên sống trên cạn nên cơ quan hô

hấp biến đổi có dạng như ống khí ở sâu bọ, thích hợp với lối lấy ô-xi ở cạn. Trong tự nhiên, một ẩm góp phần phân giải chất hữu cơ thành các chất vô cơ và làm thức ăn cho một số động vật lớn hơn.



MỘT BỘT (MỘT GẠO)

flour-weevil

M



Loài bọ cánh cứng. Con trưởng thành dài 3 - 3,75mm, rộng 1 - 1,5mm, hình bầu dục dài và dẹt, màu nâu ánh mắt kép đen. Sâu non có thể dài 5 - 7 mm, hình ống nhỏ dài, đầu hung nâu, thân màu vàng nâu nhạt gồm 12 đốt. Nhộng màu vàng nhạt. Mọt bột mỗi năm đẻ 4 - 5 lứa. Vòng đời của mọt bột dài hay ngắn tùy thuộc vào nhiệt độ. Ở nhiệt độ 28 - 30°C, vòng đời của chúng khoảng 27 - 35 ngày. Vào mùa hè nhiệt độ 30 - 35°C, vòng đời khoảng 28 - 30 ngày, mùa đông 35 - 48 ngày.

Mọt bột là loài vật có hại cho con người. Khi ăn, chúng thường tiết ra dịch hôi khiến bột bị hỏng không ăn được.

Là côn trùng cánh cứng đục phá gỗ khô, gỗ tươi gây nhiều thiệt hại. Sâu trưởng thành dài 3-4 mm, màu nâu có 11 đốt. Mọt có khả năng bay xa, đẻ trứng trên đồ gỗ khô, tạo hang sâu và nhiều bột gỗ mịn.

Mọt là loài có hại. Người ta thường phòng mọt bằng cách sơn hoặc đánh vec-ni đồ gỗ cẩn thận.



Loài sâu bọ thuộc bộ Cánh đều, cơ thể có hai đôi cánh đều và giống nhau, dạng màng, khi nghỉ không xếp chồng lên nhau. Cơ thể mối mềm. Đời sống xã hội rất trật tự và có tổ chức. Mỗi tổ mối có tới hàng vạn, hàng triệu con, có mối vua, mối chúa chuyên làm nhiệm vụ sinh sản, mối lính và mối thợ. Tổ mối được chia thành nhiều ngăn. Mỗi loại mối ở một ngăn riêng biệt.



Môi trường ẩm và bóng tối rất thích hợp cho mối sống và hoạt động. Khi vào thời kì sắp đẻ, bụng mối chúa chứa nhiều trứng nên phình to gấp một ngàn lần đầu và ngực. Lúc này nó nằm yên để mối thợ lo chăm sóc. Mỗi ngày mối chúa đẻ hàng vạn trứng.

Ruột mối có các vi sinh vật tiết ra men tiêu hóa để biến xen-lu-lô trong gỗ thành đường cung cấp cho cơ thể. Ngoài ra mối còn tiêu hóa một phần các sinh vật trong ruột hoặc ăn thêm xác mối già, xác các côn trùng khác để có prô-tit. Xã hội mối rất đông nhưng thực chất chỉ có chung một cái ruột, được chia thành từng khúc riêng lẻ nằm trong từng con mối. Bất kì mẫu thức ăn nào cũng đều không tiêu hóa hết được ở trong ruột của một con mối. Các thức ăn kiếm về được tiêu hóa tập thể bằng cách mớm cho nhau. Vì thế, mối không thể sống trong cảnh cô đơn. Nếu bị cách li, chúng chỉ sống vài giờ hoặc vài ngày rồi chết. Dựa vào đặc tính này của mối người ta đã chế tạo ra loại thuốc đặc chủng để tiêu diệt hàng loạt các tổ mối.



Loài sâu bọ thuộc bộ Hai cánh. Cơ thể muỗi nhỏ, dài. Con đực có râu hình lông chim, con cái có râu hình sợi. Chỉ có muỗi cái mới hút máu, hai hàm trên và hai hàm dưới biến đổi thành bốn kim nhọn để chích thủng da, ở giữa là tấm lưỡi hầu kéo dài thành ống dẫn nước bọt. Mũi trên phát triển thành hình lòng máng và cùng các bộ phận khác tạo thành ống hút. Khi hút máu muỗi thường tiết chất độc làm da bị mẩn đỏ và ngứa. Chất độc này còn là chất chống đông máu để muỗi hút máu được no đủ. Muỗi đực có cấu tạo phụ miệng không thích nghi với việc chích thủng da động vật nên thường ăn mật hoa, nước quả...

Muỗi đẻ trứng trong nước ao hồ, cống rãnh... Trứng nở thành bọ gậy. Bọ gậy sống trong nước vài tháng, lột xác vài ba lần để trở thành muỗi con.

Muỗi là động vật gây hại, truyền bệnh sốt rét (muỗi a-nô-phen) nên cần có biện pháp tiêu diệt.

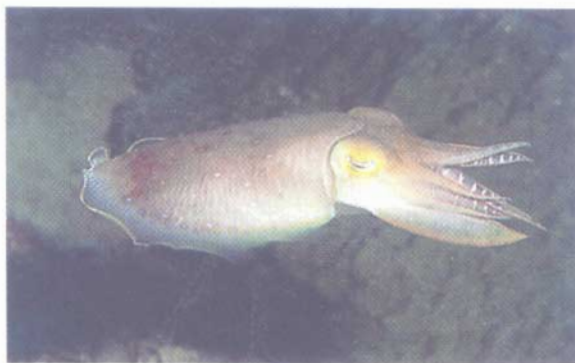


Động vật thân mềm sống ở biển. Mai mực ẩn dưới lớp da lưng có chức năng nâng đỡ cơ thể. Vạt áo bọc phía bụng thông với bên ngoài bằng phễu có đáy hướng về phía trước. Khi di chuyển mực hút nước vào khoang áo rồi ép mạnh áo vào bụng, nước vọt qua phễu ra ngoài, đẩy cơ thể lao như mũi tên về phía sau.

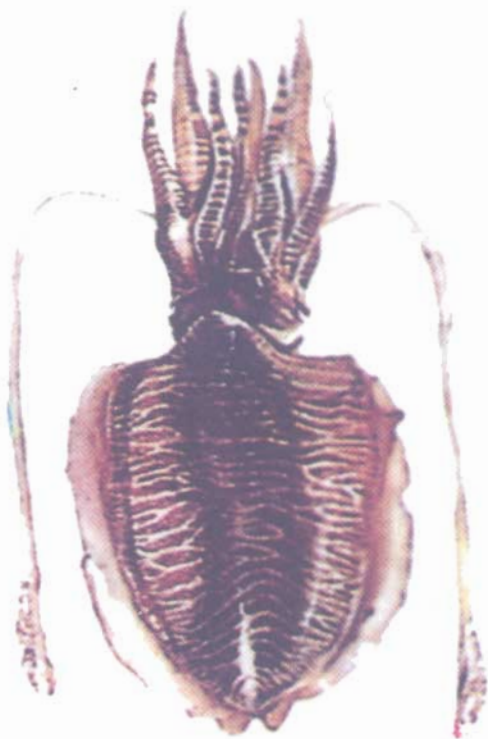
Khi gặp nguy, mực phun nước mực từ tuyến mực làm đen cả một vùng nước để dễ lẫn trốn. Phần đầu của mực có 8 tua ngắn và 2 tua dài bao quanh đầu. Bờ trong của tua ngắn và phần cuối tua dài có nhiều giác bám để giữ mồi.

Từ tháng 4 đến tháng 6 là mùa sinh sản của mực. Mực từ ngoài khơi vào gần bờ để đẻ. Trứng mực kết thành chùm.

Mực là một loại hải sản ngon và có giá trị kinh tế lớn.



Có khoảng 150 loài, dài dưới 50cm. Cơ thể rộng bề ngang, có mai mực nằm dưới lớp da lưng. Khi gặp nguy hiểm, mực nang phóng mực tạo thành vùng nước tối bao quanh để thoát thân. Ở nước ta có 19 loài mực nang, hầu hết đều là thực phẩm có giá trị.



MỰC ỚNG

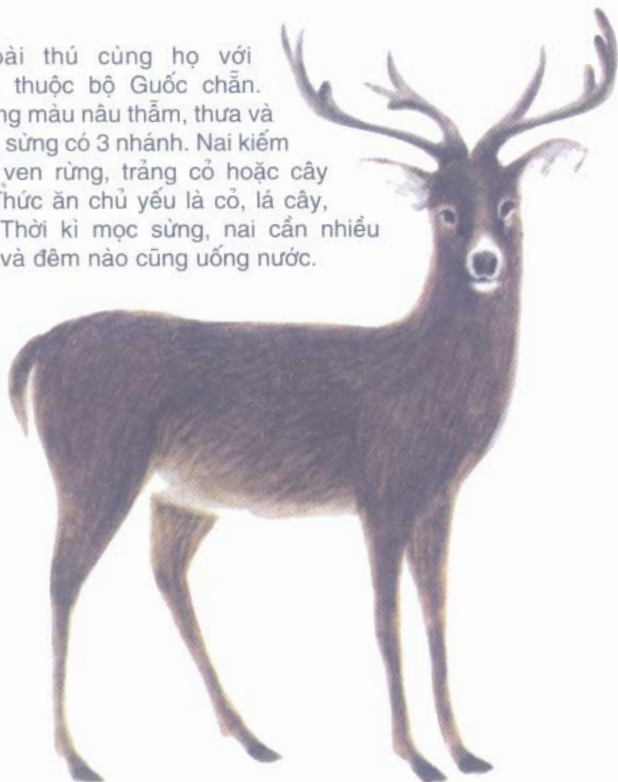
loligo

M

Gồm nhiều loài sống ở biển. Cơ thể dài từ 2 - 50cm, riêng mực ống khổng lồ kể cả sải tua dài tới 6 - 13m, thậm chí tới 18m. Cơ thể hình đầu đạn, ít bị nước cản nên mực ống có thể bơi rất nhanh. Dưới lớp da lưng có tấm sừng mỏng, trong suốt. Tấm sừng này là dấu vết của mai mực bị thoái hóa. Mực ống là một loại hải sản rất có giá trị.



Loài thú cùng họ với hươu, thuộc bộ Guốc chẵn. Da lông màu nâu thẫm, thưa và ngắn, sừng có 3 nhánh. Nai kiếm ăn ở ven rừng, trắng cỏ hoặc cây bụi. Thức ăn chủ yếu là cỏ, lá cây, quả. Thời kì mọc sừng, nai cần nhiều muối và đêm nào cũng uống nước.



Nai sống đơn độc, chỉ ghép đôi vào mùa sinh sản từ tháng 3 - 4. Mỗi năm đẻ 1 lứa, mỗi lứa 1 con. Thịt nai ngon. Nhung và sừng dùng làm thuốc.

Còn gọi là bướm tằm thuộc bộ Cánh phấn, màu trắng, có ít gân ngang và có tuyến tơ. Râu hình lông chim. Ngài hoàn toàn không ăn uống gì. Sau khi chui ra khỏi kén, ngài đực và ngài cái giao phối, có thể kéo dài 1 - 2 ngày nên số trứng đẻ ra hầu như được thụ tinh hết. Sau đó ngài đực chết, ngài cái đẻ khoảng 500 trứng rồi chết. Trứng lại nở ra sâu non là tằm.



Còn gọi là vịt xiêm. Cơ thể khá giống vịt nhưng to hơn, quanh vành mắt có lớp mào đỏ khá phát triển ở con đực. Ngan đẻ 20 - 25 trứng một năm. Người ta nuôi ngan để lấy thịt và trứng. Thịt ngan có màu nâu sẫm, ăn đậm và ngon.



NGAN CÁNH TRẮNG

white-winged duck

N



Loài chim thuộc họ Ngỗng - Vịt. Bộ lông màu đen nhạt, đầu, cổ trắng nhạt. Cánh màu đen với lông bao cánh nhỏ màu trắng. Chim cái nhỏ hơn chim đực. Ngan cánh trắng hiện nay rất hiếm do bị săn bắn và mất nơi ở. Ban ngày, chúng thường ẩn nấp ở những nơi kín đáo như rừng, bụi rậm ven suối, hồ. Ban đêm, chúng kiếm ăn dọc suối hay vùng đồng ruộng, đầm lầy ngập nước. Ngan cánh trắng có ở Hà Tĩnh, vườn quốc gia Cát Tiên, Đồng Nai và Đắk Lắk.

Có cấu tạo gần giống ngan, vịt, cổ dài hơn, mình to. Ngỗng nhà có nguồn gốc từ ngỗng trời nhưng bay rất kém. Người ta nuôi ngỗng nhà để lấy thịt, trứng và lông. Mỗi năm ngỗng đẻ trung bình 30-40 trứng.

Ngỗng có thể biết giữ nhà, cất tiếng kêu và xua đuổi người lạ.



NGŨNG TRỜI

wild goose, gray goose

N



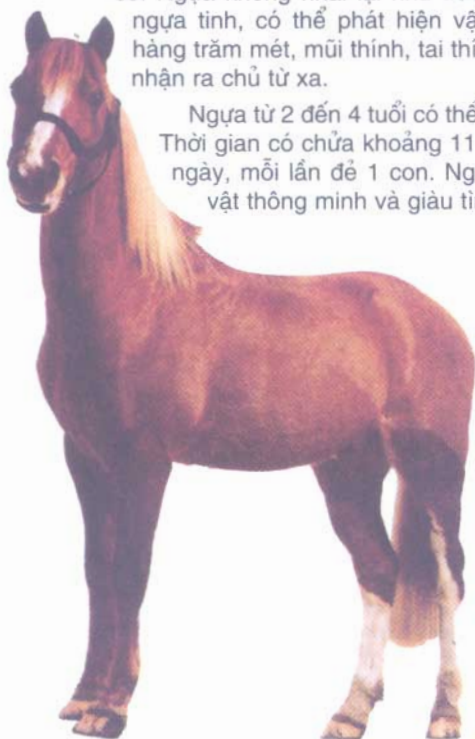
Quê hương và nơi làm tổ ở miền Bắc châu Á, Bắc châu Âu. Về mùa đông, bắt đầu từ tháng 11, ngỗng trời di cư về phương Nam và miền Bắc nước ta để trú đông, tập trung ở cửa sông, các bãi bùn ở bờ biển gần sông Đáy, sông Ninh Giang để kiếm ăn.

Dọc theo sông Hồng thuộc các tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên, ... cũng gặp những đàn ngỗng trời nhỏ hơn. Chúng thường kiếm ăn ở các ruộng lúa, đầm lầy và ở những cánh đồng cạn. Thức ăn gồm những hạt thóc rơi rụng, cua ốc và cá nhỏ.

Ban ngày chúng tập trung thành đàn lớn ở bờ các cồn cát giữa sông, ở bờ biển hay vực nước lớn. Chiều tối bay tản ra các vùng đồng bằng lân cận để kiếm ăn, rồi lại về tập trung vào sáng hôm sau. Ngỗng trời có kích thước khá lớn, mỗi con nặng từ 2 - 3,5 kg, có con nặng tới 5 kg. Nhân dân ta thường săn bắn ngỗng trời lấy thịt.

Loài thú móng guốc lớn, ăn thực vật, thuộc bộ Guốc lẻ. Chân chỉ còn một ngón lớn thích nghi với việc chạy nhanh. Ngựa nuôi có nguồn gốc từ ngựa hoang. Hàm lớn, răng khỏe thích nghi với chế độ ăn cỏ. Ngựa không nhai lại như trâu bò. Mắt ngựa tinh, có thể phát hiện vật lạ ở xa hàng trăm mét, mũi thính, tai thính có thể nhận ra chủ từ xa.

Ngựa từ 2 đến 4 tuổi có thể đẻ được. Thời gian có chửa khoảng 11 tháng 10 ngày, mỗi lần đẻ 1 con. Ngựa là con vật thông minh và giàu tình cảm.



Ngựa vằn chỉ sống trên các thảo nguyên ở châu Phi, tầm vóc nhỏ hơn ngựa nhà, trên cơ thể có nhiều vằn đen trắng. Đuôi có túm lông ở mút đuôi. Ngựa vằn sống theo đàn. Chúng là thức ăn của sư tử, báo, cá sấu... và đang có nguy cơ bị tuyệt chủng do sự săn bắn của con người.

Ngựa vằn sinh sản chậm, mỗi lần chỉ đẻ 1 con, thời gian mang thai khoảng một năm, trung bình 3 năm mới đẻ một lần.





Loài lưỡng cư sống trong các khu rừng mưa ở Ma-lai-xi-a. Các ngón chân rất to, có giác bám và có màng da nối liền giữa các ngón, có tác dụng như chiếc dù. Vì thế nhái bay có thể nhảy chuyển giữa các cây để thoát kẻ săn mồi. Chúng có thể nhảy và lượn những khoảng cách dài tới vài mét.

NHÁI BÉN

chinese hyla, tree-toad

N

Nhái bén có cơ thể nhỏ bé nhưng bụng khá to, chân mảnh. Lưng có màu xanh lá cây. Đầu các ngón chân có giác bám hình đĩa to và dẹt. Nhái bén thường sống ở trung du và miền núi, ban ngày hoặc vào mùa đông chúng thích ẩn trong các bụi cây nhỏ, bụi chuối, nách lá dứa... Nhái bén hoạt động vào ban đêm, khoảng 7 giờ tối thì nhảy ra tìm mồi. Thức ăn của chúng là các loài cánh cứng, mối, dế con, kiến đen và kiến vàng. Tiếng kêu "oẹt, oẹt..." của nó vang động một vùng. Khi kêu, túi kêu ở họng và cơ thể cũng phình to, căng tròn làm tiếng kêu càng vang xa.



Hình dạng cơ thể giống nhái bén, lưng màu xanh nhưng dọc hai bên sườn có hai dải sẫm trên có những vết màu đen như hoa. Hai dải đó có thể chập với nhau ở phía bên, màu vàng tươi. Mỗi bên đầu nhái bén hoa có một nếp da hằn rõ kéo dài từ mắt tới vai. Nhái bén hoa sống ở miền núi, ẩn náu trong các bụi cây nhỏ, bãi cỏ, bụi tre... Nhái bén hoa có khả năng biến đổi màu da một cách mau lẹ. Ở nơi có ánh sáng mạnh, màu xanh lá cây của da sẽ chuyển thành màu xanh sẫm hoặc hơi xám xám...



NHÁI CÂY MIỆNG TRẮNG

white mouth - flying frog

N

Loài nhái cây sống trong các khu rừng thuộc Ô-xtrây-li-a và châu Á. Mặt lưng màu xanh lá cây, trên miệng có một vòng trắng, ngón chân dài, đệm ngón chân dính giúp chúng leo cây rất thoải mái. Vào những ngày nắng nóng nhất chúng thường ẩn trong kẽ lá của cây cối, uống nước đọng trên lá cây.





Còn gọi là nhạn biển, bao gồm nhiều loài chim biển có cánh dài, hẹp, nhọn, đuôi xẻ sâu. Mình thon và nhỏ, thường bay liệng trên không, ít khi đậu trên mặt nước. Ở nước ta có một số loài phổ biến sau:

NHÀN BỤNG ĐEN BLACK-BELLIED TERN

Thường gặp ở vùng đầm, phá, cửa sông ven biển. Vào mùa hè mỏ vàng, mùa đông mỏ vàng nhạt, chóp mỏ tối màu.

NHÀN MÀO LỚN GREAT CRESTED TERN

Kích thước khá lớn, mỏ to màu vàng, trán trắng, trên đầu có mào lông đen, có khả năng lặn ngụp giỏi. Nơi sống là các bờ biển, đảo nhỏ ngoài khơi phía Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

NHẶNG

dungfly, bottle fly, blue bottle _____

N

Loài sâu bọ thuộc bộ Hai cánh, cơ thể trông giống ruồi nhưng lớn hơn và có màu xanh lơ ánh thép. Nhặng đẻ trứng, trứng nở thành dòi ở các vết thương của người và súc vật. Nhặng là vật trung gian truyền bệnh tả, lị... cho người nên cần tiêu diệt.



Là động vật chân khớp. Phần đầu ngực ở phía trước, được nối với phần bụng phía sau bằng một eo nhỏ. Đầu ngực có 6 đôi chân phụ. Phía trên có đôi kim có móc dùng tiết chất độc làm tê liệt con mồi, rồi đến đôi chân xúc giác phủ lông cảm giác để dò đường. Dưới cùng là 4 đôi chân bò. Bụng nhện có tuyến tơ. Nhện dùng tơ kết thành lưới nhện trông mỏng manh nhưng khá bền vững. Kết xong lưới, nhện ẩn ở một góc chờ mồi. Con mồi nào (ruồi, muỗi...) vướng vào lưới nhện sẽ bị dính chặt vào đó, chúng cử động làm lưới rung. Nhện ở chỗ nấp nhảy xổ đến dùng đôi kim kẹp chặt và tiêm chất độc vào con mồi. Khi con mồi đã yếu dần, nhện tiêm dịch tiêu hóa vào cơ thể con mồi. Dịch này biến tất cả phần mềm của con mồi thành chất lỏng. Nhện hút dịch lỏng bỏ lại lớp vỏ ngoài của con mồi treo trên lưới.

Nhện còn dùng tơ để kết kén bọc trứng, xây tổ. Tơ nhện nhẹ, bền chắc, là một vật liệu quý trong công nghệ vật liệu hiện đại.



NHỆN LÔNG*hairy spider*

Nhện lông được bao phủ bằng một lớp lông thường có màu hung sáng. Nhện lông phổ biến ở vùng nhiệt đới khô và nóng, phía trước cơ thể có đôi kim tương đối lớn, đôi chân xúc giác cũng giống chân để bò. Nhện lông ăn thịt (sâu bọ, chuột, thậm chí cả chim nhỏ), rất háu ăn, hoạt động về đêm. Hô hấp bằng hệ thống ống khí rất phát triển.

Loài nhện sống ở các ao hồ có nhiều cây thủy sinh. Chúng có thể sống dưới mặt nước, trong các "ổ" đặc biệt do chúng tự làm.

Nhện nước dùng tơ dệt thành lưới hình chuông dính vào các cây thủy sinh, bên trong lưới chứa đầy không khí làm nơi tạm trú của nhện.



Loài thú thuộc bộ Gặm nhấm, có ở Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Mi-an-ma, Cam-pu-chia... Trên lưng nhím, các lông biến thành gai cứng nhọn dài 20 - 25cm. Nhím sống trong rừng, gần các nương rẫy, đi ăn đêm theo đàn 2 - 3 con. Thức ăn của chúng là rễ cây, củ, quả rừng, chúng thường phá nương rẫy. Thịt nhím ngon, mật và dạ dày dùng để làm thuốc.

Khi gặp kẻ thù, các cơ dưới da nhím co lại làm các lông cứng dựng lên và chĩa ra tua tủa khiến cho kẻ thù sợ mà bỏ đi.



Là một giai đoạn phát triển trong vòng đời của sâu bọ biến thái hoàn toàn. Trong giai đoạn này nhộng không ăn nên không phá hoại cây cối. Chúng nằm im, có loài nhộng được bao bọc bên ngoài bằng kén tơ như tằm. Nhưng bên trong nhộng đang diễn ra hàng loạt quá trình lí hóa để sau một thời gian nhộng biến thành bướm.



NIỆC CỔ HUNG

rufous-necked hornbill

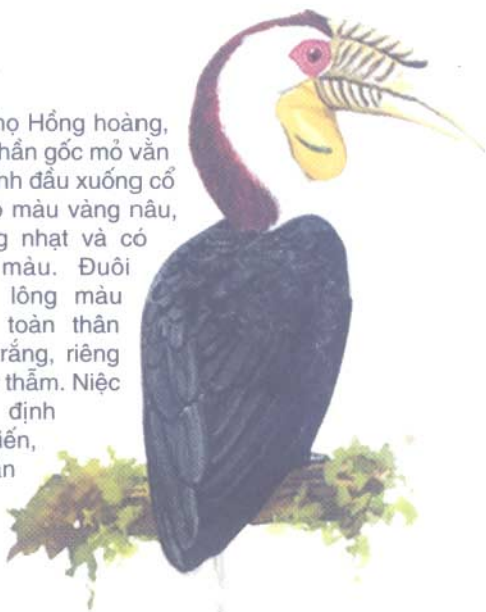


Loài chim định cư thuộc họ Hồng hoàng, lông màu đen, hung. Đây là loài chim có số lượng ít và rất hiếm.

Nơi sống là các khu rừng trên độ cao từ 600 - 1800m. Thức ăn chính của niệc cổ hung là các loại quả thịt như quả cọ, quả đa. Chúng vặt quả bằng các mỏ dài, tung lên cao rồi há mỏ hứng lấy sao cho quả rơi theo dọc mỏ vào họng. Niệc cổ hung làm tổ trong hốc cây, mỗi lứa đẻ 1 - 2 trứng, vào tháng 2 - 3.

Cũng thuộc họ Hồng hoàng, kích thước lớn, phần gốc mỏ vằn rõ. Từ hai bên đỉnh đầu xuống cổ của chim được có màu vàng nâu, trước ngực vàng nhạt và có búi da đồng màu. Đuôi trắng, thân có lông màu đen. Chim cái toàn thân lông đen, đuôi trắng, riêng búi cổ màu xanh thẫm. Niệc mỏ vằn là loài định cư, không phổ biến, thường đi kiếm ăn theo đàn. Thức ăn là các loại quả mềm, chủ yếu sống ở vùng nhiệt đới. Mỏ lớn và nhẹ giúp chúng vật quả dễ dàng. Khi ăn, chúng thường tung quả lên cao rồi há miệng hứng lấy. Ngoài ra, đôi khi chúng còn ăn cả nhái cây, dơi...

Mùa sinh sản kéo dài từ tháng 2 - 8, mỗi lứa đẻ 1 - 3 trứng.



NIỆC NÂU

brown hornbill

N

Loài chim nhỏ hơn các loài cùng họ. Bộ lông có màu nâu, họng trắng. Là loài định cư không phổ biến. Nơi sống là các khu rừng nguyên sinh và thứ sinh. Mùa sinh sản từ tháng 2 - 6. Tổ làm trong các hốc cây, mỗi lứa đẻ 2 - 5 trứng.



Loài côn trùng cánh cứng thuộc họ Cà niềng, có thân hơi dẹt, hai chân sau bẹt dạng bơi chèo và có nhiều gai lông kéo theo những hạt không khí khi lặn xuống nước, nên có thể bơi lặn khá lâu. Chúng sống ở nước ngọt, ăn động vật. Ấu trùng niềng niềng chưa có miệng do môi nọ dính vào môi kia, nhưng rất dữ tợn, tấn công cả nòng nọc, cá mè, cá diếc con bằng cách dùng hàm sắc và cong bám lấy con mồi. Chúng tiết dịch tiêu hóa vào cơ thể con mồi. Sản phẩm tiêu hóa được hút vào ruột ấu trùng qua một rãnh nhỏ.





Loài chim có họ hàng gần gũi với đại bàng, điều hâu, tất cả đều thuộc họ Chim Ưng. Ó cá có móng vuốt sắc, mỏ cong, khỏe. Chúng thường bay lượn trên mặt nước và lao đầu xuống nước bắt cá. Ó cá là loài chim di cư. Nơi ở là các vùng bờ biển, sông hồ, mương máng thủy lợi.

Loài côn trùng sống có tổ chức “xã hội” như kiến, mối. Ong sống theo đàn, mỗi đàn đều có ong chúa, ong thợ, ong non, có sự phân công công việc rõ ràng. Ong có nhiều loài khác nhau, được con người nuôi để khai thác các sản phẩm như mật, sáp, sữa ong chúa...



Còn có tên là ong bắp cày, ong vàng hay ong đất. Bụng có đốt vàng, đen, cơ thể thon nhỏ. Ong bầu có ngòi độc, đốt rất đau.

Có loài ong bầu thường săn bắt dế mèn, châu chấu rồi dùng ngòi tiêm nọc độc cho chúng bị tê liệt. Sau đó ong bầu đẻ trứng vào cơ thể dế mèn, châu chấu. Khi trứng nở ra ấu trùng ong đã có thức ăn "tươi" để sử dụng và lớn lên. Hầu hết ong trong đàn là ong cái do ong chúa đẻ trứng, trứng không qua thụ tinh nở thành ong cái (trinh sản).



Còn gọi là ong nghệ, có họ hàng gần với ong mật và cũng hút mật hoa, lấy phấn hoa. Ong gấu có cơ thể phủ đầy lông, bụng phân đốt, màu sắc khác nhau nhưng thường có vạch vàng. Ong gấu sống thành đàn nhưng chỉ tồn tại một năm, năm sau lại lập đàn mới. Mọi hoạt động trong tổ, sinh sản ở ong gấu cũng giống ong mật.



ONG MẬT

honey-bee, field bee

0



Thường sống theo đàn lớn. Trong đàn ong mật có một ong chúa là ong cái chuyên đẻ trứng. Ong chúa có thể sống 10 năm. Ong chúa chỉ được sinh ra khi ong phân đàn, khi ong chúa trước đó quá già, đẻ kém, không đẻ nữa hoặc chết đi. Ong đực có khoảng vài trăm con.

Chúng có khả năng phát hiện ra ong chúa từ rất xa.

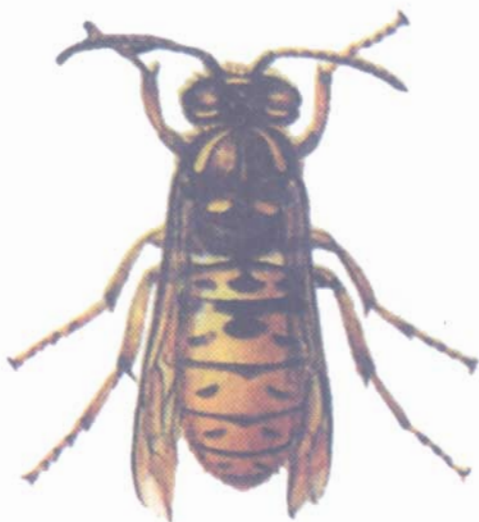
Sau khi ra đời được 4-5 ngày, vào ngày nắng đẹp, ong chúa tiết chất dẫn dụ tập trung ong đực xung quanh và bay vút lên cao. Ong đực nào bay kịp sẽ có quyền giao phối với ong chúa. Những chuyến bay đó tiếp diễn vài ba lần vào những ngày đầu của sự sống. Sau đó, ong chúa về sống "cấm cung" trong tổ suốt đời, còn ong đực trở thành vô dụng và bị ong thợ giết đi. Ong thợ có nhiệm vụ chăm sóc bồi dưỡng cho ong chúa béo lên nhanh, sau 7-8 ngày khi trứng chín đầy đủ ong chúa bắt đầu đẻ và đẻ liên tục. Trứng chỉ tốt trong vòng 2-3 năm đầu, những năm sau trứng kém phẩm chất hơn. Muốn có đàn ong khỏe mạnh, người ta thường thay chúa sau hai đến ba năm. Ong thợ là ong cái, không có khả năng sinh đẻ, chỉ làm nhiệm vụ lấy mật hoa, xây tổ, chăm sóc ong chúa và ong non. Ong thợ có lưỡi dài hơn để hút mật hoa, chân có giỏ đựng phấn hoa, đầu có hạch sinh sữa chúa để nuôi ấu trùng. Tuyến nước bọt ở ngực có chất luyện mật hoa thành mật ong, bụng có hạch tiết ra chất sáp là nguyên liệu xây tổ.

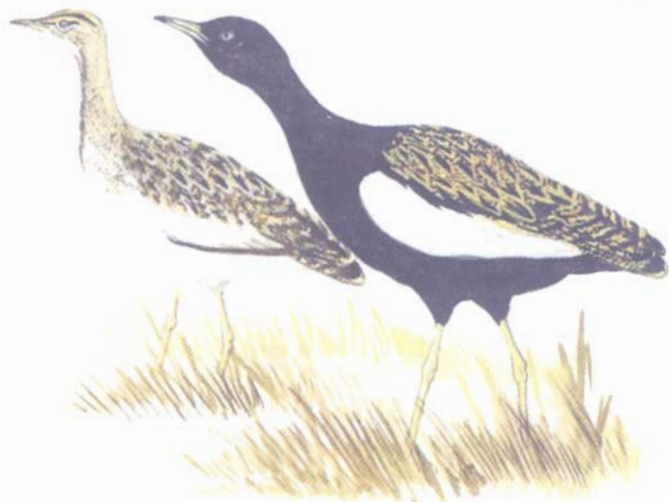
Tổ ong là một tòa nhà bằng sáp, các căn phòng có hình 6 cạnh. Về mặt toán học, các phòng xây như vậy có nhiều vách chung nhau, vừa đỡ tốn sáp mà thể tích từng phòng vẫn lớn nhất. Đây tổ ong là các hình thoi có 2 góc liền kề đúng bằng $109^{\circ}28'$ và $70^{\circ}32'$.



Còn gọi là ong cự hay ong bầu vẽ. Trên cơ thể có những vằn đen vằn vàng xen kẽ. Ong vò vẽ là loài kí sinh, đẻ trứng lên các loài sâu bọ hoặc nhện. Khi trứng nở, ấu trùng ong sử dụng luôn cơ thể sâu bọ làm thức ăn. Ong vò vẽ có ngòi rất độc, có thể đốt chết sâu bọ, nếu lượng nọc độc nhiều có thể gây chết người. Trường hợp bị đốt nhiều mà không được cấp cứu kịp thời, có thể bị chết ngay từ 30 phút đầu tiên. Cũng không thể làm ga rô ngăn nọc ong chạy như khi bị rắn cắn. Sốc phản vệ do nọc ong gây ra cho người tương tự như phản ứng với peniciline...

Trong kháng chiến chống Mĩ, quân và dân miền Nam nước ta đã dùng ong vò vẽ để đánh giặc.





Loài chim lớn thuộc họ Ô tác, bộ Sếu. Chim đực khi trưởng thành toàn bộ đầu, cổ, và bụng màu đen nhung. Cánh vẫn đen nâu, bên rìa màu trắng. Mỏ xám đen hay xám nâu. Chân vàng nâu. Chim cái và chim non có màu vàng nâu, chân vàng nâu. Ô tác sống ở các vùng đồng cỏ. Ở Tam Nông, Đồng Tháp gặp chúng ở các bãi cỏ cao, không có nước. Hiện nay, ô tác đã trở nên hiếm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, rất cần được bảo vệ.



Là động vật thân mềm, lớp Chân bụng. Ốc có vỏ cứng bằng đá vôi, tạo thành ống rỗng cuộn vòng xoắn quanh một trục chính theo chiều kim đồng hồ. Cơ thể ốc mềm, gồm 3 phần: đầu, thân, chân, khi nằm im được giấu kín trong vỏ ốc. Chân là một khối cơ lớn ở mặt bụng vì thế xếp vào lớp Chân bụng. Chân giúp ốc di chuyển, có cấu tạo hình dạng khác nhau tùy theo từng loài. Thức ăn chủ yếu của ốc là thực vật và bã hữu cơ. Tùy theo loài, ốc có thể đẻ trứng hoặc đẻ con.

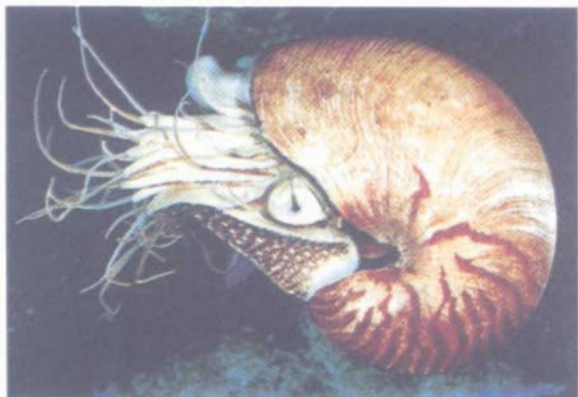
Ốc rất có giá trị kinh tế, dùng làm thức ăn, vỏ ốc dùng làm đồ mỹ nghệ, trang trí...

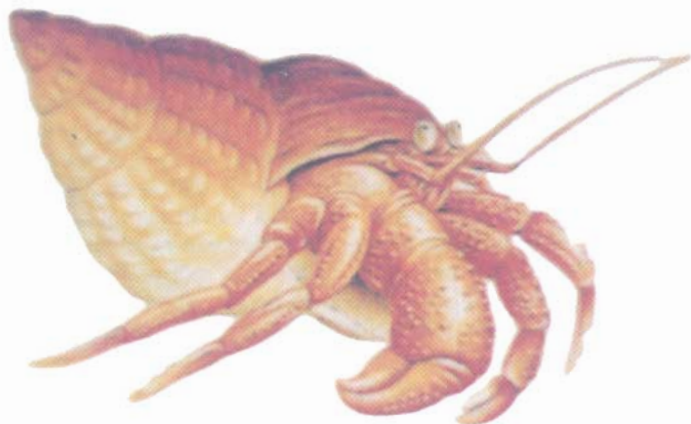
ỐC ANH VŨ

nautilus, pearly nautilus

Ô

Loài thân mềm có vỏ hình tròn ốc chia thành nhiều buồng trong nhỏ ngoài lớn, màu trắng, có vân nâu và nổi lên sọc tăng trưởng rất mịn. Miệng mở rộng, mặt trong có ánh xà cừ. Ốc Anh vũ là loài ăn tạp, chủ động bắt mồi, ban ngày sống dưới đáy biển, ban đêm nổi lên mặt nước tìm thức ăn là các loại tôm cá nhỏ. Ốc Anh vũ điều hòa sự lên xuống nhờ khả năng điều hòa khí ni-tơ, bơm khí vào và xả khí ra khỏi các ngăn bên trong cơ thể qua một ống thông. Ốc Anh vũ rất có ý nghĩa khoa học, được coi là hóa thạch sống. Hóa thạch của Anh vũ được tìm thấy cách đây 400 - 500 triệu năm. Vỏ ốc Anh vũ rất đắt giá, có giá trị trong mỹ nghệ và sưu tập.





Còn gọi là tôm kí cư hay tôm ở nhờ. Là loài giáp xác sống ở biển, cơ thể gần giống tôm. Toàn bộ phần đầu ngực và các phần phụ được bao phủ bằng một lớp vỏ cứng, phần thân và đuôi được bao phủ bằng một lớp da mềm. Vì thế chúng thường chui vào trong các vỏ ốc bỏ không, chỉ thò phần đầu và các phần phụ ra ngoài. Bụng tôm mềm có thể cuộn lại dễ dàng trong vỏ ốc. Minh tôm được giữ chặt nhờ một móc câu ở phía đuôi, cho nên dù có bò nhanh vỏ ốc cũng không bị tuột ra ngoài. Mỗi khi gặp nguy hiểm tôm co cả người vào trong vỏ ốc, khi đó hai càng tôm bịt chặt lấy miệng vỏ. Tôm kí cư thường sống cộng sinh với hải quỳ để được hải quỳ bảo vệ.

ỐC NHỒI

edible snail

Ô

Loài ốc nước ngọt phổ biến ở nước ta. Mặt vỏ bóng, màu vàng xanh hoặc nâu sẫm, có 5-6 vòng xoắn hơi phồng, rãnh xoắn nông. Vòng xoắn cuối rất lớn chiếm 5/6 chiều cao của vỏ ốc.

Thức ăn của ốc nhồi là mùn bã hữu cơ. Chúng sống trong các ao, hồ, đầm, ruộng... Thịt ốc nhồi ngon, là món ăn phổ biến, rất được ưa thích.





Loài ốc sống ở cạn, bò chậm chạp kéo theo cái vỏ xoắn lớn không có nắp đậy.

Đầu ốc vươn về phía trước với lỗ miệng ở dưới và hai đôi râu ở phía trên. Tận cùng mỗi râu có một con mắt nhỏ. Chân ốc là một tấm cơ dưới đầu và thân, vì thế ốc sên cũng thuộc lớp Chân bụng.

Thức ăn của ốc sên là lá cây. Trong khoang miệng có lưỡi bào với nhiều dây răng sắc. Khi ăn, ốc sên thò lưỡi bào ra ngoài, bào lấy thức ăn, cuốn chúng qua hầu và thực quản rồi vào dạ dày. Ốc sên đẻ trứng nhiều lần trong một năm, thường vào cuối thu và đầu xuân. Chúng đào hốc và đẻ vào đó vài ba trăm trứng. Vài tuần sau trứng nở thành ốc sên con.

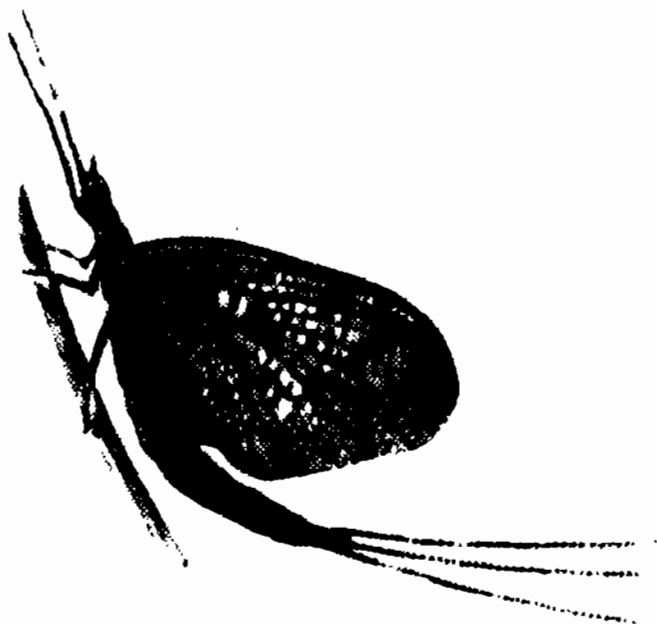
Vào mùa đông, ốc sên tiết ra một lớp nhầy bịt kín miệng vỏ để ngủ đông.



PHÙ DU

may-fly, day-fly, ephemera

P



Loài sâu bọ hơi giống chuồn chuồn nhưng hai đôi cánh mỏng manh hơn, cánh sau nhỏ hơn cánh trước. Phù du có 3 gai đuôi và mang ống khí ở hai bên. Cuộc đời của phù du trưởng thành rất ngắn, sau khi kết đôi, đẻ trứng xong là chết, nghĩa là chỉ sống được vài giờ. Phù du đẻ trứng trong nước, trứng nở ra ấu trùng sống dưới các hòn đá ven sông, giữa suối. Ấu trùng phù du sống ở trong nước khoảng 1 năm, lột xác nhiều lần để trở thành phù du trưởng thành.



Loài chim định cư khá phổ biến khắp các vùng trong cả nước, có họ hàng với tu hú, bắt cô trời cọt... Bỏ lông màu xám xanh nhạt, ngực xanh nhạt hơn. Đặc biệt đuôi rất dài, mút các lông đuôi trắng. Phúon không có tập tính đẻ trứng vào tổ các loài chim khác như tu hú. Phúon sống trong các loại rừng khác nhau: rừng tre nứa, cây bụi... Thức ăn chủ yếu là sâu bọ như cào cào, châu chấu, bọ que,... đôi khi cả quả mề. Mùa sinh sản từ tháng 4 đến tháng 7. Phúon làm tổ rất thô sơ bằng cành cây và lá cây khô trong các bụi cây cách mặt đất 1 - 4m. Mỗi lứa phúon đẻ 2 - 3 trứng màu trắng.

Phúon là loài chim có ích cho cây rừng.

PHƯỜNG CHÈO CÁNH TRẮNG

swinhoe's minivet

P

Loài chim nhỏ, bộ lông trên lưng màu nâu xám, bụng màu trắng, hông màu xanh nhạt. Phường chèo cánh trắng phân bố ở Trung Bộ và Nam Bộ. Nơi sống là các khu rừng, thường gặp vào mùa đông nhưng không phổ biến.



Loài chim cỡ trung bình, dài khoảng 20cm. Chim đực có bộ lông màu đỏ rực, chim cái màu vàng. Chim đực thường sống thành bầy lớn vào mùa đông. Chúng sống định cư và làm tổ ở khắp các vùng trong cả nước. Trong mùa sinh sản chúng thường sống thành đôi. Ngoài mùa sinh sản kiếm ăn theo đàn khoảng 20 con ở ven rừng. Thức ăn của chúng là các loại côn trùng cánh cứng, nhộng, bọ ngựa, đôi khi cả cỏ dại.

Mùa sinh sản kéo dài từ tháng 3 đến tháng 6. Tổ hình chén được làm bằng các cành cây nhỏ và rễ cây, đặt ở xa thân cây. Mỗi lứa đẻ từ 2 - 3 trứng màu xanh nhạt có đốm nâu.

Phường chèo đỏ lớn là loài chim đẹp, đồng thời là loài chim có ích tiêu diệt nhiều sâu bọ hại cây.



PHƯỜNG CHÈO MÁ XÁM

grey-chinned minivet

P



Loài chim nhỏ, chiều dài cơ thể chừng 18cm. Chim đực có bộ lông đỏ rực như lửa lẫn màu đen. Má có màu lông xám. Chim cái và chim non có lông màu da cam lẫn đen. Là loài chim sống định cư, tương đối phổ biến ở Đà Lạt, Tam Đảo, Lào Cai, Yên Bái. Nơi ở là các vùng rừng thưa, có độ cao từ 600 - 1800m.

Loài chim có kích thước lớn hơn phường chèo đỏ lớn. Bộ lông nhàu xám và đen, cùng với nhiều mảng trắng ở phần dưới lông đuôi. Chim cái màu xám hơn, bụng có nhiều vằn ngang. Ở Bắc Bộ và Trung Bộ có thể có một số quần thể sống định cư và làm tổ, còn các quần thể ở phía Nam thường di cư, thỉnh thoảng mới gặp. Nơi sống là các vùng rừng núi, kiếm ăn xung quanh các tán cây. Chúng thường ở các bụi cây và treo mình trên các vòm cây khi tìm mồi.

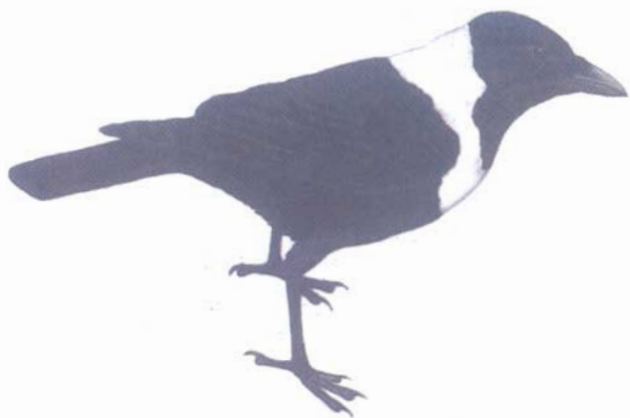




Loài chim sống định cư. Ở nước ta có loài quạ đen rất phổ biến. Chúng sống ở vùng đồng bằng và trung du. Đôi khi quạ đen sống chung với quạ khoang (có một vòng lông trắng ở cổ) cùng với sáo đen, sáo đá. Quạ đen thường sống thành đàn khoảng 10 - 30 con, nhưng kết đôi vào mùa sinh sản. Thức ăn của quạ là các loại hạt cây, động vật nhỏ. Tổ quạ được làm trên các cây cao cách mặt đất 10 - 25 m.



Hình dạng giống quạ đen, được phân biệt với quạ đen bởi khoang trắng quanh cổ. Quạ khoang thường đi thành từng đôi hoặc tập trung thành đàn lớn từ Đông Bắc tới Trung Trung Bộ. Quạ khoang ăn tạp, bao gồm các động vật nhỏ như nhái, chuột, giun, côn trùng, thức ăn thực vật chủ yếu là ngũ cốc. Mùa sinh sản từ tháng 3 - 7. Tổ làm đơn độc hay tập đoàn trên các cây cao. Chim cái đẻ 3 - 4 trứng màu xanh da trời có đốm hay vạch đỏ màu nâu. Thời gian ấp trứng khoảng 15 ngày. Thay lông vào tháng 8, 9. Hiện nay, do điều kiện sống thay đổi, quạ khoang đã trở nên rất hiếm.





Loài chim đẹp thuộc họ Sáo. Bộ lông màu hung nâu nhạt, một đám lông trên cánh có màu vân xanh lơ. Khi bay lượn hông có màu trắng dễ thấy. Đuôi màu đen. Quạ thông sống định cư, gặp tương đối phổ biến ở độ cao khoảng 2000m. Nơi ở là các vùng rừng thưa, nhất là rừng thông và rừng cây họ dầu.

Loài cò quăm có bộ lông màu nâu tối, đuôi màu đen, lông cánh có màu xanh óng ánh. Chân đỏ. Đám lông trắng ở gáy rộng tạo thành vệt nhỏ nổi với họng. Quăm cánh xanh là loài chim định cư rất quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng do mất nơi ở, nơi kiếm ăn. Quăm cánh xanh phân bố ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Chúng ưa sống ở các khu rừng ven suối, hồ, đầm lầy, đồng cỏ ngập nước, cánh đồng lúa thuộc Nam Trung Bộ và Nam Bộ.



QUẮM LỚN

giant ibis

Q



Loài chim lớn thuộc họ Cò quắm. Bộ lông màu nâu xám tối, mỗi lông có vệt thẫm ở giữa. Mỏ rất dài và cong. Khi bay cổ vươn thẳng và chân duỗi dài. Quắm lớn thường kiếm ăn ở các đầm lầy, hồ... thuộc tỉnh Đồng Nai. Thức ăn là các động vật thủy sinh như cua, cá, côn trùng... Quắm lớn là loài chim quý hiếm, số lượng còn ít, rất cần được bảo vệ.

Cơ thể thon dài, đuôi vừa là mái chèo, vừa là bánh lái, đầu dẹt có ria mép và hai tai nhỏ. Lông mịn màu nâu, bụng lông màu trắng. Ở trên bờ, rái cá trông rất chậm chạp, nhưng khi xuống nước chúng bơi rất giỏi, có thể lặn rất lâu mà không cần ngoi lên để thở. Thức ăn là cá, ếch, chuột và chim. Rái cá tuy ăn cá nhưng là loài vật có ích cho con người vì chúng thường ăn những con cá ốm yếu, bệnh tật.

Rái cá đào hang ở bờ sông. Cửa hang luôn luôn nằm dưới mặt nước nhưng hang có những lỗ thông hơi trên mặt đất. Vào mùa xuân, rái cá đẻ con. Đàn con được nuôi dưỡng và chăm sóc rất cẩn thận. Sau hai năm chúng trưởng thành. Rái cá là loài thú rất cần được bảo vệ vì con người thường săn bắt chúng như một cuộc chơi, hoặc để lấy bộ da may mũ, làm găng tay...



RÁI CÁ LÔNG MŨI

sumatra otter

R



Hình dạng giống với các rái cá khác. Đặc điểm đặc trưng là có lông phủ kín toàn bộ nếp da mũi, trừ lỗ mũi. Môi và cằm phớt trắng, họng và cổ lông màu nâu. Thức ăn chủ yếu là cá. Rái cá lông mũi hoạt động ở vùng bờ biển nông thuộc các tỉnh phía Nam nước ta. Chúng thường bơi ngược dòng nước để bắt cá.





Loài thú cỡ trung bình trong họ Chồn, trọng lượng từ 7 - 11kg. Bộ lông rất óng mượt, mồm ngắn và mặt lớn hơn rái cá thường. Có vùng lông trắng mở rộng ở cằm, cổ, xuống đến ngực. Thường sống và hoạt động ven sông, ao, hồ... Hang tổ thường làm dưới gốc cây hay những tảng đá lớn ven bờ. Thức ăn là các loại cá, tôm, thân mềm... Chúng rất tích cực hoạt động trên mặt đất. Rái cá lông mượt có ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

RÁI CÁ THƯỜNG

common otter

R

Loài rái cá có mặt ở khắp nước ta, trọng lượng từ 6 - 9 kg. Bộ lông màu nâu bạc, trừ phần bụng màu xám sáng, cổ và ngực màu trắng. Thường sống ở các ao hồ, sông, suối và bờ biển, chủ yếu ở vùng nước sâu. Chúng đào hang làm tổ trên bờ nhưng hoạt động chủ yếu trong nước nên chân có màng bơi phủ hết ngón. Thức ăn là các động vật ở nước như cá, mực, cua, ốc. Mùa sinh sản tập trung từ tháng 2-4, mỗi lứa đẻ từ 2-4 con, thời gian mang thai khoảng 2 tháng. Rái cá thường bị săn bắt nhiều để lấy da, lông nên rất cần được bảo vệ.



RÁI CÁ VUỐT BÉ

small-clawed otter

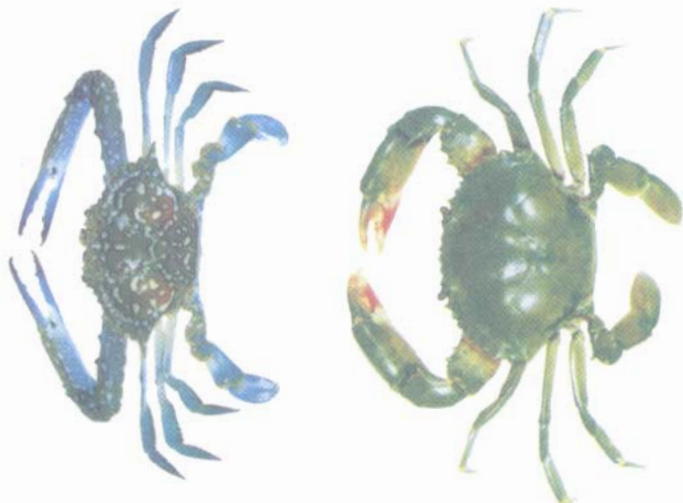
Loài rái cá nhỏ, thân màu xám nâu, cổ và bụng trắng mờ. Vuốt ngón chân ngắn, không nhô ra khỏi đầu ngón chân. Màng bơi thoái hóa. Rái cá vuốt bé sống ở các vùng sông, suối, đầm, ao, hồ và bờ biển khắp nước ta. Thức ăn chủ yếu là cua ốc, thân mềm, ít ăn cá. Mỗi năm đẻ 2 lứa, mỗi lứa 1-2 con.



RẠM

small crab

R



Rạm là tên chung chỉ các loài cua biển cỡ nhỏ. Thân rạm nhỏ, vỏ ngoài rắn chắc, cặp chân thứ 5 dạng vuốt. Nói chung hình dạng bên ngoài trông giống cua đồng. Rạm ưa sống ở vùng có nước triều trung bình, nơi có bùn đáy. Rạm được nhân dân dùng làm thức ăn, muốn dự trữ phải muối và sấy khô.

Loài bò sát có nguồn gốc từ thần lằn cổ. Cơ thể dài, tứ chi, đai và xương mỏ ác tiêu biến, thích nghi với lối sống bò bằng bụng và nuốt mồi lớn do cấu tạo đặc biệt của xương hàm có nhiều khớp động, khi cần có thể há miệng rất to, hệ xương sườn không có xương ức. Răng mọc trên nhiều xương của bộ hàm có tác dụng giữ mồi. Một số loài có răng độc thông với tuyến độc. Mí mắt dính liền và trong suốt. Xoang tai giữa và màng nhĩ tiêu biến. Lưỡi rắn dài, đầu chẻ đôi thò được ra ngoài miệng, là cơ quan vị giác và xúc giác. Rắn chỉ có một phổi phải dài, phổi trái tiêu biến.

Hiện nay rắn bao gồm khoảng 2700 loài. Ở nước ta có khoảng 145 loài.



RÀN BIỂN

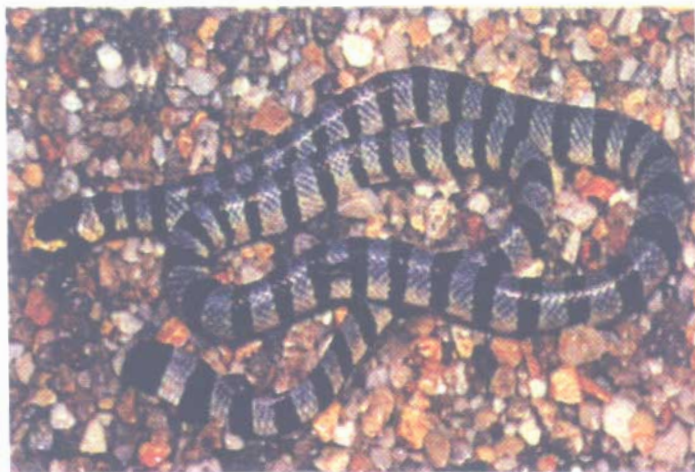
sea serpent, sea snake

R

Gồm nhiều loài rắn chuyên sống ở biển nhiệt đới, chủ yếu ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Đầu rắn không phân hóa rõ rệt, đuôi dẹp hai bên thành hình mái chèo, vây bụng nhỏ, 2 lỗ mũi ở mặt trên đầu. Rắn rắn biển độc và có rãnh dẫn nọc độc, tuy nhiên ít gây nhiễm độc chết người.

Thức ăn của rắn biển chủ yếu là cá, tôm... Ở miền Bắc mùa sinh sản của rắn biển vào tháng 3 - 4, ở miền Nam vào tháng 7. Rắn biển đẻ con, số con mỗi lứa thay đổi từ 2 - 3, có khi lên đến 16 - 18 con tùy theo từng loại.

Rắn biển không chủ động tấn công người. Ngư dân bị cắn thường do vô tình dẫm đạp lên chúng, hoặc khi bắt cá trong lưới vô tình đụng vào chúng.





Loài rắn độc thuộc họ Rắn hổ. Cơ thể dài có nhiều khoang đen, trắng xen kẽ, còn có tên là *rắn mai gấm bạc*, *rắn đen trắng*. Rắn cạp nia bơi giỏi, thường sống trong hang ở các bụi rậm quanh hồ, ao, đầm, hang ếch... Chúng kiếm ăn vào ban đêm, thức ăn chủ yếu là các loài rắn khác, chuột. Cũng như rắn cạp nong, chúng cũng thường bò theo ánh lửa và ăn tàn (xem “rắn cạp nong”). Rắn cạp nia chậm chạp, ít hoạt động, thường chỉ cắn người trong trường hợp bị trêu tức. Nọc rắn cạp nia rất độc, độc hơn nhiều so với nọc rắn hổ mang.

RẮN CẠP NONG

yellow and black-ringed snake krait _____

R

Cũng thuộc họ Rắn hổ. Cơ thể dài, có nhiều khúc đen và vàng xen kẽ nhau. Rắn cạp nong còn có tên là *rắn hổ lửa*, *rắn mai gầm*. Rắn cạp nong có một cơ quan đặc biệt nằm ở hốc mũi có khả năng cảm nhận được tia hồng ngoại phát ra từ con mồi (chuột, thạch sùng, rắn con...), nhờ đó mà bắt được mồi. Khi người đi đêm trong rừng cầm bó đuốc, rắn cạp nong thường bò theo và ăn tàn lửa rơi xuống vì chúng tưởng nhầm các tàn lửa là mồi. Vì thế mà còn có tên là rắn hổ lửa.

Rắn cạp nong thường sống ở rừng núi, bờ sông, bờ đê, vườn tược, bụi tre, bờ ao... Chúng kiếm ăn về ban đêm. Chúng chậm chạp, ít cắn người. Ban ngày chúng nằm cuộn tròn, đầu giấu vào thân. Nọc rắn cạp nong rất độc.



Là loài rắn độc thuộc họ Rắn hổ. Cơ thể có thể dài tới 2 m, mỗi khi tức giận chúng cất cao đầu, thân phía trên dựng thẳng lên, cổ bạnh ra (nên còn có tên là "rắn hổ mang bạnh") và phun phì phì. Nó không chủ động tấn công người, ban ngày thường lạnh như đất (nên còn gọi là "rắn hổ đất").

Rắn hổ mang bơi giỏi nhưng sống trên cạn. Chúng thường ẩn nấp trong các hang chuột, bờ ruộng, bờ đê, tổ mối, bụi tre trong vườn. Rắn hổ mang kiếm ăn về đêm, thức ăn chủ yếu là thú nhỏ, ếch, cóc, thằn lằn, chuột, nhái, nòng nọc...

Rắn hổ mang đẻ từ 8 - 23 trứng một lứa. Rắn hổ mang non rất dữ. Nọc rắn hổ mang rất độc.



RÀN HỔ MANG CHÚA

king-cobra

R



Loài rắn độc cỡ lớn nhất, dài tới 5m. Đầu, lưng màu nâu xám, vàng lục hay màu chì. Những vảy thân từ giữa cơ thể tới hết đuôi có viền xám đen. Rắn hổ mang chúa thường sống trong hang dưới những gốc cây lớn hay thân cây gỗ trong rừng, bên bờ suối... Thức ăn là các loại rắn khác, chim, chuột, thằn lằn, kì đà. đẻ trứng vào khoảng tháng 4 - 5. Hổ mang chúa là loài rắn quý hiếm rất cần được bảo vệ.

Là tên chung chỉ các loài rắn thuộc họ Rắn nước. Họ rắn nước gồm rất nhiều rắn, trên thế giới bao gồm các loài rắn sống dưới nước, trên cây và dưới mặt đất. Rắn nước có thể ăn tạp hoặc ăn một loại thức ăn. Nhiều loài rắn nhỏ ăn sâu bọ, giun đất nhưng các loài rắn lớn thường ăn cá, ếch, nhái, đặc biệt có loài rắn độc ăn rắn. Nói chung các loài rắn sống trên cạn thường đẻ trứng còn các loài chuyên sống ở dưới nước thường đẻ con.

Rắn nước có tuyến da dọc hai bên cột sống, gáy và lưng. Chất tiết từ tuyến này có màu trắng đục, vị đắng, bắn vào mắt có thể gây viêm giác mạc.



RẮN RÁO*coluber*

Loài rắn lạnh sống trên cạn, thuộc họ Rắn nước. Chúng thường ẩn nấp trong các bụi cây, bãi cỏ rậm (nên còn gọi là *rắn cỏ*) và mái nhà. Rắn ráo kiếm ăn ban ngày, thức ăn của chúng là ếch, nhái, chuột. Chúng thường đẻ trứng vào tổ mối là nơi có nhiệt độ thích hợp cho sự phát triển của trứng. Khi rắn con nở ra đã có sẵn mối thợ và ấu trùng mối làm thức ăn cho chúng. Rắn ráo đẻ khoảng 4 lứa một năm, từ tháng 6 - 8, mỗi lứa từ 5 - 13 trứng.

Rắn ráo được dùng làm thuốc, ngâm rượu cùng với rắn hổ mang, rắn cạp nong thành bộ ba gọi là rượu *tam xà* dùng để chữa bệnh đau lưng, mỏi gân cốt...



Còn có tên là rắn săn chuột, miền Nam gọi là rắn rổng hay rắn hổ ngựa. Rắn sọc dưa là loài rắn cỡ lớn, có thể dài tới 2m. Đầu thuôn dài phân biệt rõ với cổ. Lưng màu nâu xám, có 4 sọc đen chạy từ gáy tới quá nửa thân, 2 sọc ở giữa to và liên tục, 2 sọc ở hai bên mảnh hơn và đứt đoạn. Rắn sọc dưa thường gặp ở đồng ruộng, nương bãi, ven rừng. Thức ăn chủ yếu là chuột, ngoài ra còn ăn thằn lằn, ếch nhái,... Sinh sản vào tháng 5 - 7.



RẪN SỌC KHOANH

striped snake

R

Loài rắn cỡ lớn, dài tới 2 m. Đầu thuôn và dài, có màu xám nhạt hay đỏ nhạt. Trên lưng có những đốm xám to, tròn, viền sáng. Hai bên sườn có những đốm nhỏ hơn, đuôi có khoanh trắng hay đỏ nhạt xen khoanh màu xám đen không khép kín ở mặt bụng. Rắn sọc khoanh chủ yếu sống trong các hang đá, ăn dơi và chuột.



Loài sâu bọ sống kí sinh trên cơ thể động vật có vú. Hình dáng rất giống chấy, cánh và mắt đều tiêu giảm. Rận đẻ trứng có chất dính bám vào quần áo. Chất dính này không tan trong nước nên khi giặt giữ quần áo, trứng rận cũng không trôi đi. Muốn giết trứng rận ta phải luộc quần áo. Một rận cái đẻ khoảng 10 trứng một ngày và đẻ liên tục hàng tuần. Rận con mới nở hút máu và lớn rất nhanh, chỉ sau hai tuần đã có thể sinh đẻ.

Rận ẩn nấp trong các nếp gấp của quần áo, chỉ bò ra khi hút máu. Rận ưa chỗ ẩm, nên khi ta nằm ẩm chỗ, rận bò ra hút máu làm da bị ngứa. Hàng ngày rận hút máu hai lần chứ không nhịn đói lâu được. Do đó thay quần áo liên tục cũng là một biện pháp chống rận, để chúng chết đói và rét. Rận có thể lây lan nếu nằm chung chăn, màn, gối...

Rận là vật trung gian truyền một số bệnh cho con người.





Loài động vật thuộc lớp Giáp xác. Cơ thể rận nước dẹp hai bên và nằm trong hai mảnh vỏ giáp trong suốt. Đầu nhỏ có đôi mắt kép lớn, có hai đôi râu, một đôi rất lớn dùng làm bơi chèo. Các đôi chân ngực ẩn trong vỏ giáp, cuối bụng có một gai đuôi. Phía lưng có ngăn ấp trứng. Rận nước sinh sản theo lối trình sản. Trứng trong ngăn nở thành rận nước con và chui ra ngoài, không cần thụ tinh.

Rận nước rất phổ biến ở các ao, hồ, sông, lạch... Chúng sinh sản nhanh nên là nguồn thức ăn quan trọng của cá, nhất là cá con.



Loài chim cỡ trung bình thuộc họ Rê, chiều dài cơ thể khoảng 30 cm. Bộ lông màu nâu có vân. Mỏ dài dùng để tìm kiếm thức ăn. Thường kiếm ăn vào ban đêm, ban ngày nghỉ ngơi ở những nơi rậm rạp, trong các lùm cây. Nơi ở là các vùng rừng thứ sinh, bụi cây rậm và ven bờ suối, không ở các vùng đất lầy.

Rê gà là loài chim trú đông phổ biến nhưng số lượng không nhiều. Ở miền Bắc nước ta, rê gà bay về vào đầu tháng 11, thường gặp từng con riêng lẻ, không bao giờ hợp thành đàn. Thức ăn của rê gà chủ yếu là giun đất, các loại côn trùng...

RỄ GIUN LỚN

wood snipe

R

Chim trưởng thành cao khoảng 30 cm. Trán nâu, đỉnh đầu và gáy đen. Giữa đỉnh đầu có một dải hung. Một dải khác rộng, màu nâu bắt đầu từ trước mắt chạy qua má đến gáy. Trên lưng, cánh, đuôi có màu nâu, đen xen kẽ nhiều vạch hung. Ngực vàng nâu, bụng trắng có vằn nâu nhạt. Mỏ dài, nhọn, gốc mỏ dưới vàng nhạt. Chân xám lục nhạt. Rễ giun lớn là loài di cư, không phổ biến. Chỉ gặp ở Lào Cai (Sa Pa), ở nơi rậm rạp xung quanh vùng đầm lầy và dọc sông suối. Độ cao phân bố từ 500 - 1800m.



Chim trưởng thành có kích thước nhỏ, cao khoảng 20cm, cơ thể chắc mập, mỏ ngắn hơn các loài rê khác. Ngực và hai bên hông có vằn sọc, bụng màu trắng. Khi ở trên mặt đất thường chui lủi vào nơi ẩn nấp rất nhanh. Rê giun nhỏ là loài di cư, không phổ biến. Nơi ở là các vùng đầm lầy, đồng ruộng ngập nước, chỗ ẩm ướt có nhiều cỏ, đồng lúa mới cấy thuộc vùng Tây Bắc và Nam Bộ, phân bố lên tới độ cao 1500m.

Thức ăn chủ yếu là các loài ốc nhỏ, giun, ấu trùng bươm, ruồi và hạt cỏ dại.



RỄ GIUN THƯỜNG

common snipe

R



Loài chim kiếm ăn ven các bờ nước, thuộc họ Rễ. Kích thước tương đối lớn, cao 27 cm. Bộ lông màu nâu có nhiều vân sáng. Khi bay lên theo đường dích dắc và thường phát ra tiếng kêu kèn kẹt, khô khốc. Giống như các loài rế khác, rế giun thường sống chui lủi cho đến khi bị xua đuổi mới bay lên. Rế giun thường là loài chim di cư, khá phổ biến. Chúng bắt đầu xuất hiện ở miền Bắc nước ta vào cuối tháng 8 và ở lại đây cho đến cuối tháng 4. Rế giun thường sống ở các đầm lầy, đồng ruộng, cánh đồng lúa. Thức ăn của chúng là các loại ốc nhỏ, giun, côn trùng thủy sinh và ấu trùng của chúng... Rế giun thường là đối tượng săn bắt vì thịt ngon.



Loài sâu bọ thuộc bộ Cánh nửa. Rệp giường có cơ thể bẹt, cánh trước thoái hóa thành hình vảy phiến. Đôi râu đặc biệt nhạy cảm với hơi người. Chúng sống ẩn náu trong các khe giường, phản,... Khi đánh hơi thấy có người nằm trên giường, rệp bò ra hút máu. Rệp đốt khá đau vì nó có một cái mỏ nhọn. Rệp còn tiết mùi hôi khó chịu. Rệp thường hoạt động ban đêm.

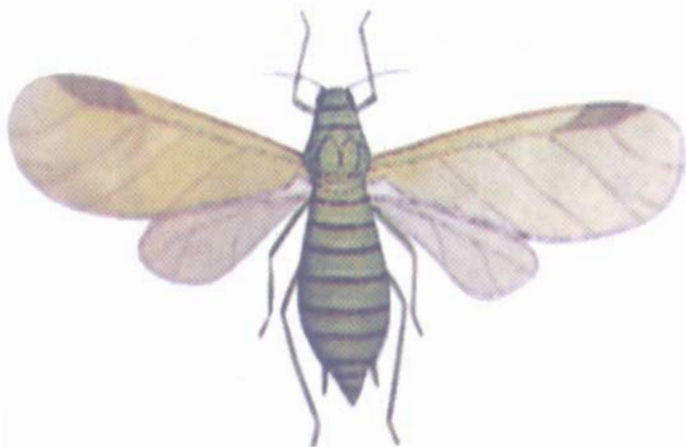
Rệp đẻ nhiều, mỗi lần khoảng 50 trứng. Nếu nhiệt độ thích hợp, sau hơn một tuần, trứng nở thành rệp con. Rệp con lột xác 5 lần, sau hai tháng trở thành rệp trưởng thành. Rệp nhịn đói được lâu, ở rệp con 60 - 70 ngày, rệp lớn 6 - 7 tháng. Muốn tiêu diệt rệp ta thường dùng nước sôi dội vào khe giường.

RỆP CÂY

scale, plant-louse, mite

R

Loại sâu bọ nhỏ gây nhiều tác hại cho cây trồng. Chúng hút nhựa cây làm cho cây khô cằn, héo rồi chết. Chúng thường tập trung ở mặt sau của lá. Có nhiều loài khác nhau. Mỗi loài gây hại cho một hoặc nhiều loài cây. Nhiều loài rệp thường sống chung với kiến. Chúng hút quá nhiều nhựa cây nên thải bớt ra ngoài. Phân rệp chứa loại đường mà kiến rất thích. Kiến thường dùng râu vuốt ve rệp cây, rệp cây thích thú cong bụng lên và tiết ra một giọt nước, kiến hút lấy hút để. Về mùa đông kiến tha rệp cùng trứng về tổ sống qua mùa đông, vì thế rất khó diệt hết rệp cây.



Loài động vật nhiều chân thuộc ngành Chân khớp. Thân có nhiều đốt. Mỗi đốt mang một đôi chân. Trên đầu có một đôi râu khiến nó đánh hơi được thức ăn có mùi thơm như dứa, mít, thịt gà... Đôi chân thứ nhất ở đốt thân đầu tiên biến đổi thành bộ phận giữ mồi và giết mồi gọi là chân hàm. Cuối chân hàm có một lỗ nhỏ tiết ra nọc độc có tính a-xít để giết con mồi. Khi bị rết cắn, người ta dùng vôi bôi vào vết cắn để trung hòa a-xít.

Rết ưa những nơi ẩm ướt và tối để cơ thể không bị bốc hơi nước. Chúng còn ưa những chỗ ẩm, cho nên đêm ngủ dưới đất, rết có thể rúc vào người.



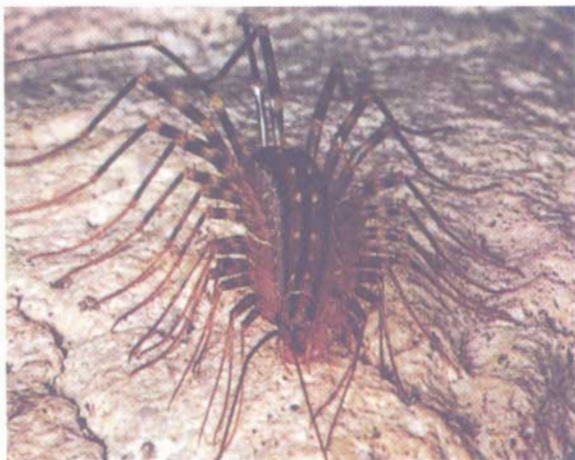
RẾT CHÂN DÀI

long-legged scolopendra

R



Động vật chân khớp thuộc lớp Nhiều chân. Khác với những con rết thông thường, rết chân dài đúng như tên gọi nó có chân rất dài. Chúng sống ở dưới các tảng đá, khe kẽ tường và trong đất, chủ yếu ăn những côn trùng nhỏ.





Loài bò sát lớn nhất trên thế giới hiện nay, sống trên đảo Kô-mô-đô thuộc In-đô-nê-xi-a. Cơ thể rắn chắc, đồ sộ, dài tới 3m, nặng 100-150kg. Đi lại khá nhanh nhẹn, đặc biệt bơi và lặn giỏi.

Rồng Kô-mô-đô lúc nhỏ ăn côn trùng, thằn lằn, cá nhỏ. Khi lớn hơn chúng bắt đầu ăn cua, chim chóc, gà vịt. Khi dài tới 2m chúng tấn công cả khỉ, thậm chí cả rùa đang lên bờ đẻ trứng. Một con rồng trưởng thành khi đói có thể ăn hết một khối thịt bằng khoảng 1/2 trọng lượng cơ thể chúng. Thức ăn ưa thích nhất của chúng là xác những con mồi đã bị thối rữa. Mùi thịt thối có thể quyến rũ những con rồng ở xa tới 8km và chúng sẽ mò tới ngay. Vì ăn bẩn như thế nên trong miệng chúng có đủ loại vi trùng. Nếu bị rồng cắn, vết thương dù nhẹ cũng bị nhiễm trùng, có thể dẫn đến tử vong.



RỒNG RỘC

billed weaver

R

Loài chim sẻ thường, kích thước nhỏ thuộc họ Sơn ca. Bộ lông có sọc đậm, mỏ khỏe, phần dưới cơ thể màu nâu vàng. Chim đực trong mùa sinh sản có đỉnh đầu màu vàng tươi, mặt màu đen. Rồng rộc sống định cư và làm tổ phổ biến ở nhiều nơi. Chúng thường làm tổ tập đoàn và kiếm ăn theo đàn. Thức ăn là các loại hạt cây. Tổ rồng rộc có hình ống kéo thẳng xuống dưới khá dài. Nơi sống của chúng là các vùng đồng ruộng, cây bụi. Rồng rộc có thói quen ngủ tập đoàn trong các bãi lau sậy và sống theo đàn.



Là loài bò sát cổ. Cơ thể ẩn trong bộ giáp xương hợp thành mai và yếm. Mai và yếm phủ nhiều tấm sừng (có loài phủ da như ba ba). Có khoảng 200 loài rùa khác nhau. Ở nước ta có 29 loài. Rùa thường phân bố ở vùng nhiệt đới và xích đạo.



RÙA BA GỜ

three-ridged tortoise

R

Loài rùa cỡ trung bình, còn có tên là rùa nước, rùa cỏ, chỉ có ở miền Nam nước ta. Mai rùa dài 17 - 21 cm màu nâu sáng hoặc sẫm, rìa mai có màu vàng sáng. Trên lưng có 3 gờ, trên gờ nổi những u nhỏ. Yếm màu vàng hoặc màu kem có những đốm đen hoặc nâu sẫm. Đầu có sọc màu vàng và một đốm trắng ngay sau ổ mắt. Rùa ba gờ sống ở các ao, đầm lầy, đồng trũng, suối, nơi có đáy mềm và nước chảy chậm. Chúng ăn các động vật thủy sinh như cua, cá, tôm, sâu bọ, giun, ốc...





Loài rùa cỡ lớn, phân bố ở các tỉnh miền Nam nước ta. Mai có thể dài tới hơn 40 cm, gồ cao, có một gờ ở sống lưng, bờ sau của mai có răng cưa. Mai có màu nâu xám. Yếm màu vàng hoặc nâu nhạt. Đuôi rùa đất rất ngắn. Rùa đất lớn ưa sống trong các sông, suối, hồ, đầm có nước trong, dòng chảy chậm. Thức ăn chủ yếu là thực vật thủy sinh. Rùa đất lớn đẻ trứng vào tháng 12, tháng 1.

RÙA ĐẤT SÊ-PÔN

tchepone tortoise

R

Loài rùa cỡ trung bình phân bố ở miền Bắc và miền Trung nước ta. Mai rùa dài khoảng 22 cm có một gờ giữa lưng nhưng không rõ rệt, màu nâu xám hay nâu sẫm. Dưới có vài sọc màu hồng. Con đực có đuôi dài và dày hơn con cái. Rùa đất Sê-pôn sống trong các sông suối miền núi cao, ăn tôm cá, rất thích bò lên cạn tìm ăn côn trùng, giun đất, hoa quả và rau xanh.



Loài rùa cỡ trung bình, mai hơi dẹp, dài khoảng 17 - 20 cm. Trên mai có 3 gờ nổi rõ (1 gờ ở chính giữa, 2 gờ ở hai bên). Lưng màu nâu, yếm gồm 2 mảnh cử động được, giữa yếm màu đen, xung quanh màu đỏ nhạt. Rùa hộp ba vạch ưa sống ở các con suối trong rừng sâu thuộc vùng núi. Chúng rất thích bò lên cạn tìm ăn giun đất. Thức ăn chủ yếu là cua, cá. Sinh sản vào khoảng tháng 5.



RÙA HỘP LUNG ĐEN

black-shelled tortoise

R



Loài rùa cỡ trung bình, phân bố ở miền Nam nước ta. Mai rùa gỗ cao, nhẵn, dài khoảng 20cm, có màu xám đen. Yếm gồm hai mảnh cử động được, màu vàng. Hai bên đầu có 3 đôi sọc màu vàng. Chúng thường sống ở các ao, đầm lầy, suối, ruộng lúa ngập nước, nơi có nền đất mềm và nước chảy chậm. Rùa hộp lung đen chủ yếu ăn cỏ và thực vật thủy sinh, đôi khi ăn tôm, giun,... Sinh sản vào tháng 4 - 5.



Còn có tên là rùa nắp trán vàng hay rùa Trường Sơn, phân bố từ phía Đông Bắc Bộ kéo dài đến hết dãy Trường Sơn. Rùa hộp trán vàng có mai gỗ rất cao, dài từ 19 - 26cm, màu kem hoặc màu vàng. Đầu và cổ màu vàng. Yếm gồm 2 mảnh cử động được màu trắng đục. Con đực có đuôi dài và dày hơn con cái. Ưa sống nơi ẩm ướt, các bụi rậm trong rừng ở vùng trung du và miền núi. Ăn các loại động vật như giun đất, cá, đôi khi ăn các loại quả như chuối. Sinh sản vào tháng 5 - 6.

RÙA NÚI VÀNG

yellow mountain tortoise

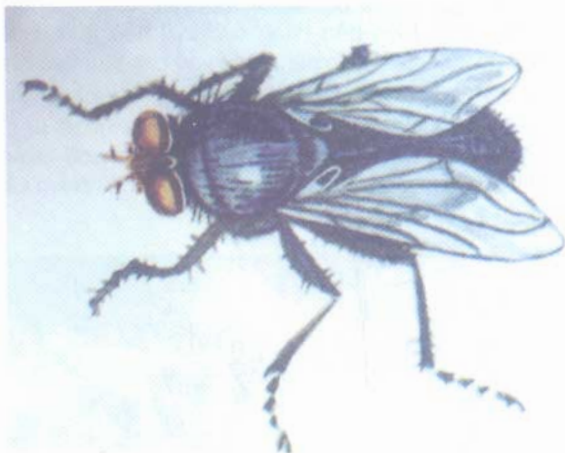
R

Loài rùa cỡ trung bình, mai gồ rất cao, dài khoảng 30cm. Mai có màu vàng, giữa mỗi tấm vảy có đốm đen. Con đực có đuôi dài cứng, yếm lõm. Con cái đuôi ngắn, yếm phẳng. Nơi sống là các khu rừng trên đồi núi và cao nguyên như Đà Lạt hoặc rừng nhiệt đới. Thường ăn hoa quả, rau xanh, đôi khi ăn cả nấm, ốc sên, giun đất. Sinh sản vào tháng 2 - 5.



Loài rùa cỡ rất lớn, chiều dài của mai có thể đạt tới 47 - 60 cm. Mai dài và phẳng lên màu nâu thẫm hoặc đen, phía sau không có răng cưa. Mỏ làm thành hình hai mấu nhọn hình răng ở hàm trên. Chân đẹp, ngón chân có màng da. Rùa răng sống trong các sông, hồ đầm lầy miền Nam nước ta, nơi có dòng chảy chậm. Rùa răng chủ yếu ăn thực vật, đặc biệt thích ăn bèo tây, ngoài ra chúng thường lên cạn ăn giun đất. Rùa răng đẻ trứng vào tháng 12, tháng 1.



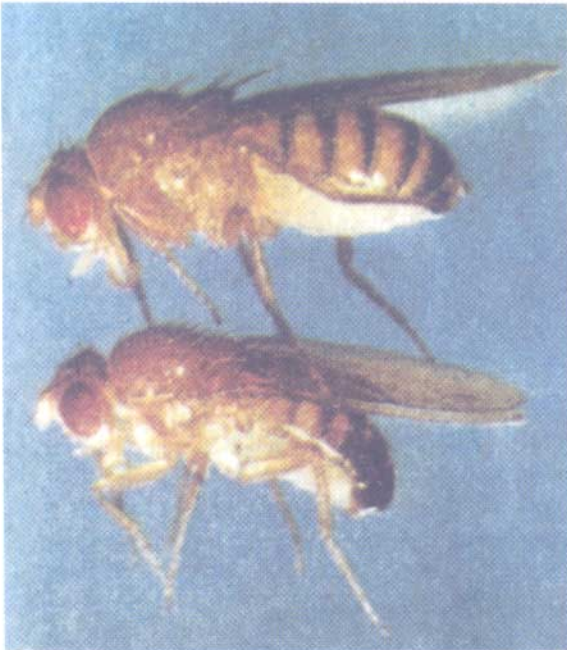


Động vật quen thuộc, phổ biến trên thế giới. Ruồi có phụ miệng kiểu vòi hút các thức ăn là dịch lỏng. Chúng thường tìm đến các nơi bẩn thỉu: rác, đờm, phân... Chân ruồi đầy lông lá, trên đó dính vô số vi trùng gây bệnh như bệnh tả. Vòng đời của ruồi khoảng 20 - 30 ngày. Ruồi thuộc loại sâu bọ biến thái hoàn toàn, phát triển qua 4 giai đoạn: ruồi - trứng - dòi - nhộng. Ruồi hình thành từ nhộng sau 13 ngày đã trưởng thành và sinh sản. Ruồi cái đẻ 6 - 7 lứa, mỗi lứa khoảng 100 trứng rồi chết.

Mùa hè ruồi phát triển rất nhanh, vòng đời ngắn lại. Về mùa đông, nhộng nằm im trong kén, chờ cho tới mùa hè năm sau nở ra ruồi con.

Ruồi giấm còn có tên là ruồi hoa quả vì chúng thường xuất hiện bên cạnh các loại hoa quả. Ruồi giấm có vòi thịt truyền nấm men vào các loại quả như nho, cam, chuối và gây nên sự lên men rượu.

Ruồi giấm là đối tượng nghiên cứu quan trọng trong di truyền học. Chúng có đặc điểm đa dạng, cánh dài hoặc ngắn, mắt trắng hoặc đỏ, bộ nhiễm sắc thể $2n = 8$.



RUỒI TRÂU

horse-bee, horse-fly, gadfly

R



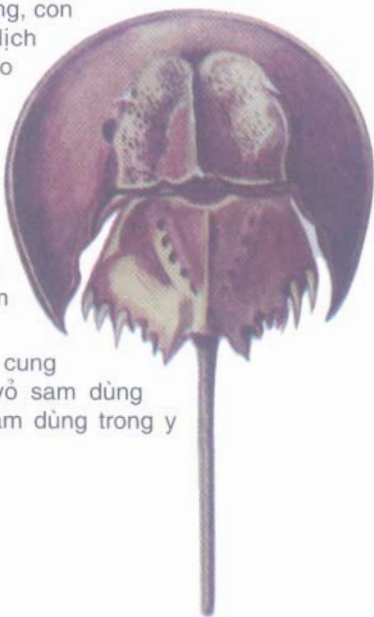
Loài côn trùng sống kí sinh, to hơn ruồi nhà. Cơ thể nhiều lông, đầu rộng, mắt to, râu có 4 - 8 đốt. Miệng kiểu chích hút. Chúng đốt và hút máu gia súc làm cho gia súc mệt mỏi, gầy yếu. Chỗ đốt dễ bị nhiễm trùng gây bệnh. Ruồi trâu còn là vật trung gian truyền một số bệnh nguy hiểm như nhiệt thán, bệnh tiêu mao trùng...

Còn gọi là ruồi nhướn, là loại côn trùng kí sinh, có họ hàng gần với ruồi trâu. Ruồi vàng có nhiều ở các nước ôn đới. Vào mùa xuân và đầu hè chúng xuất hiện thành từng đàn lớn đậu trên vai, trên lưng gia súc để hút máu. Nhiều gia súc bị chết do ruồi vàng hút máu và tiêm chất độc. Ở nước ta, ruồi vàng phổ biến ở vùng rừng núi Tây Bắc. Ruồi vàng không những đốt gia súc mà còn đốt người.



Loài vật thuộc ngành Chân khớp. Cơ thể chia 3 phần: đầu, ngực, đuôi. Phần đầu ngực không phân đốt, chân có 6 đôi. Đuôi dài và khỏe dùng để vận chuyển, cũng là vũ khí tự vệ. Sam thở bằng mang. Thức ăn là trai, giun, ốc, động vật đáy và tảo. Sam thường sống ở các vùng biển nông, có thể theo nước triều vào sâu trong sông. Thường sống thành đôi, con cái cõng con đực trên lưng. Vào mùa sinh sản, con cái đào hố ở bờ cát, sâu khoảng 15 cm và đẻ vào hố từ 200 - 1000 trứng, con đực tưới tinh dịch vào thụ tinh cho trứng. Sau 6 tuần trứng nở thành ấu trùng giống sam nhưng chưa có đuôi. Ấu trùng phải lột xác nhiều lần mới trở thành sam trưởng thành.

Sam có thể cung cấp thịt, trứng, vỏ sam dùng làm keo, máu sam dùng trong y học.



Loài động vật biển thuộc ngành Ruột khoang, có họ hàng với sứa. Sống thành tập đoàn, ít khi sống đơn độc. Phần hình cành cây chính là bộ xương của san hô bằng đá vôi do chúng tiết ra và ngày càng phát triển. Phần thịt san hô trong suốt bọc ở bên ngoài. Trên cành san hô có nhiều san hô con được sinh ra, không tách khỏi san hô mẹ, lại tiếp tục sinh cháu, chắt,... để trở thành "đại gia đình". Về cấu tạo, san hô chỉ có miệng và ống ruột giống như cái túi, chúng không di chuyển. Thức ăn là các cận bã, sinh vật phù du chui qua miệng vào ruột.

Biển phía nam nước ta có nhiều điều kiện để san hô phát triển. Một số loài như san hô đỏ, san hô đen là nguyên liệu quý làm đồ trang sức, san hô đá cung cấp đá vôi...



SAN HỒ CÀNH ĐA MI

damian coral

S



Loài động vật thuộc họ San hô cành, bộ San hô cứng. Loài này không có mụn cơm. Trên các nhánh chính có các nhánh nhỏ nằm sát nhau. Các nhánh nhỏ này kèm phát triển, sắp xếp lộn xộn nhưng liên kết tạo thành các nhánh phụ phát triển. San hô cành đa mi sống ở vùng triều, độ sâu trên 30m, có thể chịu sóng mạnh, hoặc sống trong các vịnh được che chắn, sống được từ vùng nước nóng đến hơi đục. San hô cành đa mi có giá trị trong mỹ nghệ, dùng trang trí hồ nuôi cá cảnh.



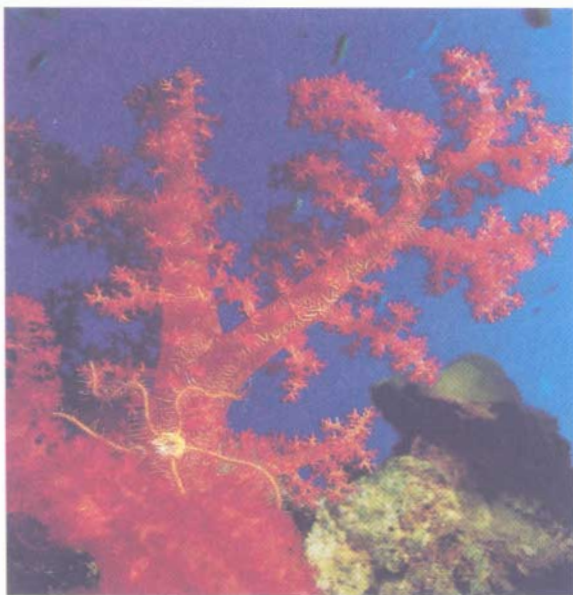
Là loài quý hiếm với bộ xương có màu đen hung, dùng làm hàng mỹ nghệ cao cấp. San hô đen có ở vùng biển nông ven bờ biển Hồng Hải và Ấn Độ Dương.

SAN HỒ ĐỎ

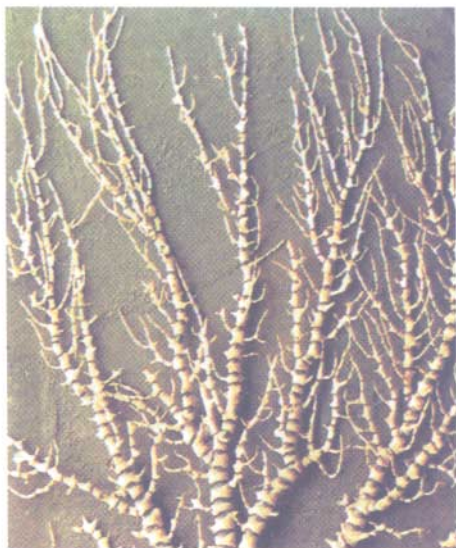
red coral

S

Là loài quý hiếm, sống bám trên đáy cứng vùng biển có độ sâu lớn, xương có độ cứng cao, nhiều màu sắc từ trắng đến vàng, nâu, đỏ, dùng làm hàng mỹ nghệ cao cấp. Phân bố ở Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương. Ở nước ta có 2 loài: san hô đỏ Nhật Bản và san hô đỏ Kô-noi đều là các loài quý hiếm cần bảo vệ.



Hình dạng phân nhánh, tập đoàn hình bụi. Các nhánh chủ yếu phát triển trên ba phía. Đoạn cuối của nhánh cuối cùng phình ra. Trục mập, các đốt cứng, ngắn có gân theo chiều dọc. Các polyp cách nhau 0,5 - 1mm, có các nốt nhỏ. San hô trúc phân bố ở độ sâu từ 0 - 15m ở vùng ít chịu sóng và yên tĩnh. San hô trúc có ở quần đảo Trường Sa, là loài rất có giá trị kinh tế, dùng làm đồ mỹ nghệ.



Còn gọi là sán dây hay sán xơ mít. Là động vật sống kí sinh thuộc ngành Giun dẹp. Sán trưởng thành sống kí sinh trong ruột non của người nhưng nang sán lại ở trong cơ thể lợn, gây bệnh lợn gạo. Trong ruột người, sán xơ mít vừa hút hết chất dinh dưỡng, vừa tiết chất độc vào máu làm cho người ốm yếu xanh xao. Cơ thể dài 2 - 8 m, rộng không quá 10mm, dẹp, có nhiều đốt (tới hàng nghìn đốt). Đầu nhỏ như đinh ghim, có vành móc và có 4 giác bám chắc vào thành ruột. Ngay sau đầu là cổ, nơi sinh ra các đốt. Sau cổ là phần thân dài nhiều



đốt, càng về sau đốt càng già, càng lớn, chứa nhiều trứng và rụng ra. Trứng theo phân ra ngoài có thể dính vào cây cỏ. Lợn ăn phải cỏ có trứng sán, vào ruột, phôi sán mọc rời khỏi trứng, lách qua thành ruột, theo máu đến các cơ và kết thành nang sán ở đó. Lợn bị nang sán là lợn gạo. Người ăn phải thịt lợn gạo chưa nấu chín sẽ bị nhiễm sán. Mỗi nang sán có một đầu sán phía trong. Ở trong ruột, dưới tác dụng của dịch vị, đầu sán bật khỏi nang, bám vào thành ruột. Nang rụng đi và cổ liên tiếp mọc các đốt phía sau thành con sán mới.

Gồm nhiều loài thuộc lớp Sao biển, ngành Da gai. Cơ thể có hình sao, gồm một đĩa trung tâm ở giữa và 5 hay nhiều cánh xếp xung quanh. Sao biển ít di động, khi bò trên đáy cát, miệng hướng về phía dưới, bò nhờ hoạt động của chân ống ở phần dưới mỗi cánh.

Sao biển phân bố rộng nhưng tập trung nhất ở khu vực Bắc Thái Bình Dương, thích sống ở đáy bùn cát, đá nhỏ, san hô, ít sống ở vùng đáy có bùn nhuyễn.

Sao biển có khả năng tái sinh mạnh. Cánh sao biển khi bị tổn thương hoặc đứt có thể mọc lại. Từ một cánh sao biển có thể tái sinh những cánh còn thiếu để trở thành một cơ thể nguyên vẹn. Sao biển là loài đơn tính, thụ tinh trong nước. Ở vùng biển nước ta đã gặp khoảng 60 loài sao biển khác nhau.



Loài thú lớn, rất quý hiếm, mới được phát hiện ở nước ta trong vài năm gần đây. Trọng lượng cơ thể từ 80 - 120kg. Trên đầu có một cặp sừng thẳng, rỗng không phân nhánh, mút sừng nhọn. Mặt có màu nâu sẫm hay nâu đỏ nhạt, có các đốm trắng ở phía trên, dưới mắt, cằm, cổ. Lông mềm mượt, lưng màu nâu nhạt, hai bên sườn có các vạch trắng nhạt. Chân màu đen nhạt, ngay trên móng guốc có vòng trắng. Đuôi rất ngắn. Sao la sống trong các khu rừng nhiệt đới lá rộng và rừng nguyên sinh thuộc các tỉnh miền Trung. Thức ăn là cỏ và lá cây rừng ven các suối đá lởm chồm. Sao la là loài thú đang rất cần được bảo vệ.





Loài chim làm tổ và trú đông khá phổ biến ở miền Bắc nước ta. Từ tháng 9 đến tháng 10 xuất hiện nhiều đàn lớn, đến khoảng tháng 3 chúng lại bay đi.

Làm tổ ở ven rừng, nơi có nhiều cây cối rậm rạp, các núi đá... Tổ thường nằm trong các hốc đá ở vách núi đá vôi, trong hốc cây có sẵn, trong tổ cũ của chim khác hoặc dưới mái nhà. Sáo đá thường đẻ 4 trứng mỗi lứa. Chim bố mẹ thay nhau ấp trứng và đi kiếm mồi.

Sáo đá ăn tạp, vào thời kì sinh sản chim bố mẹ nuôi con bằng sâu bọ. Đây là thời kì chim có ích nhất vì chúng tiêu diệt nhiều sâu bọ hại mùa màng.

SÁO ĐÁ ĐẦU TRẮNG

red-billed starling

S

Chiều dài cơ thể khoảng 24cm. Đầu và cổ có lông màu trắng. Đuôi và phần dưới cánh màu đen, mỏ đỏ. Chim cái và chim non có màu tối hơn. Phân bố ở Bắc Bộ và Trung Trung Bộ. thỉnh thoảng gặp ở Bắc Cạn, Lạng Sơn..., vào mùa đông, khi chúng di cư từ phía Nam Trung Quốc tới. Nơi ở là các cây bụi, vùng trồng trọt và vườn nhà, các vùng đồng bằng ven biển và rừng ngập mặn ven biển.



Loài chim cỡ trung bình thuộc họ Sáo, chiều dài thân khoảng 24cm. Bộ lông màu nâu, đỉnh đầu màu tối, trán, má và hông trắng. Mỏ và chân màu vàng cam. Là loài chim di cư, hiếm gặp, phân bố ở các tỉnh vùng Đông Bắc nước ta.



SÁO ĐEN*crested myna*

Còn gọi là sáo mỏ ngà, bộ lông màu đen, thỉnh thoảng nhìn thấy vệt trắng ở cánh. Mút lông đuôi trắng, trên đầu có mào lông. Là loài chim sống định cư tương đối phổ biến ở miền Bắc nước ta. Chúng thường tập trung ở các khu vực trồng trọt, vùng đất trống và đồng ruộng, tìm bắt sâu bọ, nòng nọc, quả mềm.

Sáo đen làm tổ trong các hốc cây, dưới các mái nhà hay ở các vách núi đá vôi có nhiều hốc nhỏ. Tổ được làm bằng thân lá cỏ, rơm, rạ, lông và vỏ cây mềm. Thông thường chim đẻ tìm vật liệu, chim cái bện tổ. Mỗi lứa đẻ 3 - 5 trứng màu xanh da trời. Mỗi năm đẻ 2 - 3 lứa. Chim đẻ và cái thay nhau ấp trứng. Sau khi nở chim non rời tổ sau khoảng 17 ngày. Thời gian chăm sóc chim non kéo dài 25 - 27 ngày. Thức ăn của chim non chủ yếu là chuồn chuồn, cào cào, châu chấu, bọ xít, nhện...



Loài chim định cư, ưa sống ở các khu trồng trọt và chỗ trống, làng mạc, thành phố, ven rừng, các vách núi đá vôi... Sáo ăn tạp nhưng chủ yếu là ăn côn trùng nên có ích cho nông nghiệp. Sáo mỏ vàng làm tổ trong các hốc cây dưới mái nhà và các kẽ đá ở vách núi đá vôi. đẻ khoảng 3 - 5 trứng mỗi lứa, mỗi năm đẻ chừng 2 - 3 lứa.

SÁO NÂU

common myna

S

Chim trưởng thành có bộ lông màu nâu tối, đầu đen, mỏ, da vùng mắt và hai chân màu vàng. Chiều dài cơ thể khoảng 25cm. Sáo nâu là loài định cư, phổ biến, chủ yếu sống ở vùng thấp. Nơi sống là các vùng đất trống trải, thành phố và vườn làng. Chỉ gặp sáo nâu ở vùng đồng bằng, trung du và vùng núi ở những nơi cao không quá 600 - 700m.

Thức ăn của sáo nâu chủ yếu là các loài côn trùng như cào cào, châu chấu, chuồn chuồn...

Sáo nâu thường làm tổ tập đoàn trong các hốc cây, kẽ đá. Mỗi lứa đẻ 3 - 4 trứng màu xanh da trời.





Loài chim định cư có nhiều ở các vùng đồng bằng, trung du và vùng núi cao không quá 700 - 800 m. Thường sống theo đàn từ 5 - 7 con, cùng với sáo mỏ vàng hoặc sáo mỏ ngà. Sáo sậu ưa sống ở đồng ruộng, chỗ có cây cao hoặc khu có người ở, thường làm tổ trên những cây cao hoặc trên các bụi tre. Tổ hình cầu làm bằng rơm rạ và cỏ có cửa vào một bên, phía trong lót lông. Mỗi lứa sáo sậu đẻ từ 4 - 5 trứng màu xanh nhạt có đốm nâu. Thức ăn của sáo sậu là các loài côn trùng nên chúng rất có ích cho mùa màng.

SÂM CẦM

water hen, common coot, black coot _____

S

Là loài chim di cư. Vào khoảng đầu tháng 9, sâm cầm bắt đầu bay về miền Bắc nước ta. Từ tháng 10 đến tháng 3 là lúc sâm cầm xuất hiện nhiều nhất, ở các vùng đồng chiêm hay chỗ ngập nước. Riêng ở Hồ Tây, Hà Nội có thể gặp hàng đàn sâm cầm bơi lội trên mặt nước.

Sâm cầm có bộ lông xám đen, mỏ và mào trắng, ngón chân có màng viền hai bên đốt. Thường sinh sống ở các ao hồ lớn, cửa sông, bờ biển. Bơi lội như vịt. Là loài chim ăn tạp. Thức ăn là các hạt, thực vật thủy sinh, cá nhỏ, tôm, tép, ốc... Thịt sâm cầm rất ngon, là món ăn mà người xưa dùng để dâng các bậc vua chúa.

Cuối tháng 4, sâm cầm bay trở về phương Bắc là nơi chúng làm tổ và sinh sản.





Cơ thể tương đối rộng ngang với 12 tấm lưng, có thể cuộn về phía bụng giấu kín các đôi chân thành hình viên bi cứng. Đây là cách tự vệ khá độc đáo. Sâu đá có nhiều ở vùng rừng núi chùa Hương. Chúng thường ẩn dưới các khe kẽ đá ẩm ướt. Thức ăn là các loại côn trùng nhỏ, mùn bã hữu cơ.





Loài sâu bọ thuộc họ Ngài sâu đo. Mỗi khi di chuyển, con sâu đưa đoạn thân cuối tiến tới giáp đoạn đầu, đoạn giữa thân cong lên, tạo thành một dạng như cái khuyên. Tiếp đó, nó nhấc đoạn đầu lên, vươn dài ra, hạ đoạn đầu xuống một điểm mới, rồi đoạn thân cuối lại từ từ cong lên chạm tới giáp đoạn đầu. Mỗi khi gặp nguy hiểm chúng có thể bám vào cành cây, vươn thẳng cơ thể trông giống hệt như một cành cây nhỏ để che mắt kẻ thù.



Có nhiều loại sâu đục thân khác nhau. Loại sâu đục thân phổ biến chuyên phá hại lúa là sâu đục thân lúa bướm hai chấm. Bướm có màu vàng nhạt, trên hai cánh trước ở giữa có chấm đen nhỏ. Bướm đẻ trứng trên lá lúa thành ổ tròn nhỏ như hạt đậu, trên có lớp lông vàng bao phủ. Sâu non màu vàng nhạt. Sau khi nở ra đục vào thân cây làm cho cây héo, bông bạc màu. Sâu non đẩy sức chui xuống dưới gốc cây và hóa nhộng ở đó.



Loài chim cỡ lớn, cổ dài, chân cao và mỏ dài trông giống như các loài cò, diệc, nhưng ngón chân sau ngắn hơn và cao hơn các ngón chân khác, vì vậy sếu không đậu được trên cành cây mà chỉ chạy và đi được trên mặt đất. Thường sống ở các đồng cỏ rộng, những chỗ gần nước hoặc các vùng đầm lầy rộng. Thức ăn chủ yếu là các loại củ, hạt, ngoài ra còn ăn cả cá, ếch, nhái, chuột, rắn và côn trùng. Sếu sống thành đôi, có đôi ở với nhau suốt đời. Tổ ở trên mặt đất. Mỗi lứa đẻ 1 - 2 trứng. Chim non mới nở khỏe, có thể theo mẹ đi kiếm mồi.



Loài chim trú đông có ở vùng Đồng Tháp Mười. Là loài chim quý hiếm, cao tới 1,5m, nặng 8 - 10 kg, là loài lớn nhất trong các loài sếu. Tiếng kêu của nó vang xa tới 2km.



Loài động vật thân mềm thuộc lớp Hai mảnh vỏ. Hai mảnh vỏ bằng nhau hoặc gần bằng nhau, hình tròn hoặc tam giác có góc lượn tròn. Mặt trong vỏ màu trắng, không có lớp xà cừ bóng. Ở nước ta có hai loài điển hình là sò huyết và sò lông.

Sò huyết có màu đỏ, sinh sản vào tháng 8 - 10. Thịt sò huyết rất ngọt, thơm. Sò huyết nướng trên bếp than đến khi hai mảnh vỏ mở ra, ăn với gia vị, là một món đặc sản.

Sò lông nhỏ hơn sò huyết, thịt cũng thơm ngon nhưng kém sò huyết.





Loài thú gặm nhấm có thân dài mỏng, đuôi dài xù giúp cho con vật định hướng khi di chuyển trên cành. Thức ăn của sóc là các loại quả, hạt, búp cây... Khi ăn sóc dùng hai chân trước đưa thức ăn lên miệng, dùng răng cửa hàm trên cắn vỡ hạt còn răng cửa hàm dưới khớp với nhau bằng bắp thịt riêng có tác dụng như một cái kẹp để lồi nhân ra. Sóc là loài thú có ích. Thịt sóc ngon, da lông sóc dùng để may áo, mũ, khăn quàng... Sóc còn có vai trò trồng cây vì chúng có thói quen vùi hạt xuống đất.

SÓC BAY

flyng squirrel

S

Loài thú sống trên cây. Thân dài hơn nửa mét, đuôi bông dài tới 60 cm, có màng da ở hai bên sườn nối liền thân cổ với chân trước và chân sau vào tận tới gốc đuôi giúp chúng lượn được ở trên không. Bộ lông sóc bay có màu hạt dẻ, phớt ánh bạc trên lưng. Sóc bay không bay được, chỉ có khả năng lượn xa khoảng 100 m. Khi lượn dùng đuôi làm bánh lái và làm phanh, còn hai chân trước dùng để lấy độ cao. Khi bay, chỉ cần nhắc hai chân trước để nhắc màng cánh lên và luồn lách qua được nhiều cành lá. Chân có móng sắc giúp chúng leo trèo giỏi, chuyển thoăn thoắt từ cành nọ sang cành kia, sóc bay ít khi xuống đất vì màng cánh vướng víu, đi lại khó khăn.



Loài thú nhỏ trong họ Sóc bay, có tai màu nâu sẫm, phần dưới tai màu hung đen. Đầu và lưng màu nâu hay nâu hung đỏ với những vết đốm sáng rải rác. Màng cánh da có lông nâu vàng trên nền đen. Dưới màng da có những đốm màu trắng nhỏ rải rác. Sóc bay sao sống trong các khu rừng già thuộc tỉnh Lào Cai nước ta. Chúng làm tổ trong các hốc cây, hoạt động ban đêm. Thức ăn của chúng là các loại quả rừng. Sóc bay sao là loài thú đẹp được nhiều người ưa thích. Số lượng sóc ngày càng giảm do thiếu nơi làm tổ và thức ăn.

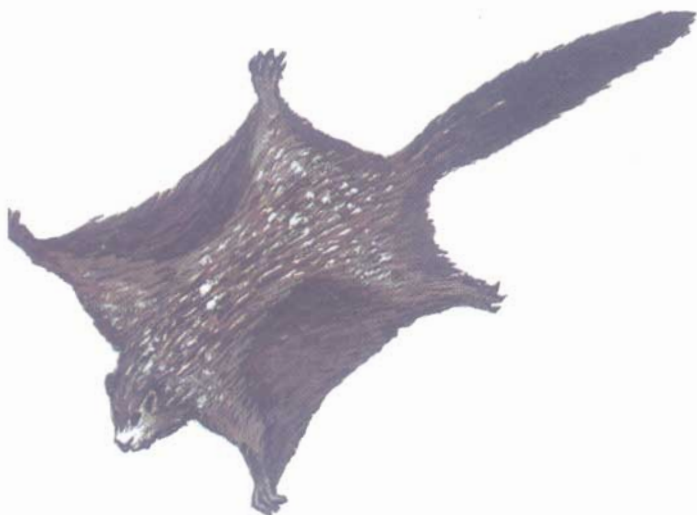


SÓC BAY TRÂU

giant flying squirrel

S

Loài sóc to lớn nhất trong họ Sóc bay. Mặt có nhiều đốm trắng. Cằm màu xám hay nâu. Lưng nâu hung lốm đốm trắng. Bụng màu nâu hung nhạt. Đuôi xù. Sóc bay trâu sống trong các khu rừng già nhiều cây có quả trên núi đá, núi đất. Chúng thường sống đơn độc, chỉ ghép đôi vào mùa sinh sản. Sóc bay trâu hoạt động ban đêm, di chuyển bằng cách dang rộng màng cánh da, bay lượn từ cây này sang cây khác. Thức ăn chủ yếu là quả, hạt, chồi non, lá cây. Mùa sinh sản và tháng 4, 5 và tháng 8, 9. Mỗi lứa đẻ 2 - 4 con hoặc 3 - 6 con. Con non được nuôi dưỡng cẩn thận trong tổ cho đến khi sống tự lập.





Loài thú chỉ có ở nước ta, sống ở Côn Đảo. Bộ lông có màu nâu đen hoặc đen. Bụng màu vàng sẫm lan rộng tới cánh tay và cổ vệt đỏ hoe sau gáy. Sóc đen sống trên các cây gỗ cao trong rừng già hoặc trên các cây dừa cao. Chúng làm tổ trên cành cây có lá um tùm hoặc trên ngọn dừa. Hoạt động trên cây là chủ yếu, thức ăn là các loại quả, hạt, chồi non và một số côn trùng, trứng chim. Mỗi năm sóc đen đẻ 2 lứa, mỗi lứa 2 - 3 con. Con non được bố mẹ chăm sóc 6 tháng hoặc hơn nữa mới rời tổ ở riêng.

SÓC ĐỎ

red squirrel

S

Sóc đỏ có bộ lông rất đa dạng, thường có màu đỏ hay nâu đỏ, đỏ xám... Sóc đỏ sống trong các khu rừng già, rừng trồng... Thức ăn là các loại quả, hạt. Mỗi năm sóc đỏ có thể đẻ 1 - 2 lứa, mỗi lứa 2 con. Sóc đỏ phân bố ở miền Trung nước ta.





Loài thú lớn thuộc bộ Ăn thịt. Cơ thể rắn chắc, bụng thon, chân cao, bộ lông dày màu xám điểm những sợi trắng.

Sói khỏe, thích nghi với mọi điều kiện sinh hoạt, nhin đói và chịu rét giỏi, có thể săn bám mỗi liên tục trong nhiều tiếng đồng hồ và chạy nhanh tới 80 km/h. Sói rất háu ăn. Khi đói, nó có thể liều lĩnh tấn công vào đàn gia súc có người bảo vệ, hoặc vào các bản làng tấn công trâu, bò, cừu...

Sói thường sống thành bầy đàn, dưới sự chỉ huy của một con đầu đàn. Mỗi đàn có khoảng 10 con. Sói săn mỗi về đêm, mỗi khi tập hợp đi săn chúng thường phát ra những tiếng hú dài để gọi nhau. Khi săn được mỗi chúng thường để dành phần, tha về cho những con sói bị thương, phải nằm lại tại chỗ. Chúng còn chia mỗi cho cả những con sói nhỏ không phải là con cái của chúng.

SÓI ĐỎ (SÓI LỬA)

red wolf

Loài thú cỡ lớn, thân dài khoảng 89 - 91cm, đuôi dài khoảng 30 - 32cm. Mồm ngắn màu đen. Tai tròn vểnh. Bộ lông màu hung hung đỏ. Bụng màu sáng nhạt. Thân và đuôi chuyển sang nâu đen hoặc đen. Gốc đuôi thắt nhỏ, xù ở phần cuối.

Thức ăn là nai, hoẵng, lợn rừng, các loài chim lớn, thậm chí cả các vật nuôi. Sói đỏ thích sống ở các khu rừng già, những lúc săn mồi thì về gần bản làng. Là loài thú ăn đêm nhưng hoạt động tích cực vào sáng sớm và chiều tối. Sống từng đôi hoặc đàn 5 - 7 con, khi săn mồi có thể nhập đàn 10 - 15 con.

Sinh sản quanh năm nhưng tập trung vào các tháng từ 11 đến tháng 2. Thời gian mang thai khoảng 9 tuần. Mỗi lứa đẻ 4 - 6 con, có khi 10 - 11 con.

Sói đỏ tập trung nhiều ở miền Bắc nước ta nhưng do bị săn bắn quá nhiều nên số lượng đã giảm đáng kể, cần được bảo vệ.





Loài chim nhỏ thuộc họ Sơn ca. Màu lông nâu vàng nhạt. Sau đầu có mào lông ngắn. Là loài chim định cư khá phổ biến. Phân bố từ vùng Đông Bắc Bắc Bộ đến Nam Bộ, thường sống ở các vùng trồng trọt, cánh đồng lúa, và những chỗ trống khác. Đặc biệt tiếng hót rất hay, thánh thót liên tục lúc đậu trên mặt đất hay khi bay lên cao.

Ở miền Bắc nước ta, mùa sinh sản của sơn ca kéo dài từ đầu tháng 3 đến tháng 8. Trong thời gian này thường nghe chim đục vữa bay vừa hót riu rít ở trên cao. Sơn ca làm tổ trên mặt đất, trong các bụi cây nhỏ. Tổ được làm bằng thân, lá và rễ cỏ khô. Mỗi lứa đẻ 3 - 4 trứng màu trắng xám nhạt, rải rác có đốm xanh xám và đốm lớn nâu tím.

Sơn ca là loài chim có ích cho nông nghiệp vì chúng ăn sâu bọ.

SƠN DƯƠNG

wild goat, serow, antelope

S

Còn gọi là dê núi, là loài thú thuộc bộ Guốc chẵn. Sơn dương có thân ngắn, chi dài, cổ to hơi ngắn, bộ lông đen, hai sừng cong về phía sau như sừng dê. Chúng ưa sống trên các mỏm núi đá lởm chởm, vách đá gồ ghề. Có tập tính kiếm ăn vào sáng sớm hoặc chiều mát, ban ngày ẩn trong bụi rậm. Thức ăn là các loại thực vật gồm lá, chồi non... Chúng sống đơn độc, chỉ ghép đôi vào mùa sinh sản, mỗi lứa đẻ từ 1 - 2 con. Mẹ nuôi con khoảng một năm.

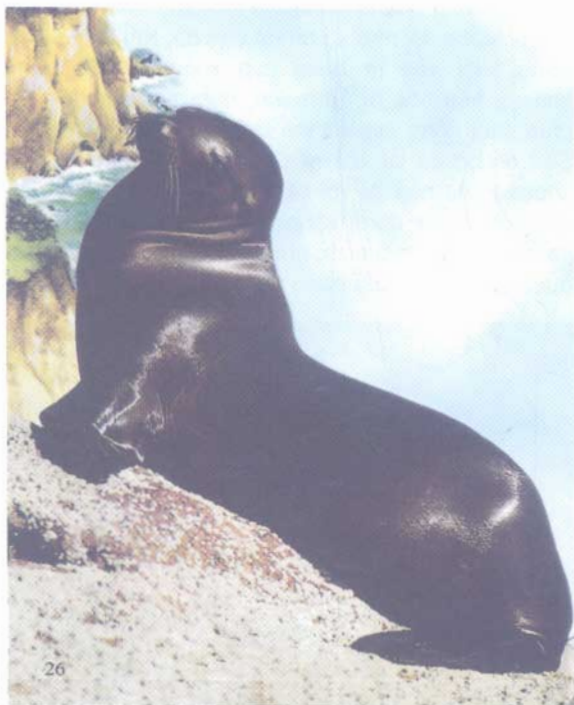
Sơn dương là loài rất có giá trị kinh tế, thịt rất ngon, mật có tác dụng như mật gấu, xương dùng để nấu cao.



Loài thú ăn thịt thuộc họ Mèo, có kích thước lớn, nặng tới 125 - 140kg, bộ lông màu nâu nhạt, riêng con đực có bờm lông dài ở cổ. Sống thành đàn trong một lãnh thổ riêng, dưới sự chỉ đạo của một sư tử đực đầu đàn. Thường thì sư tử cái có nhiệm vụ kiếm mồi về cho các sư tử đực. Sư tử đực chỉ kiếm mồi về nuôi sư tử cái trong thời gian đẻ và nuôi con non. Mỗi ngày một con sư tử ăn tới 6 - 7 kg thịt. Thức ăn là các động vật ăn cỏ như thỏ, ngựa vằn, dê,... Đẻ từ 1 - 5 con. Sư tử con được mẹ cho bú sữa tới 1 tuổi. Khi 4 - 5 tuổi, sư tử con đã thành thục. Tuổi thọ của sư tử là 15 - 20 năm.



Còn gọi là hải sư, thuộc bộ Chân màng. Chúng là những "tay bơi" cử khôi đã thích nghi tuyệt vời với cuộc sống biển khơi. Chân của chúng có màng da. Khác với cá voi, chúng không mất đi các chân sau. Sư tử biển hầu hết sống dưới biển, chúng chỉ lên cạn để đẻ con.



Là động vật thuộc ngành Ruột khoang sống ở biển. Cơ thể sữa có đối xứng tỏa tròn, trong suốt (vì chứa tới 98% là nước), mặt dưới giống chiếc dù bị lõm ở giữa. Xung quanh bờ dù có một số tua là cơ quan xúc giác, bơi lội nhờ sự co rút của dù. Khi bơi, cái dù trong suốt xòe ra bồng cộp xuống. Nước trong khoang tiêu hóa bị ép mạnh, bắn qua lỗ miệng về phía sau, đồng thời cơ thể lao nhanh ra phía trước. Sau đó bờ dù lại xòe ra đưa nước và thức ăn vào khoang tiêu hóa để rồi tiếp tục di chuyển. Thức ăn của sữa là các động vật phù du hoặc cá nhỏ... Sữa thường sống ở mặt nước nhưng cũng có loài sống sâu dưới nước và có khả năng phát sáng.



Tắc kè thuộc nhóm thân lằn nguyên thủy nhất. Toàn thân phủ một lớp vảy nhỏ trông như những nốt sần. Ngón chân có màng da mỏng làm thành giác bám chắc vào cành cây. Lưỡi rộng và ngắn. Khi gặp nguy hiểm, tắc kè có thể tự ngắt đuôi để trốn thoát. đẻ mỗi lần 2 trứng, có vỏ dai, thấm đá vôi.



Đặc biệt trong máu của tắc kè chứa một hỗn hợp chống đông chuyển hóa dưới dạng nước trong tế bào, chống lại sự đóng băng trong cơ thể. Vì vậy nó có thể sống được ở nhiệt độ -15°C , thậm chí tới -50°C .

Tắc kè khá phổ biến ở nước ta, phân bố chủ yếu ở vùng trung du và miền núi. Thường sống trong các hốc cây, ăn sâu bọ, trước khi đi kiếm ăn vào lúc chiều tối, chúng thường kêu "tắc... kè...".

Dùng tắc kè ngâm rượu để chữa bệnh đau lưng.



Loài bò sát có khả năng biến đổi màu sắc da rất nhanh cho phù hợp với môi trường, thuộc họ Tắc kè. Da tắc kè hoa có nhiều lớp tế bào có màu. Dưới các lớp này có các tế bào mang mê-la-nin, có nhánh tựa như các xúc tu vươn qua các lớp khác. Sự thay đổi màu sắc là do các tế bào mang mê-la-nin chuyển các sắc tố có màu nâu sẫm ra vào ở các lớp trên của da. Lưỡi tắc kè hoa dài tương đương thân và đuôi. Lưỡi có cấu tạo rỗng, không chẻ đôi, đầu lưỡi to và dính. Nó phóng ra từ miệng với tốc độ nhanh như chớp và rất chính xác bằng cách co các cơ. Có nhóm cơ thứ hai kéo lưỡi trở lại miệng, giữ chiếc lưỡi đã cuộn vào cho tới khi cần sử dụng lại.

Tằm là sâu của một loài bướm còn gọi là ngài. Ngài đẻ trứng, trứng nở thành sâu tằm. Sâu tằm ăn lá dâu, lột xác nhiều lần để lớn lên và làm kén. Kén tằm được dệt bằng những sợi tơ, được hình thành từ tuyến nước bọt. Tằm nhả chất nước bọt lỏng qua lỗ nhỏ ở môi dưới. Gặp không khí, nước bọt đông lại tạo thành tơ. Khi kén đã dệt xong, tằm lột xác lần nữa và hóa nhộng. Nhờ có kén tơ, nhộng được bảo vệ tránh những điều kiện bất lợi trong môi trường. Nhộng nằm im trong kén, qua một loạt biến đổi bên trong đã biến thành một con bướm còn gọi là ngài, cắn kén chui ra. Ngài đực và ngài cái giao phối với nhau. Sau đó, ngài đực chết, ngài cái đẻ khoảng 500 trứng và chết theo. Trứng lại nở thành sâu tằm và vòng đời lại tiếp tục.





Là các loại tôm nhỏ, cỡ 30 – 50 mm, còn gọi là tôm riu hay tép riu. Tép sống được ở môi trường nghèo dinh dưỡng như ao, mương, ruộng lúa,... Tép phân bố rộng, sống được 200 – 210 ngày. Tép cái sinh sản 3 lần trong đời. Tép là thực phẩm bình dân của con người, thường được dùng làm mắm gọi là mắm tép.

TÊ GIÁC HAI SỪNG

black rhinoceros

T

Loài thú lớn thuộc bộ Guốc lẻ. Cơ thể dài 4 - 5 m, nặng 4 tấn. Ngay trên mũi có 2 sừng xếp theo hàng dọc. Sừng trước dài khoảng 15 cm ở con cái, 45 cm ở con đực. Sừng sau dài 5 cm ở con cái, 15 cm ở con đực. Chân to, ngắn có 3 ngón.

Tê giác hai sừng sống ở các thung lũng ẩm ướt trong rừng già ở độ cao 2000 m. Chúng sống đơn độc, di chuyển rất nhanh nhẹn, vùng hoạt động cá thể rộng, trong thiên nhiên gần như không có kẻ thù.

Thức ăn là các loại cỏ, củ, rễ lá cây. Để ít, 1 - 2 năm đẻ một lứa, mỗi lứa một con.

Tê giác hai sừng là loài thú rất quý hiếm cần được bảo vệ.



Loài thú lớn thuộc họ Tê giác. Trọng lượng cơ thể khoảng 2 tấn. Ở con đực, ngay trên mũi có một sừng dài 25 cm. Da dày, cứng với nhiều nếp gấp sâu. Thức ăn của tê giác là các loại cỏ, củ, rễ, lá, cây... Chúng sống đơn độc và lặng lẽ trong các khu rừng già, rừng sâu kín ít người tới. Chúng thường ở gần các vùng sinh lầy ẩm ướt, thích ngâm mình trong nước. Trong thiên nhiên tê giác không có kẻ thù, không cạnh tranh với các loài thú khác. Tê giác sinh sản chậm, 3 - 4 năm đẻ 1 lứa, mỗi lứa 1 con. Con người săn bắt tê giác quá nhiều để lấy sừng làm thuốc, diện tích rừng giảm làm cho số lượng tê giác giảm nhiều, có nguy cơ tuyệt chủng.



Còn có tên là xuyên sơn giáp, có nhiều loài khác nhau. Chỉ sống ở vùng nhiệt đới châu Phi và Đông Nam Á. Toàn thân phủ một lớp vảy sừng như ngói lợp. Con trưởng



thành có thể nặng tới 5 - 7 kg. Có khứu giác và thính giác tinh nên phát hiện được cả những tổ mối ở dưới đất. Tê tê dùng chân trước có móng sắc để phá một phần tổ rồi rúc đầu thè chiếc lưỡi dài và dính vào trong tổ. Các chú mối bị dính ngay vào chiếc lưỡi và bị tê tê chén rất nhanh chóng. Kiến, ong cũng là những món ăn ưa thích của tê tê. Nó có thể leo lên cây phá tổ ong. Khi ong xông tới đốt nó dựng vẩy lên cho ong chui vào, sau đó cụp vẩy lại rồi bò xuống đất giữ vẩy cho ong rơi ra để ăn.

Tê tê đẻ vào mùa xuân, mỗi lứa 2 con. Con mới đẻ có vẩy mềm, mắt nhắm trong 9 - 10 ngày. Khi đi đâu, tê tê mẹ thường mang tê tê con theo bằng cách cõng con trên đuôi của mình. Khi gặp nguy hiểm, tê tê mẹ liền ôm con vào lòng rồi cuộn tròn lại thành một "quả bóng" bằng vẩy sừng cứng rắn để bảo vệ con, khiến cho thú dữ cũng phải bỏ đi.



Loài bò sát thuộc họ Tắc kè. Thạch sùng thường sống trong nhà, bám trên tường, trần nhà không bị rơi là do cấu tạo đặc biệt của ngón chân. Đầu các ngón chân nở rộng thành các giác bám rất chắc. Thức ăn là các loài sâu bọ như kiến, muỗi, bướm đêm, ruồi... Khi gặp nguy hiểm thạch sùng chủ động ngắt đuôi để chạy trốn.

Thạch sùng đẻ mỗi năm 2 lứa, mỗi lứa 2 trứng trong các khe bàn, tủ. Trứng không được chăm sóc, nở ra thạch sùng con.

Có khoảng hơn 3000 loài thần lần phân bố ở nhiều nơi trên thế giới. Ở nước ta loài thần lần quen thuộc là thần lần bóng, sống trong các hốc đất, bắt sâu bọ vào ban ngày, thích trèo lên một nơi cao ráo nằm phơi nắng, trú đông vào mùa đông. Thần lần bóng có đuôi dài, có thể tự ngắt đuôi khi gặp nguy hiểm, một thời gian sau mọc đuôi mới. Da khô có vảy sừng bóng bảo vệ cơ thể chống sự thoát hơi nước nên có thể sống được ở nơi khô nóng như sa mạc... Trong một năm, lột xác vài lần. Có 4 chi ngắn, mỗi chi có 5 ngón, đầu ngón có vuốt, có khả năng di chuyển rất nhanh.

Thần lần bóng là loài vật có ích cho con người vì chúng ăn sâu bọ.





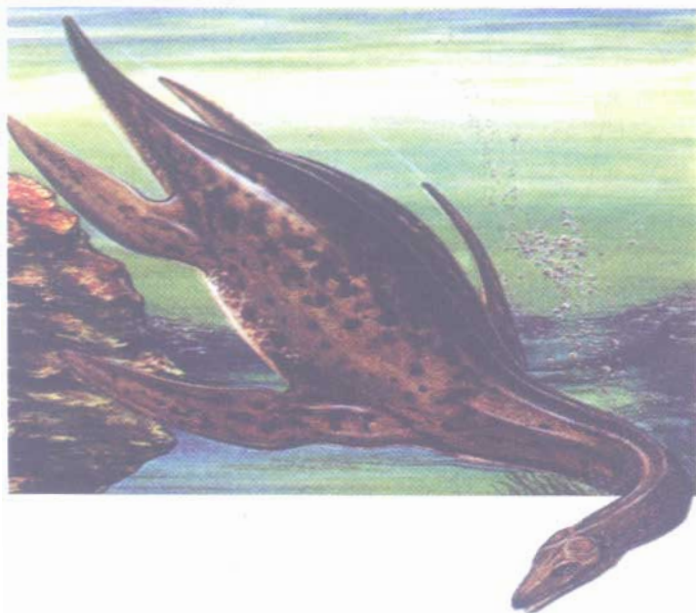
Loài bò sát cổ ở đại Trung sinh, sống trên không. Thần lần bay có cấu tạo giống dơi, thân dài hơn 1 m. Chi trước có xương ống tay và xương cổ tay rất dài, ngón tay thứ 4 dài đặc biệt. Cánh là một màng da nối dọc hai bên cơ thể với chi trước và ngón tay thứ 4. Xương mỏ ác có xương lườn hái phát triển, có nhiều xương rỗng. Cột sống gồm nhiều đốt gắn với nhau nên rất vững chắc. Thần lần bay thường sống ở bờ các vùng nước mặn, ăn cá. Chúng phát triển phổ thịnh nhất ở kỉ Ju-ra, đến kỉ Phấn trắng thì bị tiêu diệt.

THẦN LẦN CÁ

ichthyosaurus

T

Loài bò sát cổ sống ở biển thuộc đại Trung sinh, có cấu tạo chuyên hóa cao với đời sống ở nước, có hình dạng gần như cá. Thân dài 1 - 14 m, mõm dài, răng như răng cá sấu, chi như cá voi, chi sau không tiêu giảm, da trần, chi biến thành bơi chèo. Thức ăn là cá hoặc các động vật không xương sống. Thần lần cá xuất hiện ở kỉ Than đá và đến kỉ Phấn trắng thì bị tiêu diệt.



Loài bò sát sống trên các sa mạc ở Ôt-xtrây-li-a. Xung quanh cổ có lớp diềm cổ là một lớp da khá rộng. Khi gặp nguy hiểm, chúng thường tiến tới, há miệng và xòe rộng diềm cổ hồng đe dọa kẻ thù.

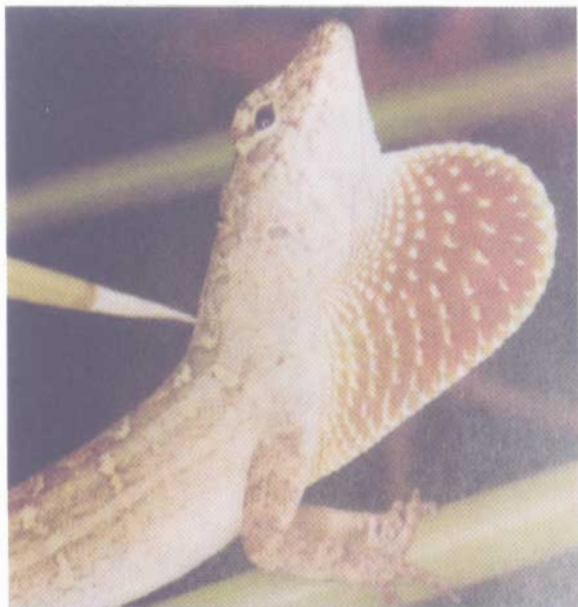


THẦN LẦN CỔ ĐỎ

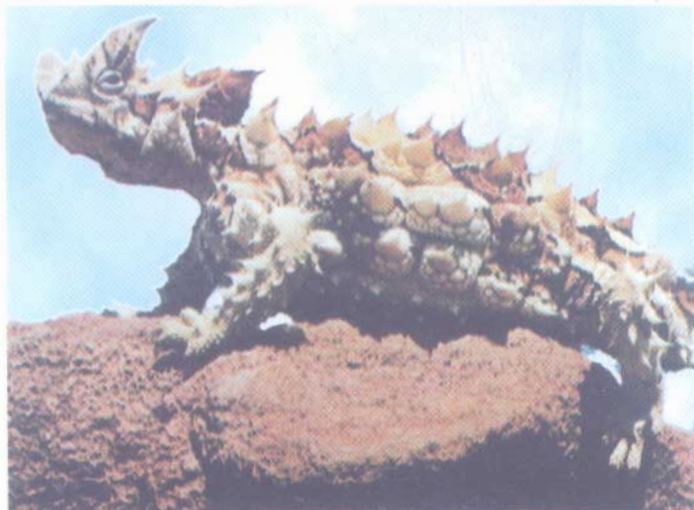
red-collared

T

Còn gọi là tắc kè hoa châu Mĩ vì chúng phân bố ở vùng nhiệt đới Nam và Trung Mĩ. Thần lần đực có một cái túi da màu đỏ rực ở cổ, khi cần, chúng phình cái túi da đỏ lên để tuyên chiến với kẻ thù và cũng để dọa những con đồng loại.



Loài thần lần có cơ thể đầy gai góc lổm chổm giúp nó không bị kẻ thù tấn công. Thần lần gai sống ở sa mạc Ôt-xtrây-li-a. Thức ăn của chúng là các loài sâu bọ như kiến, mối... Nó hứng nước hoặc sương bằng lưng. Ở đó có những rãnh nhỏ dẫn nước xuống miệng. Loài thần lần này còn có tên là *nhông gai*.



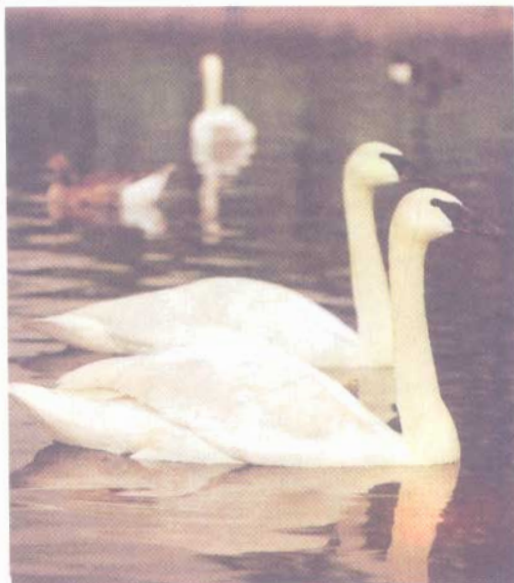
Còn gọi là *chim cà cưỡng*, có xuất xứ từ đảo Aru ngoài khơi Tân Ghi-nê. Có khoảng 43 loài khác nhau. Loài nhỏ nhất chỉ bằng con sáo sậu, loài to nhất cỡ con quạ với lông đuôi dài hơn 1 m. Có loài lông đen tuyền, có loài lông sặc sỡ nhiều màu sắc. Tuy nhiên bộ lông đẹp để chỉ có ở con trống, còn với con mái, bộ lông khiêm tốn hơn nhiều. Chim thiên đường không biết hát nhưng tiếng kêu có nhiều âm điệu. Chúng thường tập trung ở một nơi quy định, chim trống nhảy múa khoe bộ lông đẹp để thu hút chim mái. Chim mái thường làm tổ bằng cành cây, lá khô trên những cây to. Thiên đường là loài chim quý rất cần được bảo vệ.





Loài chim sống định cư thuộc họ Rẻ quạt. Chim đực có đuôi dài tới 25 cm, màu nâu hung đỏ tươi. Đầu có mào lông màu xanh. Mỏ và vành mắt màu xanh da trời. Đôi khi bộ lông của chúng có biến thái chuyển sang màu trắng. Chim cái gần giống chim đực nhưng mào và lông đuôi ngắn. Thiên đường đuôi phướn khá phổ biến ở các khu rừng thường xanh, rừng ngập mặn, cây bụi và nương rẫy. Chúng thích những chỗ ẩm ướt có nhiều cây rậm rạp. Vùng phân bố lớn từ Bắc Bộ đến hết Trung Bộ. Thức ăn chủ yếu là các loài côn trùng. Thiên đường đuôi phướn là loài chim cảnh đẹp và có ích cho rừng.

Loài chim nước thuộc bộ Ngỗng. Thân rộng và phẳng. Chân có màng bơi nổi liền 3 ngón trước. Mỏ rộng, bờ mỏ có các tấm sừng như chiếc lược để lọc nước và giữ lại thức ăn trong miệng. Thiên nga có nhiều loại: thiên nga trắng, có ở châu Âu, châu Á, sinh sống trên các hồ nước, cơ thể dài tới 1,5m, và nặng tới 23kg. Thiên nga cổ đen có ở Nam Mỹ sinh sống trên các hồ nước và vịnh hẹp.



Loài thiên nga chỉ có ở Ôt-xtrây-li-a. Chim trưởng thành có bộ lông đen tuyền, mỏ đỏ, cổ cao duyên dáng. Chim non có màu trắng ngà. Chúng thường sống ở các hồ, đầm, làm tổ ngay sát bờ nước, mỗi lứa đẻ 3 - 4 trứng.





Thỏ có nhiều loài khác nhau (khoảng 60 loài) thuộc bộ Thỏ. Thường gặp là thỏ nhà. Thỏ nhà có nguồn gốc từ thỏ rừng, giống thỏ rừng ở nhiều điểm: tai thính, vành tai dài cử động được, chân có vuốt, chân sau khỏe. Thỏ trưởng thành có thể nặng tới 5 kg. Tuổi thọ của thỏ từ 7 - 10 năm.

Thỏ đẻ mỗi năm 5 - 6 lứa, mỗi lứa khoảng 6 con. Đặc biệt thỏ rất mắn đẻ, sau khi đẻ hai ngày có thể có mang trở lại. Thời gian có mang là 1 tháng.

Ở nước ta có nhiều giống thỏ, được gọi theo màu lông như: thỏ đen, thỏ nâu, thỏ trắng. Thỏ được nuôi để lấy thịt, da, lông cung cấp cho con người.

Loài thú gặm nhấm có đôi tai rất dài và một đốm đen ở đầu cùng ngoài của tai. Bộ lông màu nâu phía trên lưng, màu trắng ở bụng. Thức ăn là các loại cỏ mọc ở cánh đồng. Vào mùa đông thỏ rừng thường ăn vỏ cây non. Chúng không tự đào hang mà tìm một hố đất có sẵn rồi chắt cỏ vào làm hang. Ban ngày nằm trong hang, tối mới đi tìm mồi. Bản thân chúng lại là thức ăn của các động vật khác như cáo, mèo rừng, chồn, diều hâu... Vì thế đôi tai thỏ luôn vểnh lên để nghe ngóng và tự vệ. Chúng cũng là động vật chạy nhanh nhất trong rừng. Tốc độ có thể đạt tới 70 km/h.

Thỏ con vừa đẻ ra đã được đặt ngay xuống đất. Thỏ mẹ chỉ đến cho thỏ con bú mỗi ngày hai lần sáng và tối, trong vòng 15 ngày. Thỏ con trưởng thành sau một năm.



THÚ ĂN KIẾN

anteater

T



Loài thú thuộc bộ Thú thiếu răng chỉ sống trong các khu rừng ở Nam Mỹ. Chúng có bộ lông dài và rậm, lưỡi mảnh có thể thè ra ngoài để bắt kiến và mối. Chân trước có móng lớn, cong để phá tổ kiến mối và để tự vệ.

Loài thú sống ở Ôt-xtrây-li-a. Cơ thể dài khoảng 75cm. Chân có móng khỏe để đào đất, thân phủ đầy lông xen lẫn với những gai nhọn như lông nhím. Mỏ hình ống có lưỡi dài và mảnh có thể thè ra để bắt kiến, mối, sâu bọ. Thú lông nhím là loài thú bậc thấp. Chúng đẻ trứng, trứng nở ra thú lông nhím con.



THÚ MỎ VỊT*platypus*

Loài thú mang nhiều đặc điểm nguyên thủy giống bò sát, chỉ có ở Ôt-xtrây-li-a.

Thú mỏ vịt lớn bằng con thỏ, có cấu tạo thích nghi với đời sống ở các vực nước. Chúng bơi giỏi nhưng đi lại trên cạn lại vụng về. Mỏ rất giống mỏ vịt dùng để sục bắt các động vật và cây cỏ thủy sinh. Chân có 5 ngón có màng bơi nối liền nhau. Đuôi rộng, dẹp dùng làm bánh lái. Bộ lông mao màu nâu rất rậm, mịn, ngắn và không thấm nước. Con cái đẻ 2 - 3 trứng to bằng trứng chim bồ câu. Thú mẹ ấp trứng độ 7 ngày thì nở. Thú không có đầu vú nên thú con liếm sữa mẹ chảy ra hoặc bơi sát mẹ để uống sữa mẹ tiết ra hòa lẫn với nước.

Động vật thuộc lớp Giáp xác, sống phổ biến trong các ao hồ, có họ hàng thân thiết với rận nước. Thân phân thành các đốt, 5 đốt đầu, 4 đốt ngực, có một đôi mắt kép ở đỉnh đầu, hai đôi râu, một đôi lớn và một đôi nhỏ. Vào mùa sinh sản, con cái thường đeo 2 túi trứng ở hai bên bụng. Thủy tao cũng giống như rận nước, là nguồn động vật nổi phong phú trong các ao, hồ, sông, là nguồn thức ăn cho nhiều loài cá.



Là một đại diện của ngành Ruột khoang, sống bám trên cây cỏ nước ngọt. Khi cơ thể vươn dài có thể dài từ 1 - 2 cm, để bám vào cây cỏ, phía đối diện tỏa ra nhiều tua quanh lỗ miệng. Cơ thể có đối xứng tỏa tròn. Trên tua miệng có nhiều mấu nhỏ gọi là tế bào gai, tiết ra chất độc tiêu diệt con mồi. Khi có động, thủy tức co lại như một giọt keo nên rất khó nhận biết. Khi di chuyển giống như một con sâu đo, đôi khi bơi trong nước. Thức ăn là các động vật nhỏ ở nước như rận nước, cá bột.

Sinh sản bằng cách mọc chồi. Từ cơ thể mẹ mọc ra những chồi nhỏ, chồi lớn dần thành thủy tức con, sau đó tách khỏi cơ thể mẹ. Thủy tức có khả năng tái sinh cao. Nếu cắt một thủy tức làm hai hoặc nhiều phần, nuôi trong môi trường thuận lợi, mỗi phần sẽ tái sinh một thủy tức mới.



Loài chim thuộc họ Cu cu, kích thước nhỏ, dễ phân biệt. Thường đậu ở cành dưới tán cây cao nên khó thấy. Chim trưởng thành có đầu màu xám. Phần lưng có màu xám nâu sẫm, phần bụng màu nâu đỏ. Đuôi đen nhạt, với nhiều vằn trắng. Tiếng kêu rất đặc biệt, giống tiếng huýt sáo “pi-po-pi-i...” lặp đi lặp lại suốt ngày đêm, nghe rõ từ xa. Chim tìm vịt khá phổ biến khắp các vùng trong cả nước, thường tập trung ở các thảm cây bụi, nơi canh tác, trong các vườn cây và làng mạc. Thức ăn là các loài sâu bọ và ấu trùng của nó.

Tìm vịt cũng là loài “kì sinh tổ”. Chúng thường đẻ trứng vào tổ của loài chim khác như chim chích. Ở miền Bắc nước ta, mùa sinh sản của tìm vịt kéo dài từ tháng 3 đến tháng 6. Vào đầu mùa sinh sản, mỗi con đực chọn vùng làm tổ rồi bắt đầu kêu, nhiều nhất vào sáng sớm và chập tối. Cuối tháng 4, tiếng kêu giảm bớt. Con cái thường đẻ vào mỗi tổ một trứng màu xanh da trời nhạt có đốm nâu.

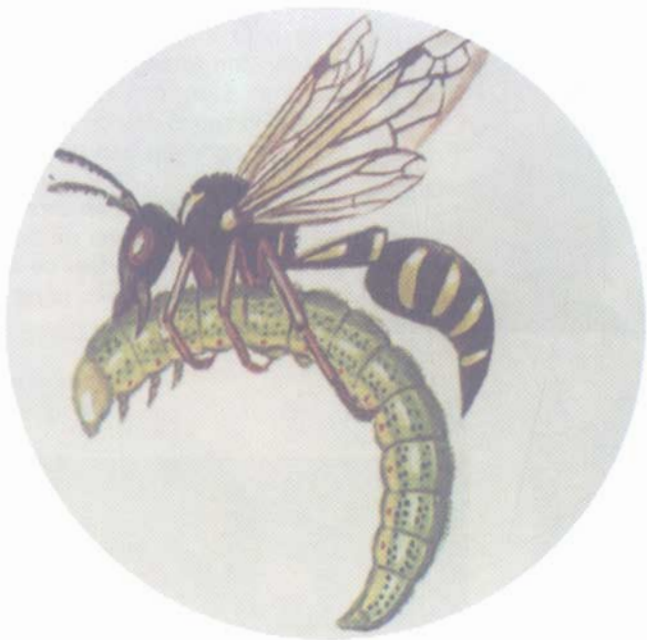
Tìm vịt là loài chim có ích.





Loài thú thuộc giống khỉ tiến hóa nhất trong nhóm khỉ hình người. Con trưởng thành có thể nặng tới 50kg, cao 150-165 cm. Tinh tinh làm tổ để ngủ ban đêm và nghỉ ngơi vào ban ngày. Khi xuống đất, do chân dài, tay ngắn hơn so với đười ươi nên chúng đi lại thoải mái. Tinh tinh rất thông minh, chịu sự luyện tập, có khả năng tư duy và có bản năng xã hội phát triển.





Loài côn trùng cánh màng có họ hàng với ong, kiến. Có nhiều loại tò vò, hình dạng, màu sắc, tập tính khác nhau nhưng đều có đặc điểm chung: đầu nhỏ, ngực gọn gàng, bụng dài, trông kiểu “thắt đáy lưng ong”. Có đặc điểm nuôi con bằng ấu trùng của nhiều loài sâu bọ (để trứng vào cơ thể ấu trùng để khi con ra đời có sẵn thức ăn mà sống).

Có loài đẻ trứng vào cơ thể sâu đục thân lúa, có loài đẻ trứng vào cơ thể nhện, sâu róm... Vì thế tò vò là những chiến sĩ tiêu diệt sâu hại rất hữu hiệu không gây ô nhiễm môi trường. Người ta gọi chúng là *thiên địch*.

Tôm thuộc lớp Giáp xác, sống trong nước, hô hấp bằng mang. Cơ thể có vỏ cứng bọc ngoài. Vỏ vừa là bộ xương bảo vệ, vừa là nơi bám của các chum cơ bên trong. Do có lớp vỏ cứng bên ngoài, tôm lớn lên qua nhiều lần lột xác. Cơ thể tôm chia làm 2 phần: phần đầu ngực có nhiều phần phụ. Tận cùng phía đầu là 2 đôi râu, cạnh đôi mắt có cuống. Sau 2 đôi râu là nhiều đôi phần phụ miệng có chức năng đưa thức ăn vào lỗ miệng. Tiếp theo là 5 đôi chân bò, hai đôi trước tận cùng bằng kim, ba đôi sau tận cùng bằng móc. Tôm thường bơi giật lùi, xòe tấm lái, ấn mạnh phần bụng về phía trước, đẩy cơ thể về phía sau.

Sinh sản từ tháng 3 đến tháng 5. Tôm cái dùng các đôi chân bơi mang, giữ trứng. Trứng tôm nở thành ấu trùng lột xác nhiều lần mới cho tôm trưởng thành.

Thịt tôm rất có chất lượng, dễ chế biến, là thức ăn được ưa thích của nhân dân.



Là tên chung chỉ các loài tôm biển thuộc họ Tôm he. Thân dẹt ở hai bên, kích thước chênh lệch giữa các loài. Có loài nhỏ, trọng lượng chỉ 1 - 2 gam, có loài lớn trọng lượng lên tới 200 gam. Thường sống gần bờ có đáy bùn hoặc bùn cát. Có tập tính kết đàn. Trong thiên nhiên tôm he chỉ sống được hơn một năm, sau khi đẻ trứng bị kiệt sức và chết hàng loạt. Tôm cái đẻ trứng vào ban đêm, mỗi con đẻ từ 700.000 - 800.000 trứng.

Tôm he là loài có giá trị dinh dưỡng cao.



Loài tôm biển cỡ lớn, khi trưởng thành dài tới 60 cm, nặng khoảng 15 kg. Đôi chân đầu tiên phát triển thành một đôi kìm rất to để bắt mồi. Tôm hùm sống ở đáy bùn cát, đào hang để ở. Tôm cái có tập tính ôm trứng từ khi đẻ đến khi trứng nở.

Nước ta có nhiều loài tôm hùm khác nhau như tôm hùm đá, tôm hùm đỏ...



Loài tôm lớn sống ở biển thuộc họ Tôm hùm, bộ Mười chân, ngành Chân khớp, là loài có số lượng lớn ở nước ta. Cơ thể có màu đỏ nâu hay đỏ sẫm, trên vỏ lưng có nhiều chấm tròn, nhỏ màu trắng. Ở nước ta, tôm hùm đỏ có từ Quảng Bình đến Bình Thuận, thường sống ở những nơi có độ sâu từ 5 - 15 m, trong các kẹt đá có đáy cát pha nhiều sỏi, nhiều rong mơ. Mùa đẻ trứng bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 9, đỉnh cao là tháng 8, tháng 9. Thời gian ấp trứng từ 19 - 68 ngày, lâu nhất ở nhiệt độ 19°C và nhanh nhất ở nhiệt độ 25°C. Tôm hùm có giá trị dinh dưỡng cao, vỏ làm hàng mỹ nghệ. Số lượng trong tự nhiên đang giảm mạnh do khai thác bừa bãi, nên rất cần được bảo vệ.



TRAI

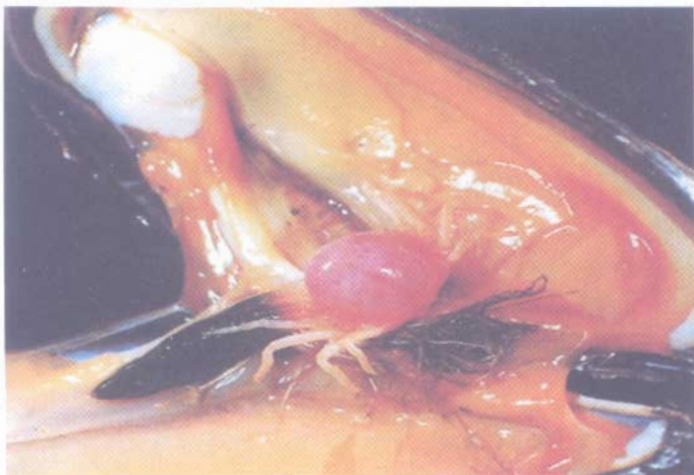
oyster, clam, mussel

T



Động vật thân mềm, sống phổ biến ở hồ, ao, sông suối. Đầu tiêu giảm. Chân hình lưới riu chỉ thò ra khỏi vỏ khi di chuyển. Vỏ có 2 mảnh, có dây chằng gắn với nhau ở phía lưng và có 2 cơ khép vỏ bám ở mặt trong, có tác dụng điều chỉnh vỏ khép mở. Vỏ có lớp sừng bọc ngoài, có lớp vôi ở giữa và lớp xà cừ ở trong cùng. Dưới lớp vỏ là vạt áo rồi đến hai tấm mang ở mỗi bên nằm trong khoang áo, ở giữa là chân và thân.

Vào mùa sinh sản, trứng non được chuyển vào trong mang của trai cái, còn tinh trùng của trai đực được chuyển qua ống hút vào gặp trứng non trong mang. Trứng nhanh chóng nở thành ấu trùng trai. Sau một thời gian ấu trùng rời khỏi mẹ, sống nhờ trên da cá rồi lắng xuống đáy thành trai con.



Động vật thân mềm thuộc lớp Hai mảnh vỏ. Vỏ có khả năng tạo ra ngọc nên có tên là trai ngọc. Khi có dị vật lọt vào giữa lớp màng áo và vỏ, cơ thể trai tiết ra chất đá vôi, xà cừ và chất conki-ô-lin bao lấy vật đó thành những lớp mỏng đồng tâm, qua nhiều năm lớp này to dần thành hạt ngọc trai. Hiện nay người ta đã biết nuôi trai để lấy ngọc.

Trai ngọc sống ở vùng triều, những con lớn sống ở dưới triều, có khi sâu tới 20 m nước. Trai ngọc có chân tơ bám vào bờ đá, rặng san hô..., thường sống tập trung 5 - 10 cá thể trên một vật bám.

Ở nước ta, trai ngọc có nhiều ở Khánh Hòa, Phan Thiết, quần đảo Hoàng Sa. Trai ngọc rất có giá trị kinh tế. Vỏ được sử dụng trong nghề khảm, thịt ngon,... có thể nuôi cấy được.

TRAI TAI TƯỢNG KHÔNG LỒ

giant tridacna

Loài trai lớn nhất và nặng nhất trong ngành Thân mềm. Trên thế giới có con dài tới 1,35 m, nặng trên 260 kg. Ở nước ta có ở quần đảo Trường Sa. Mặt trong của vỏ có màu trắng ngà. Mặt ngoài nổi 6 gờ lớn có màu trắng xám. Trai tai tượng là loài sống cố định, ăn lọc, thức ăn là sinh vật phù du. Trai tai tượng có trữ lượng rất ít, không phải là đối tượng khai thác.





Động vật thuộc lớp Bò sát, phân bộ Rắn, có kích thước to hơn rắn, chiều dài cơ thể 6 - 10 m. Không có răng độc. Thức ăn là chim, thú nhỏ, ếch nhái... Bắt mồi bằng cách rình, ngoạm lấy con mồi và lấy thân cuốn chặt cho đến khi con mồi ngạt thở chết mới nuốt. Trần ăn rất khỏe. Một con trần mốc dài 4,2 m, trong một ngày đêm ăn hết 4 con dê nặng khoảng 5 - 8 kg. Tuy nhiên trần có thể nhịn ăn rất lâu, có khi cả tháng.

Trần đẻ từ 80 - 107 trứng trên đất, vun trứng thành đồng và lấy thân quấn xung quanh để ấp. Sau khoảng 2 tháng trứng nở ra trần con.

Có nhiều loài trần như trần mắt võng (trần hoa, trần gấm), trần đất, trần cộc (trần vàng)... Người ta nuôi trần để lấy mật và mỡ là những dược liệu quý.

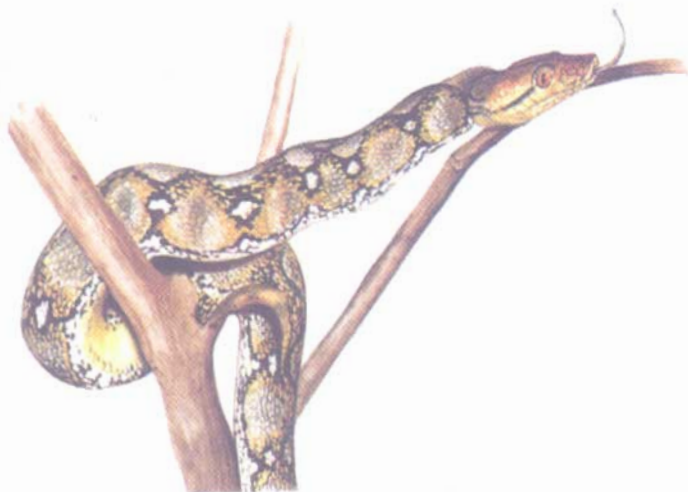
TRẦN ĐẤT

indian python

T

Còn có tên là trăn mốc, cơ thể dài tới 6 m. Đầu nhỏ và dài. Trên thân có các đường mảnh màu vàng nhạt nổi với nhau tạo thành hình mắt võng nổi trên nền xám hay xám đen. Hai bên lỗ hậu môn có 2 gai nhỏ. Ưa sống trong các khu rừng già, rừng thưa, nơi có bóng cây râm mát và gần nước. Thức ăn là các loài thú cỡ nhỏ, một số loài chim, ếch nhái và cá. Do điều kiện khi hậu, trăn đất đẻ trứng từ tháng 6 đến tháng 11 ở miền Bắc, tháng 12 đến tháng 2 ở miền Nam.



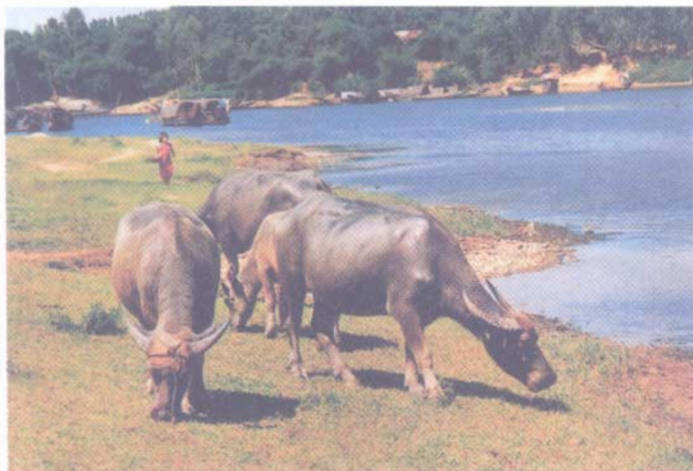


Còn gọi là trần hoa hay trần mắt võng, là loài rắn cỡ lớn, dài tới 7 m. Đầu nhỏ và dài. Trên thân có các đường màu xám đen nổi với nhau tạo thành dạng mắt võng nổi trên nền màu vàng nâu. Hai bên lỗ hậu môn có 2 gai nhỏ hình cựa gà. Trần gấm ưa sống trong các khu rừng già, rừng thưa, nơi gần các vực nước. Thức ăn của trần gấm là các loại thú nhỏ, chim, bò sát và ếch nhái. Mùa sinh sản từ tháng 1 đến tháng 5.

Động vật nhai lại thuộc bộ Guốc chẵn. Thường có màu xám hoặc xám tro, đen, đôi khi màu trắng. Bụng to, sườn rộng cong hình lưỡi liềm. Giống như bò, khi ăn cỏ trâu nuốt ngay, lúc rỗi rãi, chúng ợ cỏ lên nhai lại cho kĩ. Dạ dày trâu có 4 túi.

Được 3 tuổi, trâu đẻ lứa đầu, mỗi lứa đẻ 1 con. Trong cả cuộc đời, trâu có thể đẻ 5 - 6 lứa. Nghé mới sinh nặng 22 - 25 kg.

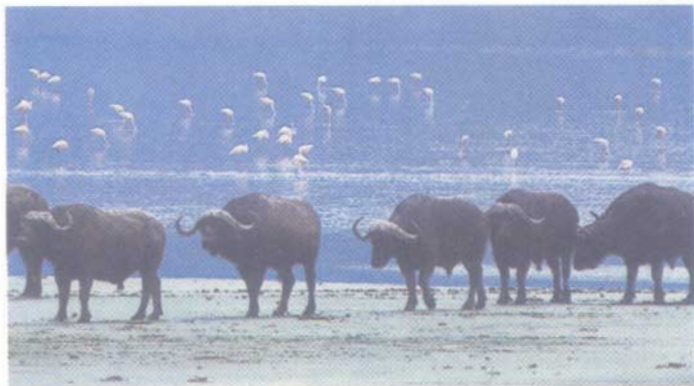
Trâu là con vật rất quen thuộc của nhà nông. Người ta nuôi trâu để kéo cày, lấy thịt, sữa.



Trâu rừng có tầm vóc lớn hơn và cặp sừng dài hơn trâu nhà, dáng dấp khỏe mạnh, mau lẹ và rất tinh. Có lông dài và rậm trên cổ, má, trán. Sừng dài và đẹp. Trâu rừng sống trong rừng sâu, ở các thung lũng vắng vẻ, sống thành đàn 5 - 10 con. Khi gặp nguy hiểm, chúng bố trí để nghé nằm giữa, trâu mẹ và trâu đực đứng xung quanh, đầu hướng ra ngoài, sẵn sàng chiến đấu. Khi đó mọi kẻ thù hung dữ nhất như hổ, báo cũng phải bỏ chạy.

Thức ăn là cỏ, lá cây, măng và chồi cây non. Thời gian có chứa khoảng 10 tháng. 3 đến 4 năm mới đẻ 1 lứa, mỗi lứa 1 con.

Trâu rừng có thể lai với trâu nhà để tạo giống trâu khỏe mạnh hơn.



TRỊ ĐỎ (CHIM TRỊ)

common pheasant

Là một loài gà đẹp hiếm có. Trên đầu có mào lông, bộ lông màu hung đỏ, đuôi dài, nhiều màu sắc, bộ lông màu đỏ nên có tên là trĩ đỏ. Là loài chim đẹp, thịt lại ngon nên bị săn bắt mang về làm chim cảnh và ăn thịt. Trước kia có ở Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Cạn, Yên Bái nhưng do bị săn bắt quá nhiều nên giờ đây rất hiếm. Trĩ đỏ cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Hiện nay trĩ đỏ được nuôi và nhân giống ở vườn thú Hà Nội.



Loài chim đẹp, thuộc họ Gà. Con đực trưởng thành có da mặt màu hồng, có mào lông dài 6 cm phủ phía sau đỉnh đầu và gáy, bộ lông màu nâu tối với các chấm trắng nhạt. Đuôi rất dài, có 2 lông giữa dài 130-150 cm. Con cái có bộ lông tương tự con đực về màu sắc, tuy nhiên mào lông và đuôi ngắn hơn rất nhiều. Trĩ sao thường sống thành từng đôi hoặc vài đôi trong các khu rừng nguyên sinh hoặc thứ sinh lên đến độ cao 1700 - 1900 m ở Nam Trung Bộ và 1200 m ở Đông Dương. Trĩ sao ăn các loại hạt, quả cây có kích thước nhỏ, ngoài ra còn ăn cả côn trùng và giun đất. Từ tháng 4 đến tháng 8 là mùa sinh sản của chúng.



Loài thú nhỏ trong họ Chồn, trọng lượng cơ thể khoảng 40 - 70 g. Bộ lông màu nâu hay màu cà phê, bụng trắng. Thức ăn chủ yếu là chuột, đôi khi ăn cả chim, côn trùng, nhện. Triết sống trong các khu rừng, đồng cỏ gần làng bản ở Lào Cai. Chúng không tự đào hang mà chiếm hang của các loài gặm nhấm để ở. Hoạt động chủ yếu từ hoàng hôn đến nửa đêm. Mùa sinh sản khá dài, bắt đầu từ tháng 3. Mỗi lứa đẻ từ 4 - 7 con. Triết là động vật rất hiếm và có ích cho nông nghiệp vì chúng tiêu diệt chuột. Da lông mềm, mịn có giá trị trong kĩ nghệ hàng da.



Động vật đơn bào sống phổ biến trong các ao tù, xuất hiện nhiều trong nước ngâm rơm rạ. Cơ thể trông giống hình một chiếc đế giày, kích thước từ 0,1 - 0,3 mm. Có thể bơi được trong nước nhờ các lông bơi xếp thành dãy trên bề mặt cơ thể. Thức ăn là vi khuẩn và các mảnh vụn hữu cơ. Chúng được các lông bơi dẫn về lỗ miệng nằm ở phần lõm phía bụng. Thức ăn qua hầu, vón lại thành viên trong không bào tiêu hóa và được tiêu hóa ở đó.

Trùng đế giày có hai nhân, một nhân lớn và một nhân bé. Thông thường trùng đế giày sinh sản bằng cách phân đôi theo chiều ngang. Nhưng cũng có lúc từng cặp trùng đế giày gắn lại với nhau ở phía bụng và bơi trong nước. Chúng đã trao đổi một phần nhân bé. Đó là hiện tượng "tiếp hợp".

Khi nước ao hồ cạn, trùng đế giày ngừng hoạt động, cơ thể co lại, tiết một lớp vỏ bảo vệ xung quanh và biến thành bào xác. Bào xác được gió đưa đi khắp nơi. Khi gặp nước, trùng đế giày hoạt động trở lại bình thường.

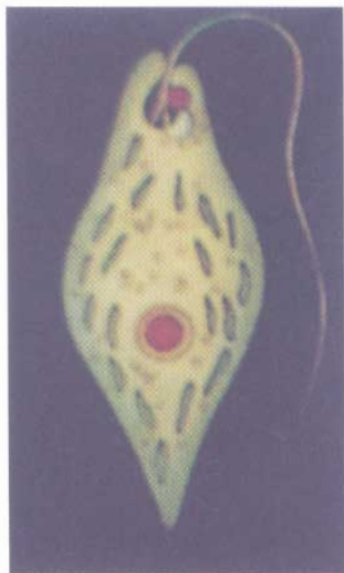


TRÙNG ROI XANH

euglena

T

Động vật đơn bào, hình thoi, dài khoảng 0,05 mm, có roi bơi ở đầu nhọn. Khi di chuyển, roi bơi xoắn trong nước như mũi khoan. Cận gốc roi bơi có không bào co bóp và điểm mắt màu da cam. Nhờ có điểm mắt, trùng roi xanh luôn di chuyển về phía có ánh sáng. Trong cơ thể có nhiều hạt diệp lục, là nơi tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ và năng lượng ánh sáng mặt trời. Thường tạo thành các váng xanh trên mặt ao hồ vào mùa hè. Ở chỗ tối, cơ thể chúng mất màu và chúng sẽ ăn các mảnh vụn hữu cơ giống như các động vật nguyên sinh khác. Sinh sản bằng cách phân đôi theo chiều dọc cơ thể.



Động vật thân mềm có cấu tạo gần giống trai nhưng kích thước cơ thể nhỏ hơn. Trùng trục và trai đều thuộc lớp Hai mảnh vỏ, bộ Mang tấm. Trùng trục sống phổ biến trong các hồ, sông, suối. Thức ăn là các động vật, thực vật nổi, các vụn hữu cơ trong nước. Thịt trùng trục khá ngon, là nguồn thức ăn phổ biến của nhân dân ta.



TU HÚ

asian koel, black cuckoo

T

Loài chim sống định cư. Con trống lông đen tuyền, con mái lông đen có đốm trắng. Không làm tổ đẻ mà để nhờ trứng vào tổ các loài chim khác như sáo sậu, quạ, giẻ cùi... Trứng của chúng gần giống nhau nên chim "bố mẹ nuôi" thường ấp trứng cho đến khi trứng nở và nuôi con non chu đáo. Thức ăn chủ yếu của tu hú là các loại quả mềm. thỉnh thoảng chúng ăn cả côn trùng và chim non.

Mùa sinh sản của tu hú vào tháng 4 - 5. Mỗi lứa đẻ 2 - 4 trứng.



Loài thú móng guốc thuộc họ Hươu nai, phân bố ở Bắc Cực, về sau được du nhập vào châu Mỹ. Khi đi lại, gân cốt ở chân cọ vào xương rung lên như những dây đàn. Những tiếng động này giúp cho tuần lộc tìm thấy nhau ban đêm hoặc khi có bão tuyết. Ngày xưa tuần lộc là thú săn của con người, về sau con người đã thuần hóa tuần lộc để kéo xe. Thịt tuần lộc ngon, sữa có thể làm bơ và pho-mát, da, lông dùng làm quần áo rét.





Loài vịt nhỏ và chắc, rất nhút nhát. Chim đực rất dễ nhận ra nhờ bộ lông đầy màu sắc. Nhưng ngoài mùa sinh sản màu sắc sặc sỡ của chim đực bị giảm đi nhiều, nên gần giống chim cái. Chim cái có đầu xám nhạt, viền mắt trắng, lông ngực trắng mờ, lốm đốm. Sống ở nước, con đực và con cái không bao giờ rời nhau. Uyên ương là loài chim di cư rất hiếm, phân bố ở vùng Tây bắc nước ta, vùng đầm lầy, hồ, suối, ở rừng cây lấy gỗ.



Vạc sống thành đàn, khá phổ biến ở nước ta. Kiếm ăn ở bờ sông, đầm lầy, ao hồ. Thích nơi nước trong và cạn. Làm tổ tập đoàn trên các lũy tre hay cây cao rậm rạp. Thích làm tổ với những loài chim khác như cốc đen. Tổ vạc thường thấy trên những cây cao nhất.

Hoạt động chủ yếu vào ban đêm. Ngoài việc kiếm ăn, còn xây tổ vào ban đêm.

Khoảng tháng 4 vạc đẻ lứa đầu tiên, vào đầu tháng 5, chim non ra đời. Cuối tháng 6, vạc con bắt đầu sống một cuộc đời tự lập.

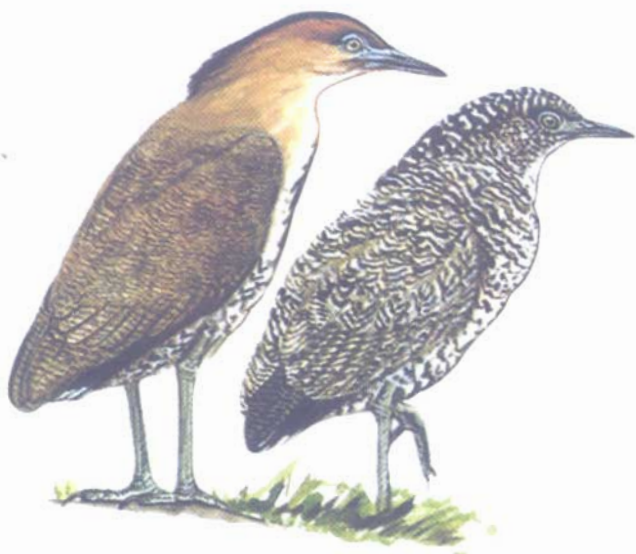
Sau đó ít ngày, vạc bố mẹ sửa sang lại tổ và đẻ lứa thứ hai. Vào cuối tháng 12, những con chim non cuối cùng đã rời tổ. Như vậy, vạc đẻ một năm 2 lứa, mỗi lứa 3 - 5 trứng màu xanh da trời nhạt.

Số lượng vạc ngày nay đã giảm nhiều do thiếu thức ăn và mất môi trường sống.



Loài chim định cư rất hiếm gặp, sống ở các vùng rừng có đầm lầy thuộc phía Bắc như tỉnh Hòa Bình. Chim trưởng thành có phần trên cơ thể màu nâu tối, phần dưới có vạch màu nâu và trắng xen kẽ. Mào lông dài màu đen. Chim non có bộ lông nâu điểm trắng.





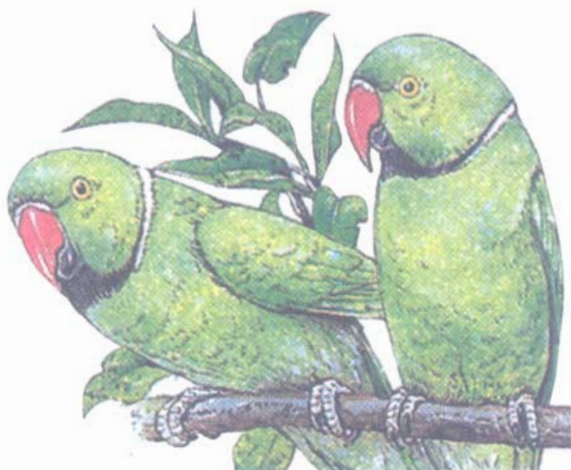
Loài chim định cư, hiếm gặp. Chim trưởng thành có bộ lông màu đen, mót lông cánh màu trắng hoặc nâu sẫm. Đầu đen, họng trắng đốm đen. Mỏ xanh vàng lục. Chân xanh lục. Nơi sống là các khu rừng rậm, đất lầy, đất ngập nước có nhiều sậy, rừng tre nứa...

Côn trùng thuộc bộ Cánh giồng. Cả hai đôi cánh đều mỏng, dạng giống nhau. Cơ quan miệng kiểu chích hút, dùng ống "khoan" để hút nhựa qua vỏ cây. Ve sấu thuộc loại biến thái không hoàn toàn. Khi sinh sản, ve sấu cái dùng chiếc "kim đục" ở cuối bụng khoan một lỗ trên cành cây và đẻ trứng vào đó. Trứng nở ra ấu trùng rơi từ trên cây xuống đất, tự đào hang, tìm các rễ cây để hút nhựa. Sống trong đất một năm, chúng lột xác vài lần rồi chui lên mặt đất, trở thành ve trưởng thành. Cuộc đời ve trưởng thành rất ngắn ngủi, từ khi lột xác lần cuối đến khi chết là 5 tuần. Chỉ có ve đực biết kêu. Chúng có cơ quan phát âm nằm ở hai bên bụng. Vì vậy, ve thường thải bớt nước cho màng bụng căng hơn để tiếng kêu vang hơn, xa hơn.



Là loài chim leo trèo giỏi, có nhiều kích thước khác nhau, đầu to, mỏ ngắn và khỏe, mỏ trên cong tròn lên mỏ dưới. Chân vẹt ngắn, khỏe, có thể leo trèo và kẹp thức ăn đưa lên mỏ. Lông thường có màu sắc sặc sỡ. Vẹt sống trên cây và làm tổ trong hốc cây, hốc đất. Thức ăn là các loại quả và hạt; một số loài ăn phần hoa và mật.

Vẹt thường được nuôi làm cảnh; một số loài như vẹt xám Tây Phi có thể dạy bắt chước tiếng người. Trên thế giới có khoảng 320 loài vẹt khác nhau.



VỆT ĐẦU HỒNG

blossom-headed parakeet

V

Con đực trưởng thành ở đỉnh và hai bên đầu màu hồng tươi, má và gáy hồng phớt, bụng màu vàng nhạt. Con cái đầu xám hồng nền vàng, không có vòng đen ở cổ. Cả con đực và con cái đều có mắt màu trắng hay vàng nhạt, mỏ dưới đen, chân màu nâu. Vẹt đầu hồng thường sống thành đàn khoảng 20 con hoặc nhiều hơn trong các khu rừng nguyên sinh hoặc thứ sinh thuộc miền Trung và miền Nam nước ta, đôi khi còn kiếm ăn cả ở các khu rừng thưa gần nơi trồng trọt. Thức ăn là các loại quả, đợt cây, hạt thóc, ngô, đậu nành... Mùa sinh sản từ tháng 1 đến tháng 5.





Con đực trưởng thành có đầu xám, cằm và họng lông đen. Sau cổ có một vòng xanh lục tươi; cánh, lưng, bụng màu lục phớt vàng. Lông đuôi giữa rất dài, mút đuôi màu vàng. Con cái giống con đực, chỉ khác là không có mút đỏ ở cánh. Vẹt đầu xám sống thành đàn nhỏ khoảng 10 con trong các khu rừng nguyên sinh hoặc thứ sinh, lên đến độ cao 1675 m. Thức ăn giống vẹt đầu hồng. Mùa sinh sản từ tháng 3 - 6.



Vẹt Lo-ri châu Úc có bộ lông sắc sỡ, đầu, ngực bụng và một phần cánh có màu đỏ, lưng màu vàng, đầu mút cánh lông xanh óng ánh. Sống ở Ôt-xtrây-li-a, Pa-pua Tân Ghi-nê và các đảo lân cận. Thức ăn là mật hoa. Cách lấy mật hoa của vẹt rất thô bạo. Chúng vặt trụi cánh hoa rồi hút mật nhờ cái lưỡi có cấu tạo như một chiếc bút lông nhỏ. Thường kiếm ăn theo đàn, phá nát rất nhiều loài hoa rừng.

Con đực trưởng thành có đầu và cổ màu vàng lục, lưng màu lục nhạt, hông và trên đuôi màu đỏ thẫm, mặt dưới của cánh và đuôi đều màu xanh; bụng màu lục nhạt. Con cái có lông màu thẫm hơn, không có vệt xanh ở hông. Cả con đực và con cái đều có mắt màu vàng nhạt, mỏ đỏ tươi, chóp mỏ vàng, chân vàng nhạt hay vàng cam. Vệ lùn sống thành đàn nhỏ khoảng 10 con trong các khu rừng Tây Nguyên và rừng nhiệt đới lá rộng lên đến độ cao 1500 m. Thức ăn là các loại quả, hạt mềm kích thước nhỏ và hoa của một số cây rừng. Mùa sinh sản vào tháng 1, 2. Con non mới nở giống chim cái.



VỆT MÁ VÀNG*yellow-cheeked parrot*

Con đực trưởng thành có một dải đen hẹp, bắt đầu từ góc mép mỏ kéo dài ra hai bên cổ rồi lẫn với vòng màu hồng ở phía trên cổ. Đầu màu lục, gáy chuyển sang vàng nhạt. Con cái không có vòng màu hồng ở cổ và không có dải đen sau mép mỏ. Cả con đực và con cái đều có mỏ đỏ, mắt xanh nhạt, chân vàng nhạt hay vàng cam. Thường sống thành đàn khoảng 10 con trong các khu rừng nguyên sinh, thứ sinh hay phục hồi, lên đến độ cao 915 m thuộc các tỉnh phía Nam nước ta. Chúng ăn các loại hoa, quả, hạt như thóc, ngô, đậu. Mùa sinh sản từ tháng 2 - 4. Chim non mới nở có màu giống chim mẹ.



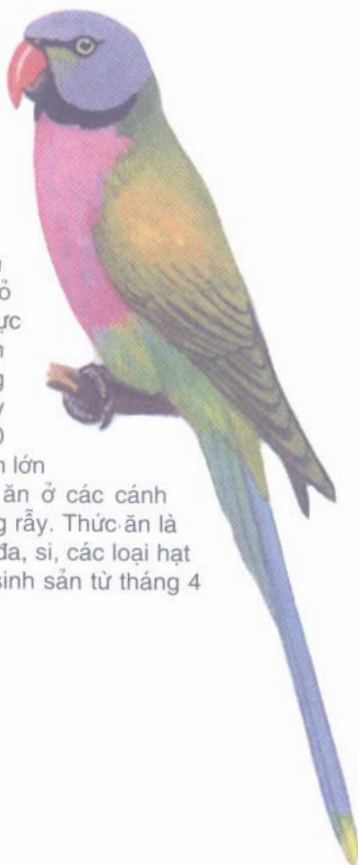


Loài vẹt có bộ lông đẹp, sống ở Ôt-xtrây-li-a. Chúng kết đôi và sống với nhau đến trọn đời. Vẹt mào có tập tính di cư nhưng hằng năm vẫn trở về tổ cũ của chúng trên một thân cây. Chúng tự điều chỉnh sự sinh sản tùy theo điều kiện ngoại cảnh. Nếu thuận lợi, chúng đẻ khoảng 5 trứng; vào những năm khô hạn, chỉ đẻ 1 - 2 trứng, thậm chí không đẻ. Chim mới nở rất yếu, được chim bố mẹ mớm cho ăn. Chúng có mỏ rất khỏe để bổ hạt và có một mào lông trên đầu. Vẹt mào bay giỏi, một đàn lớn trên 100 con có thể bay mỗi ngày hơn 100km.

VỆT NGỰC ĐỎ

red-breasted parakeet

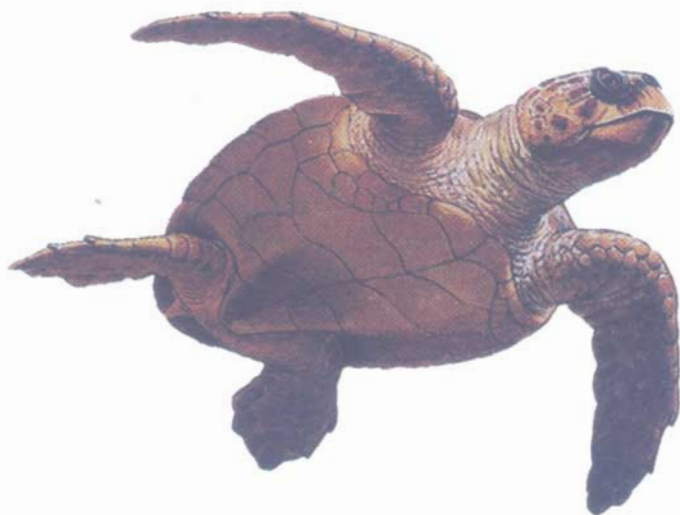
Con đực trưởng thành có bộ lông màu xanh lục phớt vàng. Ngực màu đỏ, bụng phớt xanh; đầu màu xám, có một dải màu đen kéo dài ngang trán đến mép trước của mắt. Một dải đen khác rộng hơn từ gốc mỏ dưới kéo dài xuống hai bên cổ. Con cái giống con đực, chỉ khác lông xỉn hơn, mỏ đen, ngực hồng nhạt. Vẹt ngực đỏ thường tập trung thành đàn nhỏ trong các khu rừng cây lá rộng, rừng khộp Tây Nguyên lên đến độ cao 1200 m; đôi khi tập trung thành đàn lớn lên đến vài trăm con, kiếm ăn ở các cánh rừng xung quanh hoặc nương rẫy. Thức ăn là các loại quả có vỏ, như quả đa, si, các loại hạt cứng như thóc, ngô... Mùa sinh sản từ tháng 4 đến tháng 7.



VỆT TREO ĐẦU XANH DƯƠNG (VỆT DƠI)*blue hanging parrot*

Toàn thân bao phủ một bộ lông xanh lá cây óng ánh; dưới ngực có một đám lông đỏ, trên đỉnh đầu là một mảng lông xanh da trời. Những con vẹt này có "tài làm xiếc", chúng có thể treo ngược mình trên cành trên để với tới hoa mọc ở dưới. Chúng cũng có thể ngủ ở tư thế này, như dơi, vì thế nên người ta mới đặt tên cho chúng là "vẹt dơi".





Loài rùa biển ăn thực vật thủy sinh, ngoài ra còn ăn cả tôm cá. Mùa sinh sản từ tháng 2 đến tháng 5, những đêm sáng trăng, vích bơi từ biển vào bờ. Chúng đào hố cát sâu từ 30 – 50 cm và đẻ trứng vào trong các hố đó. Mỗi con có thể đẻ tới 200 trứng, sau đó chúng dùng chân phủ cát lên. Sau khi nở, đàn vích con bơi cát chui lên, rồi bám đuôi nhau bò ra biển để bắt đầu sống cuộc đời tự lập; khi trưởng thành lại quay về bờ đẻ trứng.

Vích có nhiều ở các đảo xa bờ như đảo Phú Quốc, Côn Đảo, Trường Sa. Thịt và trứng vích rất ngon nên con người đã đánh bắt chúng hoặc bới cát tìm trứng để ăn. Hiện nay, nhiều nước có luật bảo vệ và nhân giống vích.

Loài chim quen thuộc được con người nuôi lấy thịt và trứng. Cơ thể vịt có cấu tạo thích nghi với môi trường nước. Bộ lông vũ dày, không thấm nước. Bộ xương nhẹ, xốp. Chân có màng bơi nổi liền giữa các ngón chân, có tác dụng như mái chèo giúp cho việc bơi lội dễ dàng. Cơ ngực và cánh khá khỏe nên vịt nhà cũng có thể bay được tuy bay kém. Cũng giống



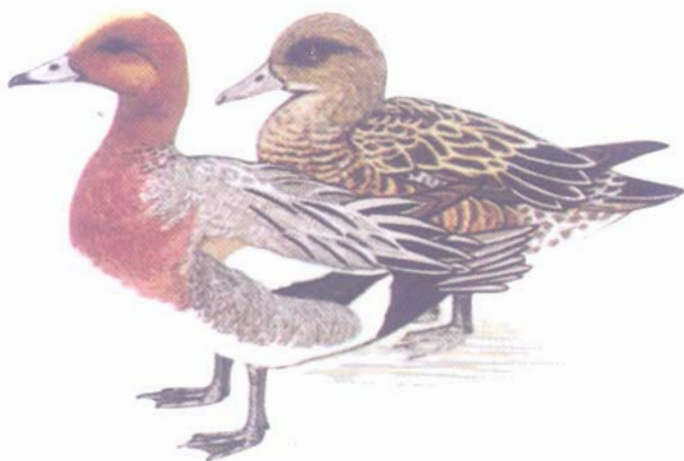
như nhiều loài chim ở nước, vịt có tuyến phao câu rất phát triển tiết chất nhờn. Vịt thường dùng mỏ để chải chất nhờn đó lên bộ lông, khiến cho bộ lông luôn mượt mà và không thấm nước. Vịt có mỏ to và đẹp. Khi kiếm ăn, vịt rúc cái mỏ dẹt xuống bùn, hai nắp mỏ luôn luôn đập đập vào nhau. Nước và bùn cũng như các chất cặn bã khác bắn sang hai bên mép mỏ, những tấm sừng hình răng cưa hai bên mép mỏ có tác dụng như một cái sàng giữ lại trong miệng những hạt hoặc các động vật nhỏ nằm lẫn trong bùn.



VỊT ĐẦU VÀNG

eurasian pigeon

V



Là loài vịt cỡ trung bình, chiều dài cơ thể 48 cm, lùn, mập với mỏ màu xám. Đầu tròn, đuôi nhọn. Sống thành đàn và thường thấy ăn cỏ ở trên bờ. Là loài chim di cư, phổ biến ở các tỉnh vùng Đông Bắc nước ta (Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định...). Chúng thường sống ở các vùng đầm lầy ven biển và các hồ nước.

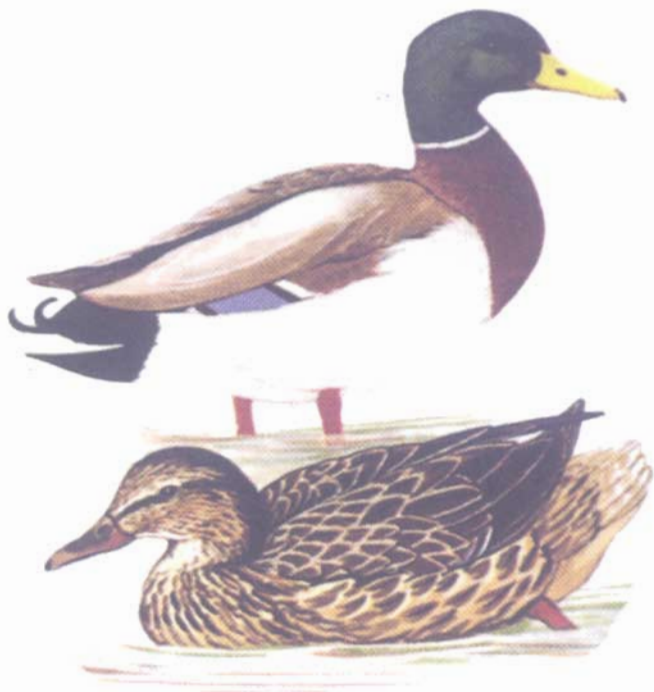
Loài vịt lớn, chiều dài cơ thể khoảng 60 cm, bộ lông đen và trắng, trên ngực có dải lông màu hung nâu đậm. Chim non có màu xám xịt, và không có dải lông màu hung nâu chạy qua ngực. Phân bố ở vùng Đông Bắc, Bắc Trung Bộ, là loài di cư, hiếm gặp, thường sống ở vùng cửa sông và các vùng đất ngập nước.



VỊT MỎ THÌA*northern shoveler*

Loài vịt có mỏ rộng hình giống chiếc thìa và dài hơn đầu. Bộ lông lốm đốm nâu như vịt trời. Vịt mỏ thìa là loài chim di cư rất hiếm gặp ở Việt Nam.

Loài vịt trời có kích thước lớn. Con đực có bộ lông nhiều màu sắc: đầu và cổ xanh biếc, vòng cổ trắng, ngực màu nâu, đuôi đen, thân màu trắng xám. Mỏ màu vàng. Con cái và con non có bộ lông xấu hơn màu nâu lốm đốm, trên mỏ có nhiều vệt vàng cam. Vịt mỏ vàng là loài lang thang rất hiếm gặp. Chúng sống ở các đầm lầy, sông lớn và hồ ao ở vùng Đông Bắc nước ta.



VỊT TRỜI

wild duck

V



Là loài chim di cư. Vào mùa đông, những đàn vịt trời hàng trăm con bay từ phương Bắc về vùng đồng bằng Bắc Bộ ở nước ta để trú đông. Những ao hồ, đầm lầy, bãi lầy ven biển hay các bãi sù vẹt là nơi ở, kiếm ăn của vịt trời.

Vịt trời là tổ tiên của vịt nhà, chỉ khác là vịt nhà to hơn và bay kém hơn vịt trời.

Vịt trời làm tổ trên mặt đất, bằng cỏ khô trong các bụi gần bờ nước hay ở các cồn đất giữa sông. Mùa sinh sản vào tháng 5, mỗi lứa đẻ 10 - 15 trứng. Vỏ trứng màu trắng hoặc nâu nhạt.



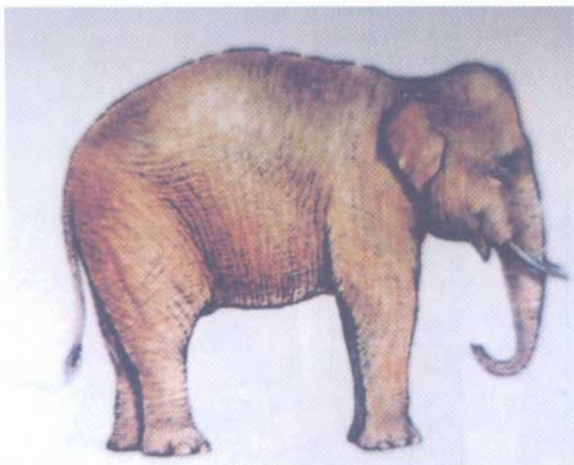
Loài vịt lớn giống ngỗng, chiều dài cơ thể khoảng 61cm. Bộ lông màu hung vàng cam. Chim cái có đầu màu nhạt hơn, chim đực trong mùa sinh sản có một vòng đen ở cổ. Là loài chim di cư rất hiếm gặp. Nơi ở là các sông và hồ ở Đông Bắc và Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa).



Loài thú ăn thực vật khổng lồ, là động vật to nhất sống trên cạn. Voi có da dày, mũi và môi trên kéo dài thành vòi với hai lỗ mũi ở đầu vòi. Hai răng cửa hàm trên phát triển tạo thành cặp ngà. Chân to như cột đình. Voi đực lớn hơn voi cái.

Voi chửa 21 - 22 tháng. Mỗi lứa đẻ một con. 4-5 năm mới đẻ một lần.

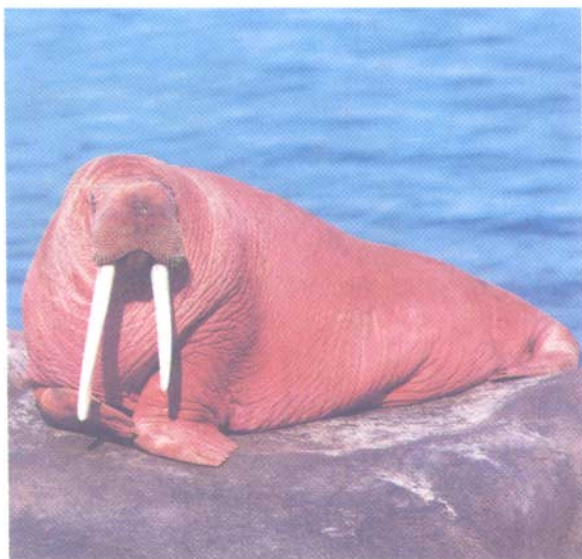
Có hai loài voi trên thế giới là voi châu Á và voi châu Phi. Voi châu Á có kích thước nhỏ hơn voi châu Phi, chỉ có voi đực có ngà, voi cái không có ngà. Voi châu Phi cả voi đực và voi cái đều có ngà.





Loài thú ăn thịt thuộc bộ Chân màng, thích nghi với đời sống ở nước. Cơ thể lớn, hình thoi dài, có thể dài tới 5m, nặng 1 tấn, cổ ngắn. Chi biến thành bơi chèo. Lớp mỡ dưới da rất dày. Hai răng nanh dài chìa ra ngoài. Voi biển sống ở biển Bắc Cực, thức ăn chủ yếu là các loài cá.

Voi đực có mũi phát triển thành vòi ngắn, như vòi voi.



VOI MA MÚT

mammoth

V

Loài voi cổ sống vào kỉ Đệ Tứ, đã bị tuyệt chủng từ khoảng 10.000 năm nay. Chúng có bộ lông dài, rậm phủ kín thân với cặp ngà đồ sộ, rất dài và cong vút lên. Voi ma mút đã sống vào thời băng kỉ tại các vùng không có rừng của Bắc Mĩ, châu Á và châu Âu.

Do khí hậu khắc nghiệt, voi ma mút bị chết và bị vùi lấp trong băng, đến tận ngày nay, xác của chúng còn tươi nguyên, thỉnh thoảng vẫn tìm thấy ở vùng Xi-bê-ri (Nga).





Còn có tên là vòi mướp, cây vòi đấm. Là loài thú thuộc bộ ăn thịt, họ cầy. Vòi hương có bộ lông màu xám với 5 sọc đen chạy dọc lưng, sườn có nhiều đốm đen. Mặt màu xám đen với nhiều đốm trắng. Bốn bàn chân đen. Đuôi dài, mặt trên gốc đuôi màu đen, mặt dưới màu vàng đất, mút đuôi đen. Trọng lượng từ 3 - 5 kg. Vòi hương là loài ăn tạp. Thức ăn chủ yếu là các loại quả rừng như vả, sung, đa, chuối, đu đủ và các động vật nhỏ như chim, chuột, rắn. Vòi hương sinh sản quanh năm nhưng tập trung vào tháng 10, 11, 12.

VOOC BẠC

silvery langur

V

Loài khỉ có cơ thể nhỏ, trọng lượng từ 5 - 7 kg. Toàn thân lông màu xám, chóp lông màu xám nhạt hay vàng nhạt làm cho bộ lông lấp lánh ánh bạc. Lông bụng xám nhạt và lông đuôi vàng nhạt. Voọc bạc sống trong các rừng cây lá rộng trên núi đá các tỉnh miền Nam Trung Bộ. Thức ăn giống như của voọc xám. Con non mới sinh có lông màu vàng da cam, sau chuyển sang màu xám, giống bố mẹ.



Loài khỉ cỡ lớn, trọng lượng từ 5 - 10 kg. Bộ lông ở thân màu đen, đầu và vai con đực lông trắng nhạt, ở con cái lông thẫm hơn. Vùng mông có vết lông xám hình chữ V chạy qua gốc đuôi. Đuôi rất dài, lông màu đen. Voọc đầu trắng sống trong các khu rừng nguyên sinh, rừng già trên núi đá đảo Cát Bà. Thức ăn chủ yếu là nõn cây, quả cây rừng. Sinh sản vào mùa thu, con non có bộ lông màu vàng, đầu và vai vàng nhạt.



VOOC ĐEN MÁ TRẮNG

white-cheeked black langur

V



Loài khỉ có trọng lượng từ 5 - 9 kg. Toàn thân lông đen tuyền, trên đỉnh đầu có mào lông đen. Hai má có vệt lông trắng kéo dài qua tai. Đuôi dài hơn thân. Voọc đen má trắng sống trong các khu rừng trên núi đá cao thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta; chúng chỉ ăn thực vật.

Rất giống voọc đen má trắng về hình dạng và bộ lông đen tuyền. Khác voọc đen má trắng là có vạch trắng đục hai bên má đi từ gốc mép tới sau tai; gáy có vết trắng tuyền nối với vết trắng hai bên má tại hai gốc tai. Voọc Hà Tĩnh sống trong các khu rừng già trên núi đá vôi thuộc tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh. Thức ăn chủ yếu là lá cây, chồi non và hoa quả.



VOOC MŨI HÉCH

snub-nosed langur

V



Loài khỉ cỡ lớn, trọng lượng từ 8 - 14kg. Bộ lông màu nâu đen. Lông trên đầu và quanh mặt màu trắng nhạt. Vùng ngực, bụng và mặt trong các chi lông màu trắng bần. Đuôi dài, lông xù trông giống như hình bông lau. Mặt màu trắng, mũi hếch ngược lên. Voọc mũi hếch sống trong các rừng cây lá rộng, rừng hỗn giao trên núi đá và núi đất thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta. Thức ăn chủ yếu là lá, chồi non và quả rừng. Mùa sinh sản từ tháng 11 đến tháng 6 năm sau.

Loài khỉ cỡ lớn, trọng lượng khoảng 8 - 9kg, hình dạng rất giống voọc đen má trắng. Trên đỉnh đầu có mào lông đen; dọc hai bên má kéo dài đến tận vành tai là 2 dải lông trắng. Chân có lông màu đen. Vùng mông có lông màu trắng kéo dài đến tận gốc đuôi và đùi trông rất giống một chiếc quần đùi trắng. Đuôi dài hơn thân, lông màu đen. Voọc quần đùi trắng sống trong các khu rừng già, rừng nguyên sinh trên núi đá có nhiều hang động thuộc các tỉnh miền Bắc như Thanh Hóa, Ninh Bình... Thức ăn chủ yếu là lá, chồi và quả cây. Sinh sản vào cuối mùa hè, đầu mùa thu.



VOọc VÁ

red shanked langur

V

Loài khỉ cỡ khá lớn, nặng từ 8 - 14kg, chân tay dài, đuôi dài. Bộ lông nhiều màu khá rực rỡ: đỉnh đầu và trán màu đen, mặt lông màu trắng, cổ và ngực màu hung đỏ rực rỡ, lưng xám nhạt... Voọc vá sống trong rừng già, rừng nguyên sinh trên núi cao nhưng kiếm ăn cả ở rừng thứ sinh, nương rẫy. Thức ăn là thực vật gồm lá, quả, ngô, khoai, sắn... Vào cuối mùa xuân, đầu mùa hạ chúng đẻ 1 con.

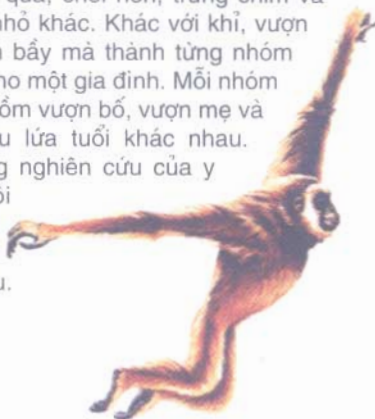


Loài khỉ có thân hình thon nhỏ, trọng lượng từ 5 - 9kg. Chân tay rất dài, lông màu đen. Đỉnh đầu có mào lông xám. Lông phần lưng có màu xám đậm hơn phần bụng. Hai bên hông có các lông dài ánh bạc. Voọc xám sống trong các khu rừng trên núi đá các tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Thức ăn là lá và chồi non. Sinh sản quanh năm.





Loài thú thuộc họ Vượn, chi trước dài, có túi má và không có đuôi, chai mõng rất nhỏ, có ruột thừa, não bộ có thể tích 100 - 150cm³, phân bố ở Đông Nam Á. Vượn chủ yếu ăn quả, chồi non, trứng chim và một số động vật nhỏ khác. Khác với khỉ, vượn không sống thành bầy mà thành từng nhóm nhỏ tượng trưng cho một gia đình. Mỗi nhóm gồm 3 - 5 cá thể gồm vượn bố, vượn mẹ và vượn con ở nhiều lứa tuổi khác nhau. Vượn là đối tượng nghiên cứu của y học, được nuôi nhiều trong vườn thú. Mật, xương có giá trị dược liệu.



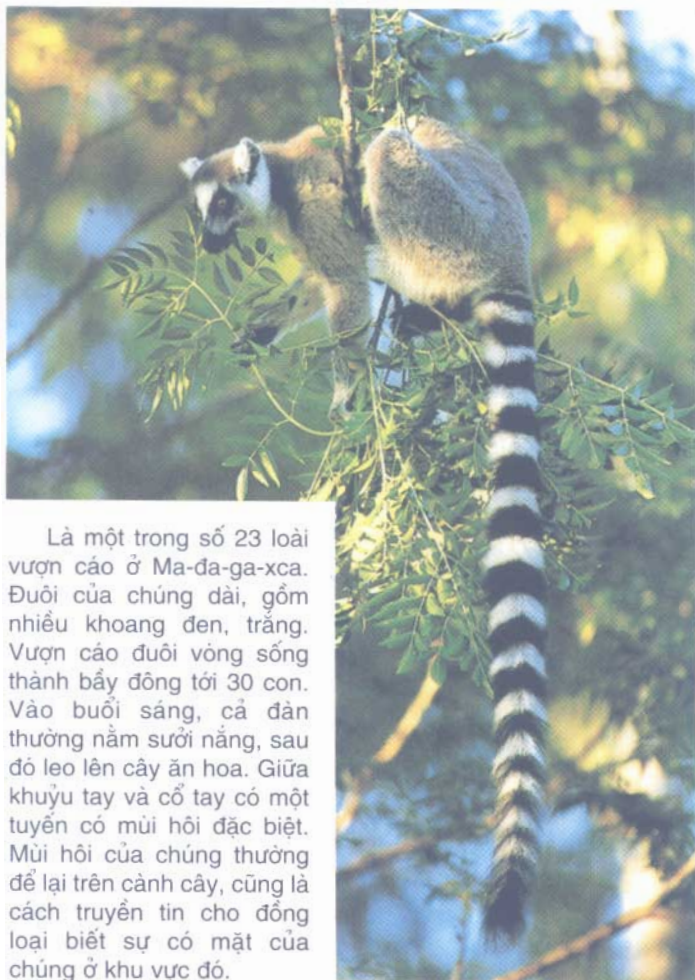


Gồm nhiều loài sống trên đảo Ma-đa-ga-xca ở ngoài khơi bờ biển Đông Phi. Chúng là các động vật thuộc bộ Khỉ hầu hay Linh trưởng nguyên thủy. Bộ não của chúng nhỏ hơn não của khỉ và vượn. Nhiều loài vượn cáo ăn lá và trái cây, có loài sống chủ yếu dựa vào tre, nứa hoặc mật hoa, ấu trùng, sâu bọ...

VƯỜN CÁO ĐUÔI VÒNG

ring-tailed lemur

V



Là một trong số 23 loài vườn cáo ở Ma-da-ga-xca. Đuôi của chúng dài, gồm nhiều khoang đen, trắng. Vườn cáo đuôi vòng sống thành bầy đông tới 30 con. Vào buổi sáng, cả đàn thường nằm sưởi nắng, sau đó leo lên cây ăn hoa. Giữa khuỷu tay và cổ tay có một tuyến có mùi hôi đặc biệt. Mùi hôi của chúng thường để lại trên cành cây, cũng là cách truyền tin cho đồng loại biết sự có mặt của chúng ở khu vực đó.



Loài vượn có thân hình thon nhỏ, chân tay dài, không có đuôi, cao khoảng 50 - 60cm. Con đực trưởng thành có bộ lông đen tuyền, con cái có lông màu vàng hoặc trắng đục, có đốm đen ở đỉnh đầu và ngực. Vượn đen đẻ 2 năm 1 lứa, mỗi lứa 1 con. Vượn con có màu lông đen giống bố, lớn lên con cái chuyển màu giống mẹ, còn con đực vẫn giữ nguyên màu sắc. Vượn đen sống trong các khu rừng nguyên sinh hay rừng già trên đỉnh núi cao thuộc miền Bắc nước ta. Thức ăn chủ yếu là quả, lá cây, non cây, côn trùng và trứng chim.

VƯỜN ĐEN MÁ TRẮNG

white-cheeked gibbon

V

Còn có tên là *vượn đen bạc má*, có nhiều đặc điểm giống vượn đen chỉ khác nhau về hình thái. Con đực có bộ lông màu đen, hai má lông màu trắng nổi với nhau bằng một vệt lông trắng dưới cằm. Con cái lông màu vàng thẫm, lông quanh mặt tua ngang, lông ở đỉnh đầu màu xám hoặc nâu đen.



VƯỜN ĐEN MÁ VÀNG*yellow-cheeked black gibbon*

Loài vượn nhỏ, cao khoảng 40 - 50cm. Con đực có bộ lông đen, hai má có 2 đốm lông màu vàng nhạt. Đỉnh đầu có đốm lông dựng đứng như cái mào. Trước ngực có đốm lông màu nâu. Con cái có bộ lông nhiều màu: lông ở lưng và đùi vàng nhạt, lông ở ngực màu xám, trên đỉnh đầu có túm lông màu thẫm. Vượn đen má vàng sống trong các khu rừng già, rừng nguyên sinh trên đỉnh núi cao thuộc miền Trung nước ta. Thức ăn và sự sinh sản giống vượn đen.

XÉN TÓC

capricorn beetle

X

Gồm nhiều loài bộ cánh cứng thuộc họ Xén tóc. Chúng thường có đôi râu dài chia đốt, màu sắc rất phong phú, phân bố khắp thế giới. Xén tóc là sâu bọ biến thái hoàn toàn, vòng đời trải qua 4 giai đoạn: trứng, sâu non, nhộng (nhộng xén tóc thuộc loại nhộng trần) và cá thể trưởng thành. Ấu trùng xén tóc thường đục gỗ của các cây lớn.



Loài chim lớn nhất trong họ Gà lôi nước, cao tới 43cm. Bộ lông màu đỏ tía pha xanh da trời. Da gốc mỏ và mỏ màu đỏ. Màu chân hơi đỏ. Xít là loài định cư, rất phổ biến ở các vùng đầm lầy nước ngọt, ruộng lúa. Mùa sinh sản vào tháng 2 - 6. Tổ làm ở các bụi rậm, trong các đám cỏ trôi nổi, mỗi lứa đẻ 3 - 7 trứng. Chim đực ấp trứng thay cho chim cái. Chim non mới nở mỏ màu đen nhạt.



Yến có rất nhiều loài khác nhau; chúng có thói quen dùng nước bọt của mình để xây tổ. Nước bọt được đem trộn với các vật liệu khác, khi khô quánh lại có độ cứng không kém gì đá. Mỗi loài yến dùng một loại vật liệu riêng gắn bằng nước bọt để xây tổ. Trong cả nhóm yến trên thế giới chỉ có hai loài yến làm tổ bằng nước bọt nguyên chất. Ở nước ta có loài xây tổ trên vách đá các hòn đảo ngoài khơi miền Nam Trung Bộ, đó là loài “yến hàng”.





Loài chim nhỏ, chiều dài thân khoảng 15 cm, sải cánh rộng 35 cm. Yến cầm trắng là loài phổ biến ở phía Nam nước ta. Chúng thường làm tổ tập đoàn xung quanh các mái nhà ngói ở phía Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Thức ăn là các loài sâu bọ nên yến cầm trắng là loài chim có ích cho nông nghiệp.

Yến cọ khá phổ biến ở miền Bắc nước ta. Chúng dùng các sợi cỏ mảnh dính lại với nhau bằng nước bọt và cả chiếc tổ được gắn chặt vào mặt thẳng đứng của tàu lá cọ hay lá cau. Hai quả trứng chim đẻ ra cũng được dán vào thành tổ. Tàu lá có thể tha hồ rung đưa, lay động trước gió nhưng trứng và chim mẹ đang ấp vẫn nằm yên trong tổ, không sợ rơi xuống đất.





Loài chim nhỏ, cao khoảng 20 cm nhưng sải cánh có thể rộng tới 50 cm, là loài bay khỏe, thân tròn, gốc cánh rộng. Đuôi vuông ngắn, các lông đuôi cứng. Thức ăn chủ yếu là các loài côn trùng. Là loài chim di cư nên ít gặp; thường phân bố ở vùng Đông Bắc và Nam Trung Bộ. Chúng thường bay lượn kiếm ăn trên các vùng rừng và đất rừng trống trải. Làm tổ từ tháng 4 - 5.

YẾN ĐUÔI NHỌN LUNG BẠC

silver-backed needletail

V

Hình dạng gần giống chim yến đuôi nhọn họng trắng, chỉ khác 2 điểm là họng tối màu và cánh bị kẹp ở chỗ tiếp xúc với thân. Thường sống ở vùng đồi và rừng thuộc miền Đông Bắc Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ. Là loài sống định cư ít khi gặp ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Chúng ăn sâu bọ, thường bay lượn kiếm ăn trên các vùng trống trải và rừng thưa.





Yến hàng có nhiều ở bờ biển nước ta, nhất là vùng Đà Nẵng, Nha Trang. Đầu cánh và đuôi màu đen sẫm, mặt bụng nâu nhạt hơn mặt lưng, bên hông có một dải lông sáng khá rộng. Mắt màu đen, mỏ màu đen. Yến hàng làm tổ gắn vào các vách đá trong hang. Tổ yến hàng được làm bằng nước bọt do chim mẹ tiết ra, gặp không khí thì đông rắn lại. Nước bọt được tích lũy hàng tháng trời mới đủ làm một chiếc tổ. Tổ

yến hàng được thu hoạch lúc còn tươi, nghĩa là vào lúc tổ vừa mới hoàn thành, là một món ăn quý được nhiều người ưa thích, gọi là yến sào. Tổ yến là một mặt hàng xuất khẩu có giá trị. Yến hàng làm tổ từ tháng 12 đến tháng 6 năm sau. Mỗi chim mẹ chỉ đẻ 1 - 2 trứng 1 lứa và đẻ từ tháng 3 đến tháng 7.

Thức ăn của yến hàng là các côn trùng nhỏ bay trong không khí. Tuy sống trên các đảo ở ngoài khơi, nhưng khi kiếm ăn, chúng lại vào đất liền.



YẾN HỒNG TRẮNG

fork-tailed swift

Y

Loài chim nhỏ, chiều dài thân khoảng 19cm, cánh dài, đuôi chẻ đôi khá sâu. Là loài chim định cư, phân bố khắp các vùng trong cả nước. Chúng thường bay lượn, kiếm ăn trên các vùng đất trống và rừng lên đến độ cao khoảng 2000m. Làm tổ tập đoàn từ tháng 4 đến tháng 7.



Loài chim cảnh, nuôi lâu có thể tập nói được tiếng người. Trong tự nhiên, yểng sống thành đôi hoặc đàn nhỏ 5 - 7 con. Chúng ưa sống ở rừng, các sườn núi đá vôi có cây nhưng không quá cao. Làm tổ trong hốc cây, cách mặt đất 10 - 25m, hoặc trong các hốc cây ở vách núi cheo leo. Thức ăn của yểng là các loại quả mềm.

Ở miền Bắc nước ta, mùa sinh sản của yểng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 7. Mỗi lứa yểng đẻ 3 trứng. Vỏ trứng màu xanh da trời, đôi khi có đốm nâu nhạt.



MỤC LỤC

A

Ác là	5
A-míp	6

B

Ba ba	7
Bạc má	8
Bạc má bụng vàng	9
Bách thanh	10
Bách thanh đuôi dài	11
Bách thanh nhỏ	12
Bạch tuộc	13
Bào ngư	14
Báo	15
Báo biển	16
Báo gấm	17
Báo hoa mai	18
Báo lửa (Beo lửa)	19
Bắt cô trói cột	20
Bìm bịp lớn	21
Bìm bịp nhỏ	22
Bò	23
Bò biển	24
Bò rừng	25
Bò rừng Ban-ten	26
Bò rừng Bi-dông	27
Bò sát răng thú	28
Bò sữa	29
Bò tót	30

Bò xám	31
Bọ cạp	32
Bọ chét	33
Bọ dừa	34
Bọ hung	35
Bọ lá	36
Bọ ngựa	37
Bọ que	38
Bọ rùa	39
Bọ vẽ (Bọ nước)	40
Bọ xít	41
Bọ xít vải	42
Bói cá	43
Bồ câu	44
Bồ câu cam	45
Bồ câu đưa thư	46
Bồ câu lữ hành	47
Bồ câu nâu	48
Bồ nông	49
Bồng chanh	50
Bồng chanh rừng	51
Bướm	52
Bướm Ka-li-ma	53
Bướm phượng	54

C

Cà cuống	55
Cá bống	56
Cá bơn	57
Cá chép	58

Cá chim	59	Cá trê	94
Cá chình	60	Cá trích	95
Cá chình điện	61	Cá trôi	96
Cá chọi	62	Cá vàng	97
Cá chuồn	63	Cá vây tay	98
Cá cóc Tam Đảo	64	Cá voi	99
Cá diếc	65	Cá voi xanh	100
Cá đuối	66	Cáì ghê	101
Cá đuối điện	67	Cánh cam	102
Cá heo	68	Cào cào	103
Cá hồi	69	Cáo	104
Cá hồng	70	Cắt	105
Cá kiếm	71	Cầu gai	106
Cá mao tiên	72	Cày găm	107
Cá mập trắng	73	Cày giồng	108
Cá mập xám	74	Cày hương	109
Cá mè	75	Cày mác	110
Cá ngừ	76	Cày mực	111
Cá ngựa	77	Cày vằn	112
Cá ngựa gai	78	Cày vôi mốc	113
Cá nhà táng	79	Chạch	114
Cá nhím	80	Chào mào	115
Cá nóc	81	Châu chấu	116
Cá nục	82	Chẫu chuộc	117
Cá phổi	83	Chấy	118
Cá quả	84	Cheo cheo	119
Cá rô	85	Chèo bẻo	120
Cá rô phi	86	Chèo bẻo bờm	121
Cá sấu	87	Chìa vôi	122
Cá sấu hoa cà	88	Chích bông bụng vàng	123
Cá sấu nước ngọt	89	Chích bông đuôi dài	124
Cá thoi loi	90	Chích chòe	125
Cá thu	91	Chích chòe lửa	126
Cá trắm cỏ	92	Chiên chiên đồng hung	127
Cá trắm đen	93	Chiên chiên đồng vàng	128

Chim báo mật	129	Cò lạo xám	163
Chim cánh cụt	130	Cò lửa	164
Chim di đá	131	Cò nhận	165
Chim di đầu đen	132	Cò nơm	166
Chim di đầu trắng	133	Cò ruồi	167
Chim đô-đô	134	Cò thìa	168
Chim ki-vi	135	Cò trắng	169
Chim mai hoa	136	Cò xanh	170
Chim ruồi (Chim hút mật)	137	Cóc	171
Chim ruồi khổng lồ	138	Cóc đờ đê	172
Chim sâu	139	Cóc rừng	173
Chim sẻ	140	Cóc tía	174
Chim thợ may	141	Cốc biển	175
Chim ung	142	Cốc đen	176
Chó	143	Cốc đế	177
Chó béc-giê	144	Công	178
Chó cảnh	145	Cu cu	179
Chó rừng	146	Cu gáy	180
Chơi chơi	147	Cu li lớn	181
Chồn dơi	148	Cu li nhỏ	182
Chồn hôi	149	Cu luồng	183
Chuồn chuồn	150	Cu ngói	184
Chuột	151	Cu sen	185
Chuột bạch	152	Cú lợn	186
Chuột chù	153	Cú mèo	187
Chuột chũi	154	Cú muỗi	188
Chuột cống	155	Cú vo	189
Chuột đồng	156	Cú vọ mặt trắng	190
Chuột lang	157	Cua biển	191
Chuột nhà	158	Cua đồng	192
Chuột nhắt	159	Cun cút	193
Cò bọ	160	Cuốc	194
Cò đen	161	Cuốn chiếu	195
Cò lạo Ấn Độ	162	Cừu	196

D

Dê	197
Dế chũi	198
Dế mèn	199
Diệp lửa	200
Diệp xám	201
Điều ăn rắn	202
Điều cá	203
Điều hầu	204
Điều hoa	205
Điều lửa	206
Điều mướp	207
Dơi	208
Dơi chó	209
Dù di	211
Dúi	211

Đ

Đà điều châu Mĩ	212
Đà điều châu Phi	213
Đà điều châu Úc	214
Đà điều Úc đội mũ	215
Đại bàng	216
Đại bàng đầu trọc	217
Đầu riu	218
Đĩa	219
Đôi mồi	220
Đười ươi	221

E

Én bụng trắng	222
Én bụng xám	223

Ê

Ếch	224
Ếch bốn mắt	225
Ếch cây (Chẫu chàng)	226
Ếch trơn	227
Ếch trun (Ếch giun)	228
Ễnh ương	229

G

Gà	230
Gà chọi	231
Gà đồng	232
Gà gò	233
Gà lôi hồng tía	234
Gà lôi lam mào đen	235
Gà lôi lam mào trắng	236
Gà lôi nước	237
Gà lôi trắng	238
Gà rừng	239
Gà so cổ hung	240
Gà tây	241
Gà tiền mặt đỏ	242
Gà tiền mặt vàng	243
Gấu chó	244
Gấu có túi	245
Gấu ngựa	246
Gấu trắng	247
Gấu trúc (Gấu mèo)	248
Gấu xám	249
Già đẫy Ja-va	250
Già đẫy lớn	251
Gián	252

Giẻ cùi	253	Khỉ đầu chó	282
Giun đất	254	Khỉ đuôi dài	283
Giun đỏ	255	Khỉ đuôi lợn	284
Giun kim	256	Khỉ mặt chó	285
Gỗ kiến	257	Khỉ mặt đỏ	286
Gỗ kiến bụng hung	258	Khỉ mốc	287
Gỗ kiến đầu đỏ	259	Khỉ vàng	288
Gô-ri-la	260	Khủng điểu	289

H

Hà mã	261	Khướu đầu đen	291
Hạc cổ trắng	262	Khướu đuôi đỏ	292
Hạc đen	263	Khướu mỏ dài	293
Hạc trắng	264	Khướu mun	294
Hải âu	265	Khướu vằn đầu đen	295
Hải cẩu	266	Kì đà	296
Hải li	267	Kì đà vằn	297
Hải quỳ	268	Kì lân biển	298
Hải sâm	269	Kì nhông	299
Hến	270	Kiến	300
Hoạ mi	271	Kim tước lông vàng	301

Hoẵng Nam Bộ	272
Hổ	273
Hồng hạc	274
Hồng hoàng	275
Hươu cao cổ	276
Hươu sao	277
Hươu xạ	278

K

Kảng-gu-ru	279
Kền kền	280
Khỉ	281

L

La	302
Lạc đà	303
Le cổ đen	304
Le hôi	305
Le nâu	306
Liều điểu	307
Linh cẩu	308
Linh dương	309
Linh miêu	310
Lợn	311
Lợn biển	312
Lợn rừng	313

Lợn vòi (Heo vòi)	314
Lừa	315
Lửng	316
Lười	317
Lươn	318
Lươn điện	319

M

Mèo	320
Mèo gấm	321
Mèo rừng	322
Mòng biển	323
Mòng két	324
Mòng két mày trắng	325
Mọt ả	326
Mọt bột (Mọt gạo)	327
Mọt gỗ	328
Mối	329
Muối	330
Mực	331
Mực nang	332
Mực ống	333

N

Nai	334
Ngài	335
Ngan	336
Ngan cánh trắng	337
Ngỗng	338
Ngỗng trời	339
Ngựa	340
Ngựa vằn	341

Nhái bay	342
Nhái bén	343
Nhái bén hoa	344
Nhái cây miệng trắng	345
Nhàn biển	346
Nặng	347
Nhện	348
Nhện lông	349
Nhện nước	350
Nhím	351
Nhộng	352
Niệc cổ hung	353
Niệc mỏ vằn	354
Niệc nâu	355
Niềng niềng	356

O

Ó cá	357
Ong	358
Ong bầu	359
Ong gấu	360
Ong mật	361
Ong vò vẽ	362

Ô

Ô tác	363
Ốc	364
Ốc anh vũ	365
Ốc mượn hồn	366
Ốc nhồi	367
Ốc sên	368

P

Phù du	369
Phuồn	370
Phường chèo cánh trắng	371
Phường chèo đỏ lớn	372
Phường chèo má xám	373
Phường chèo xám	374

Q

Quạ	375
Quạ khoang	376
Quạ thông	377
Quắm cánh xanh	378
Quắm lớn	379

R

Rái cá	381
Rái cá lông mũi	381
Rái cá lông mượt	382
Rái cá thường	383
Rái cá vuốt bé	384
Rạm	385
Rắn	386
Rắn biển	387
Rắn cạp nia	388
Rắn cạp nong	389
Rắn hổ mang	390
Rắn hổ mang chúa	391
Rắn nước	392
Rắn ráo	393
Rắn sọc dưa	394
Rắn sọc khoanh	395

Rận	396
Rận nước	397
Rẽ gà	398
Rẽ giun lớn	399
Rẽ giun nhỏ	400
Rẽ giun thường	401
Rệp	402
Rệp cây	403
Rết	404
Rết chân dài	405
Rồng Kô-mô-đô	406
Rồng rộc	407
Rùa	408
Rùa ba gờ	409
Rùa đất lớn	410
Rùa đất Sê-pôn	411
Rùa hộp ba vạch	412
Rùa hộp lưng đen	413
Rùa hộp trán vàng	414
Rùa núi vàng	415
Rùa rặng	416
Ruồi	417
Ruồi giấm	418
Ruồi trâu	419
Ruồi vàng	420

S

Sam	421
San hô	422
San hô cành đa mi	423
San hô đen	424
San hô đỏ	425
San hô trúc	426
Sán	427
Sao biển	428

Sao la	429	Tê giác một sừng	462
Sáo đá	430	Tê tê	463
Sáo đá đầu trắng	431	Thạch sùng	464
Sáo đá mỏ trắng	432	Thần lằn	465
Sáo đen	433	Thần lằn bay	466
Sáo mỏ vàng	434	Thần lằn cá	467
Sáo nâu	435	Thần lằn cổ bạnh	468
Sáo sậu (Cà cưỡng)	436	Thần lằn cổ đỏ	469
Sâm cầm	437	Thần lằn gai	470
Sâu đá	438	Thiên đường	471
Sâu đo	439	Thiên đường đuôi phướn	472
Sâu đục thân	440	Thiên nga	473
Sếu	441	Thiên nga đen	474
Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	442	Thỏ	475
Sò	443	Thỏ rừng	476
Sóc	444	Thú ăn kiến	477
Sóc bay	445	Thú lông nhím	478
Sóc bay sao	446	Thú mỏ vịt	479
Sóc bay trâu	447	Thủy tao	480
Sóc đen Côn Đảo	448	Thủy tức	481
Sóc đỏ	449	Tim vịt	482
Sói	450	Tinh tinh	483
Sói đỏ (Sói lửa)	451	Tò vò	484
Sơn ca	452	Tôm	485
Sơn dương	453	Tôm he	486
Sư tử	454	Tôm hùm	487
Sư tử biển	455	Tôm hùm đỏ	488
Sứa	456	Trai	489

T

Tắc kè	457	Trai ngọc	490
Tắc kè hoa	458	Trai tai tượng khổng lồ	491
Tầm	459	Trăn	492
Tép	460	Trăn đất	493
Tê giác hai sừng	461	Trăn gấm (Trăn hoa)	494
		Trấu	495
		Trâu rừng	496
		Trĩ đỏ (Chim trĩ)	497
		Trĩ sao	498

Triết	499
Trùng đế giày	500
Trùng roi xanh	501
Trùng trục	502
Tu hú	503
Tuần lộc	504

U

Uyên ương	505
-----------	-----

V

Vạc	506
Vạc hoa	507
Vac rừng	508
Ve sầu	509
Vẹt	510
Vẹt đầu hồng	511
Vẹt đầu xám	512
Vẹt Lo-ri châu Úc	513
Vẹt lùn	514
Vẹt má vàng	515
Vẹt mào	516
Vẹt ngực đỏ	517
Vẹt treo đầu xanh dương	518
Vích	519
Vịt	520
Vịt đầu vàng	521
Vịt khoang	522
Vịt mỏ thìa	523
Vịt mỏ vàng	524
Vịt trời	525
Vịt vàng	526

Voi	527
Voi biển	528
Voi ma mút	529
Vòi hương	530
Voọc bạc	531
Voọc đầu trắng	532
Voọc đen má trắng	533
Voọc Hà Tĩnh	534
Voọc mũi hếch	535
Voọc quần đùi trắng	536
Voọc vá	537
Voọc xám	538
Vượn	539
Vượn cáo	540
Vượn cáo đuôi vòng	541
Vượn đen	542
Vượn đen má trắng	543
Vượn đen má vàng	544

X

Xén tóc	545
Xít	546

Y

Yến	547
Yến cầm trắng	548
Yến cọ	549
Yến đuôi nhọn hồng trắng	550
Yến đuôi nhọn lưng bạc	551
Yến hàng	552
Yến hồng trắng	553
Yểng	554
MỤC LỤC	555

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Chịu trách nhiệm nội dung :

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Sách dân tộc
CẦN HỮU HẢI

Biên tập lần đầu và tái bản :

CAO HÒA BÌNH

Biên tập mỹ thuật :

PHẠM NGỌC TỎI

Trình bày bìa :

BÙI QUANG TUẤN

Thiết kế và trình bày sách :

NGUYỄN THANH LONG

NGUYỄN TIẾN DŨNG

Sửa bản in :

PHÒNG SỬA BÀI (NXBGD)

Chế bản :

BAN BIÊN TẬP THIẾT KẾ – MỸ THUẬT (NXBGD)

TỪ ĐIỂN TRANH VỀ CÁC CON VẬT

Mã số : 8T119t8 - CPH

In 10.000 bản (QĐ: 11), khổ 11x18 cm,
tại Cty In Văn Hoá Sài Gòn, số 754 Hàm Tử, Q5-TP.HCM

Số ĐKKH Xuất bản: 06-2008/CXB/108-2007/GD

In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2008.



TÙ ĐIỂN TRANH VỀ CÁC CON VẬT



Giá: 78.000đ

<http://tieulun.hopto.org>